

DEPT. LEGAL  
INDUSTRIE  
N° 50028

Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM

儒 教

# NHO - GIÁO

LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DES HÂN  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DE TAM-QUỐC  
ET DE LỤC-TRIỀU. LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA  
PÉRIODE DE TŨY (SOEI) ET DE ĐƯỜNG (TANG)  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DE TỔNG (SONG)

## QUYỂN III

Tái bản lần thứ hai  
Sửa lại rất cẩn thận  
Nghìn thứ nhất

子曰吾道一以  
貫之(論語)

ÉDITIONS LÊ THẮNG  
Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Coton  
HANOI







M 16778

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

儒 教

NHO-GIÁO

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Người làm sách giữ bản quyền

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

DA CML 50  
MICROFILM  
A/c \_\_\_\_\_ 72



Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM

儒 教

# NHO - GIÁO

LES ÉCOLES CONFUCIÉENNES DE LA PÉRIODE ESS HÂN  
LES ÉCOLES CONFUCIÉENNES DE LA PÉRIODE DE TAM-QUỐC  
ET DE LỤC-TRIỀU. LES ÉCOLES CONFUCIÉENNES DE LA  
PÉRIODE DES TÙY (SOEI) ET DE ĐƯỜNG (TANG)  
LES ÉCOLES CONFUCIÉENNES DE LA PÉRIODES DE TỔNG (SONG)

## QUYỂN III

*Tái bản lần thứ hai*  
Sửa lại rất cẩn thận  
Nghìn thứ nhất

子曰吾道一以  
貫之(論語)

DEPOT LEGAL  
MOSCOU  
№ 30028

BIBLIOTHEQUE  
PIERRE PASQUIER  
87797

ÉDITIONS LÊ THĂNG

Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Coton

HANOI







# TỰ' A

Nho-giáo quyền thứ ba và quyền thứ tư này nói tóm hết các học-thuyết của chư nho kể từ đời Tây-Hán đến hiện thời bây giờ. Trong khoảng hơn hai nghìn năm ấy các học-giả đều lấy tứ Thư và ngũ Kinh làm cốt-tử cho sự học-vấn. Song mỗi thời-đại có một cái học-thuật đặc-biệt và mỗi học-giả theo một cái tôn-chỉ riêng. Vì vậy cho nên cái học của Nho-giáo tuy nói là giản-dị mà kỳ thực rất phồn-tạp. Nếu không thu-thập hết các học-thuyết lại, rồi đem phân-tích ra mà xét cho rõ các mối đồng dị, thì sự học của Nho-giáo thật là khó hiểu đến nơi đến chốn được. Bởi cái chủ kiến ấy cho nên ta chia Nho-giáo ra từng thời-đại, như: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, rồi trong mỗi một thời-đại lại xét xem sự nho-học thịnh suy thế nào và chọn lấy mấy người danh-nho rất chính đáng để làm đại-biểu cho các học-thuyết.

Từ đời Lương-Hán đến đời Lục-Triều, các nho-giả chú-trọng ở huấn-hỗ-học, là cái



học chỉ cốt tìm cho rõ nghĩa từng chữ từng câu trong các Kinh Truyện; tức là cái học chương cú, ít có cái tư-tưởng siêu việt. Tựu trung có những người như Đồng Trọng - Thu, Dương Hùng và Vương Sung, không chịu ở trong cái phạm - vi huấn - hũ, đem cái sở đắc của mình mà đề-xương lên, nhưng cái ảnh-hưởng không biến được cái tư-trào của tục học. Cho nên bước sang đời Tùy, đời Đường, sự học không thay đổi là mấy, mà các học-giả cũng không phát-huy ra được cái học - thuyết nào khác, hỉ chăm chăm theo những lời chú-thích của Hán-nho, tức là cái học chú-sở vậy. Bởi thế, thời bấy giờ về đường văn - chương thì rất thịnh, mà về đường tư-tưởng thì rất kém. Tuy có những danh - nho như Vương Thông và Hàn Dụ, song cũng không nâng cao được cái trình-độ của Nho-giáo.

Vật cùng lúc biến, cái học huấn-hũ và chú-sở của Nho-giáo truyền đến đời Tống, bị cái ảnh-hưởng Lão-học và Phật-học mới biến ra cái học nghĩa lý. Thừa ấy nhờ có những danh-nho như Chu Liêm-khê, Thiệu Khang-tiết, Trương Hoành - cử và hai anh em họ Trình, cho nên phái Lý-học mới thành-lập và cái học của Nho-giáo mới cao lên. Sau lại có bọn Chu Hối-am và Lục Trọng-sơn, mỗi người đứng về một phương - diện, chia phái



Lý-học ra làm hai, là : phái đạo-học và phái tâm-học. Phái đạo-học thì vụ lấy tìm cái lý ở các sự vật, cho nên cái tôn-chỉ là phải cùng lý; phái tâm-học thì vụ lấy tìm cái lý ở trong tâm, cho nên cái tôn-chỉ là phải duy-tinh duy-nhất ở bản tâm.

Cái học bàn về tâm và tính đã do Mạnh-tử phát-huy ra từ đời Chiến-quốc nhưng mãi đến Lục Tượng sơn đời Tống mới lập thành ra một học-thuyết, rồi đến đời Minh có Vương Dương-minh mới thật thịnh-hành. Song về sau vì học-giả trong phái ấy có nhiều người thiên về Thiên-học bên Phật, làm sai mất cái tôn-chỉ của Nho-giáo, cho nên qua sang đời Thanh chư nho có nhiều người lại quay về theo lối Hán-học.

Trong đời Thanh, Nho-giáo chia ra phái Hán-học, Phái Tống-học, rồi đến đời Thanh-mạt, vì có ảnh-hưởng Tây-học lại thành ra phái Tân-học.

Đại để, Nho-giáo biến-thiên hoặc theo Kinh-học, hoặc theo Lý-học, tùy mỗi thời-đại có một cái đặc-sắc và có cái tư-lưỡng cao thấp, thâm thiên khác nhau, nhưng bao giờ cũng có cái kết-quả rất hay về đường giáo-hóa, là gây thành cái nhân-cách rất tôn-qui. Đó là chỗ độc-giả sách Nho-giáo nên chú-ý mà thể-nhận cho rõ.



Sách này làm theo cái mục-đích đã định, là muốn vẽ cho đúng cái chân-tượng của Nho-giáo trải qua các thời đại. Cái mục-đích ấy có đạt tới được hay không, chưa dám nói quyết, nhưng dù thế nào mặc lòng, ta đem tấm lòng thành thực mà thuật lại cái đạo của thánh hiền, để học-giả có thể nhận đó mà kê-cứu, mà phê-bình, cho khỏi sai lầm. Miễn là cái công-phu này có bổ-ích cho sự học của nước nhà được một đôi chút, ấy là cái sở nguyện của ta vậy.

Trần trọng Kim



# NHO - GIÁO

QUYỂN 111

THIÊN 1

HÀN ĐƯƠNG THỜI - ĐẠI

NHO-GIÁO ĐỜI LƯƠNG-HÁN

(202 trước Tây-lich — 220 sau Tây-lich)

## I. — TÌNH-TRẠNG NHO-GIÁO ĐỜI HÁN

Từ đời Mạnh - tử trở đi, Nho - giáo cùng ngang thế - lực với Lão - giáo và Mặc - giáo, rồi đến cuối đời Chiến-quốc, hình-danh-học hay pháp - học hưng - thịnh lên, các nhà có quyền-thế khuynh - hướng về mặt pháp-luật và khinh - bỉ bọn nho - học, thành-thử Nho-giáo mới phải một độ trung-suy. Đến đời Tây - Hán, Nho - giáo mới dần dần tiến lên, có đủ thế - lực át được cả các học - phái khác, và chiếm được cái địa - vị nhất - tôn trong xã - hội Tàu. Kể đến đời Đông - Hán, thì



Nho-giáo cực thịnh, không những là những người Nho-học đều được trọng dụng ở Triều đình, mà đến chỗ dân-gian đâu đâu cũng tôn-sùng Nho-giáo.

Tuy nhiên Nho - học ở đời Lưỡng-Hán bề ngoài thì thật thịnh, mà bề trong thì kém đời trước nhiều. Vì sự học thừa ấy chỉ chú trọng ở lối huấn - hỡ và lối từ - chương mà thôi. Lối huấn-hỡ tuy có cái lợi làm cho nghĩa sách sáng rõ ra, nhưng lại chỉ chăm chăm ở từng câu, từng chữ, mà bỏ mất cái ý nghĩa hoằng - đại. Bởi thế cho nên trong thời ấy không có mấy người học quán-xuyến được cái đạo thâm-viễn của thánh hiền. Cũng vì thế mà Nho-học thừa ấy có phần hoành-bác hơn đời xưa, nhưng lại kém phần uyên-thâm. Đó là cái đặc-sắc của Hán-nho vậy.

**Tình-thế Nho-giáo lúc Hán sơ.** — Nhà Tần mất rồi, trong nước có hai người nổi lên tranh nhau, là Hán-vương Lưu Bang và Tây-Sở-vương Hạng Vũ. Hai người đánh nhau trong năm năm, sau Hán-vương diệt được Tây-Sở, thống nhất thiên-hạ, rồi lên ngôi hoàng-đế, tức là vua Cao-tổ nhà Hán.

Vua Cao - tổ khi mới khởi lên, còn quen cái thói thừa ấy, hay khinh-bi những người nho - học, hơi có việc gì trái ý, thì mắng-nhiếc, gọi là bọn thụ-nho, thậm chí có khi



vứt cả mũ của bọn nho-sinh xuống đất và lại làm cho ô-uế thêm nữa. Cao-tổ thường mắng Lục Giả rằng : « *Nãi công cư mã thượng nhi đắc thiên-hạ, an sự Thi Thư* 乃公居馬上而得天下, 安事詩書 : Ta ngồi trên mình ngựa mà được thiên-hạ, sao phải học Thi Thư ». Tuy vậy, vua Cao-tổ là người có tài trí, biết phân-biệt hiền ngu, cho nên bọn bác-sĩ cũ nhà Tần như Thúc-tôn Thông và bọn nho-sinh như Lục Giả và Lịch Tự-Cơ theo giúp được nhiều việc. Nhất là khi thiên-hạ mới định xong, những người tướng tá phần nhiều là quan võ, vào chỗ triều-đường thường hay tranh cướp nhau ồn-ào, không có kỷ-cương gì cả. Lúc ấy Thúc-tôn Thông mới lục phép-tắc của đời cổ mà đặt ra triều nghi, làm cho tôn-nghiêm ngôi vua và trên dưới có trật-tự. Vua Cao-tổ biết rằng mình có thể ngồi trên mình ngựa mà lấy được thiên-hạ, nhưng không thể ngồi trên mình ngựa mà trị được thiên-hạ, cho nên khi ngài đi qua nước Lỗ, lấy lễ thái-lao tế Khổng-tử. Lệ nhà vua tế Khổng-tử khởi đầu từ đó.

Thủa ấy bọn nho-sinh khỏi được cái khổ đời nhà Tần, nhưng vẫn chưa có thể-lực gì mấy, vì các học-phái khác như Mặc-học, Lão-học và pháp-học còn đang mạnh. Phái Mặc-học thì bỏ mất phần triết-lý và khoa-học mà thiên về mặt nghĩa-hiệp, có bọn hiệp-sĩ



làm đại-biểu. Phái Lão-học thì bỏ mất phần siêu-việt của họ Lão họ Trang mà theo phái thần tiên, gọi là cái học Hoàng Lão (1), có bốn phương-sĩ làm đại-biểu. Phái pháp-học là bốn pháp-lại, đầu lúc ấy không được như đời nhà Tần nữa, song còn được trọng-dụng ở đời. Những học-phái ấy đều tranh nhau chiếm giữ quyền-thế. Và lúc đầu đời nhà Hán những người có địa-vị trọng-yếu ở triều-đình như Tiêu Hà là chân đao-bút-lại xuất thân; Tào Tham và Trần Bình thuộc về phái Hoàng Lão, đều nối nhau làm n tể-tướng giữ triều chính. Bon nho-học thì chỉ có mấy người giữ ch c cố-vấn mà thôi. Ấy là tình-thế của các học-phái lúc Hán sơ là thế.

**Sự thắng-lợi của Nho-giáo.** — Bởi lẽ gì mà cách ít lâu về sau, Nho-học thịnh hành lên được? Xét ra có mấy cái nguyên-nhân làm cho Nho-học được thịnh đạt. Trước hết là do sự sùng-thượng của nhà vua, vì trong cái chính-thể quân-chủ, hễ nhà vua đã sùng-thượng học-thuyết nào, thì cái học-thuyết ấy có thể-lực. Sau là bởi cái tinh-thần của Nho-học, tuy có phần uyên-thâm, nhưng vẫn giản-dị và thiết-thực, thích-hợp với cái tinh-

(1) Hoàng-đế và Lão-Tử. Phái này chuyên trị cái thuật tu luyện để cầu sự trường sinh.



cách của nhân-chúng. Còn các học-phái khác tựu trung cũng có điều khả thủ, nhưng cái chủ-nghĩa, hoặc hoang-đường quá, hoặc lưu-đãng quá, thành ra không có cái cơ-sở vững bền. Xem như phái hiệp-sĩ rất thịnh ở cuối đời Chiến-quốc, tuy có cái đức tốt chống kẻ mạnh, giúp kẻ yếu, nhưng lại ngang-ngạnh hay làm những điều trái phép, thành thử đến khi trong nước đã yên-trị, việc gì cũng có khuôn-phép và trật-tự, thì phái ấy tất phải suy-đời đi. Phái Hoàng Lão lúc đầu được nhà vua trọng-dụng, nhưng cái tôn-chỉ chủ ở sự thanh-tĩnh vô-vi, không thích-hợp với sự thực ở đời, cho nên khi nhà vua đã không ưa nữa, thì cũng không tiến-hành được. Phái pháp-học thì có phần thiết-thực hơn, nhưng lại chỉ chú-trọng sự công-dụng thiên-cận, ít khi nghĩ đến chỗ sâu xa, thành ra cái lợi tuy có, song không được bền.

Phái Nho-học kể vào quãng cuối đời Chiến-quốc thì đã suy lắm, các học-giả có nhiều người hay câu-nệ về những điều lẽ nghĩa hẹp-hòi, và lại có tính nhu-tồn và phiền-phức, cho nên thường bị khinh-bĩ. Tuy nhiên Nho-học vốn có cái chủ-nghĩa rõ-ràng và cái căn-bản vững-vàng, rất lợi cho đời yên-trị, cho nên không những là nhà vua phải trọng-dụng, mà đến chỗ dân-gian ai cũng tôn-sùng. Những người nho-học ai đã có phần sở đắc,



thì cũng trầm-tĩnh, kiên-nhẫn, gây nên cái tiềm-lực rất mạnh. Bởi vậy về sau nhân-tài lũ lượt dấy lên, rồi cố đem bày tỏ cái chủ-nghĩa rất tôn-nghiêm, làm cho Nho-giáo thịnh lên. Đó là cái mãnh-lực ở trong của Nho-giáo vẫn có sẵn, cho nên đến khi gặp được cái cơ-hội ở ngoài giúp cho, thì sự thắng-lợi rất dễ vậy.

Cái cơ-hội ấy lúc đầu còn có sự khó-khăn, nhưng sau gặp ông vua có uy-quyền và quả-quyết tôn-sùng Nho-giáo, thì không còn có ngại trở gì nữa. Sự khó-khăn lúc đầu là khi vua Cao-tô (202-193) mới định xong thiên-hạ, việc chiến-tranh chưa kết hẳn, vậy nên sự cấm học tuy không nghiêm-ngặt như đời nhà Tần, nhưng cái lệnh cấm học vẫn chưa bỏ. Đến đời vua Huệ-đế (194-187) mới trừ cái luật cấm cấp sách đi học, rồi đến đời vua Văn-đế (179-157) mới đặt quan bác-sĩ. Song đến đời vua Cảnh-đế (156-141) lại bị bà Đậu Thái hậu thích cái học Hoàng Lão làm cho những người nho-học phải nhượng bộ. Trong khoảng hơn sáu-mươi năm đầu đời nhà Hán, Nho-học lúc tiến lúc thoái, phải chống giữ với các học-phái khác.

Kể đến vua Vũ-đế nhà Hán, là ông vua có hùng-tài đại-lực và lại sùng-thượng Nho-học. Năm Kiến-nguyên nguyên-niên (140 trước Tây-lich) ngài lên ngôi, liền xuống



chiếu tuyền - cử những người hiền - lương, phương-chính, rồi tự mình ra bài sách cho những kẻ sĩ đã trúng-cử làm. Trong những kẻ sĩ ấy có Đồng trọng Thư ba lần dâng bài đối-sách, đại ý nói rằng nên mở nhà thái-học để huấn - luyện kẻ sĩ trong thiên-hạ, và xin biểu-chương lục-nghe, bài thuật bách gia, phần cái gì không phải ở trong khoa lục nghe là bỏ hết.

Lúc ấy tể-tướng là Vệ Quán tâu xin bãi những người trúng-cử hiền-lương đã chuyên-trì cái học của họ Thân, họ Hàn, họ Tô, họ Trương, cho là những cái học ấy làm loạn chính-trị của nước. Vũ-đế ưng cho.

Vũ-đế lại theo lời đối-sách của Đồng trọng Thư đặt quan ngũ-kinh bác-sĩ và năm-mươi đệ tử để học các kinh, bắt các châu quận mở nhà học nhà hiệu và tuyền-cử những người mậu - tài và hiếu - liêm Ấy là mối khoa - cử khởi đầu từ đó. Đời bấy giờ những người nho-học như Công-lôn Hoảng được cất lên làm tể-tướng, như Tư-mã Trương-Như và Tư-mã Thiên đều nổi tiếng là nhà văn-học và nhà sử-học trứ-danh. Từ đó về sau các học-phái khác tuy này còn, nhưng không có thể-lực gì mấy nữa, mà Nho-học thì thanh ra quốc - gia chiếm giữ cái địa - vị nhất - tôn trong xã-hội vậy.



**Sự mở-mang Nho-học.** — Từ đời vua Vũ-đế nhà Tây-Hán, sự học Nho-giáo càng ngày càng thịnh. Ở chỗ kinh-sư thì nhà vua đặt quan bác-sĩ để dạy năm kinh, và đặt bác-sĩ đệ-tử để chuyên học các kinh. Số bác-sĩ đệ-tử đến đời vua Thành-đế (32-7) tăng lên đến 3.000 người. Kịp khi Vương Mãng cầm quyền, ý muốn thu-phục nhân tâm, cho nên mới mở nhà Minh-đường, nhà Tích-ung, nhà Linh-đài và làm ra hàng vạn gian nhà để cho học-sinh ở.

Đến đời Đông-Hán, vua Quang-vũ trung-hưng lên, đem đô về đóng ở Lạc-dương, lại sửa nhà Thái-học, lập nhà Tích-ung và nhà Minh-đường. Năm Vĩnh-bình thứ hai (56 sau Tây-lich), vua Minh-đế thân đến xem xét ở nhà Tích-ung, có khi vua đến nhà Minh-đường mà gi'ng sách, cho chư-nho đến vấn nạn nhau ở trước mặt vua. Vua Ch rong-đế (76-88) cho chư-nho đến ở Bạch-hồ-quán để xét lại năm kinh. Vào quãng năm Bản-sơ (146) đời vua Chát-đế, những du-học-sinh ở đất kinh-đô có đến hơn 30.000 người. Kể từ xưa Nho-học không bao giờ thịnh như thế.

Ở các châu-quận, thì lúc Hán sơ vào quãng đời vua Cảnh-đế, có những thân-vương như Hà-nam Hiến-vương, Lưu-Đức, rất sùng Nho-giáo, hết sức sưu-tầm những



sách cổ; Hoài-nam-vương, Lưu-An, tuy sùng Lão-học, song các nho-giả ở đất Sơn-đông cũng theo về rất nhiều. Trong đời vua Cảnh-đế lại có Văn Ông làm thái-thủ ở đất Thục, mở nhà học nhà hiệu ở Thành-dò để dạy dân. Về sau vua Vũ-đế mới bắt các châu quận mở nhà học nhà hiệu khắp cả mọi nơi. Đến cuối đời nhà Tây-Hán, tức là vào quãng đầu Tây-lich kỷ-nguyên, thì không những là ở châu quận có nhà học nhà hiệu, mà đến các hương-ấp cũng có nhà trường nhà tự. Ở nhà học nhà hiệu thì học các kinh, ở nhà trường nhà tự thì học sách Hi-u-kinh.

**Cách tuyên cử.** — Cách tuyên-cử ở đời Lương-Hán chia ra làm ba hạng: một là hiền-lương, phương-chính 賢良, 方正; hai là hiếu-liêm 孝廉; ba là bác-sĩ đệ-tử, hay là mậu-tài 茂才. Phép tuyên-cử thì ở các châu quận cử theo nhân số nhiều ít mà cử lên:

Chỗ 10 vạn người trở xuống, thì ba năm cử một người.

Chỗ 20 vạn người trở xuống, thì hai năm cử một người.

Chỗ 20 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử một người.

Chỗ 40 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử hai người.



Chỗ 60 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử ba người.

Chỗ 80 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử bốn người.

Chỗ 100 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử năm người.

Chỗ 120 vạn người trở lên, thì mỗi năm cử sáu người.

Cái số ấy định làm lệ như thế, song chỗ nào không có người giỏi, thì thôi. Ai đã cử người nào là phải chịu trách-nhiệm. Hễ người ứng-cử mà không xứng-đáng, hoặc làm gì bậy, thì người báo-cử phải chịu tội.

Sử gia đời Đông-Hán là Ban Cố 班固 chép rằng : « Từ khi vua Vũ-đế lập quan bác-sĩ coi năm kinh, đặt chức đệ-tử-viên giảng các khoa, thi văn sách, lấy quan-lộc mà khuyến-khích kẻ học-giả, đến năm Nguyên-thủy đời vua Bình-đế (1-5) kể hơn một trăm năm, những người truyền nghiệp học thịnh dần lên, phân ra chi nọ ngành kia rất nhiều. Một kinh giảng đến hơn trăm vạn lời. Những danh-sư có đến hơn nghìn người. Vì là con đường lợi-lộc khiến như thế vậy ». Ấy là nói Nho-học đời Tây-Hán là thế. Đến đời Đông-Hán (25-220), thì Nho-học lại thịnh hơn nữa. Trong triều ngoài dã, đầu đầu cũng sùng thượng Nho-học, và gây thành cái nền văn-hóa rất thịnh ở đời Hán vậy.



## II. — HUẤN - HỒ - HỌC

Nguyên lúc Hán sơ, sách vở mất-mất đi, các học-giả đều chuyên-chú tìm những chỗ sai, chỗ mất, hoặc phải định nghĩa từng chữ, từng câu, cho nên mới thành cái học huấn-hồ 訓誥.

Học huấn-hồ gồm cả sự kinh-học và cái thuyết tai-dị, gây thành cái tinh-thần đặc-biệt của Hán-học.

Từ đời Vũ-đế nhà Hán trở đi, các học-giả học theo những kinh của bọn bác-sĩ nhà Tần truyền lại, gọi là kim-văn 今文. Ngay đời bấy giờ có Lỗ-cung-vương là con Cảnh-đế, tìm thấy một bộ kinh Thư viết bằng cổ-văn, ở trong vách nhà cũ của Khổng-tử. Lúc ấy có Khổng An-Quốc là cháu 12 đời Khổng-tử, đem so với bộ kinh Thư kim-văn, mà soạn lại bộ sách ấy. Từ đó kinh-học thành ra hai phái: kim-văn 今文 và cổ-văn 古文. Phái cổ-văn tuy đến cuối đời nhà Tây-Hán lại có bọn Lưu Hâm 劉歆 đặt ra Thi cổ-văn, Lễ cổ-văn, Xuân-thu cổ-văn, nhưng chớ cho là những sách ấy giả dối không phải đích-xác nguyên-văn của đời cổ. Vậy nên phái cổ-văn không thịnh-hành ở đời Lương-Hán. Về sau đến đời Tam-Quốc, Lục-Triều và đời Tùy, Đường, phái ấy mới có thể lục át được phái kim-văn.



Học kim-văn hay cõ-văn đều theo lối học huấn-hổ cả. Những người học huấn-hổ trứ-danh hơn cả ở đời Tây-Hán, thì có Không An-Quốc 孔安國, và ở đời Đông-Hán thì có Mã Dung 馬融 và Trịnh Huyền 鄭玄 tức là Trịnh Khang-thành 鄭康成.

Những nhà dạy kinh thừa ấy mỗi người dạy một lối. Ai dạy lối nào, thì thầy trò lưu-truyền cho nhau mãi mãi, lập thành ra môn-phái riêng. Ở đời Đông-Hán có người dạy học-trò đông đến năm bảy nghìn người, hoặc đến hàng vạn người. Song phần nhiều các học-giã chỉ bo bo ở chỗ chương-cú, chuộng sự phồn-hoa, chứ không mấy người học về đường tu trí luyện đức. Tuy nhiên Hán-nho rất có công với sự học về việc làm cho hậu-thế biết rõ cái chế-độ và văn-vật đời Tam-Đại, và định rõ nghĩa các sách vở của Nho-giáo, để hậu-nho theo đó mà học-tập. Song cũng vì Hán-nho mà có cái tục thủ-cựu và nệ-cổ, gây thành cái thông-tệ cho học-giã đời sau vậy.

Nho-học đời Lương-Hán lấy kinh Xuân-thu làm cốt. Phạm sự tin-tưởng và sự chính-trị, việc gì cũng lấy nghĩa sách Xuân-thu mà định phải trái. Ngoài sách Xuân-thu và các kinh ra, đại để học-giã theo cái học thượng-lễ và nhất-tôn của Tuân-tử, hơn là theo cái tâm-học của Mạnh-tử. Các học-giã đời Hán lại hay thiên về những điều tai-di.



Đã cho tai-di quan-hệ đến việc người, thì hơi có việc gì cũng lấy âm dương ngũ hành mà xét-đoán. Bởi vậy đời Đông-Hán rất tin sấm-vĩ. Sử chép rằng : Vua Quang-vũ dùng người và làm việc chính-trị, cứ lấy sấm-văn mà quyết. Tin như thế, thành ra sự mê-tin không hợp với nghĩa lý nữa.

Hán - học đã có cái mê - tin ấy và lại chỉ chăm chăm ở chỗ tìm chương trích cú, tìm cái nghĩa vụn-vặt từng chữ, bỏ mất cái ý thâm-viễn hoảng-đại của thánh hiền, cho nên về đường đạo-lý càng ngày càng kém đi. Bởi vậy có nhà luận - giả nói rằng : « Tai-di làm loạn mất cái nghĩa, huấn-hỗ làm loạn mất lời nói ». Cũng vì thế mà Nho-học đời Hán xa cái đạo của thánh-nhân. Ấy là một sự biến-tướng của Nho-giáo trong đời Hán vậy.

**Sự kết-quả của Hán nho.** — Hán nho tuy theo không đúng cái tôn-chỉ của Khổng-học, nhưng nhờ có sự kinh-học mà sau thành ra cái học trọng danh-tiết rất thịnh ở đời Đông-Hán. Lương Khải-Siêu làm sách *Trung-quốc học-thuật tư-tướng biến-thiên sử*, xét đến cái kết-quả của Hán nho, nói rất phải : « Hán nho vốn lấy cái danh-giáo làm mục-đích, cho nên rèn tập liêm - sĩ phương - trực và sùng-thương danh - tiết, lấy đó làm cái gốc công đức và tư đức. Vua Vũ-đế tuy có biểu-chương



lục nghệ, nho sư rất nhiều, nhưng cái nghĩa ấy vẫn chưa thịnh-hành. Cho nên khi Vương Mãng cầm quyền, những kẻ gian-nịnh ca-tụng khắp cả thiên-hạ. Vua Quang-vũ biết rõ cái thói xấu ấy mới tôn-sùng tiết-nghĩa, đôn-đốc mài dũa cái danh-tiết, lay bốn chữ : « Kinh minh hạnh tu 經明行修 : sáng nghĩa kinh sửa cái hạnh », nghĩa là lấy sự có học có hạnh, để làm tiêu-chuẩn cho sự tiến thoái của sĩ-lâm. Bởi vậy trong khoảng hai trăm năm đời Đông-Hán, những điều gọi là nho-hạnh, thấm-thía vào xã-hội, dần dần thành phong-tục. Đến cuối đời Đông-Hán, triều chính mờ-đục, quốc sự càng ngày càng dở, bọn danh-sĩ bị vạ đảng-cổ (1), hoặc người độc

(1) Cuối đời Đông-Hán, việc triều-chính rối loạn, Lý Ưng 李膺 và Trần Phồn 陳蕃 cùng với những danh-sĩ trong nước gây thành cá thanh-nghị rất kịch-liệt, lấy lời trung-trực mà bẻ bắt những người đương-lộ. Những kẻ hào-cường và những công khanh trong triều, ai cũng sợ cái thanh-nghị của bọn ấy. Thừa bấy giờ bọn hoạn-quan mưu sự chuyên quyền mới xui người vu cáo bọn Lý Ưng lập đảng để phỉ-báng triều-dinh. Vua Hoàn-đế bắt bọn Lý Ưng hơn hai trăm người cầm-cổ chung thân, gọi là « đảng-cổ 黨錮 ».

Bọn Lý Ưng tuy phải cầm-cổ, nhưng thanh danh càng cao, thiên-hạ ai cũng trọng, đến khi vua Hoàn-đế mất, vua Linh đế lên ngôi, dùng Đậu Võ làm đại-tướng-quan và bọn Lý Ưng, Trần Phồn làm quan. Trần Phồn mưu với Đậu Võ để giết hoạn-quan, chẳng may sự không thành, đều bị giết đến hơn một trăm người. Hoạn-quan lại bắt giết những danh-sĩ đồng hi với Lý Ưng đến sau bảy trăm người. Sự gọi là : « đảng-cổ chi họa 黨錮之禍 ».



hành, đều thực-tiến những điều nhân nghĩa, bỏ mình không đời cái tiết. Đời loạn mà người giỏi vẫn có nhiều. Người nhường trước, kẻ nhường của, sách sử chép không xuê. Có người ở xa nghìn dặm, kịp đến cứu nạn, hoặc có người nối gót nhau đến phạm oai vua mà can ngăn. Luận-giả cho là: Sau đời Tam-Đại cái phong tục hay không bao giờ hơn đời Đông-Hán »,

Sách Nam-sử của Lý Diên-Thọ 李延壽 chép truyện Nam-triều, trong đời Nam Bắc Triều nói rằng: « Ở đời Hán, kẻ sĩ vụ lấy việc tu thân, cho nên trung hiếu thành tục, đến những kẻ qui-hiền không bởi đó thì không có lối nào khác nữa ».

Cổ Đình Lâm 顧亭林, tức là Cổ Viêm-Võ 顧炎武, một nhà danh-nho cuối đời Minh và đầu đời Thanh, chép trong sách *Nhật-tri-lục* 日知錄 nói về đời Hán rằng: « Ai có danh-vọng thì vua dùng, cho nên người trung-chính liêm-khiết được hiên vinh ở đời; ai bỏ mất danh-vọng thì vua không dùng, những kẻ cậy xa-xỉ tham lợi, thì ở nhà suốt đời, không ai biết đến. Thế mà cũng có một vài bon giả dối, nhưng còn hơn đê thả rong cho người ta ngang-tàng làm điều lợi ». Có chỗ ông lại nói rằng: « Tuy không khiến được người trong thiên-hạ lấy nghĩa làm lợi, nhưng còn khiến được lấy danh làm lợi ».



Xem vậy, thì biết danh-tiết thật là cái kết-quả rất hay của bọn nho-học đời Đông-Hán. Nhờ có cái kết-quả ấy, cho nên mới định được dân chí, và giữ được cái phận vua tôi rất vững bền. Phạm Úy Tôn 范蔚宗 tức là Phạm Việp 范曄, đời Nam-Tống (Nam Bắc Triều) làm bộ *Hậu-hán-thư*, nói ở thiên *Nho-lâm-truyện-luận* rằng: « Khoảng Linh-đế và Hoàn-đế nhà Đông-Hán, quân đạo nhiều điều xấu-xa. Kỷ-cương trong triều càng ngày càng hư-hỏng, cái nền nước vỡ-lở, từ kẻ trung-trì trở xuống chẳng ai là chẳng biết nước sắp mất, thế mà những người bày tôi quyền cường vẫn phải bỏ cái mưu làm sự thoán-đoạt, bậc hào-tuấn chịu khuất giữ cái nghĩa làm kẻ bi-sinh ». Ông lại nói ở thiên *Tá-hùng-truyện-luận* rằng: « Sở dĩ nghiêng mà chưa đổ, lún mà không nát, há lại không phải là cái tâm lực của nhân-nhân quân-tử hay sao? » Đó thật là nhờ cái kết-quả về cái học trọng danh-tiết vậy.

Từ đời Hán về sau cho đến hiện thời, kể hàng hai nghìn năm nay, người Tàu vẫn lấy cái học ấy làm trung-tâm điểm cho sự giáo-dục của quốc-dân. Khi cái nghĩa lý đã thấm-thía vào lòng người ta, những người có học-hạnh thường phải bỏ mình ở trong cái phạm-vi danh-giáo. Ấy là cái học của Nho-giáo đời Hán, dầu không hoàn-toàn thực-hành được



cái đạo của thánh hiền, vì so với cái tôn-chỉ thuần-túy của Khổng-giáo đã kém đi nhiều, nhưng cũng còn gây được cái phong-khí rất hay ở trong xã-hội.

Xét kỹ ra, Hán nho có một điều làm lớn, là từ vua Hán Vũ-đế trở đi, Nho-giáo thành ra cái học-thuyết nhất-tôn, làm cho nhân trí bởi đó mà không tiến-hóa được. Theo cái công-lệ thì bất cứ việc gì, hễ muốn có tiến-hóa tất phải có cạnh-tranh, có so-sánh, rồi cái hay mới hay hơn lên, mà cái dở mới mất dần đi. Nếu chỉ để một cái riêng giữ thế-lực, mà đè nén hết cả, thì cái thần-diệu của thiên-diễn không có nữa. Việc học-thuyết cũng vậy, khi người ta đã bài-truất hết cả các học-thuyết khác, chỉ tôn-sùng có một mà thôi, thì dầu cái học-thuyết ấy hay thế nào rồi cũng hóa dở. Vì rằng nhân trí mà không có cái ngoại-lực kích-thích làm cho nó phải cố gắng đề tiến lên, theo cho đúng sự lưu-hành biến-hóa của thiên-lý, thì dần dần tất là phải ứ-trệ, lâu thành ra hủ bại vậy.

Đạo của Khổng-tử là muốn : « Vạn vật tinh dục nhi bất tương hại, đạo tinh hành nhi bất tương bội » chứ không muốn nhất-tôn. Đó là vì Hán nho theo cái học của Tuân-tử mà làm trái cái tôn-chỉ của Khổng-học. Cái lỗi ấy Hán nho không từ chối được vậy.



## III. — NHỮNG SÁCH CỦA HÁN NHO

Những sách của các nho-giả đời Hán làm ra, nói về Nho-học là :

Tân-ngữ	新語	của Lục Giả	陸賈
Tân-thư	新書	của Giả Nghị	賈誼
Xuân-thu phồn-lộ		của Đồng trọng Thư	
春秋繁露		董仲舒	
Diêm-thiết-luận		của Hoàn Khoan	
鹽鐵論		桓寬	
Thuyết uyên	說苑	} của Lưu Hưởng	劉向
Tân-lự	新序		
Thái-huyền	太玄	} của Dương Hùng	楊雄
Pháp-ngôn	法言		
Luận-hành	論衡	của Vương Sung	王充
Tiềm-phu-luận		của Vương Phù	
潛夫論		王符	
Thân-giám	申鑑	của Tuân Duyệt	荀悅
Trung-kính	忠經	của Mã Dung	馬融
Trung-luận	中論	của Từ Cán	徐幹

Những sách ấy phần nhiều là chỉ nói về đạo - đức và chính - trị, chứ không có mấy quyển có tư-tưởng đặc-biệt.



## THIÊN II

## DANH - NHO ĐỜI LƯƠNG - HÁN

Trong hơn bốn trăm năm đời Lương - Hán, những nhà nho-học có danh tiếng cũng khá nhiều, song xét ra chỉ có Đổng trọng Thư, Dương Hùng và Vương Sung là người có tư tưởng đặc-biệt, đủ làm đại-biểu cho học-thuyết của Nho-giáo trong thời-đại ấy. Đổng trọng Thư chuyên trị sách Xuân-thu theo cái quan-niệm *thiên nhân tương dữ* mà tin những sự tai-di. Người đời thường theo lối học ấy mà truyền mãi về sau. Dương Hùng thì có phần uyên-thâm hơn, hiểu được đến những chỗ huyền-bí của Khổng-giáo. Nhưng vì cái văn của ông khó hiểu và cái học của ông không hợp thời-thượng, cho nên không có mấy người theo. Vương Sung thì nông hẹp hơn, nhưng ông ra sức công kích những sự sai lầm của thế-tục, lấy nghĩa lý mà bài-bác những điều mê-tín của nhân-chúng, thật là một nhà nghị-luận có giá-trị trong Nho-giáo.



Biết rõ cái học của ba người ấy, thì tưởng có thể hiểu được cái tinh-thần của Nho-giáo trong đời Lương Hán-vậy.

### I. — ĐỒNG TRỌNG THƯ

Đồng trọng-Thư 董仲舒 là một nhà nho-học có tiếng ở đời Tây-Hán. Ông người đất Quảng-xuyên, thuộc tỉnh Bắc-bình bây giờ, thừa trẻ học tập kinh Xuân-thu, hết sức tham-khảo các truyện đề cầu lấy phần tinh-vi. Đến đời vua Cảnh-đế, ông làm chức bác-sĩ, buông màn ngồi đọc sách và giảng sách, học-trò ở ngoài màn cứ thứ đệ đến thụ-nghiệp, có kẻ không bao giờ trông thấy mặt. Ông dụng công học rất tinh cần. Sách chép rằng : có khi ba năm mắt ông không ngó ra ngoài vườn. Ông thực-tiến những điều lễ nghĩa, tiến thoái cử-chỉ, hễ điều gì trái lẽ là không làm. Vậy nên những học sĩ thời ấy đều tôn-kính ông là thầy.

Thiên nhân tam sách. — Năm vua Vũ-đế lên ngôi xuống chiếu tuyền cử những người hiền-lương, phương-chính. Ông được trúng cử rồi làm ba bài đối-sách, hậu-thế gọi là : « Thiên nhân tam sách 天人三策 ». Bài đầu đại lược nói rằng :



« Tôi xem quăng trời đất và người quan-hệ với nhau rất đáng sợ vậy. Khi quốc-gia sắp bị hư - hỏng về sự mất đạo. Trời đem tai - biến để trách bảo. Đã trách bảo mà người không biết tự xét, Trời lại đem quái - dị để làm cho sợ hãi. Thế mà người vẫn không biết đổi, thì sự bại vong mới đến. Lấy đó mà xem, thì thấy rõ lòng Trời đối với đấng quân - nhân vẫn có lòng nhân - ái, mà muốn trước ngăn sự loạn vậy. Trừ ra những đời rất vô - đạo, còn thì lòng Trời đều muốn phù - trì mà an - toàn cho cả. Cái việc của người ứng lại với lòng Trời, cốt ở hai chữ « cường miến » mà thôi. Cường là mạnh - mẽ; miến là cố gắng. Cường miến về sự học - vấn thì nghe và thấy rộng, mà biết càng sáng; cường miến về sự hành - đạo, thì được tiến thêm mà thành công to, ấy đều có thể kéo lại những cái sắp mất, nơi đến được những chỗ chưa đến, mà có thành - hiệu lập - tức vậy. Đạo là cái đường theo đó mà thích - hợp với sự trị vậy; nhân nghĩa lễ nhạc đều là cái khí - cụ sẵn của sự trị vậy. Cho nên đấng thánh - vương đã mất, mà con cháu được an - ninh lâu dài đến vài trăm năm, đều là cái công của lễ nhạc - giáo hóa vậy. Đạo nhà Chu suy ở đời vua U vua Lệ, không phải là đạo mất, chỉ vì vua U vua Lệ không biết theo đạo vậy. Đến đời vua Tuyên - vương nhớ đến công - đức tiên - vương đời



trước, dấy lại những điều bỏ, sửa lại những điều tệ, làm cho sáng cái công-nghiệp của vua Văn vua Vũ, đạo nhà Chu lại rục-rỡ dấy lên. Cho nên trị hay loạn, phế hay hưng là bởi người, chứ không phải là trời đã định ra số mệnh mà không đổi lại được. Tôi nghe: mệnh là cái lệnh của Trời, tính là cái chất của sự sinh, tình là cái dục của người. Hoặc sống lâu hay chết non, hoặc nhân-hậu hay bỉ-bạc đều theo ở trong cái khuôn mà thành ra, chứ không phải là có hoàn-toàn sẵn bao giờ. Cho nên vua Nghiêu vua Thuấn làm điều đức, thì dân nhân-hậu mà sống lâu, vua Kiệt vua Trụ làm điều bạo ngược, thì dân bỉ-bạc mà chết non. Người trên hóa người dưới, người dưới theo người trên, giống như đất ở trong khuôn bởi tay người nặn, loài kim ở trong lò bởi tay người đúc, thế chính là cái nghĩa của câu: « *Tuy chi tư lai, động chi tư hòa* 綏之斯來, 動之斯和 ». Vậy đấng vương-giả khi muốn làm cái gì nên tìm cái mạnh-mối ở Trời. Cái to nhất của đạo Trời là âm dương. Dương là đức, âm là hình. Hình chủ về sự sát, đức chủ về sự sinh, cho nên dương thường ở vào mùa hạ, cốt để sinh dục, trưởng dưỡng muôn vật; âm ở vào mùa đông, thu tàng không dùng đến. Thế đủ rõ Trời dùng đức không dùng hình vậy. Đấng vương-giả noi ý Trời



đề làm việc, cho nên dùng đức giáo, không dùng hình; hình không có thể dùng đề trị đời, cũng như khí âm không có thể làm nên một năm vậy. Nay bỏ chức quan coi đức-giáo của tiên-vương, chỉ dùng những kẻ lại chấp pháp, mà muốn đức-giáo khắp bốn bề thì thật là khó vậy. Làm đấng nhân-quân chính lòng của mình trước, đề chính triều-đình; chính triều-đình, đề chính trăm quan; chính trăm quan đề chính muôn dân; chính muôn dân đề chính bốn phương. Bốn phương đã chính thì xa gần không đâu là không chính, mà tà-khí không có thể chen lẫn vào chỗ nào được. Bởi thế âm dương đều mà mưa gió thuận thời, quần sinh hòa mà muôn vật sinh-sản nhiều. Những vật phúc, những điều hay đều đến cả. Nay bề-hạ đức hạnh cao mà ân-trạch hậu, biết sáng mà ý đẹp, thương dân mà mến kẻ sĩ, thật là một vua giỏi, thế mà trời đất chưa ứng, điềm tốt chưa đến, là bởi giáo-hóa chưa dựng, mà muôn dân chưa chính vậy. Muôn dân theo về điều lợi cũng như nước chảy xuống chỗ thấp, nếu không đề-phòng bằng giáo-hóa, thì không sao ngăn được. Vương-giả đời xưa biết lẽ ấy cho nên ngành mặt về đấng nam mà trị thiên-hạ, lấy giáo-hóa làm việc to, đặt nhà thái-học để dạy cả nước, đặt nhà trường nhà tự để dạy chỗ thôn ấp, thăm-thía dân



bằng nhân, mài dũa dân bằng nghĩa, tiết-chế dân bằng lễ, cho nên hình-phạt rất nhẹ mà không ai phạm phép, là vì giáo-hóa lưu-hành, mà phong-tục tốt vậy. Khi bậc thánh-vương nói sau đời loạn, thì quét sạch những dẫu cũ mà bỏ đi hết cả, rồi sửa-sang giáo-hóa mà làm cho tôn-sùng hưng-khởi thêm lên, ví như đàn cầm đàn sắt không kêu thì phải tháo ra mà lên dây lại mới có thể gảy được, làm việc chính-trị mà gặp phải cái chính-trị không thể thi-hành được, thì phải đổi đi mà sửa lại mới có thể trị được. Đời xưa có câu rằng : « Đến vực mà khen cá, thì không bằng trở về mà kết lưới ». Nay đến việc chính mà muốn cho trị, thì không bằng lui mà đổi lại giáo-hóa. Giáo-hóa đời thì có thể thiện-trị. Thiện-trị thì tai hại mỗi ngày một lui, phúc lộc mỗi ngày một đến, cho nên được chịu phúc của Trời mà đức khắp cả quần-sinh vậy ».

Vũ-đế xem bài đối sách ấy rồi, ra bài sách khác. Đồng trọng Thư làm bài thứ hai, đại lược nói rằng :

« Tôi nghe : thánh - vương trị thiên - hạ, người nhỏ thì cho luyện-tập sự học, người lớn thì tùy tài mà dùng, tước lộc để nuôi kẻ có đức, hình phạt để răn kẻ ác, cho nên dân hiểu lễ nghĩa, mà lấy sự phạm-thương làm xấu hổ. Nay bệ-hạ gồm có cả thiên-hạ, trong



bốn bề đều phục theo, thế mà công đức chưa khắp đến trăm họ, là vì lòng vua chưa cố gắng vậy. Tăng-tử nói rằng : « Tôn trọng cái nghe của mình thì cao-minh, thi-hành cái biết của mình thì chính-đại. » Cao minh chính đại không bởi ở đâu, chỉ cốt lòng mình cố đề ý đến mà thôi. Xin bệ-hạ dùng hết những cái đã nghe đã biết, đem bụng thành-thực mà thi-hành, thì có khác gì ba đời Vương ngày trước. Bệ-hạ khuya ngủ sớm dậy, cốt đề cầu hiền cũng là cách dụng tâm của vua Nghiêu vua Thuấn, nhưng vẫn chưa được người hiền, là vì ở trên cầu hiền vốn không lấy gì làm sốt-sắng vậy. Phàm không nuôi kẻ sĩ mà muốn cầu hiền, khác nào như không mài ngọc, mà muốn ngọc đẹp vậy. Cho nên muốn nuôi kẻ sĩ không gì cần bằng lập nhà thái-học. Nhà thái-học là một chỗ quan-hệ đến hiền tài trong nước, mà là cái bản-nguyên của sự giáo-hóa vậy. Xin lập nhà thái-học, chọn thầy giỏi để dạy kẻ sĩ trong nước, thường xét hỏi để biết kẻ có tài, thế thì có thể được người anh-tuấn mà dùng. Quận-thú và huyện-lệnh là chức sự-súy của dân cốt đề vâng ân-huệ và tuyên giáo-hóa cho dân. Chức sự-súy không hiền, thì đức vua không tuyên-bá, và ân-trạch không khắp, đến nỗi âm dương sai lẫn, tà khí đầy lấp, quần-sinh ít thỏa, lễ-dân chưa



yên. Đời xưa người làm quan xứng chức, không phải là nhiều ngày lâu năm. Kẻ tiểu-tài dẫu dùng lâu ngày cũng chỉ ở quan nhỏ, còn bậc hiền-tài dẫu chưa dùng lâu, song có thể dùng làm phụ-tá được ngay. Bởi thế kẻ hữu-ti cố sức, chăm làm sự-nghiệp của mình, mong cho có thành - công. Nay thì không thể, chừa ngày để thăng chức nhỏ lên chức lớn, cho nên liêm-sĩ mậu-loạn, hiền phủ hỗn-độn, là bởi chưa được cái chân-thực vậy. Tội trộm nghĩ nên bắt liệt - hầu và quận - thú, chọn trong kẻ lại người dân, ai hiền thì mỗi năm tiến lên hai người, để làm túc-vệ, và nhân đó để biết tài-năng của các đại-thần, ai tiến người hiền thì được thưởng, ai tiến người không hiền thì phải phạt. Làm như thế thì các chư - hầu cùng các quan nhị-thiên-thạch đều hết sức cố tìm người hiền, và kẻ sĩ giỏi trong thiên-hạ có thể được làm quan để giúp việc vậy. Lại không nên lấy ngày tháng lâu chóng làm công-trạng, cốt xét thực lấy người hiền năng là hơn, lượng tài mà trao cho quan-chức, chọn người có đức mà định ngôi thứ, thế thì liêm-sĩ khác đường, hiền phủ không lẫn-lộn vậy. »

Vũ-đế lại ra bài sách thứ ba, Đồng trọng Thư làm bài đối sách, đại lược nói rằng:

« Tôi nghe : trời là tổ của muôn vật, cho nên che chở bao bọc khắp mọi nơi ; thánh



vương bắt - chước. Trời mà lập đạo, cũng phổ-ái mà không thiên - tư. Mùa xuân là mùa sinh muôn vật của Trời, lòng nhân là lòng yêu muôn vật của vua; mùa hạ là mùa trưởng-thành muôn vật của Trời, đức là nuôi muôn vật của vua; sương lạnh là Trời dùng để tức-sái muôn vật, hình phạt là vua dùng để trừng-phạt muôn dân. Xem thế thì cái trung-triệu của Trời và người là cái đạo của cồ kim vậy. Lệnh Trời gọi là mệnh, mệnh không phải thánh-nhân thì không thi-hành được; chất-phác gọi là tính, tính không phải có giáo hóa thì không nên; nhân-dục gọi là tính, tính không có chế - độ, không tiết-chế được. Cho nên đấng vương-giả nên cẩn-thận noi y Trời để thuận mệnh, dưới chăm dạy dân để nên tính hay; chính cái thích-nghĩ của pháp-độ, biết cái thứ-tự của trên dưới để phòng nhân-dục. Sửa được ba điều ấy thì cái đại bản cất lên vậy. Người chịu mệnh của Trời vốn siêu-nhiên hơn các loài sinh, cho nên Khổng - tử nói rằng: « Tính của trời đất, người quý hơn cả ». Người có hiểu rõ thiên-tính, biết tự mình là quý hơn muôn vật rồi mới biết nhân nghĩa, biết nhân nghĩa rồi mới biết trọng lễ tiết, trọng lễ tiết rồi mới ăn-ở theo điều thiện, ăn-ở theo điều thiện rồi mới vui theo lễ nhạc, vui theo lễ nhạc rồi mới gọi được là quân-tử.



« Tôi lại nghe : góp ít thành nhiều, chứa nhỏ nên lớn, cho nên thánh-nhân đều theo từ cái tối đến cái sáng, từ cái mờ đến cái rõ. Lời nói bởi mình nói ra, không thể dấu được ; việc làm bởi mình làm ra, không thể che được. Ngôn hành quan-hệ một phần lớn ở trong việc trị, người quân-tử có thể lấy ngôn hành mà làm chuyển-động cả trời đất vậy. Cho nên góp hết cái nhỏ là lớn, cần-thận chỗ vi-tế là rõ-rệt ; chứa cái thiện ở thân, cũng như người mỗi ngày một lớn dần mà không biết ; chứa cái ác ở thân, cũng như lửa đốt hao dầu mà không trông thấy. Vì thế mà nhà Đường nhà Ngu sở dĩ được lệnh-danh, vua Kiệt vua Trụ sở dĩ làm cho người ta run sợ vậy. Phàm cái gì có thể làm cho người ta vui mà không loạn, theo mãi mà không chán, gọi là đạo. Đã gọi là đạo thì muôn đời không bao giờ có tẻ, khi nào có tẻ, là sai với đạo vậy. Đạo của Tam-Vương tồ-thuật không giống nhau, không phải là trái nhau, vì là cứu dạt phù suy, gặp phải cuộc biến xui nên như vậy. Cho nên vương-giả có cái danh là cải-chế, mà không có cái thực là biến đạo. Nhà Hạ chuộng trung, nhà Ân chuộng kính, nhà Chu chuộng văn, vì cách chùng-cứu của đời nọ nối đời kia phải dùng thế mới được. Cái gốc lớn của đạo là ở Trời mà ra, Trời không đời thì đạo cũng



không đời, bởi thế vua Vũ nối vua Thuấn, vua Thuấn nối vua Nghiêu, ba bậc thánh cùng nối nhau giữ một đạo, không có cái chính-trị phải cứu-tệ vậy. Bởi đó mà xem, nối đời trị thì đạo giống nhau, nối đời loạn thì đạo khác nhau. Nay nhà Hán nối sau đời đại loạn, tưởng nên bớt ít cái văn của nhà Chu, dùng thêm cái trung của nhà Hạ. Ôi! Thiên-hạ đời xưa cũng là thiên-hạ đời nay, cũng một thiên-hạ, thế mà lấy đời xưa so với đời nay, làm sao lại xa cách nhau lắm thế. Ý giả có điều gì sai với đạo cổ chăng? Có điều gì trái với lý Trời chăng? Trời phú cho muôn vật, cũng có chia ra từng loài mà cho cho có răng-nanh thì bỏ sừng, cho có cánh thì chỉ cho có hai chân, thế là cho phần to thì không được lấy cái nhỏ. Đời xưa những người nào được ăn lộc thì không được dùng sức mà làm việc riêng, không được hành-động mà kiếm lợi, thế cũng là đồng ý với Trời vậy. Nếu thân được vinh-sủng mà ở ngôi cao, nhà được no ấm mà ăn lộc hậu, lại nhân cái thế-lực phú-quí để tranh lợi với dân, thì dân mỗi ngày một mòn sút, dần đến đại cùng, chết còn không tránh, tránh sao được tội. Bởi thế hình-phạt thêm nhiều mà gian-tà cũng lắm vậy. Công-Nghi-tử làm tướng nước Lỗ, thấy nhà mình dẹt lúa, thấy vườn mình trồng rau quí, giận mà nói rằng:



« Ta đã ăn lộc lại cướp cả những lợi của người thợ dệt và người làm vườn hay sao? » Hiền-nhân quân-tử đời xưa ở ngôi cao đều thế cả. Cho nên kẻ ở dưới cho cái nết ấy làm cao mà theo lời dạy, người dân hóa với cái tính liêm ấy mà không tham-bị. Vậy biết rằng : há lại ở ngôi hiền-nhân mà làm việc kẻ thứ-nhân hay sao. Ôi ! Chăm-chăm cầu tài lợi, thường lo thiếu-thốn là cái chí của kẻ thứ-dân ; chăm-chăm cầu nhân nghĩa, chỉ lo không hóa được dân, là cái chí của kẻ đại-phu. Kinh Dịch nói rằng : « Vác đồ mà ngồi trên xe, thì trộm cướp đến ngay ». Nghĩa là nói ở ngôi quân-tử mà làm việc kẻ thứ-dân thì họa-hoạn đến ngay vậy. Muốn ở ngôi quân-tử mà làm việc người quân-tử, nếu lại bỏ cái cách của Công-Nghi-tử làm tướng nước Lỗ, thì không còn có cách nào hơn nữa. Kinh Xuân-thu lấy nghĩa nhất-thống làm tổ, là cái thường kinh của trời đất, cái thông nghĩa của xưa nay vậy. Nay mỗi thầy dạy một đạo, mỗi người bàn một lời, trăm nhà khác phương-thuật, chí-y không giống nhau. Bởi thế, trên không lấy gì giữ mực nhất-thống, pháp-chế thường đời, dưới không biết theo về đâu. Tôi trộm nghĩ : những cái gì không thuộc vào khoa lục nghệ và học thuật của Khổng-tử là đều trừ tuyệt cả, không tịnh tiến. Những cái học-thuyết tà-tích thôi hết, nhiên-hậu thống-kỷ



mới hợp nhất, mà pháp-độ mới rõ-rệt, dân mới biết chỗ mà theo vậy ».

Vũ-đế khen lời đối là phải, cho Đồng trọng Thư làm chức phụ-tướng giúp Dịch-vương trị đất Giang-đô. Dịch-vương là anh Vũ-đế, tính rất kiêu-căng và thích sự vũ-dũng. Đồng trọng Thư đem lễ nghĩa khuyên bảo, Dịch-vương rất lấy làm kính-trọng.

Đồng trọng Thư là người liêm - khiết chính-trực. Thời bấy giờ có Công-tôn Hoảng cũng đọc sách Xuân-thu, nhưng hay chiều đời đề dụng sự, được làm chức Tể-tướng và được phong tước hầu. Ông cho Hoảng a-đua nịnh đời, là kẻ có tội với sách Xuân-thu. Hoảng ghét ông lắm, tìm cách làm hại. Nhân có Giao-tây-vương cũng là anh Vũ-đế, tính rất rộng-dài can-rõ, thường hay giết những quan lại, Hoảng bèn tâu xin Vũ-đế cho ông ra làm tướng giúp Giao-tây-vương, có ý đề Giao-tây-vương giết đi, không ngờ vương vẫn nghe tiếng ông là người hiền, xử-đãi rất trọng-hậu. Nhưng ông ở lâu sợ bị tội, bèn cáo bệnh giải chức về nhà.

Ông làm tướng giúp hai kiêu-vương, lúc nào cũng chính minh mà sai khiến kẻ dưới, ở đâu cũng được yên trị. Kịp khi từ chức trở về, không hỏi đến sản-nghiệp trong nhà, chỉ chăm lo việc giảng học và làm sách. Triều-đình có việc gì quan-trọng thường sai



sứ đến tận nhà bàn hỏi, ông tấu đối điều gì cũng có bằng cứ rõ-ràng.

Những sách của Đồng trọng Thư làm ra về sau mất-mát đi, hiện nay có quyển *Xuân-thu phồn-lộ* và quyển *Đồng-tử văn-tập* truyền ở đời.

*Xuân-thu phồn-lộ*. — Sách *Xuân-thu phồn-lộ* 春秋繁露 không phải là tên sách của Đồng trọng Thư đặt như thế. Theo Hán-thư thì ông làm nhiều sách, gọi là *Ngọc-bôi*, *Phồn-lộ*, *Thành-minh*, *Trúc-lâm* v. v. hơn mười quyển. Những sách ấy về sau thất-lạc đi, đến đời Tùy, Đường, chur nho mới góp nhặt lại, gọi gồm tất cả là *Xuân-thu phồn-lộ*. Song xem sách ấy thấy nhiều đoạn là của người đời sau thêm vào. Tuy nhiên ta có thể xem đó mà nói là cái học của ông chủ ở sách *Xuân-thu*, lấy việc trị thiên-hạ làm cốt-yếu. Vì sách ấy nói về cái chủ-nghĩa tôn-quân quyền, chính danh phận, định thị phi. Từ đời Hán về sau, việc chính-trị ở nước Tàu và ở các nước theo văn-minh Tàu đều theo cái chủ-nghĩa ấy, mà các nhà học-giả thường cũng chuyên-chú cả về mặt ấy.

Đồng trọng Thư theo cái vi ý trong sách *Xuân-thu*, công-nhận cái quan-niệm thiên-nhân tương dữ, nghĩa là Trời và người



quan-hệ với nhau, nhưng ông lại khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa thần-quyền và quyết chắc rằng việc gì xảy ra ở đời là cũng do ý Trời định cả, thậm chí cả cái học của ông hình như gần cái học của Mặc-tử. Bởi ông có sự tin-tưởng như thế, cho nên ông thường lấy âm dương và ngũ hành mà giải-thích những hiện-tượng ở đời.

**Quan-niệm về Trời và người** — Theo cái học của ông, thì người ta sinh ra là gốc ở Trời, Trời là tổ của người. Đây không phải là nói cái nghĩa hình-nhi-thượng, cho Trời là cái lý làm chủ-tể cả vũ-trụ, nhưng nói cái nghĩa hình-nhi-hạ, như ông sinh ra cha, cha sinh ra con vậy. Ông nói rằng: « *Phụ giả tử chi thiên giả, thiên giả phụ chi thiên giả. Vô thiên nhi sinh vị chi hữu giả. Thiên giả vạn vật chi tổ, vạn vật phi thiên bất sinh* 父者子之天也, 天者父之天也. 無天而生未之有也. 天者萬物之祖, 萬物非天不生: Cha là Trời của con, Trời là Trời của cha. Không có Trời mà sinh là chưa có vậy. Trời là tổ của vạn vật, vạn vật không có Trời không sinh » (Thuận - mệnh LXX). Ông cho Trời và người là một dòng - dõi, một khi-huyết, cho nên nói rằng: « *Vi sinh bất năng vi nhân; vi nhân giả thiên giả. Nhân chi vi nhân bản ư thiên, thiên diệc nhân chi tăng*



tổ phụ già 爲生不能爲人; 爲人者天也。人之爲人本於天, 天亦人之曾祖父也: Sinh ra không thể làm người được, làm người là hoàn-toàn như Trời vậy. Người mà làm người là gốc ở Trời, Trời cũng là cụ, ông, cha của người vậy » (Vi-nhân-giả-thiên, XLI).

Người có cái địa-vị tôn-quí hơn cả là bậc vương-giả. Vương-giả là người đứng giữa tham-tán quán-thông cả trời đất và người, cho nên nói rằng: «Đời xưa đặt chữ vẽ ba vạch và số một cái ở giữa là chữ vương 王. Ba cái vạch ngang là biểu-thị Trời, đất và người, cái số ở giữa là biểu-thị cái ý tham thông ba bậc ấy » (Vương-dạo thông tam, XLIV). Bậc vương-giả có cái địa-vị quan-trọng như thế và lại có cái trách-nhiệm rất lớn, không những là đối với người mà thôi, nhưng đối với cả trời đất nữa, cho nên người làm vua phải thận-trọng mà giữ ngôi mình cho xứng-đáng. Bậc nhân-quân một đẳng là tham dữ với trời đất, một đẳng làm cái khu-cơ, nghĩa là cái then cái máy để phát động sự hành-vi trong nước. Cái khu-cơ mà sai một hào ly thì mọi việc hư-hỏng cả. Vậy nên kẻ nhân-quân cần phải «Cần-bản, tương thủy, kính tiếu, thận vi 謹本, 詳始, 敬小, 慎微: Cần cái gốc, rõ cái mối đầu, kính cái nhỏ, thận cái không rõ » (Lập-nguyên-thần, XIX).



Sùng bản. — Phạm việc gì cũng cần phải có gốc có ngọn, người làm vua trị nước phải lấy sự sùng bản làm trọng. Sùng bản nghĩa là sùng thượng cái gốc. Bởi vậy mới nói rằng: « *Phù vi quốc kỳ hóa mạc đại ư sùng bản. Sùng bản tắc quân hóa nhược thần, bất sùng bản tắc quân vô dĩ kiêm nhân; vô dĩ kiêm nhân tuy tuấn hình trọng tru nhi dân bất tòng, thị sở vi khu quốc nhi khí chi giả giả*: 夫爲國其化莫大於崇本. 崇本則君化若神, 不崇本則君無以兼人; 無以兼人雖峻刑重誅而民不從, 是所謂驅國而棄之者也: Phạm làm việc nước thì sự hóa người ta không gì lớn bằng sùng bản. Sùng bản thì việc hóa người của vua nhanh như thần, không sùng bản thì vua không lấy gì mà gồm trị được người; không lấy gì mà gồm trị được người, thì dầu hình-pháp cực nghiêm, chém giết cực nhiều, nhưng dân cũng không theo, ấy là đem nước mà bỏ đi vậy ». — « Cái gốc ở đâu? Trời đất và người là gốc của muôn vật. Trời sinh, đất nuôi, người thành - tựu. Trời lấy hiếu để mà sinh, đất lấy ăn mặc mà nuôi, người lấy lễ nhạc mà thành - tựu. Ba điều ấy hợp thành một thể, hễ thiếu một điều là không được. Không có hiếu để thì không có cái để sinh, không có ăn mặc thì không có cái để nuôi, không có lễ nhạc thì không có thể thành-tựu. Nếu ba cái ấy



mất cả, thì dân hóa ra như đàn hươu nai, cha không khiến được con, vua không khiến được tôi, dầu có thành-quách cũng như không vậy... Bởi thế bậc minh-chủ hiền-quân phải lập giao-tự để thờ Trời và tổ-tiên, làm cho rõ việc hiếu đễ, ấy là phụng thờ thiên bản; cày cấy ruộng, hái dâu nuôi tằm, nhật cỏ bón lúa, mở mang ruộng đất để cho đủ đồ ăn mặc, ấy là phụng thờ địa bản; lập nhà tích-ung và nhà trường nhà tự, sửa việc hiếu đễ kính nhượng, làm cho sáng sự giáo-hóa, lấy lễ nhạc mà cảm nhân chúng, ấy là phụng thờ nhân bản » (*Lập - nguyên - thần*, XIX). Những điều ấy có ý nghĩa rất sâu xa, quan-hệ đến việc chính-trị rất mật-thiết, cho nên vương-giả không dám bỏ trễ vậy.

**Tính tình và tâm.** — Bởi chúng phải phụng thờ nhân bản, cho nên việc trị cần phải chú trọng sự giáo-hóa. Tại sao có sự giáo-hóa? Tại cái tính của người phải có giáo-hóa mới thiện được. Đồng trọng Thư cho Mạnh-tử nói tính thiện là làm, vì hiểu cái danh không đúng. Ông nói rằng « Cái danh do cái thực mà sinh ra, không phải cái thực, thì không thể lấy làm danh được. Danh là cái của thánh-nhân lấy để gọi cho chúng cái thực của vật. Cái danh để mà nói là có cái thực ở đó. Cho nên các điều lờ-mờ mà đem trở lại cho



dúng cái thực, thì cái lờ-mờ lại thành ra sáng rõ. Muốn xét cái cong cái thẳng, thì không gì bằng dùng cái dây; muốn xét cái phải, cái trái, thì không gì bằng dùng cái danh. Lấy cái danh để xét phải trái, cũng như lấy dây mà xét thẳng cong vậy. Xét cái danh cái thực, xem sự hợp sự ly thì biết việc phải việc trái không thể hàm-hồ được. Đời nay không hiểu rõ cái tính, cho nên mỗi người nói một khác. Sao không thử đem cái danh mà so với cái tính... Cái tư - chất tự - nhiên của sự sinh, gọi là tính. Vậy tính là chất. Xét cái chất của tính với cái danh của tính xem có đúng không? Nếu đã không đúng, mà lại còn bảo cái chất là thiện, là tại sao? Cái danh của tính không lia được cái chất, lia được cái chất không phải là tính nữa... Cái để sửa các cái ác ở trong, khiến nó không phát ra ngoài, là cái tâm. Cho nên cái tâm mà thành danh là ở sự sửa vậy. Nếu người ta chịu cái khí, mà không có điều ác, thì cái tâm còn có sửa cái gì nữa?... Ta lấy cái danh của tâm, để được cái thành-thực của người. Cái thành-thực của người có cái tham và cái nhân. Hai cái khí tham và nhân ở thân. Cái danh chữ *thân* 身 lấy ở chữ *thiên* 天 (1). Thiên có khí âm khí dương, thân có tính tham tính nhân. Thiên có cái cấm ở âm

(1) Chữ *thiên* và chữ *thân*, người Tàu đọc hơi giống nhau.



dương, mà thân có sự sửa ở tình dục. Sửa và cấm đều là một đạo vậy. Cấm sự hành động của âm, không được phạm vào mùa xuân, mùa hạ, cái sáng của mặt trăng thường phải lúc khuyết lúc tròn, đó là cái cấm của Trời như thế, sao cái thân lại không bớt cái dục mà khiến cái tình, để ứng với Trời? Cái gì Trời cấm thì thân cấm, cho nên nói rằng: *Thân cũng như thiên*. Cấm cái Trời cấm, không phải là cấm Trời vậy. Như thế thì biết rằng cái thiên-tính không có sự giáo-huấn, thì không sửa được. Xét cái thực để làm danh, thì trong khi không có giáo-huấn, cái tính có sao được thế, nghĩa là có sao gọi là thiện được? Cho nên tính ví như cây lúa, thiện ví như hạt gạo. Hạt gạo ở trong cây lúa, mà cây lúa vẫn chưa toàn là hạt gạo. Thiện ở trong cái tính, mà tính chưa toàn là thiện. Thiện và gạo là của người nôi Trời mà thành ra ở ngoài, chứ không phải ở trong cái của Trời làm ra. Cái của Trời làm ra có chỗ đến mà thôi. Cái thôi ở trong, gọi là thiên tính, cái thôi ở ngoài, gọi là nhân sự... Nay cái tính của vạn dân có cái chất mà chưa có cái biết rõ, ví như mắt nhắm tối mờ, chờ tỉnh ra rồi có day thì sau mới thiện. Còn lúc chưa tỉnh, thì không thể gọi là thiện được. So với mắt lúc nhắm mờ-mịt và lúc tỉnh biết, cùng là một lệ. Ta tỉnh tâm và



thong - thả mà xét, thì hiểu rõ điều đó. Tính và lúc nhắm mắt là việc Trời làm vậy. Bất-chước việc Trời làm, mà khởi cái danh - hiệu lên, cho nên gọi là dân. Chữ dân 民 (1) nói cho phải nghĩa cũng như chữ minh 瞤. Theo cái danh - hiệu mà vào đến lý, thì rõ được nghĩa. Ấy việc chính danh - hiệu là ở trời đất. Cái mà trời đất sinh ra gọi là tính tình. Tính tình cùng với minh là một. Tính cũng là tình. Bảo tính đã thiện, cái tình thì sao? Cho nên thánh - nhân không nói tính thiện, sợ vương cái danh vậy. Cái thân có tính tình cũng giống như trời có âm dương vậy. Nói cái chất của người mà không có cái tình, cũng như nói khí dương của Trời mà không có khí âm vậy. Luận cho đến cùng, thì không lúc nào chịu là phải vậy. Đặt danh cho tính thì không lấy cái trên, không lấy cái dưới, lấy cái giữa mà đặt danh. Tính như con kén, như cái trứng. Trứng đợi ấp rồi mới nở ra con, kén đợi ươm rồi mới thành tơ, tính đợi dạy rồi mới thiện, thế gọi là *chân - thiên* 眞天. Trời sinh ra dân, cho cái tính có thiện chất mà chưa có thể thiện được, rồi vì dân mà lập ra vua để làm cho thiện, ấy là ý Trời vậy. Dân chịu cái tính chưa thiện của Trời

1) Chữ dân tiếng Tàu gọi là *mîn*.



rồi sau chịu sự giáo-huấn của vua. Vua lấy sự vâng ý Trời mà thành cái tính của dân, làm cái trách-nhiệm của mình. Nay ai xét cái chất thực của tính mà bảo tính của dân đã thiện, ấy là mất cái ý của Trời mà bỏ cái trách-nhiệm của vua. Nếu cho cái tính của dân đã thiện, thì bậc vương - giả chịu mệnh Trời, còn có trách-nhiệm gì nữa. Bởi đặt danh không chính, cho nên bỏ cái trọng-nhiệm mà trái cái mệnh lớn, không phải là lời nói để làm khuôn phép... Nay cái tính của vạn dân đợi cái ngoại giáo rồi mới có thể thiện, thì thiện đi với giáo mà không đi với tính. Đi với tính thì có nhiều cái vương mà không tinh, tự nó thành công lấy mà không có thánh hiền. Ấy là sự lầm của những bậc trưởng-giả ở đời, chứ không phải là cái thuật dùng lời trong sách Xuân-thu, không phải là lời nói để làm khuôn phép, và cái thuyết không có chứng nghiệm. Hoặc có kẻ nói rằng : tính có thiện đoan, tâm có thiện chất, thì sao lại không phải là thiện ? Ứng lại rằng : kén có tơ mà kén không phải là tơ, trứng có con mà trứng không phải là con... Tính có thiện đoan, động đến là yêu cha mẹ hơn loài cầm thú thì gọi là thiện, ấy là cái thiện của Mạnh-tử. Theo tam cương, ngũ thường, và suốt cái lý của bát đoan, trung tín mà bác ái, đôn hậu mà hiếu lễ mới gọi là thiện, ấy



là cái thiện của thánh-nhân. Cho nên Khổng-tử nói rằng : « Thiện - nhân, ta không được thấy vậy. Được thấy người có bụng thường là khả vậy. » Bởi đó mà xem, cái mà thánh-nhân chưa cho là thiện, thì chưa dễ đương được vậy. Không phải là thiện hơn cầm thú mà gọi là thiện được. Nếu động đến cái mới mà thiện hơn cầm thú, bảo là thiện, thì thiện sao lại không thấy ? Phàm cái thiện hơn cầm thú mà chưa được gọi là thiện, cũng như thảo mộc mà không được gọi là có trí. Cái tính của vạn dân thiện hơn cầm thú, mà không được danh là thiện, thì biết rằng cái danh thiện là lấy ở thánh - nhân. Cái mà thánh-nhân đã đặt ra, thiên-hạ lấy làm chính. Chính buổi sáng buổi tối thì xem sao bắc - thần. chính cái hiềm - nghi thì xem thánh - nhân. Thánh-nhân cho là cái đời không có vương-giả, cái dân không có giáo-hóa, không đương được cái thiện. Cái thiện khó đương như thế mà bảo cái tính của vạn dân đều đương được là quá vậy. So với cái tính của cầm thú, thì cái tính của vạn dân thiện ; so với cái thiện của nhân đạo, thì cái tính của vạn dân không kịp vậy. Cái tính của vạn dân thiện hơn cầm thú thì cho là được, nhưng so với cái mà thánh-nhân gọi là thiện thì không được. Ta so cái mệnh tính thì khác với Mạnh-tử. Mạnh-tử so xuống với sự làm của cầm thú,



cho nên nói bản-tính đã thiện. Ta so lên với điều của thánh-nhân cho là thiện, cho nên nói tính chưa thiện. Cái thiện cao hơn cái tính, thánh-nhân cao hơn cái thiện. Sách Xuân-thu cho cái nguyên 元 là lớn, cho nên cần-thận ở sự chính-danh. Danh không phải là khởi đầu, thì làm thế nào bảo là chưa thiện hay đã thiện được » (Thân-sát danh-hiệu, XXXV).

Đồng trọng Thư lại nói rằng : « Cái tính của thánh-nhân, không dám gọi là tính, cái tính của cái đẩu cái sọt cũng không gọi là tính được. Tính là nói cái tính của hạng trung-dân... Cái tính ấy phải đợi có giáo-huấn rồi dần dần mới thiện được. Vậy thiện là do sự giáo-huấn mà thành ra, chứ không phải tự cái chất-phác mà đến được... Tính là cái phác-thực của thiện-chất, thiện là sự hóa của vương-giáo. Không có cái chất phác thì vương-giáo không hóa được, không có vương-giáo thì cái chất phác không thể hiện ra được... Bởi cái danh không chính, cho nên không chịu vậy » (Thực-tính, XXXVI).

**Nhân nghĩa.** — Đồng trọng Thư lấy danh thực mà bác cái thuyết của Mạnh-tử, không nhận tính của người là thiện, và ông lại cho ý Trời sinh người ra phú cho cái chất để làm điều thiện, bởi vậy mới sinh ra thánh-



nhân đề theo ý Trời mà dạy người những điều nhân nghĩa. Ông viện cái nghĩa trong sách Xuân-thu mà nói rằng: « Thiên chi vi nhân tính mệnh, sử hành nhân nghĩa nhi tu khả sĩ, phi nhược điều thú nhiên, cầu vi sinh, cầu vi lợi nhi dĩ 天之爲人性命, 使行仁義而羞可恥, 非若鳥獸然, 苟爲生, 苟爲利而已: Trời làm ra cái tính mệnh của người, khiến làm điều nhân nghĩa, mà biết thẹn điều đáng thẹn, không phải như giống chim muông, cầu-thả cầu lấy sống, cầu-thả cầu lấy lợi mà thôi » (Trúc-lâm, III).

Nhân và nghĩa là thế nào? Đồng trọng Thư sở cứ vào cái nghĩa trong sách Xuân-thu và theo cái gốc nguyên thủy của chữ nhân 仁 và chữ nghĩa 義 mà bàn, cho nên ông nói rằng: « Cái trị của sách Xuân-thu là người với ta vậy. Cái mà đề trị người với ta là nhân và nghĩa. Lấy nhân mà yêu người, lấy nghĩa mà chính mình ta. Cho nên chữ nhân mà thành tiếng nói là người vậy, chữ nghĩa mà thành tiếng nói là ta vậy... Mọi người không xét, bèn phản lại, lấy nhân làm sự khoan-khoái, lấy nghĩa mà xử với người, làm làm cái chỗ, mà trái cái lý, như thế mà không loạn là có ít vậy. Bởi thế lấy sách Xuân-thu làm khuôn phép cho nhân nghĩa. Cái khuôn phép của chữ nhân là ở sự yêu



người, không ở sự yêu thân ta; cái khuôn phép của chữ nghĩa là ở sự chính thân ta, không ở sự chính người. Đối với thân ta mà ta không tự chính, thì dầu có chính được người cũng không cho là nghĩa; đối với người mà người không được nhờ cái ơn, thì dầu ta tự ái rất hậu, cũng không cho là nhân » (Nhân-nghĩa, XXIX).

Cái thuyết của Đồng trọng Thư tuy có căn-cứ và phương-pháp, nhưng cái nghĩa chữ nhân hẹp lại, không được rộng-rãi như cái nghĩa của Khổng-tử và Mạnh-tử đã dùng. Và lại, phạm những ý nghĩa của các văn-từ thường hay thay đổi tùy cách lập ngôn và cách định nghĩa của thánh hiền. Nếu ta cứ lấy cái nghĩa thái-cồ mà nói rằng về sau thánh hiền đều dùng như thế cả, thì e không đạt được cái học của thánh hiền. Khổng-tử nói rằng : « *Từ đạt nhi dĩ hĩ* 辭達而已矣 : Lời nói cốt được rõ cái ý thì thôi » (Luận-ngữ, Vệ Linh-công, XV). Câu ấy chính là cái ý của Ngài không muốn người ta nệ về văn-từ mà bỏ mất nghĩa lý. Thiết tưởng đây là một điều sở kiến của Đồng trọng Thư mà thôi, chứ vị tất đã đúng cái nghĩa của thánh hiền.

**Nghĩa và lợi.** — Đồng trọng Thư cho Trời sinh ra người, đã phú cho cái tính, tuy chưa là thiện, nhưng đã có cái mối ưa điều



nghĩa, cho nên ông nói rằng: «Phàm nhân chỉ tính, mặc bất thiện nghĩa, nhiên nhi bất năng nghĩa giả, lợi bại chi giả. Cổ quân-tử chung nhất ngôn bất cập lợi, dục dĩ vật ngôn, qui chi nhi dĩ 凡人之性, 莫不善義, 然而不能義者, 利敗之也. 故君子終日言不及利, 欲以勿言, 愧之而已: Phàm cái tính của người ta là sao chẳng ưa điều nghĩa, song không làm được điều nghĩa là cái lợi làm hỏng vậy. Cho nên quân - tử suốt ngày không nói đến điều lợi, muốn không nói đến, là cho làm xấu đó mà thôi » (Ngọc-anh, IV).

Cái học của Đồng trọng Thư chủ lấy cái nghĩa làm trọng hơn cái lợi. Cho nên khi ông làm tướng giúp Địch - vương ở đất Giang-đô, Địch - vương (1) hỏi rằng: «Việt - vương Câu Tiễn cùng với các quan đại-phu là Văn Chung và Phạm Lãi lo mưu đánh nước Ngô, rửa cái thẹn ở Cối-kê và lập nên nghiệp bá. Về sau Phạm Lãi bỏ đi, Văn Chung thì chết, quả - nhân cho Việt - vương Câu Tiễn, Văn Chung và Phạm Lãi là ba người nhân, ý ông thế nào? » — Đồng trọng Thư thưa rằng: «Ngày xưa vua nước Lỗ hỏi Liễu Hạ-Huê về việc đánh nước Tề. Liễu Hạ-Huê nói: Không nên. Đến lúc lui ra, mặt có sắc buồn,

(1) Sách Xuân-thu phần-lộ chép là Giao-tây-vương.



nói rằng : « Ta nghe : mưu việc đi đánh nước người, không hỏi đến người nhân, sao lại đem việc ấy hỏi ta ». Mới hỏi đến, mà đã lấy làm thẹn, huống chi lại cùng làm điều giả-dối để đánh nước Ngô hay sao ? Như thế thì một người nhân, nước Việt cũng không có, sao lại có ba người nhân được. Phàm người nhân thì chính điều nghĩa chẳng mưu điều lợi, sáng cái đạo chẳng kể cái công (phù nhân nhân giả, chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kể kỳ công 夫仁人者, 正其誼不謀其利, 明其道不計其功) (1), làm sự vô vi mà tập tục hóa khắp cả, thì mới gọi là bậc nhân, bậc thánh vậy. Bậc Tam Vương là thế. Cái nghĩa kinh Xuân-thu là quý điều nghĩa, khinh điều dối. Dối người mà được, tuy có công, bậc quân-tử không làm vậy. Cho nên cửa đức Trọng-Ni đưa học-trò bé nhỏ nói đến năm đời Bá là lấy làm thẹn, vì những đời ấy dùng cái trá-lục mà thành công, làm việc cầu-thả mà thôi, bởi vậy không xứng ở cửa bậc đại quân-tử ».

Hậu nho truyền tụng câu : « Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kể kỳ công », cho là rất có giá-trị. Song phải biết rằng Đông

(1) Có bản chép là : « Nhân nhân giả chính kỳ đạo, bất mưu kỳ lợi, tu kỳ lý bất cấp kỳ công 仁人者正其道不謀其利, 修其理不急其功 : Người nhân, chính cái đạo chẳng mưu cái lợi, sửa cái lý chẳng vội cái công.



trọng Thứ không có ý bảo người ta không cần đến cái lợi, vì có cái lợi mới nuôi được thân, nhưng phải đề cái nghĩa lên trên cái lợi. Ông nói rằng: «Trời sinh ra người, khiến người sống ở cái nghĩa và cái lợi. Lợi để nuôi thân-thể, nghĩa để nuôi cái tâm. Tâm không có nghĩa, không thể vui được. Nghĩa là cái nuôi của tâm, lợi là cái nuôi của thân-thể. Thân-thể không có gì quý bằng cái tâm, cho nên cái nuôi không gì quý bằng cái nghĩa. Cái nghĩa nuôi người ta sống, lớn hơn cái lợi. Sao mà biết? Nay có người lấy cái nghĩa làm lớn hơn, mà rất không có chút lợi nào cả, tuy bản và tiện cũng còn cho việc làm của mình là vinh mà lấy làm thích và vui về sự sống... Có người chỉ đề bụng vào việc lợi mà không có chút nghĩa nào, tuy giàu và sang, thì cũng thẹn nhục về điều làm ác lớn. Cái ác mà sâu, thì cái họa-hoạn nặng, nếu không chết ngay thì cái tội cũng quanh-quần bên mình, thành ra vẫn lo sợ, không thể lấy sự sống làm vui, mà rồi cũng bị chém giết, ấy là cái dân chết non vậy. Thế thì người có nghĩa tuy nghèo mà có thể tự lạc được, và người không có nghĩa tuy giàu mà không giữ được thân. Ta xem đó thì biết thực rằng cái nghĩa nuôi sự sống của người, lớn hơn cái lợi, và hậu hơn của-cái. Người thường



dân không thể biết được và hay làm trái lại, bỏ quên cái lý mà đắm-đuối ở cái tà, dễ hại thân, hại nhà. Như thế nếu không phải là những người ấy tự tính toán cho mình không hết lòng, thì là cái biết của họ không sáng rõ vậy. Nay cầm một nắm quả táo và một nắm vàng đưa cho đứa trẻ con, thì nó lấy táo mà không lấy vàng; hay là cầm một cân vàng với viên ngọc châu đáng giá nghìn vạn đưa cho một người quê mùa, thì người ấy lấy cân vàng mà không lấy viên ngọc. Cho nên vật đối với người, nhỏ thì dễ biết, lớn thì khó thấy. Cũng như lợi đối với người thì nhỏ, nghĩa đối với người thì lớn. Vậy thì không nên lấy làm lạ, khi người thường dân xu - hướng về lợi mà không xu - hướng về nghĩa, bởi cái mờ tối vậy. Việc của thánh-nhân là làm sáng cái nghĩa để soi rõ chỗ mờ tối của người ta, cho nên dân không hăm vào chỗ không hay » (*Thân chi dưỡng trọng ư nghĩa, XXXI*).

Thánh - nhân là người sáng-suốt, biết rõ việc nghĩa việc lợi, dạy bảo nhân - chúng, khiến cho mọi người đều được yên vui mà sinh-hoạt ở đời. Những bậc ấy cầm quyền chính - trị theo nghĩa mà định ra chế - độ, làm cho trên dưới phân - minh, giàu nghèo có trật-tự, trên không tàn-bạo, dưới không lo buồn. Đó là việc trọng-yếu trong việc trị.



**Quan-niệm về chính-trị.** — Đồng trọng Thư lấy ý nghĩa câu : « *Bất hoạn bản nhi hoạn bất quân* 不患貧而患不均 : không lo nghèo, mà lo không đều » (1) của Khổng-tử mà chủ-trương việc chính-trị. Ông nói rằng : « Giàu lớn thì kiêu, nghèo lớn thì lo. Lo thì sinh ra trộm cướp, kiêu thì làm điều tàn-bạo, ấy là cái tình thực của người ta vậy. Bậc thánh là nhân cái tình thực của nhân-chúng, thấy rõ cái chỗ bởi đâu mà sinh ra loạn, cho nên dựng ra nhân - đạo mà phân trên dưới, khiến kẻ giàu thì đủ lấy làm qui mà không kiêu, kẻ nghèo thì đủ nuôi sự sống mà không đến nỗi lo. Lấy đó làm độ mà phân cho đều, ấy là của không thiếu mà trên dưới được yên, cho nên dễ trị vậy. Đời nay bỏ cái chế-độ mà theo lòng muốn. Lòng muốn không có chỗ cùng, mà lại được rộng-dài, thì cái thế không có chỗ cực. Người lớn ở trên thì lo không đủ, kẻ tiểu-dân ở dưới thì khổ-sở, thành ra người gian thì càng ngày càng tham lợi mà không chịu làm việc nghĩa, kẻ nghèo thì càng ngày càng phạm điều cấm mà không thể thôi được, ấy là đời khó trị vậy » (Chế-độ XXVII).

(1). Câu này, sách Luận-ngữ chép : *Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an* 不患寡而患不均, 不患貧而患不安. »



Đồng trọng Thư chủ-trương cái chính sách vương-đạo, trọng nghĩa hơn lợi, cầu lấy trong nước được an-lạc, hơn là cầu lấy phú-cường. Đó là chính hợp với cái chính-trị triết-lý của Nho-giáo.

Đại-đề cái học của Đồng trọng Thư theo cái nghĩa trong sách Xuân-thu, có nhiều điều uyên-thâm, gây ra cái nền luân-lý cao-thượng và cái học chuộng danh-tiết ở đời Lưỡng-Hán. Ông lại hiểu rõ cái vi ý của Khổng-tử dùng thần-quyền mà hạn-chế cái thế-lực của nhân-quân. Nhưng vì cái học của ông có thiên về mặt âm dương tai dị, thành ra về sau có nhiều điều mê-tín, rất hại cho sự tiến-hóa vậy.

## II. — DƯƠNG HÙNG

Dương Hùng 楊雄, tự là Tử-vân 子雲, người ở Thành-đô, đất Thục, sinh vào quãng năm Cam-lộ (53 trước Tây-lịch) đời vua Tuyên-đế nhà Tây-Hán và mất vào quãng năm Thiên-phương (14-20) đời Vương Mãng nhà Tân, thọ được hơn 70 tuổi. Thừa nhỏ, ông hiếu-học, không theo lối chương-cú huấn-hỗ, thích tìm cái tư-tưởng sâu-xa. Ông ra làm quan cuối đời Tây-Hán đến chức



hoàng-môn-lang, rồi sau lại làm chức đại-phu trong khi Vương Mãng làm vua.

Lúc đầu ông tập văn-học và ngôn-ngữ, đến khi tuổi đã già, ông chuyên trị triết-học, làm ra sách *Thái-huyền* 太玄 để diễn cái nghĩa hình-nhi-thượng-học, và sách *Pháp-ngôn* 法言 để nói cái nghĩa hình-nhi-hạ-học. Nhưng vì cách lập-ngôn của ông có ý cầu-kỳ, không được tự-nhiên, cho nên văn của ông rất khó hiểu. Cũng bởi thế mà nhiều người không phục, cho là ông muốn lập dị. Song xét kỹ cái học của ông, thì thật có phần rất uyên-thâm, tưởng trong đời Hán không ai hơn được vậy.

**Thái-huyền.** — Những nhà bàn đến sách Thái-huyền đều nói rằng Dương Hùng theo kinh Dịch làm sách ấy. Nhưng xét ra thì không những là ông theo một kinh Dịch mà thôi, ông lại còn tham chước cả với sách *Đạo-đức-kinh* của Lão-tử nữa. Nguyên chữ *huyền* là chữ của Lão-tử thường nói ở *Đạo-đức-kinh*, và ở chương 42, quyển hạ, có câu rằng: «*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật* 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物». Dương Hùng mới nhân chữ *huyền* của Lão-tử mà đặt tên sách của mình, và lấy số một, hai, ba, làm gốc cho sự biến-hóa của trời đất. Bởi



lẽ ấy cho nên nho-giả đời xưa không nhận sách Thái-huyền làm sách của Nho-giáo và cho sách ấy là hạng sách nói về thuật số.

Dẫu chư nho không nhận mặc lòng, sách Thái-huyền là sách nói về đạo-lý rất cao của Nho-giáo và làm một cái bằng chứng tỏ ra là cái học-hình-nhi-thượng của Khổng-tử và cái Đạo của Lão-tử cũng không xa nhau. Chỉ khác có một điều là Lão-tử thì thuần-nhiên bản về Đạo, mà Khổng-tử thì chủ ở sự bản về việc động-tác của Đạo. Hai cái học tuy cùng đồng một gốc mà thành ra khác ngọn vậy.

Nay ta xét xem sách Thái-huyền và kinh Dịch khác nhau thế nào. Hai sách ấy tuy mỗi sách dùng một lối, nhưng cùng đồng theo một lý mà diễn ra. Dịch thì lấy âm và dương làm gốc; Huyền thì lấy một hai ba làm gốc. Dịch có sáu vị, tức là sáu hào, Huyền thì có bốn tầng là phương 方, châu 州, bộ 部 và gia 家. Mỗi gia biến ra 3 thủ 首; mỗi bộ gồm 3 gia, biến ra 9 thủ; mỗi châu gồm 3 bộ, biến ra 27 thủ; mỗi phương gồm 3 châu, biến ra 81 thủ.

Dịch thì mỗi quẻ có 6 hào, hợp làm 384 hào. Huyền thì mỗi thủ có 9 tán 贊, hợp làm 729 tán. Xem vậy, thì thủ cũng tựa như quẻ, mà tán cũng tựa như hào vậy.



Dương Hùng lấy Dịch lý mà tính lịch nghĩa là tính ra ngày tháng và năm. Theo những quẻ trong kinh Dịch, thì quái khí khởi từ quẻ *Trun-y-phu* 中孚, trừ quẻ Chấn, quẻ Ly, quẻ Đoái, quẻ Khảm, là bốn quẻ chính, có 24 hào làm chủ 24 khí, còn thừa 60 quẻ, thì mỗi quẻ là 6 ngày 7 phân, nhân ra là 365 ngày và một phần tư ngày. Hào sơ cửu dưới cùng quẻ *Trung-phu* là lúc đầu đông-chí; hào thượng-cửu quẻ *Di* là cuối tiết đại-tuyết. Hết vòng lại trở lại.

Huyền thì có 81 thủ, mỗi thủ có 9 tán, tất cả là 729 tán. Hai tán hợp làm một ngày, tức là một tán thuộc về ngày, một tán thuộc về đêm. Tính ra thì có 364 ngày rưỡi. Vậy nên phải thêm hai tán *Cơ* 蹇 và *doanh* 瀛, để cho thành ra 365 ngày và một phần tư ngày. Tán sơ-nhất của thủ *trung* 中 là lúc đầu đông-chí, tán *cơ* và tán *doanh* là cuối đại tuyết. Hết vòng lại trở lại. Xem như thế thì các thủ của sách *Huyền* đều lấy sự chia khí của các quẻ trong kinh Dịch làm thứ-tự.

Dương Hùng nói ở mục *Huyền-đồ*, trong quyển *Thái-huyền đồ-cáo* rằng: « *Huyền hữu nhị đạo*: nhất dĩ tam khởi, nhất dĩ tam sinh. *Dĩ tam khởi giả*: phương, châu, bộ, gia, gia. *Dĩ tam sinh giả*: tam phân dương khí, dĩ vi tam trùng, cực vi cửu doanh. Thị vi đồng bản lý mặt, thiên địa chi kinh giả 玄有二



道：一以三起，一以三生。以三起者：方州部家也。以三生者：參分陽氣，以爲三重，極爲九營。是爲同本離末，天地之經也：Huyền có hai đạo : một là lấy ba mà khởi, một là lấy ba mà sinh. Lấy ba mà khởi là : phương, châu, bộ, gia. Lấy ba mà sinh là chia khí dương ra làm ba, chông lên ba lần, đến chín doanh là cùng-cực. Ấy là đồng gốc mà chia ngọn, đạo thường của trời đất vậy ».

Đại ý là Dương Hùng cho đạo trời đất ở trong lịch số, xoay vần biến đổi, nhưng không bao giờ ra ngoài cái huyền-lý được.

**Huyền.** — Huyền là gì ? « *Huyền giả thần chi khôi giả. Thiên dĩ bất kiến vi huyền, địa dĩ bất hình vi huyền, nhân dĩ tâm phúc vi huyền* 玄者神之魁也。天以不見爲玄，地以不形爲玄，人以心腹爲玄 : Huyền là đầu của thần. Trời lấy không thấy làm huyền, đất lấy không hình làm huyền, người lấy tâm-phúc làm huyền » (*Huyền-cáo : Thái-huyền đồ-cáo, X*). Theo cái ý ấy, thì huyền là cái bản-thể của vũ-trụ, mà người và vũ-trụ cùng đồng một thể cả. Ấy là hợp với cái thuyết « thiên địa vạn vật nhất thể » của Khổng-giáo vậy.

Huyền của Dương Hùng tức là Đạo của Lão-tử, thần-diệu, linh-hoạt vô cùng. Dương



Hùng giải rõ cái bản tinh của Hnyên ở mục *Huyên-lý*, quyển *Thái-huyền* thứ VII, rằng : « Đạo huyền là đạo mở ra muôn loài ở trong chỗ u-vi mà không ai biết được rõ hình trạng : Nhào nặn cái hư-vô mà đặt ra khuôn, mở rõ cái thần-minh mà định ra bằng cứ, thông đồng cổ kim để mở các loài, xếp đặt âm dương mà phát ra thành khí. Một chia một hợp, trời đất đủ vậy. Trời và mặt-trời đi quanh, cương nhu tiếp nhau. Trời và mặt-trời đi rồi quay về chỗ cũ, chung thủy định vậy. Một sống một chết tính mệnh rõ vậy.

« Ngưng xem tượng trời, cúi xem tình vật, xét tính biết mệnh, tìm được lúc đầu, thì thấy lúc cuối. Ba nghi (trời, đất và người) cùng theo một đường, dây mỏng sát với nhau. Cái gì tròn thì lăn-lộn, cái gì vuông thì đứng chịt, cái gì thời thì lưu thông, cái gì ngậm thì đông dẫn, cho nên đóng khắp trong vòng trời gọi là vũ 宇, mở khắp cả vũ gọi là tru 宙.

« Mặt-trời, mặt-trăng đi lại, một rét một nóng. Luật (1) để mở muôn vật, lịch để biên thời-tiết. Đạo luật và lịch giao với nhau,

(1) Luật là mười-hai luật : Hoàng-chung 黃鐘, Thái-thốc 太簇, Cô-tây 姑洗, Di-lân 蕤賓, Di-tắc 夷則, Vô-dịch 無射, là sáu luật dương. Đại-lữ 大呂, Giáp-chung 夾鐘, Trưng-lữ 中呂, Lâm-chung 林鐘, Nam-lữ 南呂, Ứng-chung 應鐘, là sáu luật âm.



thánh - nhân lấy đó làm mưu, nghĩa là lấy làm việc của mình làm. Ban ngày là hơn, ban đêm là kém. Một ngày một đêm, âm dương chia khác. Đạo đêm cực âm, đạo ngày cực dương. Con đực, con cái, theo nhau hợp lẽ chính, thì đạo vua tôi cha con vợ chồng, biền biệt rõ ra. Cho nên mặt-trời động từ đằng đông, trời động ở đằng tây. Trời và mặt-trời đi chéo nhau. Âm dương thay đổi đi quanh, sống chết cùng giao, muôn vật bèn mắc vào. Vậy đạo huyền là thu hết sự hợp trong thiên-hạ mà liền làm một. Lấy loài mà ghép, lấy phép mà chiêm-nghiệm, rõ được cái mờ cái tối của thiên-hạ, là chỉ ở đạo huyền vậy...

«Trời đất thiết-lập ra, cho nên qui-tiên có thứ-tự; bốn mùa đi lại cho nên cha con nối nhau; luật lịch bày ra, cho nên vua tôi trị; thường và biến thay đổi, cho nên muôn vật biệt; chất và văn hình ra, cho nên hữu và vô sáng; cát và hung hiện ra, cho nên hay và dở rõ; hư và thực thay đổi, cho nên muôn vật mắc vào. Dương không đến cực thì âm không nảy mầm ra; âm không đến cực, thì dương không nảy mầm ra. Rét đến cực thì sinh nóng, nóng đến cực thì sinh rét. Duỗi là để co, co là để duỗi. Khi động thì ngày ngày đặt ra cái chưa có, mà thích cái mới; khi tĩnh thì ngày ngày giảm những sự



hành-vi, và bớt những cái đã thành-lập. Cho nên tính từng khắc, từng giờ, so với bóng mặt-trời, xoay cái thứ-tự của bốn mùa, chuyển đạo của trời đất, làm rõ cái hình không trông thấy được, rút cái đầu mỗi không rút được, đề cùng liền với muôn loài vậy. Khi lên treo trên trời, khi xuống chìm đáy vực, nhỏ lọt vào khe thật bé, rộng bực hết cả bờ cõi. Đạo huyền chơi ở chỗ mờ mịt mà mức cái đầy, còn cái còn, mất cái mất, mờ cái mờ, sáng cái sáng, đầu cái đầu, cuối cái cuối. Cái gì gần đạo huyền, thì huyền cũng gần, cái gì xa đạo huyền, thì huyền cũng xa. Vì như trời mờ mờ vậy, đông tây nam bắc mặt nào ngừng lên cũng thấy, cúi xuống thì không thấy gì cả. Trời có xa người đâu, tự người xa Trời vậy. Tiết đông-chí nửa đêm về sau là cái tượng gần đạo huyền : tiến mà chưa đến chỗ cực, đi mà chưa đến chỗ đến, hư-không mà chưa đầy, cho nên gọi là gần đạo huyền. Tiết hạ-chí nửa trưa về sau là cái tượng xa đạo huyền : tiến đến chỗ cực mà lui, đi đến chỗ cùng mà trở lại, đã đầy mà voi đi, cho nên gọi là xa đạo huyền vậy...».

Dương Hùng theo Dịch-học lấy sự tiêu trưởng âm dương mà nói lịch-lý để phân-biệt thời tiết và xem sự cát hung. Ông lại có ý đến cái đạo huyền-diệu siêu-việt của Lão-



học và Dịch-học hợp làm một đề gây ra cái mới triết-học của Nho-giáo. Xem những lời ông nói ở trên, thật đáng đề cho học-giả phải ngâm-nghĩ đến chỗ sâu xa. Song chỉ vì ông dùng những văn-từ rất khó-hiểu, thành thử không mấy người xem mà biết hết các ý nghĩa. Bởi vậy có nhiều người chê ông về sự làm sách *Thái-huyền*.

Có lẽ ông muốn rằng: nói việc khó thì phải dùng cách rất khó, để ai thật có tư-cách học được hãy học, mà không thì thôi, hơn là để những người tầm-thường học không hiểu, lại thêm điều hại. Đó là một ý-kiến ta nên biết. Song thiết tưởng rằng điều gì đã huyền-bí, thì huyền-bí hẳn, mà điều gì đã nói ra, thì cần phải cho sáng rõ, mới có thể chỉ-dẫn được người ta. Cũng vì sự khó hiểu mà sách *Thái-huyền* bỏ không ai dùng.

**Giải-trào.** — Khi sách *Thái-huyền* làm xong rồi, bọn học-giả có nhiều người chê cười. Dương Hùng bèn đặt ra một bài gọi là *Giải-trào* 解嘲 để nói rõ cái ý tại làm sao mà ông làm sách *Thái-huyền*. Bài ấy đại-lược nói rằng:

Có người cười Dương-tử học giỏi tài cao, cặm-cui làm bộ *Thái-huyền*, nhiều đến năm nghìn câu, hơn mười vạn tiếng, sâu tới suối vàng, cao ra ngoài trời xanh, to lớn bao hàm



cả nguyên-khí, nhỏ vào lọt những chỗ không thể vào được, thế mà làm quan chỉ đến chức hoàng-môn thị-lang, ý giả có phải là huyền chi chuộng bạch không? Sao làm quan mà chầy-chật thế? — Dương-tử trả lời rằng: Ở đời loạn thì bậc thánh trí rong-ruổi mà không đủ, ở đời trị thì bọn dung-phu nắm dài mà có thừa. Nay ta ở vào đời không có việc gì, thì cái tài cái học của ta đều là vô-dụng cả. Vả ta nghĩ rằng: Cái gì bùng-bùng thì dễ tắt, cái gì âm-âm thì dễ nghỉ, xem sấm, xem lửa, ai chẳng cho là đầy, là nhiều, đến lúc Trời thu cái tiếng của sấm, đất giấu cái nóng của lửa, thì chẳng còn gì cả. Cái nhà cao minh có ma quỷ dòm nom ở bên cạnh để chực làm hại. Vỡ-vé thì hết, lảng-lặng thì còn, ngôi cao thì cả họ nguy, tự thủ thì thân được trọn vẹn. Cho nên biết huyền, biết mặc, là giữ được phần cao của đạo; theo thanh, theo tĩnh là đi chơi chỗ thần-diệu, chỉ có sự tịch-mịch là giữ được cái ở của đạo-đức. (炎炎者滅, 隆隆者絕, 觀雷觀火, 爲盈爲實, 天收其聲, 地藏其熱, 高明之家, 鬼瞰其室, 擢孳者亡, 默默者存, 位極者宗危, 自守者身全. 是故知玄知默, 守道之極, 爰清爰靜, 遊神之庭, 惟寂惟寞, 守德之宅. Viêm viêm giả diệt, long long giả tuyệt, quan lôi quan hỏa, vi doanh vi thực, thiên thu kỳ thanh, địa tàng kỳ nhiệt. Cao



minh chi gia, quý hám kỳ thất. Quốc nô giả vong, mặc-mặc giả tồn, vị cực giả tông nguy, tự thủ giả thân toàn. Thị cổ tri huyền tri mặc, thủ đạo chi cực, viên thanh viên tĩnh, du thần chi đình, duy tịch duy mịch, thủ đức chi trạch).

Đó là nói rút cái đại-ý trong bài Giải-trào là thế. Còn về đường văn-chương, thì bài ấy rất có giá-trị. Lời văn tung-hoành biến-hóa, biện-thuyết pha dạng hoạt-kê, và lại có ý mỉa-mai người đời không biết thời, không hiểu lẽ huyền-bí của trời đất, cứ lấy sự thiên-cận trước mắt mà xét việc cao xa.

**Lời phê-bình sách Thái-huyền.** — Sách Thái-huyền vốn là rất khó hiểu, đến những người danh nho như Tư-mã Quang đời Tống mà còn phải xem mãi mới biết được cái đại ý, cho nên mới làm bài tựa sách ấy mà nói rằng :

« Ta lúc ít tuổi vẫn nghe tên bộ sách Thái-huyền mà không được trông thấy, chỉ xem bài tựa của Dương-từ khen bộ Thái-huyền rất hay. Xem đến truyện của Ban Cố làm, thì thấy chép : Lưu Hâm xem bộ Thái-huyền bảo Dương Hùng rằng : « Chỉ làm mất công khó nhọc, đời này học-giả vì lợi-lộc mà phải học, song kinh Dịch còn không hiểu, thì bộ Thái-huyền để làm gì. Tôi sợ đời sau dùng



đề bọc lộ tướng vậy. » Dương Hùng cười mà không đáp lại. Chư nho có chê Dương Hùng không phải thánh-nhân mà làm kinh, cũng như vua nước Ngô, nước Sở đời Xuân-thu, tiếm hiệu xưng vương, nghĩa là khép Dương Hùng vào cái tội đáng tru-phạt và đáng cự-tuyệt ở trong Xuân-thu vậy.

« Ban Cổ nói thế, tuy không có ý cười nhạo Dương Hùng như Lưu Hâm, song cũng không phải là khen bộ Thái-huyền. Ý riêng ta cũng lấy làm lạ rằng: Sao Dương-tử không tán thêm kinh Dịch, mà lại biệt làm ra sách Thái-huyền. Cái uân-bí của Trời và người đến đạo Dịch là đủ rồi, Dương-tử còn làm thế nào hơn được nữa, mà lại làm thêm ra một quyển sách. Vả quyển sách ấy dùng để làm gì? Đến lúc lớn lên, học Dịch thấy u-áo khó hiểu quá, bèn nghĩ đến bộ Thái-huyền là của người hiền làm ra, thì nghĩa và văn chắc dễ hơn kinh Dịch. Phàm lên núi cao thì phải trèo qua gò đống, ra biển khơi thì phải đi từ sông Giang, sông Hán, ta bèn lập ý đọc bộ Thái-huyền để tiến dần đến kinh Dịch, họa may mới hiểu được kinh Dịch chẳng. Bảy giờ tìm kiếm bộ Thái-huyền hằng năm mới được. Lúc mới đọc mở-mật rồi-rit, sau cố nghiên-mài, nghĩ-ngợi, bỏ cả công việc mà đọc. Đọc đến vài mươi lần, so-sánh đầu đuôi, mới hiểu được đại khái,



bèn bỏ sách xuống mà than rằng: Dương-tử thật là bậc đại nho vậy thay! Sau Khổng-tử mà biết được đạo của thánh-nhân, không phải Dương-tử lài ai? Mạnh-tử và Tuân-tử còn không đủ sánh, huống chi người khác. Xem sách Thái-huyền, chiêu-hiệu thì hết việc người, u-ần thì hết việc thần, lớn thì bọc cả vũ-trụ, nhỏ thì vào đến cái lông cái tóc, hợp đạo thiên địa nhân làm một, tóm thừa gốc rễ, bảo cho người biết chỗ bởi đâu mà ra, thai dục muôn vật, gồm làm mẹ tất cả, như đất ta đi mãi mà không cùng, như bể ta múc mãi mà không hết. Đạo thiên-hạ đâu có đạo nào hay nữa, cũng không đem ra mà thay đạo này được. Xét về lúc trước hỗn nguyên, đạo huyền đã sinh rồi, xét về đời này, đạo huyền không phải là không thi-hành được, cho đến cái cực tế-mạt của trời đất, đạo huyền cũng không thể mất, so đến tình của muôn vật, thì đạo huyền cũng không sót, dò đến trạng của qui-thần, thì đạo huyền cũng không trái, khớp với lời nói ở lục Kinh, thì đạo huyền cũng không sai. Giả sử thánh-nhân sống lại, đọc đến sách Huyền chắc vui mà cười, cho là hiểu được lòng mình vậy. Thế mới biết sách Huyền cốt để tán thêm nghĩa kinh Dịch, chứ không phải là làm đề tranh với kinh



Dịch. Sao Lưu Hâm và Ban Cố biết sách Huyền nông, mà bắt lỗi sách Huyền sâu vậy?

« Có người nói rằng : phép kinh Dịch khác với sách Thái-huyền, Dương-tử không theo Dịch mà tự đặt ra pháp chế, thì sao lại cho là tán kinh Dịch ? Và lại đã đồng đạo với Dịch, thì đã có kinh Dịch rồi, còn làm sách Thái-huyền để làm gì ? — Trả lời rằng : Đi săn là cốt để bắt được chim. Chăng lưới mà bắt được, cùng với đánh dò mà bắt được, có khác gì nhau. Làm sách là vi đạo : Dịch là lưới, Huyền là dò. Đã chăng lưới lại đặt dò để giúp thêm vào, thì có gì là hại ? Người câu đạo như thế cũng câu-chấp quã. Và Dương-tử làm sách Pháp-ngôn để chuẩn sách Luận-ngữ, làm sách Thái-huyền để chuẩn kinh Dịch, không bỏ Pháp-ngôn mà muốn bỏ Thái-huyền, há không phải là làm ru !

« Ôi ! Pháp-ngôn với Luận-ngữ không khác nhau, thì Thái-huyền với Dịch cũng thế. Nhà lớn sắp đổ, một cây gỗ chống sao bằng nhiều cây gỗ chống, còn vững hơn. Đạo lớn sắp tối, một quyển sách biện-giải, sao bằng nhiều quyển sách biện-giải, còn rõ hơn. Kẻ học-giả nên chuyên tinh được kinh Dịch, thì thật là đủ rồi, song kinh Dịch là trời, mà sách Thái-huyền là cái thang, sao muốn lên trời mà lại bỏ cái thang ? Tiên nho cắt nghĩa sách Thái-huyền đã nhiều, song vẫn



của Dương-tử phần nhiều thuộc về lối huấn-hỗ ý-nghĩa đã sâu-xa, mà sách Thái-huyền lại là thứ văn sâu-xa khó hiểu hơn nữa. Cho nên ta ngờ rằng những lời giải-thích của tiên nho, chưa chắc đã hợp hết bản chí của Dương-tử. Đòi tất có người thông hiểu được văn Dương-tử. Vậy thì ta cứ học sách ấy cho đến già đời ».

Xem bài tựa của Tư-mã Quang thì đủ rõ sách Thái-huyền không phải là sách xem qua mà hiểu được. Vì sách ấy bàn về cái lý cao-viễn, mà phần nhiều những học-giả trong Nho-giáo chỉ chú-trọng phần thiên-cận mà thôi, cho nên mới bỏ sách ấy mà chỉ trọng sách Pháp-ngôn.

**Pháp-ngôn.**— Sách Pháp-ngôn chia ra làm 13 thiên, dùng cách vấn-đáp theo sách Luận-ngũ mà bàn việc đạo-lý thiết-thực. Đối với cái thuyết tính thiện, tính ác, thì Dương Hùng nói rằng: « *Thiên giáng sinh dân, không đồng chuyên mộng, tứ hồ tình tính, thông minh bất khai, huấn chư lý, soạn học hạnh* 天降生民, 罔侗, 顛蒙, 恣乎情性, 聰明不開, 訓諸理, 譟學行: Trời sinh ra người mờ-mịt ngu dại, tự theo tình-tính mà làm, trí thông minh không mở, phải dạy các lễ, đặt ra học-hạnh » (Pháp-ngôn-tự). Ý nói người ta lúc mới sinh ra mờ-mịt không biết



gi cả. Làm gì cũng theo cái bản-năng tự-nhiên mà thôi. Song ở trong người ta có cái huyền, mà cái huyền thì có hai cái động-lực là âm và dương thay đổi nhau, thành ra cái tính. Tính có dạy mới hay được. Cứ cái ý ấy thì ở trong tính có cả phần thiện và phần ác, chứ không phải là thiện hẳn hay ác hẳn. Xem vậy thì Dương Hùng không theo cái thuyết tính thiện của Mạnh-tử và cái thuyết tính ác của Tuân-tử. Ông nói rằng: « Nhân chi tính giả, thiện ác hỗn. Tu kỳ thiện tắc vi thiện nhân, tu kỳ ác tắc vi ác nhân. Khí giả giả, sở dĩ thích thiện ác chi mã giả dư? 人之性也, 善惡混, 修其善則爲善人, 修其惡則爲惡人. 氣也者, 所以適善惡之馬也與: Tính người ta là thiện ác hỗn-hợp. Sửa làm thiện là người thiện, sửa làm ác là người ác. Khi có phải là con ngựa đẽ người ta cưỡi mà chạy thông con đường thiện ác vậy chăng? » (Tu thân, III). Chữ khí của Dương Hùng nói ở đây là nói một thứ năng-lực xung-động tự ở tính mà phát ra. Hễ có ngoại lực cảm-xúc đến, thì cái khí động lên mà thành ra thiện hay ác. Vậy nên việc giáo-hóa cốt ở sự ngự-khí 馭氣, nghĩa là khéo cưỡi được cái khí. Đó là cái căn-bản sự tu-dưỡng của Dương Hùng. Chỉ hiềm ông nói về sự ngự-khí lược qua như thế mà



thời, chứ không bàn cho thật rõ, thành thử người ta vẫn không hiểu hết các ý-nghĩa.

Dương Hùng cho việc tu-dưỡng cốt ở sự học. « Học giả sở tu tính giả, Thị, thính, ngôn, mạo, tư, tính sở hữu giả. Học tắc chính, phủ tắc tà 學者所以修性也. 視, 聽, 言, 貌, 思, 性所有也. 學則正, 否則邪: Học là để mà sửa tính vậy. Trông, nghe, nói, giảng-điều, tư-tưởng, có sẵn cả trong tính. Học thì chính, không học thì tà » (Học-hạnh, I). Vậy có học thì những cái đã có sẵn đó thành ra hay, không học thì thành ra dở. Nhưng ta phải biết rằng học thế nào là hay và thế nào là dở: « Đại nhân chi học vi đạo, tiểu-nhân chi học vi lợi 大人之學爲道, 小人之學爲利: Cái học của bậc đại nhân là vì đạo, cái học của bậc tiểu-nhân là vì lợi » (Học-hạnh, I). Học giả phải cần làm quân-tử, cho nên phải theo cái học của bậc đại-nhân, cốt thực-hành cái đạo, nghĩa là học được điều gì, thì phải làm điều ấy. Vậy nên Dương Hùng nói rằng: « Học, hành chi, thượng giả; ngôn chi, thứ giả; giáo nhân, hựu kỳ thứ giả. Hàm vô yên, vi chúng nhân 學行之, 上也; 言之, 次也; 教人, 又其次也. 咸無焉, 爲衆人: Học mà làm được những điều mình học, là trên cả; nói những điều mình học là thứ; dạy người ta lại là thứ nữa. Ba điều ấy mà không có cả, là làm người



thường » (*Học-hạnh, I*). Ông cho sự học cốt ở việc làm, có làm được, thì rồi mới nói cho người ta nghe được; có nói cho người ta nghe được, thì rồi mới dạy được người ta. Vậy học mà không làm những điều mình học là dở hơn cả.

Cái chủ-đích sự học của Nho-giáo là để sửa mình. « *Tu thân dĩ vi cung, kiêu tứ dĩ vi thì, lập nghĩa dĩ vi đích. Điện nhi hậu phát, phát tất trúng hỹ* 修身以爲弓, 矯思以爲矢, 立義以爲的, 奠而後發, 發必中矣: Sửa mình làm cái cung, uốn cái tứ làm cái tên, lấy sự lập nghĩa làm cái đích. Ngắm cho ngay rồi mới bắn ra, bắn ra tất là phải trúng » (*Tu-thân, II*). Vậy sự sửa mình của người ta trước hết phải lấy việc làm điều nghĩa làm đích. Nhưng làm điều nghĩa mà không có người chỉ bảo cho, thì biết thế nào là nghĩa. Bởi thế cho nên kẻ học-giả phải cần có thầy. « *Vụ học bất như vụ cầu sư. Sư giả nhân chi mô-phạm giã* 務學不如務求師. 師者人之模範也: Cần học không bằng cần tìm thầy. Thầy là cái khuôn phép của người ta » (*Học-hạnh, I*). Có thầy rồi theo cái khuôn phép của thầy mà sửa đổi cái tính tình của mình cho thành người ngay chính. Ấy là việc cốt yếu trong sự học vậy.

Đại phẩm sách *Pháp-ngôn* bàn sự tu-dưỡng, sự học tập cùng việc đạo-đức và việc



chính-sự theo như tôn-chỉ của Nho-giáo. Dương Hùng lại phê-bình các học thuật đời Xuân-thu và đời Chiến-quốc mà chiết trung lấy điều phải điều hay. Thí-dụ như đối với cái học của Lão-tử, thì ông nói rằng: « *Lão-tử chỉ ngôn đạo-đức, ngô hữu thủ yên nhĩ. Cập chùy đề nhân nghĩa, tuyệt diệt lễ học, ngô vô thủ yên nhĩ* 老子之言道德, 吾有取焉耳. 及搥提仁義, 絕滅禮學, 吾無取焉耳: Lão-tử nói về đạo-đức thì ta có lấy vậy. Còn như vứt bỏ nhân nghĩa, tuyệt-diệt lễ học, thì ta không lấy vậy » (*Vấn-đạo, IV*). Xem như thế thì thật là ông không câu-nệ như những nhà học-giả khác.

Nhưng vì người đời không mấy kẻ hiểu được rõ cái học của Dương Hùng và lại nhân cái cớ ông đã làm quan với nhà Hán mà lại ra làm quan với Vương Mãng, cho nên hậu nho lấy điều ấy mà chê ông là không được thuần-chính. Đây ta chỉ xét về đường học-vấn, thì thiết-tưởng trong đời Lương-Hán, có Dương Hùng là người học uyên-thâm hơn cả và hiểu được đến chỗ sâu-xa của Nho-giáo vậy.

### III — VƯƠNG SUNG

Vương Sung, 王充, tự là Trọng-nhâm 仲任, người đất Thượng-ngu, ở quận Cối-kê,



sinh vào năm Kiến-võ thứ ba (27 sau Tây-lịch) đời vua Quang-vũ, mất vào quãng năm Vĩnh-nguyên thứ chín (97) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán, thọ được 70 tuổi. Ông thừa nhỏ học rất thông-minh, sau lớn lên theo học Ban Bưu. Ông nhà nghèo thường đi đến hàng bán sách ở đất kinh-đô Lạc-dương xem hết các sách vở, hiểu rõ các học thuyết.

Tính ông điềm-đam không tham phú-quí, làm chức duyện-công-tào, tức là làm lại, không gặp người cất nhắc cho, cứ giữ chức ti-hạ đến lúc già, mà không hề có xu-nịnh ai để cầu lợi lộc. Ông thường ngồi chỗ vắng-vẽ, khảo-luận sự thực hư rồi làm ra sách Luận-hành 論衡 tất cả là 30 quyển, chia ra làm 85 thiên, và sách Luận-tính 論性 có 16 thiên. Hiện nay chỉ còn có sách Luận-hành truyền ở đời.

Trước khi bàn đến cái học của Vương Sung, ta nên nhắc lại rằng cái học đời Hán rất chú-trọng về những điều tai-đị và sấm-vĩ. Nhất là từ đời Đông-Hán trở đi, tự vua quan cho chí người thường dân, hễ ai có điều gì lạ cũng lấy sấm-vĩ mà quyết đoán. Trong bọn học-giả tuy có những người như Hoàn Đàm 桓譚 thường lấy những điều ấy mà can vua Quang-vũ, cho là không phải cái học của thánh-hiền, nhưng nhà vua lại cho là phi-bàng thánh hiên, không những là không



nghe lời can của Hoàn Đàm, mà lại còn bắt tội. Thế tục mê-tin như vậy, cho nên học-thuật hay có nhiều sự sai lầm.

Lối học thời bấy giờ lại chủ ở lối huấn-hồ hay sùng cồ, việc gì mà thánh hiền đã nói là không ai dám bài-bác nữa. Vương Sung không học theo lối ấy, cứ tự mình lấy nghĩa lý mà suy nghĩ ra, rồi hết sức công-kích những sự mê-hoặc của người đời. Theo như trong sách *Luận-hành* thì đại khái cái học của ông tuy kém phần uyên-thâm và sự tư-tưởng lại không được đúng cái tôn-chỉ của Nho-giáo cho lắm, song cách nghị-luận có phần sáng rõ, có thể ví như những nhà duy-vật-học ngày nay vậy.

**Trời đất.** — Vương Sung cho trời đất là vô vi, cứ tự-nhiên sinh hóa ở trong vũ-trụ, chứ không có ý-chí gì cả. Ông nói rằng: « Trời động-hành là thì cái khí ra. Cái thể động thì cái khí ra và các vật sinh. Như người động cái khí (1) vậy : thể động thì khí ra, và con sinh. Lúc người thì cái khí ra, là không phải để sinh con, nhưng khí đã thì ra thì con tự sinh vậy. Trời động không muốn để sinh vật, mà vật tự sinh, ấy là tự-

(1) Chữ khí ở đây phải hiểu như cái khí của trời đất vậy.



*nhiên*. Thi cái khí ra, không muốn làm các vật, mà các vật tự làm, ấy là *vô-vi*. Bảo trời tự-nhiên và vô-vi là sao? Là khí vậy. Khí là *điêm-đạm*, *vô-dục*, *vô-vi*, *vô-sự* vậy » (*Tự-nhiên*, XVIII).

Trời đã vô-sự, vô-vi, thì tất là không có ý-chí. Tại sao mà biết? Vương Sung lấy người làm tỉ-lệ: « Người ta có ý-chí là vì có miệng có mắt. Miệng muốn ăn, mắt muốn trông. Có cái thị-dục ở trong, phát ra ở ngoài, lấy miệng mắt mà cầu những điều mình muốn, và làm những việc làm thuộc về lợi-dục. Trời không có miệng có mắt, đối với các vật không có mong muốn, thì còn làm làm gì? Tại sao biết Trời không có miệng có mắt? Lấy đất mà xem thì biết. Cái hình-thể của đất vốn không có miệng có mắt, thì biết Trời không có miệng có mắt. Nếu nói Trời có hình-thể, thì chắc cũng giống như hình-thể của đất; nếu nói Trời là khí, thì khí cũng như mây như khói, sao lại có miệng có mắt được. Không có miệng có mắt là không có ý-chí ». Đó là cái đại ý của Vương Sung nói ở đầu thiên *Tự-nhiên*.

Vương Sung theo cái tư-tướng duy-vật, cho nên không nhận có sự *thiên nhân tương dữ*. Ông nói rằng: « Trời cao đến mấy vạn dặm, giả sử người vênh tai lên trời, nghe tiếng nói cách hàng mấy vạn dặm, thì nghe



sao được. Một người ngồi trên lầu cao, trông đàn kiến ở dưới đất không thấy, còn nghe thế nào được tiếng đàn kiến. Tại sao? Tại cái hình thể con kiến nhỏ, mà hình thể người ta lớn, cho nên không đạt được thanh âm không khí vậy. Nay Trời cao không thể lấy lầu đài so-sánh được. Cái hình thể người ta ví với Trời cũng không phải như con kiến ví với người. Nói rằng Trời nghe người nói, rồi tùy điều thiện điều ác mà làm việc cát hay việc hung là lầm vậy... Huống chi Trời và người khác thể nhau, tiếng nói cũng khác nhau. Người không hiểu được việc Trời làm, Trời cũng không biết được việc người làm. Phỏng sử Trời là thể, tai cao không nghe được lời nói của người; phỏng sử Trời là khí, thì khí như mây như khói, nghe thế nào được lời nói của người? Những nhà nói tai-dị nói rằng: Người ta ở trong khoảng trời đất, như cá ở trong nước; người có thể làm động được trời đất, như cá vùng-vẫy có thể rung động được nước vậy. Cá vùng-vẫy mà nước động và khí biến, ấy là không phải sự thực. Giả sử có thật nữa, sự động ấy cũng không thể đến Trời được. Con cá dài độ một thước, vùng-vẫy trong nước chỉ làm rung động được vài thước ở chung quanh mà thôi, còn độ ngoài một dặm thì vẫn im lặng như không. Người ta hành-



động cũng như con cá vùng-vẫy dưới nước, chứ không khác, tức là không cảm-động đến Trời được » (*Biển-hư, IV*). Vậy những nhà nói tai-di, cho là khi nhân-quân thất chính, thì Trời giáng tai-di để khiến-cáo cho biết, là nói càn. « *Phù thiên đạo tự-nhiên giã, vô vi. Như khiến-cáo nhân, thị hữu vi, phi tự-nhiên giã* 夫天道自然也, 無爲. 如譴告人, 是有爲, 非自然也: Đạo Trời tự-nhiên vô vi. Nếu lại khiến-cáo người ta, ấy là hữu vi, không phải tự-nhiên vậy » (*Khiến-cáo, XIV*). Vương Sung cho những nhà học Lão-giáo, bàn thiên đạo nói Trời cứ tự-nhiên, không can-thiệp đến việc người, là đúng sự thực hơn.

**Quý thần.** — Đối với cái quan-niệm quý thần, Vương Sung cũng lấy cái lý đuy-vật mà bàn. Ông nói rằng: Người đời bảo người chết làm quý, có ý-thức và có thể hại được người. Lấy vật loại mà thí-nghiệm, thì người chết không làm quý, không có ý-thức và không hại được người. Vì người là vật, mà vật là vật. Vật chết không làm quý, sao chỉ có người chết lại làm quý? ... Người ta sở dĩ sinh ra là ở cái tinh khí, chết thì cái tinh khí mất. Cái tinh khí có là ở huyết mạch. Người chết thì huyết mạch hết, hết thì tinh khí mất, mất thì hình thể hãm nát, hãm nát



thì thành tro, thành đất, sao còn làm quỉ được. Người không có tai mắt, thì không biết, cho nên người mù người điếc, ví như thảo mộc vậy. Khi cái tinh khí đã xa cách người đi rồi, thì há lại chỉ giống hạng người không có tai có mắt mà thôi hay sao?» (Luận-tử, XX).

Có người nói trông thấy quỉ. Vương-Sung lấy cái nghĩa khoa-học mà đáp lại rằng: «Quỉ không phải là cái tinh-thần của người chết, đó là bởi sự nghĩ tưởng mà thành ra. tại sao? Tại có tật bệnh. Người có bệnh thì lo sợ, lo sợ thì thấy quỉ, vì lo sợ thì tưởng đến, tưởng đến thì không có mà mắt trông thấy. Thí-dụ Bá-Nhạc học xem tướng ngựa, trông cái gì cũng là ngựa cả; Bào-Đỉnh nước Tống học mổ trâu, ba năm không trông thấy con trâu sống, trông con trâu nào cũng là con trâu chết. Đó là bởi dùng cái tinh-thần đến rất mực vậy. Hễ tưởng nghĩ đến là tự trông thấy vật lạ vậy». Ông nói câu này thì thật đúng: «*Phù tư niệm tồn tướng, hoặc tiết ư mục, hoặc tiết ư khẩu, hoặc tiết ư nhĩ. Tiết*

*ư mục, mục kiến kỳ hình; tiết ư nhĩ, nhĩ văn kỳ thanh; tiết ư khẩu, khẩu ngôn kỳ sự.* 夫思念存想, 或泄於目, 或泄於口, 或泄於耳. 泄於目, 目見其形; 泄於耳, 耳聞其聲, 泄於口, 口言其事. Hễ nghĩ tưởng đến thì hoặc bày ra ở mắt, hoặc bày



ra ở miệng, hoặc bày ra ở tai. Bày ra ở mắt, thì mắt trông thấy hình ; bày ra ở tai, thì tai nghe thấy tiếng ; bày ra ở miệng, thì miệng nói ra việc » (*Đinh-qui, XXII*).

Đó là Vương Sung chỉ bác cái thuyết nói quỷ là người chết hóa ra, chứ ông vẫn nhận là có quỷ thần và yêu quái. Ông cho quỷ thần và yêu quái là bởi cái khí thái-dương mà ra. « Thế-gian bảo có yêu quái và quỷ thần, là đều bởi cái khí thái-dương làm ra vậy. Trời có thể sinh được cái thể của người, cho nên có thể tượng được cái hình của người. Người ta sở dĩ sống là có cái khí âm khí dương. Khí âm sinh ra làm cốt nhục, khí dương sinh ra làm tinh-thần. Người ta sống là có đủ khí âm khí dương, cho nên cốt nhục bền, tinh khí thịnh. Tinh khí là cái khôn biết, cốt nhục là sức khỏe, cho nên tinh-thần thì ngôn đàm, cốt nhục thì cố thủ. Cốt nhục tinh-thần hợp lại giữ lẫn nhau, cho nên có thể trông thấy rõ mà không mất. Cái khí thái-dương thịnh, mà không có khí âm, cho nên chỉ có thể làm ra thành tượng mà không có thể làm ra thành hình. Không có cốt nhục mà có tinh khí, cho nên trông thấy thoáng một lúc rồi lại biến mất đi » (*Đinh-qui, XXII*). Đại để là ông cho quỷ thần là tên gọi âm dương mà thôi, chứ không có thể cảm ứng với người và không



có thể làm điều phúc hay điều họa cho người được.

**Sự sinh-hóa và vận-mệnh.**— Đối với sự sinh-hóa trong vũ-trụ, thì Vương Sung cho là : « *Thiên-địa hợp khí, vạn vật tự sinh, do phu phụ hợp khí, tử tự sinh hỹ* 天地合氣萬物自生, 猶夫婦合氣, 子自生矣 : Trời đất hợp khí, vạn vật tự sinh ra, như vợ chồng hợp khí, con tự sinh ra vậy » (*Tự-nhiên, XVIII*). Vạn vật bằm-thụ cái nguyên-khí của trời đất mà sinh ra, cũng như con cá ở dưới nước, con côn-trùng ở trên mặt đất, đều tự-nhiên cả, chứ không phải tại có ý-chí của trời đất định sinh người hay sinh vạn vật.

Các vật sinh ra đều có cái hình tương đương để duy-trì cái khí của mình đã chịu. Cái hình lúc mới thành, đã định trước có cái vận-mệnh và cái tính-chất đặc-biệt. Cái khí, cái thể, cùng với cái hình-hài bao-bọc lẫn nhau, cho nên sự sống chết, thọ yếu, đều có kỳ tiết cả. Vương Sung nói rằng : « Cùng chịu cái nguyên-khí, thể mà hoặc làm người, hoặc làm cầm thú. Cùng làm người mà có người sang, người hèn ; có người giàu, người nghèo. Giàu đến vạn ức, nghèo đến không có mà ăn ; sang được phong hầu, hèn phải làm nô-bộc. Đó không phải là Trời có riêng



tây gì, chỉ vì người ta chịu cái tính của Trời hậu hay bạc. Vậy nên cùng làm điều đạo-đức mà việc họa phúc không đều, cùng làm điều nhân nghĩa mà sự lợi hại không đồng » (Hạnh - ngẫu, II). Sự không đều và không đồng ấy do ở cái mệnh đã định, người có mệnh tốt, thì đi gặp bước tốt ; người có mệnh xấu, thì đi gặp bước xấu. Cho nên ông nói ở thiên Mệnh-lộc, I, rằng : « Mệnh quý tòng tiện địa, tự đạt ; mệnh tiện tòng phú vị, tự nguy 命貴從賤地,自達 ; 命賤從富位,自危 : Cái mệnh quý thì ở chỗ hèn rồi tự đạt ; mệnh hèn thì ở ngôi giàu rồi tự nguy. » Ông lại nói : « Người có mệnh quý, thì cùng học với người ta, mà chỉ một mình mình đạt ; cùng làm quan với người ta, mà chỉ một mình mình được thăng. Người có mệnh giàu, thì cùng tìm mà chỉ có một mình mình được ; cùng làm mà chỉ có một mình mình nên. Mệnh nghèo khó thì trái thế ; khó đạt, khó thăng, khó nên... Cho nên tài cao hạnh hậu vị tất đã giữ được phú quý ; trí quả đức bạc vị tất đã phải bản tiện... Mệnh nghèo mà có dùng sức làm nên giàu, đến khi giàu là chết ; mệnh hèn mà có lấy tài năng làm nên sang, đến khi sang là phải thôi.

Vương Sung cho sự họa phúc và quý tiện của người ta là bởi cái mệnh nó khiến ra, cho nên mới có sự tạo-phùng hội-ngộ. Ông



nói rằng: Phàm nhân ngộ ngẫu cấp tao luy hại, giai do mệnh giã. Hữu tử sinh thọ yểu chí mệnh, diệc hữu quý tiện bản phú chí mệnh 凡人遇偶及遭累害, 皆由命也. 有死生壽夭之命, 亦有貴賤貧富之命: Phàm người ta gặp gỡ và bị những điều luy hại đều do mệnh vậy. Có cái mệnh sống chết thọ yểu, cũng có cái mệnh sang hèn nghèo giàu » (Mạnh-lộc, I). Vậy không nên lấy sự hiển đạt mà cho là tài giỏi và lấy sự bản cùng mà cho là ngu dại. « Tiến tại ngộ, thoái tại bất ngộ. Xử tôn cư hiền, vị tất hiền, ngộ giã; vị ti tại hạ, vị tất ngu, bất ngộ giã 進在遇, 退在不遇. 處尊居顯, 未必賢, 遇也; 位卑在下, 未必愚, 不遇也: Tiến lên là ở sự gặp, lui xuống là ở sự không gặp. Ngồi chỗ tôn, ở chỗ hiền, vị tất là hiền, bởi sự gặp vậy; ngồi thấp chức nhỏ, vị tất là ngu, bởi sự không gặp vậy » (Phùng-ngộ, I).

Những điều ấy, các nho-giả vẫn tin như thế cả, nhưng không ai nói ra một cách rõ-ràng như Vương Sung. Có lẽ là vì ông đã lịch-đuyệt lắm, cho nên lời ông nói về những điều ấy rất thiết-tha và rất tường-tận vậy.

**Cốt-tướng.** — Vương Sung cho là cái mệnh của người ta bằm ở trời đất là hiển-hiện ra thân-thể, vậy xem cốt-tướng thì biết được cái mệnh, như là xét cái đầu, cái học thì biết



được cái dung-lượng. Ông lấy tướng các đế vương và những người danh-nhân đời trước làm hiệu-nghiệm. Đại đế như Phạm Lãi xem tướng Câu Tiễn nước Việt : cổ dài, mồm quạ, biết rằng người ấy khả cùng hoạn-nạn, không khả cùng vinh-lạc ; Uất Liêu xem tướng Tần Thủy-hoàng, sống mũi to, mắt dài, vai chim ưng, tiếng con sái-câu, biết là tính người tàn-ác, ít ân nghĩa v. v... Những điều ấy ông nói rất rõ ở thiên *Cốt-tướng, III*.

**Tính.** — Vương Sung xét những thuyết bản về tính của các tiên nho, từ Mạnh-tử, Tuân-tử cho đến các nho-giả đời Hán, và ông cho là chưa ai bản hết cái lý của tính. Ông nói rằng : « Mạnh-tử bảo tính thiện là nói tính của hạng trung nhân dĩ thượng ; Tuân-tử bảo tính ác, là nói tính của hạng trung-nhân dĩ hạ ; Dương Hùng bảo tính hỗn-hợp cả thiện và ác, là nói tính của hạng trung-nhân » (*Bản-tính, III*). Đó là mỗi người bản về một phương-diện, nhưng không phải là bản cái tính chung cả mọi người.

Cứ như ý ông, thì « Tính người ta có thiện có ác, cũng như tài người ta có cao có thấp. Đã cao thì không thấp, đã thấp thì không cao. Nếu nói tính không thiện, không ác, là nói tài người ta không cao, không thấp.



Bẩm tính thụ mệnh cùng đồng một sự thực cả, nhưng mệnh có qui tiện, tính có thiện ác. Nếu nói tính không thiện ác là nói mệnh không qui tiện vậy » (*Bản-tính, III*). Xem lời Vương Sung nói như thế, thì ông cho là có tính thiện, có tính ác. Thiện hay ác là bởi cái chất, chứ không phải bởi cái tính. « *Tính bản tự-nhiên, thiện ác hữu chất 性本自然, 善惡有質* : Tính gốc tự-nhiên, thiện ác có chất » (*Bản-tính, III*). Nghĩa là tự-nhiên sinh ra là tính mà thiện ác là do ở cái chất của mình đã bẩm-thụ tốt hay xấu. « *Bẩm khí hữu hậu bạc, cố tính hữu thiện ác giả 稟氣有厚薄, 故性有善惡也* : Bẩm tính có hậu hay bạc, cho nên tính mới có thiện hay ác » (*Suất-tính, II*). Tính là phần người ta tự-nhiên sinh ra mà có, tuy cùng chịu một nguyên-khí của trời đất, nhưng nhiều ít khác nhau, thành ra cái chất cũng khác nhau, cho nên mới có cái tính thiện và tính ác.

Tính thiện tính ác không phải là không thể biến đổi đi được, nhưng khi đã biến đổi đi rồi, thì không trở lại nguyên-chất được nữa. Ví như tơ lụa có thể nhuộm xanh thì hóa ra xanh, nhuộm đỏ thì hóa ra đỏ, mà đã nhuộm rồi thì không trở lại được như cũ. Cái tính cũng thế, thiện biến ra ác, ác biến ra thiện được, tùy sự giáo-hóa và sự tập-nhiệm của người ta. Cho nên thánh hiền



rất lấy làm lo về việc ấy. Vương Sung lấy cây cỏ bông và tơ lụa làm thí-dụ. Ông nói rằng: Cái tính của cây cỏ bông thì không thẳng, cái tính của tơ lụa thì không đen, thế mà cỏ bông mọc ở giữa đám cây đay, không có gì chống đỡ mà cũng thẳng; lụa trắng ngâm vào thuốc đen, không nhuộm kỹ mà cũng đen, là bởi theo cây đay thẳng và nhiễm màu đen vậy. « *Phù nhân chi tính do bông sa giã, tại sở tiêm nhiễm nhi thiện ác biến hỹ* 夫人之性猶蓬紗也, 在所漸染而善惡變矣: Cái tính của người ta cũng như cây cỏ bông và tơ lụa vậy, ở sự tiêm-nhiễm mà thiện ác biến đổi đi vậy » (Suất-tính, II).

Cái tính người ta tuy thiện ác khác nhau, nhưng có thể lấy sự giáo-hóa mà làm cho đã thiện lại thiện thêm, hoặc làm cho ác lại hóa ra thiện được. Ví như đất tốt, thì làm cho tốt thêm, hoặc đất xấu làm cho thành tốt được. Vậy nên mới cần có sự giáo-hóa của thánh hiền để nuôi cái tính thiện và sửa cái tính ác.

Đối với sự bàn về tính của người ta, có lẽ Vương Sung nói phải hơn và đúng với nghĩa câu Không-tử đã nói; « Tính tương cận giã, tập tương viễn giã ».



Công-kích sự sai lầm của thê-tục. — Vương Sung thấy bọn nho học đời Hán có nhiều người mê-tin và hay tôn cồ, làm ngại-trở cho sự tiến-bộ về học-thuật, cho nên ông công-kích những điều ấy rất kịch-liệt. Bao nhiêu những sự mê-hoặc mà người đời thường tin, là ông đem biện-luận một cách rất rõ-ràng ở những thiên *Biến-hư*, quyển IV; *Di-hư*, *Cầm-hư*, *Phúc-hư*, *Họa-hư*, *Long-hư*, *Lôi-hư*, quyển V; và *Đạo-hư*, quyển VI v. v. Ông nói rằng: « Sự mạc minh ư hữu hiệu, luận mạc định ư hữu chứng. Không ngôn hư ngữ, tuy đắc đạo tâm, nhân do bất tín 事莫明於有效, 論莫定於有證. 空言虛語, 雖得道心, 人猶不信: Việc không gì rõ bằng có hiệu-nghiệm, luận không gì quyết-định bằng có chứng-cớ. Không ngôn hư ngữ tuy hợp với đạo tâm, nhưng người ta vẫn không tin » (*Bạc - táng*, XXIII). Có hiệu - chứng thì dễ khiến người ta tin, cho nên những kẻ biện-sĩ văn-nhân, khéo dùng hiệu-chứng làm cho người ta « kiệt tài dĩ sự thần, không gia dĩ tống chung 竭財以事神, 空家以送終: hết của để thờ thần, sạch không nhà để đưa ma ». Sự học cần phải có hiệu-chứng, song nếu không cần-thận, mà dùng cái hiệu-chứng không chính-đáng, thì lại thành ra cái hại lớn vậy.



Vương Sung học theo lối pháp-hậu-vương của Tuân-tử, cho người đời nay hơn người đời xưa. Ông nói rằng: « Kim thế chi sĩ giả, tôn cổ ti kim giả 今世之士者, 尊古卑今世: Kẻ sĩ đời nay tôn đời xưa khinh đời nay ... Giá đời nay có người giảng đạo thâm hơn họ Khổng, họ Mặc, cái danh cũng không được ngang với họ Khổng, họ Mặc; làm việc giỏi hơn họ Tăng, họ Nhan, cái tiếng cũng không bằng họ Tăng, họ Nhan. Tại sao? Tại cái tính của thế-tục, rẻ cái mình trông thấy, quý cái mình nghe thấy... Cứ sự thực thì người đời xưa và người đời nay cũng thế, bao giờ cũng có người hay người dở. Nhưng vì người làm sách chép truyện thường hay làm cho cao đời xưa và thấp đời nay vậy. Xem như Dương Hùng làm sách Thái-huyền và sách Pháp-ngôn, Trương Bá-Tùng không thêm đề mắt trông đến. Giá Dương Hùng sinh ra trước Trương Bá-Tùng thì có lẽ Trương Bá-Tùng đã cho sách của Dương Hùng là cái hòm chứa vàng vậy » (Tê-thế, XVIII).

Cái tính tôn cổ ti kim ấy làm cho người đọc sách chỉ nhắm mắt tin sách, chứ không biết « Kinh hữu bao tăng chi văn, thế hữu không gia chi ngôn 經有褒增之文, 世有空加之言: Kinh có cái văn khen tăng lên, đời có những lời nói bày đặt thêm ra » (Tê-



thế, XVIII). Thành thử không chịu xét cho rõ sự thực hư, việc phải trái, rồi cứ thấy thánh hiền đời xưa đã nói thế nào là tin như thế. Vương Sung cho cái học ấy **rất dở** nên chỉ ông làm những thiên *Vấn-Không*, *Phi-Hàn*, *Thích-Mạnh* đề tỏ ra thánh hiền đời trước cũng có điều sai lầm. Ông muốn rằng người quân-tử không a-dựa theo thời đời. Hễ việc gì mà không hợp nghĩa-lý, thì dầu là lời thánh hiền nói, ta cũng không theo.

Wang Sung rất ghét hạng người hương-nguyên, mị thế cầu danh. Ông nói rằng: « Quân-tử tại thế, thanh tiết tự thủ, bất quảng kết tông, xuất nhập động tác, nhân bất phụ tông. Hào hoạt chi nhân, nhiệm sử dụng khí, vãng lai tiến thoái, sĩ chúng vân hợp 君子在世, 清節自守, 不廣結從, 出入動作, 人不附從. 豪猾之人, 任使用氣, 往來進退, 士眾雲合: Người quân-tử ở đời, tự giữ lấy cái tiết-tháo trong sạch, không rộng sự giao-kết, ra vào động tác, người ta không phụ-tông. Kẻ hào-hoạt thì dùng khí mà sai khiến, qua lại tới lui, nhân chúng theo như mây hợp » (*Giảng-thuyết*, XVI). Những kẻ mà nhiều người-a-tông vị tất đã là người ngay chính, mà người độc-lập một mình vị tất đã là người dở. Nên chi xét người hay là xét việc, ta phải xem có hợp đạo-lý hay không. Hợp đạo-lý là phải, không



hợp đạo-lý là trái, chứ đừng lấy số nhiều người ít người mà làm chuẩn-đích. Đó là cái công-lệ trong sự suy-xét và sự phán-đoán vậy.

Đại đế Vương Sung là người có tư-tưởng độc-lập, không câu-nệ như những học-giả khác, bất kỳ học-thuyết nào hễ có điều hay là ông lấy, có điều dở là ông chê. Ông là người vốn theo Nho-giáo, mà có chỗ nào ông tưởng là Khổng Mạnh sai lầm thì ông cũng không kiêng nể, cứ sự thực mà nói thẳng. Vậy nên hậu-nho cho ông là một nhà tạp-gia, chứ không phải là một nhà thuần-chính nho-học.

Xét ra thì cái học của Vương Sung cũng có phần nông-nổi và hẹp-hòi thật, là vì ông chỉ chuyên dùng cái lý thiên-cận mà biện-luận, cho nên thường không đạt tới cái ý nghĩa thâm viễn hoảng đại của thánh hiền. Bởi thế cái học của ông thiên về mặt duy-vật.



Nho-giáo từ đời Xuân-thu cho đến đời nhà Tần chỉ là một học-phái trong các học-phái khác, tuy có cái tôn-chỉ quang-minh chính-đại, nhưng vẫn không có cái địa-vị nhất-tôn như từ đời nhà Hán trở đi. Vì chúng có quân-chủ bảo-hộ, cho nên Nho-giáo mới có



cái thể-lực rất mạnh ở đời nhà Hán và mới lan ra khắp trong xã-hội Tàu.

Hán nho lại có công sưu-tầm những sách cũ, giải-thích các ý-nghĩa và xếp đặt ra các Kinh Truyện, lưu-truyền ở đời. Hậu-thế nhờ đó mà biết được đạo của thánh hiền. Song vì Hán nho thiên về cái học chương-cú huấn-hỗ, bỏ mất cái nghĩa-lý sâu-xa, thành thử cái tinh-thần của Nho-giáo lại sai lầm đi mất nhiều. Những sự sai lầm ấy gây thành cái lưu-tệ rất lớn về sau.

Hán nho tuy có những người như Dương Hùng và Vương Sung đã trông thấy cái tệ ấy, cũng có ý muốn sửa đổi, nhưng phần thì vì thể-lực không đủ làm cho thiên-hạ theo mình, phần thì người đời say đắm về đường lợi-lộc, không sao vãn-hồi lại được. Bởi thế cho nên cái trình-độ của nho-học cứ thấp dần xuống, và cái tinh-thần cũng hao mòn mất nhiều. Về sau vào khoảng Lục-Triều và Tùy, Đường, những người khao-khát cái lý-tưởng siêu-việt đều khuynh-hướng về Lão-học và Phật-học.

Tuy nhiên ta cũng nên biết rằng Hán nho đối với xã-hội Tàu có cái công rất lớn là lấy cái học minh-kinh mà xây đắp thành cái nền văn-hóa rất vững-vàng lâu-bền xưa nay chưa từng có vậy.



## THIÊN III

## NHO-GIÁO ĐỜI TAM- QUỐC VÀ LỤC-TRIỀU

(220 — 590)

Tình-trạng Nho-giáo đời Tam-Quốc và Lục-Triều. — Nho-giáo truyền đến cuối đời Đông-Hán, bề ngoài thì rất thịnh mà bề trong thật là suy. Các học-giả chỉ chăm-chăm về lối chương-cú, huấn-hỗ, chia ra chỉ nọ phái kia. Mỗi phái học theo một lối, rồi cãi nhau về cái nghĩa từng câu từng chữ, bỏ mất cái ý-nghĩa thâm viển hoẵng đại. Sách *Hán-thư Nghệ-văn-chí* 漢書藝文志 nói rằng: « Cõ khi một câu năm chữ, mà bàn ra đến mấy vạn lời. » Sự học mà làm nát nghĩa đến như thế, thì còn gì là nghĩa-lý của thánh hiền nữa!

Sự học đã dở mà lại phải thời - đại biến loạn, trong thì triều-chính hư-hỏng, kẻ hoạn-quan chuyên quyền, ngoài thì giặc-dã nổi lên đánh phá các nơi. Những người gian-hùng giáo-quyết nhân cơ-hội ấy mà dấy lên



để mưu cái quyền-lợi riêng của mình. Trong khi ấy ai là người có thao-thủ, giữ danh-tiết, đều bị chém giết rất tàn-hại, thành ra lòng người ngo-ngác, không biết theo về phương hướng nào.

Đến khi Tào Tháo cầm-quyền ở đất trung-nguyên, chuyên dùng những kẻ hào-hiệp, ngang-ngược, thậm chí đến những người bất-nhân bất-hiểu, những kẻ ô-danh ác-hạnh, mà có thuật trị nước dùng binh, thì cũng tái tam xuống lệnh đón rước. Thành thử phong-tục bại-hoại, nhân tâm biến đổi.

Cổ Viêm-Võ 顧炎武 đời nhà Thanh bàn chuyện đời Hán nói rằng: « Vua Quang-võ, Minh-đế, Chương-đế, mấy đời dùng cái trị của kinh-thuật và sự phòng giữ của tiết nghĩa mà vẫn không đủ, một mình Tào Mạnh-đức biến làm cái tục hủy phong bại thường mà có thừa ». Thế mới biết gây nên sự hay rất khó, mà làm sự phá-hoại rất dễ vậy.

Những điều ấy chứng rõ ở trong sử. Khi vua Võ-đế nhà Tấn mới lên ngôi, quan Tấn-ky thường-thị là Phó Nguyên 傅元 dâng sớ nói rằng: « Tôi nghe đấng tiên-vương trị thiên-hạ, giáo-hóa hưng-thịnh ở trên, thanh-nghị thi-hạnh ra ở dưới. Vừa rồi vua Ngụy Võ chuộng pháp thuật, mà thiên-hạ quý hình danh, vua Ngụy Văn quý những người thông



đạt mà rẻ sự thủ-tiết. Về sau mỗi-dương không có, sự phóng-đản đầy triều, khiến cho thiên-hạ mất cả thanh-nghị». Ấy là cái sĩ phong đời Tam-Quốc là thế, và Nho-giáo đến đó lại phải một lúc mờ tối vậy.

Kể đến đời Lục-Triều là Lương-Tấn và Tống, Tề, Lương, Trần, thì không những là Lão-học hưng-thịnh lên, mà Phật-học truyền sang nước Tàu từ đầu đời Đông-Hán, đến bấy giờ cũng có thế-lực rất mạnh. Phàm những kẻ sĩ muốn tìm cái tư-tưởng sâu xa, thì phi theo Lão-học tất theo Phật-học. Nho-giáo tuy vẫn là cái học phổ-thông trong nước, song ngoài những sự nhật dụng thường hành ra, Nho-giáo thừa ấy chỉ chú-trọng về mặt từ phú, vụ lấy sự văn-hoa, chứ không ai lưu-tâm đến cái nghĩa lý siêu-việt nữa. Thành thử cái trình-độ Nho-giáo chịu phần kém hơn cả.

Cái nền Nho-giáo xây đắp lên từ đời vua Hán Vũ-đế sở dĩ không đổ nát được, là nhờ chỗ dân-gian tiêm-nhiễm cái phong-hóa đã lâu, và lại có cái tính-cách thiết-thực, vừa tầm cho đại đa số của nhân chúng, cho nên bọn thượng-lưu trong xã-hội có biến-thiên thế nào mặc lòng, cái thế-lực của Nho-giáo vẫn vững bền. Bởi vậy vua chúa đời nào cũng phải lấy Nho-giáo làm cơ-sở cho sự chính-trị và phải tượng-lệ sự học. Đó là chỗ



sở-trường của Nho-giáo, dầu có bỏ mất phần cao-minh đi nữa, nó vẫn có đủ tư-cách mà duy-trì được mãi mãi.

**Sự mở-mang Nho-học.** — Đời Tam-Quốc (220-265) nước Tàu chia ra làm ba nước là Ngụy, Thục, Ngô. Không kể chỉ những nước ở biên-địa, như nước Thục và nước Ngô, việc học không được mở-mang là mấy, nước Ngụy là đất trung-nguyên nước Tàu, nhân vật rất nhiều, cho nên Võ-vương Tào Tháo và Văn-đế Tào Phi đều mở nhà Thái-học ở Lạc-dương để dạy năm Kinh.

Nhà Tây-Tấn (265-316) thống-nhất thiên-hạ, vua Vũ-đế là Tư-mã Viêm lập nhà học, nhà hiệu ở các châu quận, dựng nhà Tích-ung, nuôi học-sinh đến hơn 7.000 người.

Nhà Đông-Tấn (317-429) bị giặc Ngũ-Hồ đánh phá, phải dời đô về đất Giang-nam, cũng lập nhà Thái-học để dạy kẻ sĩ.

Trong đời Nam-Bắc-triều, ở phía nam thì có nhà Tống (402-566), nhà Tề (479-501), nhà Lương (402-566), nhà Trần (567-588) đều mở nhà Nho-học-quán, hoặc đặt quan Quốc-tử tế-tửu, hoặc đặt quan Ngũ-kinh bác-sĩ để dạy các kinh. Ở phía bắc thì có nước Hậu-Ngụy (386-535), Bắc-Tề (552-579) và Bắc-Chu (556-582), tuy là dòng-dõi người Hồ vào ở nước Tàu, nhưng đã nhiệm cái



văn-hóa của Tàu, cho nên khi lập thành nước, đều sùng-thượng Nho-giáo. Nhà Hậu-Nguy lại có nhiều ông vua tuy sùng đạo Lão hay đạo Phật, nhưng vẫn chuộng Nho-giáo. Vua Đạo-võ-đế lập nhà Thái-học, đặt quan bác-sĩ, dạy năm Kinh, nuôi sinh-viên đến hơn 1.000 người. Vua Hiến-văn-đế lập hương-học. Lệ định quận lớn thì đặt hai bác-sĩ và bốn trợ-giáo, học-sinh 100 người. Quận vừa thì đặt bác-sĩ hai người, trợ-giáo hai người, học-sinh 80 người. Quận nhỏ thì đặt bác-sĩ một người, trợ-giáo hai người, học-sinh 60 người. Quận nhỏ hơn cả thì đặt bác-sĩ một người, trợ-giáo một người, học-sinh 40 người. Sau lại có vua Hiến-văn-đế rất sùng Nho-giáo và rất thích giảng đạo thánh hiền.

Nhà Bắc-Tề tin đạo Phật mà bài-xích đạo Lão, nhưng vẫn đặt bác-sĩ dạy Nho-giáo.

Nhà Bắc-Chu rất thích Kinh-thuật, vua Thái-tô thấy lối học đời nhà Tấn chỉ chuộng văn-chương phù-hoa, bắt theo cái thể diễn-mô trong kinh Thư mà đời cái lối học của kẻ sĩ. Đến đời vua Vũ-đế họp tất cả tam-giáo Nho, Lão, Phật, để Nho ngồi trên, thứ đến Lão, dưới cùng đến Phật. Được ít lâu Vũ-đế bỏ Lão-học và Phật-học, bắt những người đạo-sĩ và sa-môn phải hoàn tục làm dân.



**Cách tuyển-cử.** — Cảnh tuyển-cử thi nhà Tào-Ngụy lập ra khoa thi Ngũ-kinh, và phép chọn người chia ra làm chín phẩm. Việc tuyển-cử là chức-vụ của quan trung-chính, đặt ra ở các châu-quận. Hễ khi nào Lại-bộ lấy người, thì cứ theo đẳng-cấp của quan trung-chính đệ lên mà lấy.

Những người làm chức trung-chính là người giỏi, có kiến-thức, ở các địa-phương. Nhưng rồi sau lâu ngày thành ra tham-nhũng, thường cứ bởi sự yêu ghét, hoặc vì thế-lực mà thiên-tư cho những nhà có quyền-thế, chứ không biết phân-biệt người hiền kẻ ngu. Bởi vậy Lưu Nghị 劉毅 đời Tây-Tấn nói rằng: « Bậc hạ-phẩm không có kẻ cao-môn, bậc thượng-phẩm không có kẻ hàn-sĩ ».

Đến đời Đông-Tấn muốn chọn được nhân-tài, bắt những người đã được tuyển-cử phải thi đề lấy hiếu-liêm và tú-tài. Lệ thi, thi trước thi sách luận, sau thi kinh nghĩa. Hễ ai thi hỏng, thì người chủ việc tuyển-cử phải cách chức.

Ở Nam-triều, nhà Tống định lệ: châu thì cử người tú-tài, quận thì cử người hiếu-liêm. Người chủ việc tuyển-cử mà làm xứng chức hay không, thì được thưởng hay phải phạt. Đời nhà Lương đổi lại cách đặt quan trung-chính. Ở châu thì đặt chức châu-trọng, ở quận thì đặt chức quận-sùng, ở làng thì



đặt chức hương-hào, để coi việc tuyển-cử. Mỗi châu cử hai người, quận lớn cử một người. Được ít lâu lại bỏ lệ ấy mà đặt lại chức trung-chính.

Ở Bắc-triều nhà Hậu-Ngụy cũng theo cái chế-độ của nhà Tào-Ngụy và nhà Tấn, đặt quan trung-chính ở các châu quận để coi việc tuyển-cử. Sau vì có nhiều điều bậy, lại bỏ đi. Đến nhà Bắc-Tề lại lập lại, để lấy tú-tài và liêm-lương. Nhà Bắc-Chu cũng theo lối ấy: quận cử hiếu-liêm một người, châu cử tú-tài một người. Ai là người minh kinh tu hạnh, thì được hiếu-liêm, ai là người cao tài bác học, thì được tú-tài.

Từ nhà Tào-Ngụy, nhà Tấn đến các nhà trong đời Nam-Bắc-triều, cách tuyển-cử đại lược giống nhau cả. Song sự tuyển-cử như thế vẫn có nhiều điều tệ: những kẻ tham lợi lộc, không chịu học tập, chỉ tìm cách luồn-lọt vào cửa quyền-môn để chóng được cất-nhắc, thành ra sự học càng ngày càng kém.

Học phong và danh nho. — Sự Nho-học trong thời-đại Tam-Quốc và Lục-Triều vẫn theo lối huấn-hỗ đời Hán. Những học-giả có danh-tiếng đều là người làm văn giỏi, chứ không ai thật có tư-tướng trác-lạc, có thể làm đại-biểu được cho Nho-giáo.



Trong đời Tam-Quốc chỉ có Chư-cát Lương 諸葛亮 ở nước Thục là một nhà chính-trị theo được cái tôn-chỉ của Nho-giáo, xuất xử hành chỉ, đều hợp đạo nghĩa. Cho nên hậu-thế cho là sau đời Tam-Đại chỉ có một người ấy mà thôi. Còn những nhà văn-học, thì ở nước Ngụy có Vương Túc 王肅, tự là Tử-ung 子雍 là trứ danh hơn cả. Vương Túc soạn ra sách *Khổng-tử gia ngữ* 孔子家語, và nối cái học của Mã Dung đời Đông-Hán mà làm ra những lời giải về kinh *Thư*, kinh *Thi*, sách *Luận-ngữ*, sách *Tam Lễ* và sách *Tả-truyện*. Ngoài giả những người văn-học thừa ấy mượn tiếng Kinh-học, mà kỳ thực là theo Lão-học. Như bọn Hà Yến 何晏 chú-thích kinh *Dịch*, Vương Bật 王弼 chú-thích *Luận-ngữ*, nhưng vẫn thích bàn về huyền-lý của Lão Trang, và chỉ chuyên về mặt từ-hoa, chứ không vụ cái danh-giáo như đời Đông-Hán nữa.

Trong đời Lương-Tấn và những nhà bên Nam-triều, thì những người Kinh-học cũng khá nhiều, song chỉ có Vương Kiệm 王儉 đời nhà Tề là có tiếng giỏi về *Lễ*, *Nhạc* và *Xuân-thu*, và Hoàng Khản 皇侃 đời nhà Lương, làm *Luận-ngữ nghĩa sơ*. Những người nổi tiếng về văn-học, thì ở đời nhà Tấn có Đào Tiềm, đời Tống có Tạ Linh-Vận, Nhan Diên-Chi v. v. Ngoài giả các học-giả



đều khuynh-hướng về cái thuyết hư-vô của Lão Trang, khinh miệt lễ-phép. Các học-giả thích rượu chè chơi bời, đi lại bàn luận về huyền - lý, gọi là *thanh - đàm* 清談. Người đời bắt-chước theo bọn ấy, làm bại-hoại mất cái phong-tục tốt đời xưa. Đối với sự thiết-thực của Kinh-học thì cái học ấy thật là trái hẳn.

Bên Bắc-triều thì theo cái học huân-hỗ của Mã Dung và Trịnh Huyền, và không có cái học thanh-đàm, cho nên Kinh-học thịnh hơn, nhưng về đường từ-chương thì kém bên Nam-triều.

Đại để Nho-giáo ở đời Tam-Quốc Lục-Triều thường hay pha lẫn với Lão-học, và rất thịnh về mặt từ-hoa phù-khinh, mà rất suy về đường nghĩa-lý thiết-thực. Đó là một phần bởi cái tình-trạng xã-hội của nước Tàu cứ phải loạn-ly mãi, lòng người chán-nản, muốn đem cái tinh-thần tiêu-dao ở chỗ siêu-việt mà tránh cái khổ-não ở đời; một phần thì bởi cái lỗi của Hán học làm cùn-nhụt mất cái khí-phách linh-động của Nho-giáo lúc ban đầu. Trong cái cuộc suy-đời của Nho-giáo đó, Hán nho phải chịu một phần trách-nhiệm vậy.



## THIÊN IV

**NHO-GIÁO ĐỜI TÙY VÀ ĐỜI ĐƯƠNG**

(381-619) — (620-906)

**I — TÌNH-TRẠNG NHO-GIÁO  
ĐỜI TÙY VÀ ĐỜI ĐƯƠNG**

Cuối đời Nam-Bắc-triều có Dương Kiên nổi nhà Bắc-Chu lên làm vua lập ra nhà Tùy, rồi cách tám năm sau, đánh lấy nhà Trần, nhất thống cả nước Tàu. Nhà Tùy làm vua được có hai đời, độ non ba mươi năm thì mất. Vì vua thứ hai nhà Tùy là Đạng-đế tàn-bạo quá độ, cho nên thiên-hạ lại loạn. Nhà Đường nhân cơ-hội ấy mà nổi lên dẹp loạn, lập ra một nhà rất cường-thịnh trong lịch-sử nước Tàu.

Nhà Tùy và nhà Đường khởi lên ở phương bắc. Tinh người phương ấy trầm-trọng, ưa sự thiết-thực, không chuộng những điều phù-dẫn, cho nên khi trong nước đã yên-trị, sự học sửa đổi lại, chủ lấy kinh sử làm cốt, mà bỏ cái học thanh-đàm đời Tam-Quốc, Lục-Triều.



Đời nhà Đường sự học rất thịnh. Trong nước có Nho-học, Phật-học, Lão-học, và các tôn-giáo ở phương tây truyền sang. Nho-học rất thịnh về mặt văn-chương và khoa-cử, mà Phật-học thì rất thịnh về mặt tu-tướng. Còn Lão-học thì chỉ thịnh về mặt đan-đỉnh và phù-lục, tức là về mặt tu-luyện và phù-phép, chứ cái học huyền-lý thì rất kém. Các tôn-giáo ở phương tây như Yêu-giáo (Mazdéisme) (1) ở Ba-tư (Perse), Cảnh-giáo (Nestorianisme) là một phái của Cơ-đốc-giáo ở Tiểu-Á-tế-á, và Thiên-vương-giáo (Mahométisme) ở A-lập-bá (Arabie), lúc ấy đều truyền sang nước Tàu.

Song cái học quan-hệ đến quốc-gia và xã-hội mật-thiết hơn cả là Nho-giáo, cho nên nhà vua phải hết sức trọng-lễ để cầu lấy nhân-tài ra dùng ở đời. Chỉ hiềm cái học trong đời nhà Đường quá thiên về mặt khoa-cử, chỉ trọng ở lối chú-sớ 註疏, nghĩa là theo những lời giải-thích của các nho-giả đời Hán và đời Tam-Quốc, Lục-Triều, thành ra các học-giả vụ lấy ký tụng được nhiều, chứ không cần lấy suy-xét nghĩa-lý cho lắm. Vậy nên về đường nghĩa-lý, Nho-giáo thừa ấy không

(1) Người Tàu dịch chữ Ormazd là Yêu-nhĩ-ma, tên một vị dương-thần đứng đầu trong đạo ấy, cho nên gọi tắt là Yêu-giáo.



những đời với cái học cao như Phật-học, thì đã là kém xa, mà so với Nho-học đời Hán cũng có phần thua kém.

Cái học (chú-sớ) đời Đường là cốt theo cái học huấn-hỗ đời Hán, cho nên vua nhà Đường rất chú-ý về kinh-học. Nhà Đường chia các kinh ra làm ba hạng. Đại kinh là: Lễ-ký, Xuân-thu Tả-truyện; trung kinh là: Thi, Chu-lễ, Nghi-lễ; tiểu kinh là: Thư, Dịch, Công-Dương-truyện và Cốc-Lương-truyện,

Trước kia đất Giang-nam học các kinh theo cái thuyết của Vương Túc đời Tào-Ngụy, và Đỗ Dự đời Tấn; đất Giang-bắc học theo cái thuyết của Trịnh Huyền đời Đông-Hán. Đến đời nhà Đường vua Thái-tôn muốn hôn-hợp cái học của Nam Bắc mà định ra cái chính nghĩa, để làm tiêu-chuẩn cho học-giả, bèn sai Khổng Dĩnh-Đạt 孔穎達 cùng với chư nho chiết-trung cả hai cái thuyết của nam-phái và bắc-phái mà làm Ngũ-kinh chính nghĩa.

Đại khái kinh Dịch thì theo lời chú-thích của Vương Bật, kinh Thư thì theo lời chú-thích của Khổng An-Quốc, kinh Thi thì theo Mao Trành truyện, kinh Lễ thì theo lời chú-thích của Trịnh Huyền, kinh Xuân-thu thì theo lời chú-thích của Đỗ Dự, sách Luận-ngữ thì theo lời chú-thích của Hà Yến v. v. Các



kẻ sĩ đều phải học theo cái nghĩa đã định ở trong những sách ấy, chứ không được học theo lời chú-thích của người khác. Sự học bó-buộc như thế, cho nên thành ra không tiến-hóa được. Đời bấy giờ tuy cũng có một vài người không theo cái học ấy, như Lý Đĩnh-Tộ 李鼎祚, làm sách *Chu-Dịch tập-giải* 周易集解, Lục Thuần 陸淳 làm sách *Xuân-thu tập-truyện* 春秋集傳, song người đời không ai theo. Bởi vậy Nho-giáo đời nhà Đường thì thật thịnh mà cái tinh-thần của Nho-học thì rất suy.

**Sự mở-mang Nho-học.** — Nhà Tùy lúc đầu mới định xong thiên-hạ, liền mở nhà Thái-học, Quốc-tử-học, Tứ-môn-học ở kinh-sư, và mở nhà học nhà hiệu ở các châu-quận. Sau thấy học-sinh rất nhiều, mà sự học không tinh, bèn bỏ hết các nhà học, chỉ đặt chức Thái-học bác-sĩ hai người và đệ-tử 72 người mà thôi. Đến khi vua Đạng-đế lên ngôi, lại mở ra các nhà học như trước. Được mấy năm nước Tàu loạn, việc học lại bỏ cả.

Nhà Đường theo lối nhà Tùy đặt ra Quốc-tử-giám để coi việc học-chính, có quan Quốc-tử tế-tửu làm đầu và quan tư-nghiệp làm phó, quản-linh tất cả sáu học-quán.



Sáu học-quán là: Quốc-tử học-quán có 300 học-sinh là con các quan văn võ từ tam phẩm trở lên. Thái-học-quán có 500 học-sinh là con các quan từ ngũ phẩm. Tứ-môn học-quán, 1300 học sinh là con các quan lục thất phẩm và những người tuần-tú trong thường-dân. Luật-học-quán có học-sinh 50 người, Thư-học-quán có học-sinh 30 người, Toán-học-quán có học-sinh 30 người, là con các quan từ bát phẩm trở xuống và những người thường dân. Mỗi học-quán có quan bác-sĩ và trợ-giáo để coi việc dạy học.

Ngoài những học quán ấy, lại có Hoảng-văn-quán và Sùng-văn-quán để con những hoàng-thân ngoại-thích và con những người quý cận đến học.

Vua Thái-tôn nhà Đường lại mở Hoảng-văn-điện chứa hơn 20.000 quyển sách chia làm bốn bộ: kinh, sử, tử, tập. Chọn những kẻ sĩ văn-học vào làm học-sĩ để bàn luận những việc học. Thái-tôn lại mở thêm học xá đến 1200 gian, học-sinh ở kinh-đô có đến 3.200 người. Thừa ấy những nước ở lân-cận như Cao-ly, Thổ-phồn (Tây-Tạng) v. v. cho người đến học rất đông.

Xưa kia các nhà làm vua vẫn sùng-bái Khổng-tử, nhưng không tôn-danh hiệu gì cả. Đến năm Trinh-quán thứ 11 (637), vua Thái-tôn mới tôn Khổng-tử làm Tiên-thánh và



Nhan Hồi làm Tiên-sư cùng thờ với Chu-công ở nhà Thái-học. Năm Khai-nguyên thứ 27 (739), vua Huyền-tôn có chiếu truy thụy Khổng-tử là Văn-tuyên-vương 文宣王 để theo vương lễ mà thờ.

Trong tờ chiếu ấy nói rằng: « Mở rộng vương-hóa cốt ở Nho-thuật, phát minh đạo ấy để lưu-truyền về sau và có vẻ thiêng-liêng rực-rỡ, từ lúc có Phu-tử đến nay chưa ai bằng vậy. Thế mới thực là tự trời sinh ra Ngài là thánh, mà chỉ có thánh mới biết nhiều, đức sánh trời đất, mình mở mặt-trời mặt-trăng, cho nên dựng gốc lớn của thiên-hạ, nên kinh lớn của thiên-hạ, làm cho đẹp việc chính việc giáo, sửa đổi phong-tục, vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, đến đời nay còn nhớ Ngài, há chẳng tốt lắm ru! Than ôi! Sở-vương không phong, Lỗ-công không dùng, để bậc đại-thánh như Ngài ngang hàng với bọn bồi-thần, làm người lữ-khách đi chu-du liệt-quốc, vốn đã đành vậy. Song niên tự càng xa, quang linh càng rõ, dầu các đời có khen-ngợi, nhưng chưa được tôn-sùng, danh không phó mới thực, sao nên! Phu-tử đã xưng là Tiên-thánh, nay khả truy-tặng là Văn-tuyên-vương ».

Nhân lúc ấy lại phong cả cho thập triết là môn-đệ Ngài.



Nho-học trong đời nhà Đường rất thịnh, nhưng quá thiên về đường khoa-cử, cho nên chỉ có cái học văn-tử, mà không có cái học nghĩa-lý vậy.

Cách tuyển-cử. — Về đường tuyển-cử, thì nhà Tùy thấy cái lối dùng chức trung-chính và lấy người chia ra làm chín phẩm có nhiều điều tệ, bèn bỏ cách tuyển-cử ấy, mà đặt ra khoa-cử lấy thi phú mà chọn người.

Nhà Đường theo lối nhà Tùy mà định lại phép khoa-cử, đại lược như sau này :

Những người do các học quán ở kinh-sư và do nhà học, nhà hiệu, ở châu huyện cử ra, gọi là sinh-đồ 生徒; những người không học ở nhà học nhà hiệu mà do thi ở châu huyện cử ra gọi là cống-cử 貢舉. Những sinh-đồ và cống-cử đều phải vào kinh-đô thi ở Thượng-thư tỉnh.

Những khoa thi ở Thượng-thư tỉnh thì có : khoa tú-tải, phải thi 5 đạo văn-sách, nói về các phương-lược ; khoa minh-kinh phải thi 10 đạo kinh thiếp (lấy một đoạn sách, viết đoạn đầu và đoạn cuối, bỏ đoạn giữa để thí-sinh viết vào) và 10 đạo kinh sách ; khoa tiến-sĩ, phải thi 5 đạo văn-sách nói về thời-vụ, như những việc hóa tục giáo dân v. v., và hai thiên tập văn. Những khoa ấy chia ra thượng, thượng trung, thượng hạ, trung



thượng. Từ hạng thượng trung trở lên cho là cấp-đề. Lại có khoa minh-pháp (thi luật pháp), khoa minh-tự (thi chữ viết), khoa minh-toán (thi toán số) thì thi vấn đáp trước rồi mới thi viết.

Ngoài những khoa ấy là thường khoa, lại có bất thường khoa, là khoa chế-cử của vua định để chọn lấy những người có tài đặc-biệt. Khi có khoa chế-cử thì vua ra đầu bài. Thi xong đệ bài ra cho các quan chấm. Ai đỗ cao thì được bổ ngay làm quan tớn.

Từ năm Khai-nguyên (713-741) đời vua Huyền-tôn về sau, văn-nghe rất thịnh. Mỗi khoa thi có đến hai ba nghìn người, mà số trúng cử thì 20 người được một người. Khoa chế-cử thì 100 người được một người. Thừa ấy chỉ có khoa tiến-sĩ, và khoa minh-kinh là thịnh hơn cả. Song khoa tiến-sĩ, thì thí-sinh chỉ học thanh vận, và bỏ kinh sử, khoa minh-kinh thì chỉ vụ làm thiếp-tụng, chứ không cần nghĩa lý. Bởi vậy vua Huyền-tôn bắt những người thi tiến-sĩ, ngoài những bài văn sách, phải làm 10 bài kinh-thiếp; những người thi minh-kinh, ngoài những bài kinh-thiếp, phải làm mỗi kinh là 10 bài đại-nghĩa.

Phép khoa-cử truyền về đời sau là gốc từ nhà Đường. Học-thuật đời nhà Đường lấy khoa-cử làm đại-biểu, mà khoa-cử thì chỉ lấy văn-từ làm đại-biểu, chứ không có gì là thực-



học. Bởi khoa-cử và văn-từ mà thành ra cái tục trọng khí-tiết đời Hán mất hết cả, mà hai chữ liêm sỉ lúc ấy cũng không có nữa.

Xem cái học nghĩa-lý đời nhà Hán đã là kém, nhưng còn có cái học trọng khí-tiết gây thành cái phong-tục rất tốt. Đến đời nhà Đường thì cái học nghĩa lý lại kém hơn nữa, mà cái học trọng khí-tiết cũng không có. Kết-quả đến đó, thật là cái phần cao-siêu của Nho-giáo ngõ hầu gần hết vậy.

## II. — DANH-NHO ĐỜI TÙY VÀ ĐỜI ĐƯỜNG

Nhà Tùy nổi nghiệp Nam-Bắc-triều, thống-nhất thiên-hạ, làm vua được hơn vài mươi năm, cho nên việc văn-học không mở-mang được mấy, và những danh-nho cũng không có mấy người. Xem như khi vua Đạng-đế nhà Tùy mới lên ngôi, trung-triệu những người nho-học đến Đông-đô (Lạc-dương) để giảng-luận việc học, thì chỉ có Lưu Xước 劉焯 và Lưu Huyền 劉炫 là hơn cả. Tuy nhiên thừa ấy có Vương Thông 王通 là kẻ ần-nho, ở nhà dạy học, đem cái tư-đường Bắc-phương, lấy nghĩa lý trong các Kinh Truyện,



mà vẫn hồi cái thực-học của Nho-giáo lại được ít nhiều.

Đến đời nhà Đường thì ngay lúc đầu, vua Thái-tôn chăm lo chấn-hưng việc học, nhưng vì nhà Đường lại thiên trọng về khoa-cử, thành thử cái học từ-hoa thì rất thịnh, mà cái học đạo lý thì vẫn suy. Bởi cái học từ-hoa ấy, cho nên vào khoảng trung-diệp nhà Đường, về đời vua Huyền-tôn, những văn-sĩ như Lý Bạch 李白, Đỗ Phủ 杜甫, Vương Duy 王維 v. v. đều là người có tài quán-thể về đường thi văn. Đến sau lại có Hàn Dũ 韓愈 và Liễu Tôn-Nguyên 柳宗元 đều muốn phát minh cái học của Khổng Mạnh, nhưng vẫn không thoát khỏi lối học từ-chương.

Nói rút lại, trong đời nhà Tùy và nhà Đường, chỉ có Vương Thông và Hàn Dũ là người chân-chính nho-học mà thôi.

### VƯƠNG THÔNG

Vương Thông 王通 tự là Trọng-yêm 仲淹 dòng dõi nhà nho-học, người huyện Long-môn, thuộc tỉnh Sơn-tây ngày nay. Ông sinh vào năm Khai-hoàng thứ tư (584) đời nhà Tùy. Thừa nhỏ ông chuyên trị năm Kinh, đến năm



20 tuổi vào Tràng-an là kinh-đô nhà Tùy, yết-kiến vua Văn-đế ở Thái-cực-điện và dâng 12 bài sách gọi là *Thái-bình thập-nhi-sách* 太平十二策, đại khái nói sự tôn đạo vương truat đạo bá, xét việc đời nay, nghiệm việc đời xưa v. v. Vua Văn-đế giao những bài sách ấy cho các công khanh xét, có nhiều người bác đi, thành ra vua không dùng. Ông bèn làm bài ca đông-chinh (1) rồi bỏ về quê dạy học.

Văn-đế nghe bài ca ấy lại vời ông vào, nhưng ông không vào. Đến đời vua Đạng-đế mấy lần trung-triệu ông vào làm quan, ông từ chối không đi. Lúc ấy có quan đại thần là Dương Tổ rất tôn kính ông và cho người đến mời ông ra làm quan, ông nói rằng: « Ở chỗ khúc sông Phần này có mấy gian nhà nát của tiên-nhân để lại khả dĩ tránh gió mưa, có ruộng khả dĩ đủ cơm cháo, gậy đàn cầm, làm sách, giảng việc đạo, khuyên việc nghĩa, đủ tự vui vậy. Không cầu ra làm quan ». (*Trung-thuyết, Sự-quân*).

Tính ông giản-dị, nhân-hậu, áo quần không hề dùng đến đồ gấm vóc, đồ ăn uống đơn sơ. Thường khi có việc đào sông đắp đê, ông vác thuồng quốc đi làm với người làng, và nói rằng: « Ta là người binh-dân vậy. »

(1) Đông-chinh là đi về phương đông.



Khi ông ở đất kinh-kỳ thường nói chuyện với những kẻ quyền-quí trong triều, thấy người thì chỉ chuyên về mặt chính-trị, không nghĩ gì đến việc giáo-hóa, người thì bàn văn-chương, không biết đến nghĩa lý, ông lấy làm lo cho vương-đạo, không thể dấy lên được. Ông bèn làm sách nối thêm kinh Thi, kinh Thư, sách Lễ-luận, Nhạc-luận, sách Nguyên-kinh, sách tán đạo Dịch, cả thảy mất chín năm thì xong.

Đến năm Đại-nghiệp thứ 13 (316) đời vua Đạng-đế nhà Tùy, ông mất ở nhà, thọ được 32 tuổi. Học-trò đặt tên thụy là Văn-trung-tử 文中子. Học-trò lại nhặt những lời giảng-đu và ghi chép đức hạnh của ông làm thành sách, gọi là Văn-trung-tử trung-thuyết 文中子中說 hiện còn truyền ở đời.

Những sách của ông soạn ra, thì về sau trong nước loạn-lạc, giặc cướp nổi lên, đều bị đốt phá mất cả. Học-trò của ông từ phương xa đến học rất nhiều, mà những người thành-đạt hơn cả là Đồng Thường 董常, Tiết Du 薛攸, Cửu Chương 仇璋, Trình Nguyên 程元, Đỗ Yêm 杜淹, Bùi Hy 裴晞, Vương Khuê 王珪, Ngụy Trưng 魏徵, Phòng Huyền-Linh 房玄齡, Đỗ Như-Hối 杜如晦, Lý Tĩnh 李靖, Lý Mật 李密, Đậu Uy 竇威, Trần Thúc-Đạt 陳叔達, Diêu Nghĩa 姚義, Ôn



Ngạn-Bác 溫彦博 v. v., kể đến mấy chục người, phần nhiều là những danh-thần hồi Đường sơ.

**Học - thuyết của Vương Thông.** — Sách *Trung - thuyết* của môn-đệ ông làm ra, bắt chước lối sách *Luận-ngữ*, có ý tôn ông như Khổng-tử làm sáng đạo Nho vậy. Mà chính ông cũng có ý tự nhận mình là người nối Khổng-tử đem đạo Nho thi-hành ra ở đời. Xem như các sách của ông làm đều là nói thêm sáu Kinh, mà sách *Nguyên-kinh* lại giống như kinh *Xuân-thu*, nói chuyện các vua từ đời Hán đến đời Lục-Triều. Chỉ tiếc những sách ấy mất đi, nay không thể biết được cái giá-trị là thế nào.

Ông giải nghĩa *tam tài* rằng: « Trời là thống nguyên khí, chứ không phải là chỉ nói cái vàng lũng-lộng và xanh-xanh mà thôi. Đất là thống nguyên hình, chứ không phải là nói núi sông gò đồng mà thôi. Người ta thống nguyên thực 識, chứ không phải là nói đầu tròn chân vuông mà thôi » (*Trung-thuyết, Lập-mệnh*). Nghĩa là Trời chủ cái khí, đất chủ cái hình, người chủ cái biết.

Người là một vị trong tam tài có trí-thức hơn cả vạn vật, tất là phải giữ cách ăn-ở cho hợp đạo lý. Bởi vậy, đối với cách xử thế tiếp vật, ông nói nhiều điều rất có nghĩa lý. Ông



thấy thiên-hạ tranh lợi bỏ nghĩa, rất lấy làm phàn-nản, và nói rằng: « Xả kỳ sở tranh, thủ kỳ sở khí, bất diệc quân-tử hồ! 捨其所爭, 取其所棄, 不亦君子乎! Bỏ cái người ta tranh nhau, lấy cái người ta bỏ, thế chẳng là quân-tử lắm sao! » (Trung-thuyết, Chu công). Ông cho những kẻ hiếu danh hiếu lợi là rất tiều-nhân. « Ái danh thượng lợi, tiều-nhân tai! 愛名尚利, 小人哉: Yêu cái danh chuộng cái lợi là tiều-nhân vậy thay! » (Trung-thuyết, Văn-Dịch).

Trong sự người ta giao kết với nhau là cần phải có tin nghĩa, chứ nếu chỉ vì thế lợi thì không bao giờ bền. « Dĩ thế giao giả, thế khuyh tắc tuyệt; dĩ lợi giao giả, lợi cùng tắc tán. Cố quân tử bất dĩ giả 以勢交者, 勢傾則絕; 以利交者, 利窮則散, 故君子不與也: Người lấy thế mà giao, thì thế nghiêng là tuyệt; người lấy lợi mà giao, thì lợi hết là tan. Cho nên quân-tử không ưa vậy » (Trung-thuyết Lễ-nhạc).

Người quân-tử phải lấy lễ nghĩa và cái đức làm trọng, chứ không trọng tài lợi. Nhất là về đường hôn thú mà cầu của cải thì thật dở: « Hôn thú nhi luận tài, di lỗ chi đạo giả 婚娶而論財, 夷虞之道也: Hôn thú mà bàn đến của là cái đạo của mọi rợ vậy » (Trung-thuyết, Sự-quân).



Hỏi cái nghĩa sinh với tử là thế nào? Ông nói rằng: « Sinh dĩ cứu thời, tử dĩ minh đạo: 生以救時, 死以明道: Sống để cứu thời, chết để làm cho sáng đạo. » Hỏi thế nào là anh hùng? Ông nói rằng: « Tự tri giả anh, tự thắng giả hùng 自知者英, 自勝者雄: Người tự biết mình là anh, người tự thắng được mình là hùng » (Trung-thuyết, Chu-công).

Đối với việc chính-trị, thì ông cho là hay dở cốt ở người, chứ không phải ở chế-độ. Ông nói rằng: « Thông kỹ biến, thiên-hạ vô tề pháp; chấp kỹ phương, thiên-hạ vô thiện giáo. cổ viết: tồn hồ kỹ nhân 通其變, 天下無弊法; 執其方, 天下無善教. 故曰: 存乎其人: Thông sự biến thì thiên-hạ không có phép bậy; cố chấp một phương-pháp, thì thiên-hạ không có sự giáo-hóa hay. Cho nên nói rằng: Cốt ở người » (Trung-thuyết Chu-công).

Cái học của ông lấy sự chấp-trung làm gốc. Ông nói rằng: « Thiên biến vạn hóa, ngô thường thủ trung yên 千變萬化, 吾常守中焉: Nghìn biến muôn hóa, ta thường giữ đạo trung vậy » (Trung - thuyết, Chu-công). Bởi vậy đối với các học-thuyết khác tuy ông không ưa, nhưng ông cũng không công-kích. Hỏi cái đạo trường-sinh của phái thần-tiên bên Đạo-giáo là thế nào? Ông nói rằng:



« Nhân nghĩa không sửa, hiếu đễ không dựng, trường sinh mà làm gì ? » (*Trung-thuyết, Lễ-nhạc*). Hỏi Phật là thế nào ? Ông nói rằng : « Phật là thánh-nhân vậy, nhưng đối với cái đạo của Phật thì lịch-sử và phong-thổ nước Tàu không tương dung được ». (*Trung-thuyết, Chu-công*). Ông tin Nho-giáo là rất hay, cho nên một hôm ông vào chơi miếu Khổng-tử, rồi ra hát mà nói rằng : « Lớn vậy thay ! Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ, là nhờ cái sức của Phu-tử vậy ». (*Trung-thuyết, Vương-đạo*).

Đại để những điều ông nói đó, là quan-hệ về phần hình-nhi-hạ, còn về phần hình-nhi-thượng thì ông có ý cho tam giáo có chỗ tương đồng với nhau, cho nên khi đọc xong thiên Hồng-phạm rồi, nói rằng : « Tam giáo ư thị hồ khả nhất hỹ 三教於是乎可一矣 : Ba tôn-giáo ở đây có lẽ hợp làm một vậy ». (*Trung-thuyết, Văn-Dịch*). Đó là cái ý thâm-viên của ông, mà ta nay không có thể xét được, là vì những sách của ông làm ra đều mất hết cả.

Ông có công làm cho phần-chấn Nho-học trong khi đạo thuật đương suy-hoại, và thành-tựu cho bọn hậu-tiến, nên chỉ về sau Tống nho như Chu Hối-am, Lục Tựơng-sơn đều khen ngợi, cho cái học của ông có chỗ



thực-dụng hơn Tuân-tử đời Chiến-quốc, Dương Hùng đời Hán và Hàn Dũ đời Đường vậy.

### HÀN DŨ

Hàn Dũ 韓愈, tự là Thoái-chi 退之, người đất Nam-dương, thuộc tỉnh Hồ-bắc ngày nay. Ông sinh vào năm Đại-lịch thứ ba (768) đời vua Đại-tôn nhà Đường. Thừa ông lên 8 đã đọc được các sách, đến khi lớn lên thông hiểu hết các Kinh Truyện và bách-gia. Năm Trinh-nguyên thứ 8 (792) đời vua Đức-tôn nhà Đường, ông mới có 25 tuổi đã thi đỗ tiến-sĩ, ra làm chức Giám-sát ngự-sử.

Ông là người phẩm hạnh kiên-chính, nói thẳng không sợ ai, cho nên làm quan thường hay bị giáng-truất. Sau ông làm đến chức Lại-bộ Thị-lang thì mất. Thọ được 58 tuổi.

**TÍNH VÀ TÌNH.** — Hàn Dũ là một nhà văn-chương trác-tuyệt, chứ không phải là kẻ học-giả tinh-thâm. Văn của ông làm rất nhiều, rất hay và làm theo lối cổ-văn, không hề có đạo-tập tiên-nhân câu nào. Ông nhân làm văn mà thấy đạo, rồi lấy nghĩa câu: « Triêu văn đạo tịch tử khả hỹ » làm chỗ sở đặc của mình.



Cái học của ông rút lại là chỉ bàn về tính và tính, cùng là nói về cái đạo thực-hành của Nho-giáo. Ông nói ở thiên Nguyên-tính 原性 rằng: « Tính là cùng với sự sinh mà có, tính là tiếp với vật mà có. Tính có ba phẩm là: thượng, trung, hạ. Thượng phẩm là chỉ thiện mà thôi; trung phẩm là có thể đem đến thượng phẩm hay là hạ phẩm được; hạ phẩm là chỉ có ác mà thôi. Tính chia ra làm năm là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đối với năm tính ấy, bậc thượng phẩm chủ ở một tính mà thi-hành ra cả bốn tính; bậc trung phẩm thì thiếu mất một tính, mà cái thiếu ấy thiếu lây đến cả bốn tính; bậc hạ phẩm thì phản lại với một tính mà trái cả với bốn tính. « Tính cũng có ba phẩm là thượng, trung, hạ, và chia ra làm bảy tình, là: Hi, nô, ai, cụ, ái, ố, dục. Đối với bảy tình ấy, bậc thượng phẩm, hễ động thì lấy đạo trung làm cốt; bậc trung phẩm có cái thậm quá, có cái không có, song vẫn phải cầu cho hợp với đạo trung; bậc hạ phẩm thì có cả cái không có và cái thậm quá, rồi cứ thế mà hành-động.

« Mạnh-tử nói tính rằng: tính của người là thiện; Tuân-tử nói tính rằng: tính của người là ác; Dương-tử nói tính rằng: tính của người thiện ác lẫn-lộn. Phạm trước thiện, mà sau làm ác, hoặc trước ác mà sau làm thiện, hoặc trước thiện ác lẫn-lộn mà



sau làm thiện làm ác, đều lấy bậc trung mà bỏ bậc thượng bậc hạ, được một mà mất hai vậy ».

Hàn Dũ lấy lịch-sử mà làm chứng rằng : « Có người mới sinh ra đã có tính ác hiển-hiện ra ở tướng-mạo, hay ở tiếng kêu, tiếng khóc, như thế thì tính của người ta có quả là thiện đâu. Có người mới sinh ra điều gì cũng thiện cả, như thế thì tính của người ta có quả là ác đâu. Có người sinh ra, nuôi ở chỗ chí thiện, mà sau hóa ra ác, hoặc nuôi ở chỗ chí ác mà sau hóa ra thiện, như thế thì tính của người ta có quả là thiện ác lẫn-lộn đâu ». Ông kết-luận rằng : « Mạnh-tử, Tuân-tử, và Dương-tử bàn về tính đều lấy bậc trung mà bỏ bậc thượng và bậc hạ, được một mà bỏ mất hai ».

Vậy thì bậc thượng, bậc hạ, của tính có biến đổi đi được không ? Hàn Dũ cho là : « Cái tính bậc thượng càng học càng sáng thêm, cái tính bậc hạ có thể làm cho sơ uy mà ít phạm tội được. Cho nên bậc thượng thì có thể học thêm, bậc hạ thì có thể tái-chế được. Còn như cái phẩm của những bậc thượng, trung, hạ, đã sinh ra thế nào thì cứ thế, cho nên Khổng-tử bảo là *bất di* ». Đó là cái ý-kiến của ông đối với cái thuyết nói về tính tình. Song ông cũng nói qua như thế mà thôi, chứ không bàn cho hết lý.



Bài Phật Lão, tôn Nho-giáo. — Hàn Dũ thâm mộ Mạnh-tử, cho cái công bài-xích họ Dương, họ Mặc, không kém gì cái công trị thủy của vua Hạ Vũ, cho nên ông có chí nổi Mạnh-tử mà công-kích Phật-học và Lão-học, để làm cho sáng đạo Nho.

Đối với Phật-giáo thì ông tỏ ra là người chưa hiểu rõ cái nghĩa tinh-vi của đạo Phật, cho nên những điều ông công kích chỉ quan-hệ cái hình-thức bề ngoài mà thôi. Ông thường nói rằng: « Vua không ra lệnh, thì mất cái sở dĩ làm ông vua; tôi không thi-hành cái lệnh của vua, mà đạt cho đến dân, thì mất cái sở dĩ làm người tôi; dân không làm ra thóc gạo và các đồ dùng, không thông những tài-hóa để thờ bề trên, thì phải giết. Nay cái phép của Phật là phải bỏ cái nghĩa vua tôi, bỏ cái tình cha con, cấm cái đạo tương sinh tương dưỡng, để cầu lấy cái gọi là thanh tịnh tịch diệt ». Ông cho như thế là trái với cái đạo luân-thường. Sau nhân vua Hiến-tôn nhà Đường (806-820) rước cái xương Phật về thờ trong cung ba ngày, rồi đưa ra để thờ ở một cái chùa. Những vương công và sĩ dân đua nhau đến cúng lễ tấp-nập. Ông lấy làm ghét, dâng tờ biểu đại lược nói rằng: « Tự Hoàng-đế cho đến vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Vũ đều hưởng thọ lâu dài, trăm họ yên vui, mà thừa ấy chưa có



Phật vậy. Đến đời vua Minh-đế nhà Hán mới có Phật-pháp, về sau cứ loạn-lạc mãi, các vua trị vì chẳng được bao lâu. Nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần, cùng nhà Nguyên-Ngụy, thờ Phật càng ngày càng thêm kính-cần, thế mà niên-đại rất chóng. Duy có vua Vũ-đế nhà Lương ở ngôi được 48 năm, ba kỳ xả thân đi làm tăng, sau bị giặc Hậu-Cảnh bức phải chết đói. Thờ Phật cầu phúc mà lại phải vạ. Lấy đó mà xem, thờ Phật không nên tin, cũng khả biết vậy. Phật là người cõi ngoài, không biết cái nghĩa vua tôi, cái ân cha con. Giả như còn sống, Bệ-hạ dung- nạp tiếp-kiến ở điện Tuyên-chính, chẳng qua bày ra một tiệc khách lễ, ban cho một bộ áo, rồi mới về phương tây, đừng để làm mê-hoặc nhân-chúng. Huống chi cái xương khô ấy há nên để trong cung-cấm. Xin đem cái xương ấy giao cho hữu-ti, ném xuống chỗ nước lửa để đoạn-tuyệt cái lòng mê-hoặc của người đời sau. Nếu Phật có thiêng, phạm những điều họa ương, xin để một mình tôi chịu».

Vua Hiến-tôn được tờ biểu ấy, giận lắm, toan bắt Hàn Dũ đem giết đi, sau nhờ có các quan can ngăn, mới đày ông ra làm thứ-sử ở đất Triều-châu, thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay.

Đổi với Lão-giáo thì ông cho Lão-tử nói bỏ nhân và nghĩa là lời nói riêng của một người,



chứ không phải là lời nói công của thiên-hạ. Vì cái sở kiến của Lão-tử nhỏ cho nên mới cho nhân và nghĩa là nhỏ. Cũng như người ngồi dưới giếng trông lên trời, bảo trời là nhỏ vậy.

Hàn Dũ là một nhà văn-sĩ thiên trọng về đường đạo-đức, chứ không phải một nhà có tu-tướng cao-siêu, đạt tới lý-tướng hình-nhi-thượng, cho nên những lời ông "phê-bình Phật-học và Lão-học vẫn là thô-thiền. Cho đến Nho-học, ông cũng chỉ chú-trọng ở phần hình-nhi-hạ mà thôi, chứ không đạt tới chỗ uyên-thâm của Khổng-giáo. Ông làm thiên Nguyên-đạo 原道 nói rằng: « Rộng lòng yêu gọi là nhân, làm mà phải gọi là nghĩa, noi con đường ấy mà đi gọi là đạo, đủ ở trong mình, không đợi ở ngoài, gọi là đức. Ta xưa nay gọi là đạo-đức, là hợp nhân với nghĩa mà nói vậy. Bậc đế và bậc vương danh hiệu có khác nhau, nhưng làm bậc thánh thì cũng như nhau. Mùa hạ mặc áo cát, mùa đông mặc áo cừ, khát thì uống, đói thì ăn, sự tuy khác nhau, nhưng làm cái chí thì như nhau. Nay kẻ kia lại nói rằng sao chẳng bắt-chước như đời thái-cổ mà làm việc vô-vi, vô-sự. Ấy khác nào trách kẻ mùa đông mặc áo cừ, mà nói rằng sao chẳng mặc áo cát, trách kẻ đói bụng tìm ăn, mà nói rằng sao chẳng uống nước.



Sách *Đại-học* nói rằng : đời xưa muốn sáng cái đức sáng với thiên-hạ, thì trước hết phải trị nước ; muốn trị nước, thì trước hết phải tề gia ; muốn tu thân thì trước hết phải chính tâm ; muốn chính tâm thì trước hết phải thành ý. Thế thì đời xưa bảo chính tâm, thành ý đó, có phải là vô vi đâu, là toan để hữu vi vậy. Nay kẻ kia muốn trị cái tâm, mà lại để cái tâm ra ngoài sự thiên-hạ quốc-gia, làm tuyệt-diệt mất cái đạo của Trời, làm con mà chẳng coi cha là cha, làm tôi mà chẳng coi vua là vua, làm chồng mà chẳng coi vợ là vợ, làm vợ mà chẳng coi chồng là chồng, làm học-trò mà chẳng coi thầy là thầy, làm bạn mà chẳng coi bạn là bạn, làm dân mà chẳng coi việc sĩ, nông, công, cò, là việc mình, thì mấy nỗi mà chẳng hóa ra rợ mọi vậy. Ôi ! nói rằng giáo-hóa của tiên-vương là thế nào ? Về văn-chương thì kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân-thu ; về phép-tắc thì lễ nhạc và hình chính ; về việc dân thì sĩ, nông, công, cò ; về trật-tự thì quân thần, phụ tử, sư sinh, bằng hữu, tân chủ, huynh đệ, phu phụ ; về đồ mặc thì tơ gai ; về chỗ ở thì nhà cửa ; về đồ ăn thì thóc gạo, rau quả, cá thịt. Cái đạo ấy dễ hiểu, cái giáo ấy dễ làm. Cho nên lấy đó để sửa mình thì thuận và rõ, lấy đó để giúp người thì thiện mà công, lấy đó để trị



cái tâm thì hòa mà bình, lấy đó để làm việc thiên-hạ quốc-gia thì đối với điều gì mà chẳng xứng đáng. Cho nên sống thì vui được cái tình thực, chết thì hết được lẽ thường. Tế Giao thì Trời và thần chứng, tế nhà miếu thì tồ-tiên hưởng. Đạo ấy là gì? Là đạo xưa nay ta gọi là đạo, chứ không phải là đạo kẻ viên-vông kia gọi là đạo vậy.

« Vua Nghiêu lấy đạo ấy truyền cho vua Thuấn; vua Thuấn lấy đạo ấy truyền cho vua Vũ; vua Vũ lấy đạo ấy truyền cho vua Thang; vua Thang lấy đạo ấy truyền cho vua Văn, vua Vũ và Chu-công; vua Văn vua Vũ và Chu-công lấy đạo ấy truyền cho Khổng-tử; Khổng-tử lấy đạo ấy truyền cho Mạnh Kha; Mạnh Kha chết rồi thì đạo ấy mất truyền. Tuân Huống, Dương Hùng học đạo mà chẳng tinh, nói đạo mà chẳng tường. Tự Chu-công trở lên, đạo ở kẻ làm vua làm tướng, cho nên sự nghiệp hiện hành; từ Chu-công trở xuống, đạo ở kẻ sĩ, cho nên cái thuyết nói nhiều lời. Thế thì nên làm thế nào? Rằng cứ phát-minh cái đạo của tiên-vương để dạy đời, ngõ hầu có thành-công vậy ».

Chủ ý của Hàn Dũ nói ở thiên *Nguyên-đạo* này là bác cái học Lão-giáo và bày cái đạo thực-hành của Nho-giáo ra. Và xem cái ý nói



ở đoạn cuối cùng, thì ông muốn lấy việc truyền đạo-thống của Khổng Mạnh làm trách-nhiệm của mình. Song xét ra ông chỉ là một nhà làm văn giỏi mà thôi, chứ không phải là nhà học-giả tìm đến chỗ sâu xa huyền-bí của Nho-giáo, cho nên lời ngghi-luận của ông, tuy có vẻ rất bóng-bẩy về đường hình-thức, nhưng về đường nghĩa-lý vẫn không đủ. Tuy nhiên, cái công của ông đối với Nho-giáo không nhỏ, là ông cố sức đem cái thực học mà chữa cái học hư-văn của người đương-thời, và nhờ có ông mà cái nền văn-chương đời Đường bỏ bớt được cái lối nịch-nhược của Lục-Triều. Ấy cũng đủ làm một nhà đại danh trong Nho-giáo vậy.

\*  
\*  
\*

Tóm lại mà nói, Nho-giáo đời Tùy và đời Đường tuy có cái phản-động-lực đối với cái học đời Tam-Quốc, Lục-Triều, nhưng cái học phong vẫn không ra ngoài cái phạm-vi từ-chương. Đời nhà Tùy có Vương Thòng muốn văn-hồi cái thực-dụng của Nho-giáo, song các môn-đệ không ai nối được cái chí, thành thử cái học ấy cũng không phát-đạt



được. Qua sang đời nhà Đường, Nho-giáo có phần chấn-hưng hơn trước, nhưng chỉ thịnh về đường văn-chương, chứ về đường đạo-lý vẫn không phát - minh ra được. Xem như người đại-biểu Nho-giáo trứ-danh hơn cả là Hàn Dũ mà cái học cũng không được tinh-thâm, thì đủ rõ cái tinh-thần của Nho-giáo đã suy kém lắm vậy.

Đến khi nhà Đường thất chính, đời Ngũ-Quý binh liên họa kết, cái đức - giáo càng ngày càng kém, kẻ sĩ-phu không có mấy người nghĩ đến sự liêm - sĩ, ai cũng chỉ xu danh trục lợi. Thậm chí những người như Phùng Đạo 馮道 đời Hậu-Đường và Hậu-Tấn làm quan mấy đời triều, mà sau đem thân thờ Khiết-đan, thế mà sĩ-phu còn có người ca-tụng công-đức, thì biết cái học khí-tiết mất hết cả.

Về đường hình thức, thì vào quãng cuối đời nhà Đường, sách vở mới bắt đầu in ra, rồi đến đời Ngũ-Quý lại khoáng-trương thêm hơn lên. Năm Trường-hưng thứ hai (931) đời vua Minh-tôn nhà Hậu-Đường, Phùng Đạo làm tể-tướng, tâu xin sai Quốc-tử-giám hiệu-chính chín Kinh, để in ra bán. Các sách vở nhờ đó mà truyền - bá ra chỗ dân - gian. Mỗi văn-học phổ biến khắp thiên-hạ là bởi cơ-hội ấy vậy.



## THIÊN V

## LƯƠNG-TÔNG THỜI-ĐẠI

## NHO-GIÁO ĐỜI TỔNG

(960 — 1280)

## TÌNH TRẠNG NHO-GIÁO ĐỜI NHÀ TỔNG

Từ Đường mất-diệp trở đi, nước Tàu bị gặc cướp đánh phá, rồi qua sang đời Ngũ-Quý sự chiến-tranh không lúc nào nghỉ, thiên-hạ loạn-lạc; việc Nho-học bỏ nát. Đến khi nhà Tống dấy lên, vua Thái-tổ thấy cái mới loạn thừa ấy thường do bọn võ tướng, không có học, mà lại có nhiều quyền-thế, mới tìm cách dùng văn thần để thay võ tướng. Đó là cái nguyên-nhân làm cho văn-học hưng thịnh lên vậy.

Vua Thái-tổ nhà Tống vừa lên làm vua, thì bắt sửa thêm những học-xá ở Quốc-fủ-giám, tô lại những tượng của Tiên-thánh và thập triết, cùng vẽ những hình của thất-thập-nhi hiên và nhị-thập-nhất tiên nho ở hai bên vách. Thái-tổ tự làm bài tán Tiên-thánh và



Á-thánh, và sai các văn thần chia nhau làm bài tán chữ hiền. Thái-tổ thường bảo các thị thần rằng: « Trẫm muốn các võ thần đều đọc sách để biết cái đạo làm việc trị ». Bởi vậy người trong nước từ quan tư cho chí thường dân, ai cũng quý văn-học.

Vua Thái-tổ lại thấy cái học trọng khí-tiết mất hết, đức giáo thật là suy đồi, cho nên rất chú ý về sự tương-lệ việc trung tiết, để gây thành cái sĩ phong trong học giới.

Đời nhà Tống các vua sùng-bái Khổng-tử và Mạnh-tử rất tôn-trọng. Vua Chân-tôn (998 — 1022) đến yết miếu Khổng-tử ở Khúc-phụ và truy-thụy là *Chi-thánh Văn-tuyên-vương* 至聖文宣王 và phong thất-thập-nhi-đệ-tử cùng nhi-thập-thất-tiên-nho làm công, hầu, bá. Vua Thần-tôn (106 — 1085) phong Mạnh-tử làm Châu-quốc-vương, được cùng Nhan-tử phối tự với Khổng-tử, và lại phong Dương Hùng làm Thành-đô bá, Hàn Dụ làm Xương-lê-bá, cùng thờ ở trong miếu. Đời bấy giờ lại có người xin tôn Khổng-tử làm đế, nhưng vì có nhiều người bàn là không nên, mới thôi. Đến đời Nam-Tống, vua Độ-tôn (1265 - 1275) lại đem Tăng-tử và Tử-Tư cùng với Nhan-tử và Mạnh-tử thờ làm tứ phối.

Nhô-giáo truyền đến thế-kỷ thứ 11, vào quãng đời vua Nhân-tôn (1023-1064) thì thật



là thịnh. Thủa ấy có những danh nho như: Âu - dương Tu 歐陽修 làm bộ sử đời Ngũ-Quí phân biệt rõ kẻ gian người ngay, đem hai chữ liêm-si đề xướng lên, dựng lại cái nền nho-hạnh của sĩ-phu; Hồ Viên 胡瑗 làm chức Quốc-tử-giám trực-giảng, lấy nghĩa lý trong các Kinh mà dạy học-trò, đào tạo ra nhiều nhân tài.

Về đường học-vấn thì lúc ấy có những đại-nho như Triệu Ung, Chu Đôn-Di, Trương Tải, xướng lên cái thuyết lý-học, rồi hai anh em họ Trình là Trình Hạo và Trình Di nổi oai học ấy mà xác lập thành học phái. Đến đời Nam-Tống lại có Chu Hi, Lục Cửu-Uyên chia phái lý-học ra làm cái học đạo-vấn-học và tôn-đức-tinh. Từ đó cái tinh-thần Nho-giáo về đường hình-nhi-thượng lại phát hiện ra, làm cho Nho-học khác với đời Hán và đời Đường, và cái trình-độ triết-học của Nho-giáo cao lên, ngang với Lão học và Phật-học.

Trong khi về đường học-vấn có phái lý-học phát triển ra, thì về đường chính-trị cũng chia ra làm hai đảng: Tân-đảng và cựu-đảng. Tân-đảng có Vương An - Thạch 王安石 đứng đầu, cựu-đảng có Tư-mã Quang 司馬光 đứng đầu. Hai bên đều lấy cái chủ-nghĩa Nho-giáo mà công-kích nhau rất kịch-liệt. Tân-đảng thì muốn theo thời mà sửa đổi, vụ lấy sự phú



quốc cường binh. Cựu-đảng thì nói việc trị cần phải theo chế-độ đời trước, cốt làm cho dân được an cư lạc nghiệp. Thường những danh-nho thời bấy giờ đều theo về cựu-đảng. Tân-đảng và cựu-đảng tranh nhau, lúc tiến lúc thoái, mãi đến cuối đời Nam-Tống mới thôi.

Vương An-Thạch 王安石 tự là Giới-phủ 介甫, là một nhà danh-nho đời Tống, học rộng tài cao, thường có cái muốn bắt-chước cái phép của tiên-vương mà làm cho nước cường thịnh và sửa đổi phong-tục. Nhưng ông cho rằng bắt-chước phép của tiên-vương là bắt-chước cái tinh-thần mà thôi, chứ không cần phải bắt-chước cái chế-độ của tiên-vương. Vậy nên ông muốn cải-cách mọi điều, lấy sức của thiên-hạ để sinh ra của của thiên-hạ, lấy của của thiên-hạ để dùng về việc thiên-hạ. Tự xưa phép trị thiên-hạ chưa từng lấy của không đủ làm lo, chỉ lo không có cái đạo trị của mà thôi. Đó thật là cái tư-tưởng rất mới thừa ấy.

Đến khi vua Thần-tôn lên làm vua, dùng ông làm tể-tướng, ông ra sức thi-hành những tân-pháp và cải-cách sự giáo-dục, bỏ lối học huấn-hồ và chú-sớ của Hán nho và Đường nho, cầu lấy tinh thông nghĩa-lý của thánh hiền chứ không cầu nhớ sách cho nhiều. Những tân-pháp phát hành ra, bọn



Tư-mã Quang, Trình Di, Tô Thức v. v. hết sức phản-đổi, cho làm như thế là trái đạo thánh hiền lưu truyền xưa nay. Bởi có sự phản-đổi ấy cho nên tân-pháp không thành-hiệu. Đến khi Vương An-Thạch đỗ, vua Thần-tôn mất rồi, cựu-đảng lên cầm quyền bèn phá-hoại hết cả.

Cựu-đảng lại chia ra làm ba bọn, gọi là Lạc-đảng, Thục-đảng và Sóc-đảng. Lạc-đảng thì có Trình Di đứng đầu, Thục-đảng thì có Tô Thức đứng đầu, Sóc-đảng thì có học Lưu An-Thế đứng đầu. Những đảng ấy công-kích nhau, đảng này thắng lợi thì cấm sự hành-động của đảng kia, thành ra việc chính-trị cứ thay đổi luôn, không có hiệu-quả gì cả.

Về đường học-thuật, thì thành ra hai phái : Vương-phái là phái theo cái học của Vương An-Thạch và Trình-phái là phái theo cái học của Trình Di. Vương-phái thì bỏ thi phú và lối học hư-văn của đời trước, nhưng lại quá thiên về đường thực dụng, mà xa mất cái đại-chỉ của Nho-giáo. Trình-phái thì nghiên-cứu cái đại-nguyên của trời đất và cái bản-thể của nhân-tính, làm sáng rõ cái di ý của thánh hiền, nhưng lại bỏ mất phần thiết-thực của Không-học. Hai phái ấy lúc lên lúc xuống : Vương-phái thì mạnh ở bọn học quan ; Trình-phái thì mạnh ở chỗ trường-môn, thầy trò



thụ thụ cho nhau và lan ra chỗ dân gian. Đến đời Nam-Tống có Chu Hi nổi cái học của họ Trình mà làm cho có thể-lực rất mạnh.

**Sự mở-mang và sửa đổi việc học.** — Đời vua Thái-tổ nhà Tống, năm Khai-bảo thứ sáu (973) có kỳ thi tiến-sĩ, quan coi việc thi, thiên tư, lấy người không công, thành ra có nhiều người kêu. Vua Thái-tổ bèn ra ngự ở Giảng-võ-điện, cho cả những người đã trúng cử và không trúng cử vào thi lại. Lần ấy lấy tiến-sĩ và các khoa được 127 người cập-đề. Thi xong vua ban yến và ban cho tiền 20.000. Lệ điện-thí khởi đầu từ đó.

Đến đời vua Thái-tôn (976-997) lập Sùng-văn-viện, chứa hơn 80.000 quyển sách và lại sai quan in sách Sử-ký và các sách đời Hán. Những sách vở từ đó in ra rất nhiều.

Đời vua Nhân-tôn, năm Khánh-lich thứ ba (1043) lập nhà Tứ-môn-học cho con kẻ sĩ và con người thường dân vào học, và lại mở rộng nhà Thái-học, nuôi sinh-viên đến 200 người. Vua Nhân-tôn lại xuống chiếu đặt nhà học nhà hiệu ở các châu huyện. Lúc ấy sự văn-giáo rất thịnh, không kém gì đời nhà Đường. Song sự học vẫn theo lối khoa cử như những đời trước. Bấy giờ quan Tể-tướng là Phạm Trọng-Yêm 范仲淹 thấy lối



học ấy có nhiều điều tệ, bèn đổi lại cách thi cử, bắt phải trước thi luận sách, rồi sau thi thi phú, để khiến kẻ sĩ lưu tâm ở sự trị loạn, và bỏ lối thiếp mặc mà hỏi đại nghĩa các Kinh, để những kẻ học Kinh không chuyên ở sự ký tụng. Song nhân tình không ưa sự cải cách, việc ấy đến khi Phạm Trọng-Yêm thời làm Tể-tướng, lại trở lại như cũ.

Đời vua Thần-tôn, Vương An-Thạch làm Tể-tướng, thi hành tân-pháp, đổi lại việc giáo-dục và cách tuyển-cử. Ông thường nói rằng : « Kẻ sĩ đương lúc trẻ mạnh nên giảng cái chính lý của thiên-hạ. Nay đóng cửa, học làm thi phú, kịp đến khi ra làm quan, việc đời không quen gì cả. Ấy là khoa pháp làm bại-hoại nhân tài vậy ». Ông bèn bỏ lối thi phú và lối thiếp mặc, chuyên lấy kinh nghĩa và văn sách để thi kẻ sĩ.

Vương An-Thạch lại muốn bỏ hẳn lối khoa cử mà lấy những kẻ sĩ ở nhà học ra làm quan, bèn mở rộng nhà Thái-học lập ra tam xá pháp 三舍法, nghĩa là chia học-xá ra làm ba hạng, gọi là ngoại xá, nội xá và thượng xá. Học-trò mới vào học thì ở ngoại-xá. Học một năm rồi, ai đỗ thì vào học ở nội-xá. Học ở nội xá một năm rồi thì lên thượng-xá. Sau lại đặt ra học lệnh, định những học-sinh ở thượng xá chia ra làm ba bậc. Ai thi đỗ bậc thượng đẳng, thì được miễn diện-thí, ai thi



Đỗ bậc trung đẳng thì được miễn Lễ-bộ thi, ai thi đỗ bậc hạ đẳng thì được miễn giải thi.

Vương An-Thạch lại cùng với con là Vương Tử-Phương và Lữ Huệ Khanh thích nghĩa kinh Thi, kinh Thư và kinh Chu-Lễ, gọi là *Tam kinh tân nghĩa* 三經新義, bắt các quan coi việc thi cử phải theo mà hỏi học-trò. Còn những lời huấn-hỗ, chú-sớ, của tiên nho thì bỏ hết. Sau Vương An-Thạch làm bộ *Tư thuyết* 字說, nói cả Phật-học và Lão-học, để lấy mà dạy học-trò. Đến khi Vương An-Thạch bãi chức, cựu-đảng lên lại bỏ cả. Lời khoa-cử tuy về sau có chằm-chước cả tân và cựu, chia thi phú và kinh nghĩa ra làm hai khoa, nhưng rút cục lại vẫn không bỏ được, và nho-học vẫn không ra được cái vòng từ phú.

Song đó là chỉ nói cái thể-lệ và cách tổ-chức về việc học, chứ về đường học-vấn, thì từ đời vua Nhân-tôn trở đi, phái lý-học rất thịnh ở chỗ thôn-dã, rồi đến cuối nhà Nam-tống, vua Lý-tôn (1225 - 1266) rất tôn sùng cái học của phái ấy mới biểu-chương họ Trình và họ Chu, đem Chu Liêm-kê, Trương Hoành-cử, Trình Minh-đạo, Trình Y-xuyên và Chu Hối-am vào tòng tự ở Khổng-miếu, lấy những sách của Chu Hối-am liệt ra ở học-quán. Từ đó phái lý-học mới thành thế-lực, trong triều ngoài dã đầu đầu cũng tôn sùng. Lúc ấy nhà Tống đã sắp mất, nhưng nhà Nguyên, nhà



Minh và nhà Thanh đều theo nhà Nam-Tống lấy phái lý-học làm chính tông của Nho-giáo vậy.

**Danh nho đời Tống.** — So với các đời, thì danh nho đời Tống nhiều hơn cả. Về đường chính-trị thì có Phạm Trọng-Yêm 范仲淹 và Vương An-Thạch 王安石, về đường học-vấn thì có Hồ Viên 胡瑗, Thiệu Ung 邵雍, Chu Đôn-Di 周敦頤, Trương Tải 張載, Trình Hạo 程顥, Trình Di 程頤, Chu Hi 朱熹, Lục Cửu- Uyên 陸九淵, Trương Thức 張拭, Lữ Tổ-Khiêm 呂祖謙. Về đường văn-chương, thì có Âu-dương Tu 歐陽修, Tư-mã Quang 司馬光, Tăng Cung 曾鞏, Tô Tuân 蘇洵, Tô Thức 蘇軾, Tô Triệt 蘇轍. Đó là kể những người có danh lớn đời bấy giờ. Còn những người như Mai Nghiêu-Thần 梅堯臣, Hoàng Đình-Kiên 黃庭堅, Trần Đạo-Sư 陳道師 v. v. cũng khá nhiều vậy.



## THIÊN VI

## LÝ - HỌC

Xét về đường học-vấn, thì Nho-giáo đời Hán và đời Đường chỉ chú trọng ở cái học công-truyền, nói về mặt chính-trị và luân-lý mà thôi. Còn cái học tâm-truyền nói về đạo lý cao xa, thì các học-giả không ai lưu tâm mà nghiên-cứu đến chỗ uyên-thâm. Bởi vậy, cái trình-độ triết-học của Nho-giáo vẫn kém cái học-thuyết của Lão-giáo và Phật-giáo.

Lão-giáo và Phật-giáo tuy về đường thực-tế có nhiều điều mê-hoặc, nhưng về đường lý-thuyết thì có lắm cái tư-tưởng rất cao xa, cho nên những người dĩnh-đạt thường hay khuynh-hướng về những học-thuyết ấy. Lão-giáo đã thịnh ở đời Tam-Quốc, Lục-Triều, và trải qua đời Đường sang đến đời Tống vẫn còn có thế-lực. Phật-giáo thì đã thịnh từ đời Lục-Triều, rồi đến đời Đường lại thịnh hơn và có những phái đại-thặng như Thiên-tôn 禪宗, Hoa-nghiêm-tôn 花嚴宗, Thiên-thai-tôn 天台宗, đều bàn về cái lý thiên



địa vạn vật nhất thể, có lắm điều rất huyền-diệu, học - giả trong nước nhiều người rất lấy làm tôn sùng. Trong khi ấy Nho-giáo cứ bo bo giữ cái thái-độ tầm-thường, bao nhiêu tư-tưởng chỉ là là ở trên mặt đất, bó buộc người ta trong cái khuôn phép chật-hẹp. Theo cái lý đương-nhiên, thì vật cùng tác biến, tất là phải có cái phản-động-lực, bắt Nho-giáo phải vượt qua khỏi cái khu-vực nhỏ hẹp mà xưa nay đã từng quen, để đem mình bay bổng lên cõi lý-tưởng mà ngắm cảnh biến-hóa của vũ-trụ và xem cuộc xoay-vần của trời đất.

Cái phản-động-lực ấy không phải là đến đời Tống mới bắt đầu có, nguyên cái mầm đã khởi từ khi Dương Hùng, ở cuối đời Tây-Hán, làm sách *Thái-huyền* nói về đạo huyền, sau lại có Vương Thông ở đời Tùy cũng muốn đem cái phần cao diệu của thánh hiền mà phát - huy ra, nhưng vì Vương Thông hưởng thọ không được bao lâu, và cái hoàn-cảnh cũng không tiện-lợi, cho nên cái mầm ấy không sinh nở ra được.

Đến đời nhà Tống, phần thì về đường chính - trị vua quan đều hết lòng tưởng - lễ Nho-học, phần thì về đường học-vấn nhờ có sự đụn-đẩy của Lão-học và Phật-học, các học-giả mới phấn-chấn lên, cố đem cái học tâm-truyền đã mất lâu ngày mà phát huy ra, tìm



những lời vi-ngôn của thánh hiền mà suy diễn ra những ý nghĩa sâu sa, nghiên-cứu về tinh và mệnh, bản luận về lý và khí, lập thành ra một lối Nho-học cao-siêu, khác với các đời trước.

Có một điều ta nên chú ý, là cái tư-tưởng của Nho-giáo đời Tống có lắm chỗ phảng-phất tương đồng với Lão-giáo và Phật-giáo. Sở là cái uyên-nguyên của Nho-giáo do kinh Dịch mà ra, mà kinh Dịch lại là sách bản về lý-học, chung cả bên Lão và bên Nho. Dịch-học cho cái mối đầu của Vũ-trụ là gốc ở lý Thái-cực. Lý ấy độc nhất vô nhị ở trong Vũ-trụ, do động tĩnh mà biến thành âm dương rồi sinh ra vạn vật; vạn vật chung qui lại trở về Thái-cực. Đó là cái lý « đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự » của Khổng-tử đã nói ở thiên *Hệ-tử*. Lý Thái-cực ấy bên Lão-giáo gọi là Đạo 道, bên Phật-giáo gọi là 眞如 (Bhûta Tathatâ), danh hiệu tuy khác nhưng cùng đồng một thể. Bởi cái lý đồng, cho nên các học-thuyết ấy đều theo một chủ-nghĩa « thiên địa vạn vật nhất thể ». Song mỗi một học-thuyết đi ra một đường, là vì cách lập giáo và sự hành đạo khác nhau.

Lão-giáo thì cho vạn vật đều gốc ở Đạo, cuộc đời là cuộc phù-vân, hơi đầu mà đề chí lo nghĩ, người ta chỉ nên cùng với Đạo mà vui chơi trong tạo-hóa, không cần chi đến



nhân nghĩa lễ trí, không thiết gì đến pháp-luật chế-độ, miễn là được thanh-tĩnh vô-vi thì thôi. Phật-giáo thì cho vạn tượng là do Chân-như mà ra, sắc với không cũng là một, sự sinh sinh hóa hóa là cái vọng-niệm, chứ không phải là thực. Cái thực là Chân-như. Khác nào như trăm nghìn ngọn sóng sồi nổi ở trên mặt nước, nhưng chung qui vẫn chỉ có nước là thực. Người ta phải tìm cho thấy cái thực ấy mà quay trở về gốc cũ, đề ra thoát khỏi vòng sinh tử, tức là đến nát-bản, hết cả mọi sự khổ não. Nho-giáo thì cho sự biến-hóa ở trong Vũ-trụ là do sự nhất động nhất tĩnh của Thái-cực mà sinh ra. Vạn vật đã phát hiện ra là thực có, thì chỉ bằng cứ theo cái thực ấy mà hành-động mà sinh-tồn. Sự sinh-tồn của vạn vật không ra ngoài được những điều nhân, nghĩa, lễ, trí, tức là nguyên, hanh, lợi, trinh, của tạo-hóa. Vậy nên người ta ai cũng phải theo những điều ấy mà an vui trong cuộc sinh hóa. Thành thử cái gốc vốn là một, mà cái ngọn thì chia ra khác nhau. Bởi cái tư-tưởng khác nhau như thế, cho nên Lão-giáo và Phật-giáo thì theo cái chủ-nghĩa tiêu-cực, thành ra cái đạo « xuất thế ». Nho-giáo thì theo cái chủ-nghĩa tích-cực, thành ra cái đạo « nhập thế ». Sự đồng dị của ba cái học ấy là căn-nguyên ở đó vậy.



Vì chúng có cái chủ-nghĩa tích-cực, cho nên Nho-giáo rất trọng sự thực-tế, và cũng bởi thế mà các học-giả thường chỉ chú trọng ở phần hình-nhi-hạ, nghĩa là chỉ bàn về những điều nhật dụng thường hành, chứ không hay xét đến chỗ cao-siêu. Đến đời Tống các học-giả mới chú ý đến phần hình-nhi-thượng mà suy xét đến chỗ nguồn gốc của Vũ-trụ và bàn đến cái bản-thể của Thái-cực.

Nho-giáo đời Tống sở dĩ đột-nhiên vượt lên đến chỗ cao-siêu ấy, là bởi có cái ảnh-hưởng của Lão-học và Phật-học. Tuy Tống nho thường hay phản-đối hai cái học ấy, nhưng chính đó là cái bằng-chứng rõ-ràng là Tống nho đã chịu cái ảnh-hưởng ấy. Thường là bởi có chịu cái thế-lực nào, mới có sự phản-đối cái thế-lực ấy. Nho-giáo đời Tống cũng vậy, vì có cái thế-lực của Phật-giáo và Lão-giáo, cho nên mới lập ra phái lý-học để cùng nhau tương đối mà sinh-tồn ở trong xã-hội. Và những người sáng-lập ra phái ấy phần nhiều là người đã học qua Lão-học và Phật-học cả.

Phái lý-học đã thành lập rồi, có người thấy nhiều cái tư-tưởng tương tự như Lão-học và Phật-học, mới chê rằng Tống nho hiểu lầm mất cái tôn-chỉ của Nho-giáo, chứ không biết rằng đó chính là chỗ Tống nho



đã hiểu rõ cái đạo của thánh hiền. Muốn biết cái học của Tống nho thật không trái với cái học Khổng Mạnh, thì cứ xem các lý-thuyết của những học-giả thời bấy giờ đều uyên-nguyên cả ở trong các Kinh, Truyện, chứ không có điều gì là bịa đặt ra cả. Nếu về phần hình-nhi-thượng mà có chỗ thấy Tống nho khác với Khổng-học nữa, thì cũng chỉ khác ở trong khoảng hào ly mà thôi, chứ không đến nỗi sai lầm hẳn. Chỉ có chỗ sai lầm quan-hệ hơn cả là chỗ hình-nhi-hạ. Vì cái cách hành đạo của Tống nho có nhiều chỗ không đúng với cái tinh-thần của Khổng-học. Đó là bởi cái học thượng-lễ của Trương Hoành-cử, Trình Y-xuyên và Chu Hối-am mà thành ra vậy. Song xét cái đại-cương, thì về đường học-vấn, Tống nho thật đã đạt tới cái phần uyên-thâm của Nho-giáo, và đã có công làm cho sáng rõ phần ấy ra. Như thế, thì nói rằng Tống nho nối được đạo thống của Khổng Mạnh, tưởng không phải là lầm vậy.

Phái lý-học đời nhà Tống theo cái tôn-chỉ của Nho-giáo, lấy cái tinh bản-nhiên của trời đất làm cái thể của vạn vật, tức là theo cái thuyết « thiên địa vạn vật nhất thể » làm cái đạo nhất-quán. Phái ấy đem lý Thái-cực vào trong lòng người ta mà mở rộng ra, để bao-quát được cả Vũ-trụ. Cái lý-thuyết ấy tuy trước Dương Hùng đã nói ở sách Thái-huyền,



nhưng đến Tống nho mới phát-minh ra rõ-ràng, và lại giải được rõ cái nghĩa « dự thiên địa tham » nói ở sách *Trung-dung*. Người là một giống nhỏ mọn, nhưng vì cùng bầm-thụ một cái lý Thái-cực như trời đất, hễ ai biết lấy sự thành 誠 mà theo cái đạo trung-hòa của trời đất, thì có thể ngang với trời đất được. Đó là phần trọng-yếu trong cái học-thuyết của phái lý-học, mà thật không sai với cái tôn-chỉ của Nho-giáo.

Đã nói rằng phái lý-học có chịu cái ảnh-hưởng của Lão-học, mà thật thế, người gây thành cái tiên-thanh cho phái ấy chính là một nhà Lão-học, trứ danh về thuật-số-học. Người ấy là Trần Đoàn 陳搏, tự là Đồ-nam 圖南, hiệu là Hi-di 希夷, ở vào lúc Tống sơ, quang thế-kỷ thứ X. Trần Đoàn rất tinh thâm Dịch - lý, thường lấy cái học ấy mà xét vận mệnh của trời đất. Từ đó có nhiều người chú ý về Dịch-học. Đến thế-kỷ thứ XI, đời vua Nhân-tôn nhà Tống mới có Thiệu Ung và Chu Đôn - Di theo lý-thuyết trong kinh Dịch mà xướng lên cái thuyết lý-học.

Thoạt kỳ thủy, phái lý-học có hai thuyết. Một thuyết thì lấy tượng số mà xét vận mệnh của trời đất, rồi suy diễn ra sự hành - động của vạn vật. Một thuyết thì lấy thuần túy triết-học mà bàn về đạo - lý và tâm tính,



Thuyết thứ hai này sau lại phân ra thành một thuyết nữa, lấy tâm-học làm yếu-linh. Gồm cả lại mà nói, thì phái lý-học đời nhà Tống có tất cả là ba thuyết, cùng một gốc mà khác ngọn.

Thuyết thứ nhất có Thiệu Ung làm đại-biểu, nhưng về sau không thịnh-hành được, là vì học theo thuyết ấy cần phải có người tinh thâm thuật-số mới học được. Thuyết thứ hai có Chu Đôn - Di làm đại - biểu, rồi có Trương Tải, Trình Hạo và Trình Di mở rộng thêm ra. Sau đến đời Nam - Tống có Chu Hi tập đại thánh mà lập ra một học-thuyết nói về sự vấn-học. Cái học của Chu Hi chuyên trị về mặt công truyền, rất thịnh hành ở đời Minh và đời Thanh. Thuyết thứ ba có Lục Cửu-Uyên, cùng đồng thời với Chu Hi, theo cái tâm học của Mạnh-tử chuyên trị về sự tôn đức-tính. Thuyết này đến đời nhà Minh có Vương Thủ-Nhân mở rộng thêm ra và lập thành một phái tâm - học có tinh - thần rất mạnh. Vậy nay ta theo các học-thuyết của phái lý - học mà chia ra làm tượng-số-học, đạo-học và tâm-học.



## I

## TƯỢNG - SỐ - HỌC

## THIỆU UNG

Cái học tượng-số phát ra từ Trần Đoàn rồi đến Thiệu Ung mới thành lập. Thiệu Ung 邵雍, tự là Nghiêu-phu 堯夫, thụy là Khang-tiết 康節 (1011-1077), người phủ Vệ-huy, tỉnh Hà-nam, thụ nghiệp Lý Chi-Tải 李之才, thuộc về học phái của Trần Đoàn.

Thiệu Khang-tiết là người có đức hậu tài cao, học rất rộng, hiểu rõ cái bí truyền của hà - đồ và tiên - thiên tượng số. Tính ông không tham danh lợi, mấy lần vua nhà Tống triệu ra làm quan, ông cáo bệnh không chịu ra.

Những sách của ông làm và còn truyền ở đời là *Hoàng-cực kinh-thế* 皇極經世; — *Tiên-thiên-đồ*; 先天圖; — *Ngư-tiêu vấn-đối* 漁樵問對; — *Vô-danh-công truyện* 無名公傳.

**Hoàng-cực kinh-thế.** — Trong những sách ấy có sách *Hoàng-cực kinh-thế* là trọng-yếu



hơn cả. Sách ấy làm theo lý-thuyết kinh Dịch và kinh Thái-huyền của Dương Hùng, có 60 thiên, nói về tượng-số của trời đất, sự biến hóa của lý Thái-cực và đạo của thánh hiền, Thiệu Khang-tiết lấy những quẻ của vua Phục-Hi đã vạch ra mà định tượng số, lập thành một học-thuyết.

Ông nói rằng; « Vật mà lớn thì không gì bằng trời đất, thế mà cũng có chỗ hết, Cái lớn của trời thì đến âm dương là hết. Cái lớn của đất thì đến cương nhu là hết. Trời bởi động mà sinh ra, đất bởi tĩnh mà sinh ra vậy. Một động một tĩnh giao với nhau, mà cái đạo của trời đất hết vậy. Lúc mới động thì dương sinh, động đến cực thì âm sinh. Một âm một dương giao với nhau, mà cái dụng của trời đất hết vậy. Lúc đầu mới tĩnh thì nhu sinh, tĩnh đến cực thì cương sinh. Một cương một nhu giao với nhau, mà cái dụng của đất hết vậy.

« Cái lớn của sự động gọi là thái-dương, cái nhỏ của sự động gọi là thiếu-dương; cái lớn của sự tĩnh gọi là thái-âm, cái nhỏ của sự tĩnh gọi là thiếu-âm. Thái-dương làm mặt-trời; thái-âm làm mặt-trăng; thiếu-dương làm các ngôi sao, thiếu-âm làm khoáng cao mờ trên trời: nhật, nguyệt, tinh, thần, giao với nhau mà cái thể của trời hết vậy. Thái-nhu làm nước, thái-cương làm lửa; »



thiếu-nhu làm đất, thiếu cương làm đá : thủy, hỏa, thổ, thạch, giao với nhau mà cái thể của đất hết vậy.

« Mặt-trời làm nóng, mặt-trăng làm lạnh, tinh làm ngày, thần làm đêm : nóng, lạnh, tinh, thần, giao với nhau mà sự biến của trời hết vậy. Nước làm mưa, lửa làm gió, đất làm sương, đá làm sấm : mưa, gió, sương, sấm, giao với nhau mà sự hòa của đất hết vậy.

« Nóng biến cái tính của vật, lạnh biến cái tính của vật, ngày biến cái hình của vật, đêm biến cái thể của vật : tính, hình, thể, giao với nhau mà sự cảm của giống động-vật và thực-vật hết vậy. Mưa hóa sự chạy của vật, gió hóa sự bay của vật, sương hóa loài cỏ của vật, sấm hóa loài cây của vật : sự chạy, sự bay, loài cỏ, loài cây, giao với nhau mà sự ứng của giống động-vật và thực-vật hết vậy.

« Người ta đối với nóng lạnh ngày đêm không có lúc nào là không biến ; đối với mưa gió sương sấm không có lúc nào là không hóa ; đối với tinh tình hình thể không có lúc nào là không cảm ; đối với sự chạy sự bay loài cỏ loài cây không có lúc nào là không ứng. Bởi thế mắt trông rõ sắc của vạn vật, tai nghe rõ tiếng của vạn vật, mũi ngửi rõ khí của vạn vật, miệng nếm rõ mùi của vạn vật.



Người ta như thế cho nên linh hơn vạn vật là phải vậy» (Quan vật nội thiên).

Thiệu Khang-tiết lấy cái thể và cái dụng của tứ tượng mà lập thành số, thành đồ, cho nên bao giờ cũng lấy số 4 mà phối-hợp với nhau, như là : nhật, nguyệt, tinh, thần, — thủy, hỏa, thổ, thạch, làm cái thể và cái dụng của trời đất, lấy nóng, lạnh, ngày, đêm, — mưa, gió, sương, sấm, làm sự biến và sự hóa của trời đất ; lấy tinh, tinh hình, thể, — chạy, bay, cỏ, cây, làm sự cảm và sự ứng của vạn vật ; lấy nguyên, hội, vận, thế, — tuế, nguyệt, nhật, thi, làm cái trước và cái sau của trời đất.

Ông theo cái lý số 4 ấy mà tính, cho nhật là nguyên 元, nguyệt là hội 會, tinh là vận 運, thần là thế 世, và ông theo phép nạp-âm 納音 mà tính từ năm giáp-thìn là năm nguyên-niên đời vua Nghiêu, đến năm kỷ-mùi là năm thứ 5 đời vua Mục-vương nhà Chu, ghi rõ lúc hưng, lúc vong, thời trị, thời loạn, trong khoảng thời-gian ấy, để làm chứng thực cho sự học của mình.

Trong một nguyên, thì có lúc trưởng 長, có lúc tiêu 消. Tính từ Tí đến Tỵ làm trưởng, từ Ngọ đến Hợi làm tiêu. Mỗi một nguyên là 129.600 năm, có 12 hội ; mỗi một hội là 10.800



năm, có 30 vạn; mỗi một vạn là 360 năm, có 12 thế; mỗi một thế là 30 năm. Vậy một nguyên là cả cả thảy 12 hội, 360 vạn, 4320 thế.

Trong cuộc Đại-hóa 大化 của vũ-trụ, thì một nguyên cũng như một năm vậy. Nguyên có 12 hội, và mỗi hội đứng vào một quẻ, như là : Quẻ Phục 復 ䷗ quản hội Tí; quẻ Lâm 臨 ䷒ quản hội Sửu; quẻ Thái 泰 ䷊ quản hội Dần; quẻ Đại-tráng 大壯 ䷡ quản hội Mão; quẻ Quái 夬 ䷪ quản hội Thìn; quẻ Kiền 乾 ䷀ quản hội Ty; quẻ Cấu 姤 ䷫ quản hội Ngọ; quẻ Độn 遁 ䷗ quản hội Mùi; quẻ Bĩ 否 ䷋ quản hội Thân; quẻ Quán 觀 ䷓ quản hội Dậu; quẻ Bác 剝 ䷖ quản hội Tuất; quẻ Khôn 坤 ䷁ quản hội Hợi.

Xem cái tượng của những quẻ ấy, thì từ Tí đến Ty là dương trưởng, âm tiêu; từ Ngọ đến Hợi là âm trưởng dương tiêu. Cứ cái tượng ấy tính theo lẽ dương trưởng kể từ Trời mở ra ở hội Tí, Đất thành ra ở hội Sửu, Người sinh ra ở hội Dần, mà tính đến đời vua Nghiêu là cuối hội Ty, thuộc về hào cửu-ngũ quẻ Kiền, ở vào gần giữa nguyên, thì chính là lúc dương cực trưởng. Vậy nên đời vua Nghiêu vua Thuấn là đời cực thịnh. Hết



hội Ty qua sang hội Ngọ là khởi đầu theo lẽ dương tiêu, âm trường (1), rồi dần dần đến hội Tuất là hội *Bế vật* 閉物, nghĩa là đến hội ấy các loài vật không sinh nữa. Đến hội Hợi thì Trời đất và nhân vật tiêu-ma đi hết. Vì rằng phạm vật gì đã có hình, có khí là có ngày phải tan mất đi. Song cái nọ mất đi, thì cái khác sinh ra. Vậy hết cuộc trời đất này, lại sinh ra cuộc trời đất khác. Trong Vũ-trụ cứ chuyển vần thay đổi như thế không lúc nào nghỉ.

Nhưng trời đất và Vũ-trụ thay đổi như thế, thì cái gốc do ở đâu? Do ở cái lẽ *Một*, tức là *Thái-cực*. Do *Thái-cực* mà sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh ra tứ tượng, tứ tượng biến hóa sinh ra trời đất và vạn vật. Trời đất và vạn vật cứ theo cái lẽ *xương* và *họa*, *câm* và *ứng*, mà sinh sinh hóa hóa. Ai hiểu được những lẽ ấy thì có thể hiểu được vận mệnh và số hệ của trời đất và vạn vật vậy.

Đó là nói tóm cái học tượng-số, tức là cái học siêu vật, của Thiệu Khang-tiết đã phụ diễn ra trong sách *Hoàng-cực kinh-thế*. Ai muốn biết rõ cái học ấy, thì phải tinh nghĩa *kinh Dịch*, và phải mất công lâu năm thì mới

(1) Về đời nhà Nguyên có Minh-Thiện chép rằng: Năm giáp-ti là năm thứ 8 sau khi vua Hạ Vũ lên ngôi là bắt đầu vào hội Ngọ, tính đến năm giáp-ti là năm Cảnh-định nguyên-niên đời vua Lý-tôn nhà Tống (1260) là bắt đầu vận thứ 11 hội Ngọ. Vậy ta nay ở vào quãng cuối vận như 12 hội Ngọ.



biết hết các lẽ. Trong cái học ấy ông đề-xướng lên nhiều cái vấn-đề rất hệ-trọng về đường siêu-vật triết-học, tưởng những nhà triết-học ngày nay nên lưu tâm mà xét cho kỹ. Hiện nay chính những nhà vật-lý-học bên Tây xét điện-học đã thấy có nhiều điều rất tương hợp với cái lý-thuyết nói về đạo âm dương của Á-đông. Có lẽ rồi một ngày kia Đông Tây dung hóa với nhau mà tìm thấy rõ cái chân-lý chẳng.

Thiệu Khang-tiết theo cái học tượng-số mà suy diễn ra cái học tu-đương rất cao. Ông cho là người cũng sinh sinh hóa hóa như trời đất, chỉ khác có một lâu một chóng mà thôi. Song trong sự biến hóa của Vũ-tru có một phần làm chủ động, không bao giờ tiêu diệt đi được. Phần ấy ở trời đất thì gọi là thiên-lý, ở người thì gọi là tính. Tính và thiên-lý cùng đồng một thể và rất thiêng-liêng, rất sáng-suốt, khiến người ta nhờ đó mà biết thiện ác. Thánh hiền sở dĩ nói tính thiện là cũng bởi lẽ ấy vậy.

Theo cái thuyết của Thiệu Khang-tiết thì có tính là có tính. Tính là cái phản-động của tính, như mặt trăng là cái bóng sáng của mặt trời chiếu lại. Tính là thần, tính là quý, nghĩa là tính thì ngay lành, sáng suốt; tính thì quỉ quái, mờ tối. Vậy nên người ta cần phải phục



tính 復性, tức là phải quay trở lại theo cái nguyên-tính của mình. Mình đã phục lại cái nguyên-tính, thì tự mình thiêng-liêng, sáng-suốt, trong trời đất không đâu là không thấu tới được, mà cũng không bao giờ bị âm dương thụ nhiếp được. Ấy thế là mình tới đến cái thần.

Thần ở đâu cũng có, mà vạn vật đều chung một thần cả, cho nên từ bậc thánh-nhân cho chí mọi người, ai cũng có thể tâm thông được với nhau. Thần của Thiệu Khang-tiết nói ở đây cũng giống như Đạo của Lão-tử vậy.

Thần có một, và ở khắp cả mọi nơi, thì cái thần của mình, tức là cái thần của trời đất. Vậy nên người quân-tử phải thận-độc 慎獨, nghĩa là phải kính cẩn lúc một mình, không có dối mình bao giờ. Mình dối mình tức là dối trời đất. Người đã thận-độc, thì có thể theo được thiên-lý mà hành-động. Đã theo được thiên-lý mà hành-động, thì ta là một cái vũ-trụ riêng, sức tạo-hóa ở ta, ta không bị vật khác đè nén được, mà ta lại có thể tề-chế được các vật.

Cái học của Thiệu Khang-tiết uyên-thâm và hoẵng-đại như thế, thật là xứng-đáng một nhà đại triết-học trong Nho-giáo vậy.

**Ngư-tiêu vấn-đối.** — Cái tư-tướng của Thiệu Khang-tiết hiện hiện ra rất rõ ở chuyện



*Ngư-tiêu vấn-đổi.* Ông đặt ra một truyện vấn đáp để bàn về phần uyên-áo của tính mạnh và đạo đức như sau này :

« Ngư-giả rử cần câu, câu cá ở trên bờ sông Y-thủy. Tiêu-giả đi qua, đặt gánh củi nghỉ vai, ngồi trên hòn đá bán-thạch mà hỏi ngư-giả : « Tất là củi của ta giúp được việc cho cá của bác có phải không ? » — Ngư-giả : « Phải ». — « Ta biết rằng ta hữu dụng cho bác đó vậy ». — « Củi đọi lửa nhiên hậu mới là dụng ». — « Thế nào là dụng, có thể được nghe chăng ? » — « Dụng là nói cái cao-diêu của vạn vật, có thể lấy ý mà hội, không có thể lấy lời nói mà truyền. Dầu thánh-nhân cũng không thể lấy lời nói mà truyền ra được ». — « Thánh-nhân đã không thể lấy lời nói mà truyền ra được, thế thì lục Kinh không phải là lời nói đó hay sao ? » — « Thời đã qua rồi mới nói, thì nói gì mà nói ! »

« Hai người mới bẻ củi nướng cá, cùng nhau ăn, thích mà bán đạo Dịch.

*Tiêu-giả :* Trời nướng vào đâu ? — *Ngư-giả :* nướng vào đất. — Đất phụ vào đâu ? — Phụ vào trời. — Thế thì trời đất nướng vào đâu, phụ vào đâu ? — Cùng nướng phụ vào nhau. Trời nướng vào hình, đất nướng vào khí. Cái hình thì có bờ bến, cái khí thì không có bờ bến.



*Tiêu-giả* : Bác dùng đạo gì mà được cá ?

*Ngư-giả* : Ta dùng sáu vật là : cần trúc, dây tơ, phao nổi, đồ chìm, lưỡi câu, mồi câu. Đủ sáu vật ấy là việc người. Được cá với không được cá là việc trời. Nếu sáu vật ấy không đủ mà không được cá là không phải tại trời, tại người vậy.

*Ngư-giả* : Tiêu-nhân có thể tuyệt hết được không ?

*Tiêu-giả* : Không thể được. Không có âm, thì dương không thành, không có tiêu-nhân thì quân-tử không thành. Dãy trong khoảng đó, có thể khiến cho bên thịnh bên suy vậy. Đời trị thì quân-tử sáu phần, tiêu-nhân bốn phần, tiêu-nhân vốn không thắng được quân-tử vậy. Đời loạn thì khác thế. Quân-tử thường làm hơn nói, tiêu-nhân thường nói hơn làm. Đời trị thì kẻ sĩ đốc-thực nhiều, đời loạn thì kẻ sĩ duyên-sức nhiều. Những người đốc-thực ít khi không thành sự, những người duyên-sức ít khi không bại sự.

*Tiêu-giả* : Người có tài, có kẻ lợi cho đời, có kẻ hại cho đời, là có sao ?

*Ngư-giả* : Có người tài mà chính, có người tài mà không chính. — Vậy sao không chọn người mà dùng : — Chọn người làm tôi là ở ông vua, chọn vua là ở người làm tôi. Kẻ hiền kẻ ngu đều loài nào theo loài ấy. Có



vua là Nghiêu, Thuấn ; tất có người tôi giúp Nghiêu, Thuấn ; có vua là Kiệt, Trụ, tất có người tôi giúp Kiệt, Trụ ».

Đại đề cái học của Thiệu Khang-tiết lên đến chỗ rất cao, cho nên phảng-phất giống Lão-học, nhưng thủy chung vẫn giữ đúng cái tôn-chỉ của Nho-giáo. Cái học ấy có phần sở trường rất lớn là gây thành cái tư-tưởng tự-do, chứ không bó buộc như cái học của các tiên nho. Nhưng vì cái học ấy phi người có thiên-tư đặc-biệt không theo được, cho nên về sau không mấy người nối được mà mở rộng ra vậy.



## II

## ĐẠO - HỌC

Phái lý-học đời nhà Tống tuy kể cả tượng-số-học, đạo-học và tâm-học, nhưng hậu nho thường lấy đạo-học làm chính tông. Cái học này khởi phát ra từ Chu Đôn-Di, lấy lý-thuyết trong các Kinh, Truyện, mà bàn về đạo lý và tâm tính, cho nên gọi là đạo-học hay là tâm-tính-học. Đồng thời với Chu Đôn-Di, có Trương Tải cũng theo cái tôn-chỉ ấy mà lập giáo, rồi đến Trình Hạo và Trình Di là môn-đệ Chu Đôn-Di cố sức đem phát-minh cái học ấy ra. Đến đời Nam-Tống lại có Chu Hi góp cả cái học của họ Thiệu, họ Chu, họ Trương và họ Trình mà lập thành một cái học có nghĩa-ly rất cao.

Hậu nho chia phái đạo-học ra làm bốn phái, và lấy tên chỗ ở của Chu Đôn-Di, Trương Tải, Trình Hạo, Trình Di và Chu Hi, mà gọi là : 1. Liêm-phái 濂派 ; — 2. Quan-phái 關派 3. Lạc-phái 洛派 ; — 4. Môn-phái 閩派.

Nay ta theo từng phái mà xét cái học-thuyết đồng dị là thế nào, để hiểu rõ cái linh-thần của các phái ấy.



## 4. — LIÊM PHÁI

## CHU ĐƠN - DI

Chu Đơn-Di 周敦頤, tự là Mậu-thúc 茂叔 (1017-1073), người châu Đạo, tỉnh Hồ-nam. Ông khởi đầu làm chủ-bạ huyện Phân-ninh, rồi trải qua chức đại-lý-thừa, cai-trị đất Nam-xương, chức chuyên-vận phán-quan ở Quảng-đông và chức tri-quân ở quận Nam-khang. Sau vì có bệnh xin từ chức về làm nhà ở dưới núi Liên-hoa, thuộc Lư-sơn. Ở đó có cái khe nước trong sạch, ông thường ra đó giặt giải mũ. Ông bèn đặt tên là Liêm-kê 濂溪 và tự lấy làm tên hiệu. Hậu nho nhân chỗ ấy mà gọi phái học của ông là Liêm-phái.

Chu Liêm-kê thuần túy là người đạo-học quân-tử, tính thung-dung hòa-nhã mà nghiêm nghị. Ông đề chí ở ngoài trần tục, thích chơi ở những nơi sơn thủy xinh đẹp, và ưa xem cái sinh ý tự-nhiên của tạo-hóa. Trước cửa sổ chỗ nhà học, ông đề cỏ mọc xanh tốt. Có người hỏi sao không trừ bỏ đi, ông nói rằng : « Dữ tự gia ý tứ nhất ban 與自家意思一般 : Nó cũng giống như ý tứ của ta vậy ». Đồng thời bấy giờ có quan thái-sử là Hoàng Đình-Kiên nói rằng : « Chu Mậu - thúc nhân phẩm



rất cao, trong bụng rộng-rãi, sáng suốt như quang phong tế nguyệt ».

Sách của ông làm ra mất-mát đi, duy chỉ có *Thái-cực đồ-thuyết* 太極圖說 và *Thông-thư* 通書 còn truyền ở đời.

Những điều sở đắc của ông không phải là bởi có thầy truyền cho, thường là tự ông thể nghiệm cái học vô-ngôn của họ Khổng, hàm dưỡng cái thú chí-lạc của họ Nhan, mền cái nước mát sạch ở trong khe, yêu cái cỏ xanh tốt ở trước sân, mà linh hội được đến chỗ uyên nguyên vậy.

**Thái-cực đồ-thuyết.** — Chu Liêm-khê hiểu thấu cái gốc nguyên thủy của Vũ-trụ. Cái gốc ấy vô thanh, vô khứu, vô phương sở, vô hình trạng, ở ngoài hết cả những cái mà ta có thể ý hội được, thế mà vẫn làm khu-nữu cho vạn vật. Nhưng vì không biết dùng chữ gì mà gọi cho đúng, cho nên mới gọi là Vô-cực, Vô-cực không phải là không không hẳn, nhưng chính là cái Tự-tại, vô thủy, vô chung, bất sinh, bất diệt. Cái tự-tại ấy không phát ra là Vô-cực, mà phát ra là Thái-cực. Vậy Vô-cực và Thái-cực là một thể.

Xét về mặt sinh hóa thì Thái-cực là cái khởi điểm nguyên thủy của vạn hữu. Có cái khởi điểm ấy rồi mới có sự sinh sinh hóa hóa vô cùng. Đó là cái uyên nguyên sự học hình-phi-



thượng của Khổng-giáo. Song Khổng-giáo sở dĩ chỉ nói Thái-cực mà không nói Vô-cực, là vì Khổng-giáo chú-trọng ở sự thiết-thực, sợ nói đến Vô-cực lại thành ra siêu-việt quá như Lão-giáo, không thích hợp với đạo trung là tôn-chỉ của mình. Hậu nho có nhiều người không thấy rõ chỗ ấy, cứ đứng vào cái địa-vị đối đầu với Lão-giáo, lấy « hữu » mà bác « vô », chứ không hiểu rằng « hữu » với « vô » là một thể, mà Khổng-giáo và Lão-giáo. đều do một gốc mà ra.

Chu Liêm-kê linh-hội được cái ý uyên-thâm ấy, cho nên ông nói ở đầu Thái-cực đồ-thuyết rằng : « Vô-cực nhi Thái-cực 無極而太極 : Vô-cực mà Thái-cực ». Song ông chỉ nói qua để cho rõ cái nguồn gốc, rồi ông chú-trọng ở cái động-thể của Thái-cực, như thế thật là ông đã hiểu rõ cái học hình-nhi-thượng của Khổng-giáo hơn mọi người vậy.

« Thái-cực có hai thể : động và tĩnh. Động thì sinh ra dương, động cực rồi lại tĩnh. Tĩnh thì sinh ra âm, tĩnh cực rồi lại động. Cứ một động một tĩnh thay đổi nhau, cái nọ lấy cái kia làm gốc, chia làm âm dương, lập thành hai nghi vậy.

« Dương động là sự dụng-tác của Thái-cực, âm tĩnh là cái tập-thể của Thái-cực. Dương động thì biến hóa ra, âm tĩnh thì đông hợp



lại. Bởi sự biến, sự hợp ấy, mà sinh ra ngũ hành là : thủy, hỏa, mộc, kim, thổ. Năm khí ấy thì ra mà thuận là bốn mùa lưu hành vậy.

« Ngũ hành hợp lại làm một là âm dương ; âm dương hợp lại làm một là Thái cực ; Thái cực vốn là Vô cực. Ngũ hành sinh ra, thì mỗi hành có một tính.

« Cái chân 眞 của Vô cực (lý), cái tính của âm-dương và ngũ hành (khí) điệu hợp mà đông lại. Đạo Kiền thành ra con trai, giống đực ; đạo Khôn thành ra con gái, giống cái. Âm-dương giao cảm với nhau (khí hòa) sinh ra muôn vật, muôn vật lại giao cảm với nhau (hình hóa) mà sinh sinh ra mãi và biến hóa vô cùng vậy.

« Trong muôn vật, có giống người là bần-thụ được cái tú khí rất thiêng-liêng. Cái hình đã sinh ra, thì cái thần cũng phát ra mà biết vậy. Năm tính cảm động mà thiện ác phân ra, vạn sự có vậy.

« Thánh - nhân lấy trung, chính, nhân, nghĩa, định ra cái đạo, mà lấy thể tính làm chủ và lập ra nhân cực. Cho nên thánh-nhân hợp đức với trời đất, hợp sáng với mặt-trời mặt-trăng, hợp trật-tự với bốn mùa, hợp cát hung với quỷ thần.

« Quân-tử sửa đạo ấy là cát, tiểu-nhân trái đạo ấy là hung.



« Cho nên nói rằng : Lập cái đạo của trời là âm với dương, lập cái đạo của đất là nhu với cương, lập cái đạo của người là nhân với nghĩa. Lại nói rằng : Xem cái trước ở chỗ gốc, trở lại đến chỗ sau cùng, cho nên biết rõ cái thuyết tử sinh. Đạo Dịch lớn vậy thay, ấy là đến rất mực vậy ! »

Đó là phần uẩn-áo trong cái học - thuyết của Chu Liêm-khê. Theo cái học ấy thì trong Vũ-trụ chỉ có lý Thái-cực là nguồn gốc sự sinh-hóa. Vạn vật đều phải có lý ấy mới sinh hóa được. Vậy nên vạn vật, bất cứ vật nào, cũng có một phần Thái-cực, nghĩa là vạn vật và Thái-cực cùng đồng một thể. Song Thái-cực là một cái lý đơn-nhất, mà theo cái học của Nho-giáo, thì cái đơn-nhất không sinh-hóa được. Sự sinh-hóa cốt ở cái tương đối như : âm dương, cương nhu, vân vân. Bởi vậy Trình-tử nói rằng : « Thiên-địa vạn vật chi lý vô độc, tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên, phi hữu an bài giả 天地萬物之理無獨, 必有對, 皆自然而然, 非有安排也 : Cái lý của trời đất và vạn vật không có cái độc nhất, ắt phải có cái đối, rồi đều tự nhiên nhi nhiên, chứ không phải là có an bài trước vậy ». Muốn có sự sinh sự hóa, thì phải có sự điều-hòa của hai cái tương-đối. Hai cái tương đối ấy là âm và dương, do cái thể tính



và cái thể động của Thái-cực mà thành ra. Hiểu được lẽ điều-hòa ấy là biết được cái huyền-bí của tạo-hóa và cái đạo của thánh hiền.

Bởi có chữ « Vô-cực nhị Thái-cực » mà về sau nho-giả có người cho là Chu Liêm-khê theo cái học của Lão-tử, nói có « vô » rồi mới có « hữu ». Chu Liêm-khê sở dĩ viết câu ấy lên đầu Thái-cực đồ thuyết, là cốt để nói rõ cái căn - nguyên hình - nhi - thượng của Khổng-giáo, chứ không có ý gì bàn về « vô » và « hữu ». Và lại, cách mấy câu sau, ông nói : « Thái-cực bản Vô-cực giả 太極本無極也 » và lại nói : « Vô-cực chi chân, nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhi ngưng, kiền đạo thành nam, khôn đạo thành nữ 無極之真, 二五之精, 妙合而凝, 乾道成男, 坤道成女 », thì rõ Vô-cực và Thái-cực là một vậy.

Hậu nho có người lại thấy có sự tranh-luận của Lục Tượng-sơn và Chu Hối-am về điều ấy, mà bảo là Chu Liêm-khê theo Lão-học, thì thật là không hiểu cái học của Chu Liêm-khê và chỗ cao của Nho-giáo.

· **Thông - thư.** — Chu Liêm - khê làm sách Thông-thư để bàn cái nguồn - gốc tính thiện và cách tu-dưỡng của người quân - tử. Ông cho sự thành 誠 là cốt rễ của ngũ thường, căn-bản của trăm nết. Thành vượt qua thiện



ác, mà cùng đồng-thể với Thái-cực. Cho nên khởi đầu ông nói rằng: Thành giả thánh-nhân chi bản 誠者聖人之本: Thành là cái gốc của thánh-nhân » Thành là chí-thực, vô vọng, tức là nói cái chính lý của trời đất phú cho vạn vật.

Lúc đầu đạo kiến mới động, vạn vật lấy đó làm trước. Ấy là nguồn gốc sự thành vậy. Đạo kiến biến hóa định ra tính mạnh, sự thành mới lập vậy. Thành là thuần túy chí thiện. Cho nên kinh Dịch nói rằng: « Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giả, thành chi giả tính giả — 陰一陽之謂道, 繼之者善也, 成之者性也 ». Nhất âm nhất dương là nói cái động-thể của Thái-cực. Cái động-thể ấy là đạo. Nối được đạo ấy là thiện, lập thành đạo ấy là tính. Vậy tính không thể không thiện được.

Bậc thánh-nhân sở dĩ là thánh, là bởi có hoàn-toàn cái thực lý. Cho nên nói rằng: « Thánh, thành nhi dĩ hĩ 聖, 誠而已矣: Thánh là thành mà thôi ».

**Thành và cơ.** — Thành có hai thể: động và tĩnh. Tĩnh thì vô mà động thì hữu. Thể tĩnh rất công chính mà thể động rất minh đạt. Cho nên người ta giữ được hoàn toàn sự thành, không giả dối chút nào, là vô-vi, vô-ngại vậy.



Chu Liêm-khê cho thánh-nhân là bậc có cái thể và cái dụng rất đúng với thiên-lý. Thể là cái bản-nhiên có sẵn, dụng là sự hành-động phát hiện ra. Thể chủ ở sự thành, dụng chủ ở cái cơ. Cho nên nói rằng: « Thành vô vi, cơ thiện ác 誠無爲. 幾善惡 : Thành là vô-vi, cơ có thiện ác ».

Ông lấy nghĩa kinh Dịch mà giải thích chữ thành, chữ thần, và chữ cơ: « Tịch-nhiên bất động là thành, cảm-nhi-toại thông là thần, động mà chưa hình ra ở khoảng hữu và vô là cơ ». Thành là cái lý bản-nhiên, cơ là cái máy mới mờ mới nảy ra trước khi hành-động. Hễ cái máy ấy mà ngay chính là thiện, nghiêng lệch là ác. Vậy nên thánh-nhân theo cái tính bản-nhiên mà giữ cái đức. Đức chia ra làm năm là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Yêu là nhân, phải là nghĩa, hợp lý là lễ, thông đạt là trí, trì thủ là tín.

Năm đức ấy ở trong tính cả. Theo cái tính ở những đức ấy, yền ở những đức ấy, gọi là thánh. Quay trở về theo những đức ấy, cố giữ những đức ấy, gọi là hiền. Những đức ấy phát hiện ra mà không thể trông thấy rõ, đầy khắp cả mà không thể cùng, gọi là thần.

Thành thì tinh-túy cho nên sáng, thần thì ứng-nghiệm cho nên linh-diệu, cơ thì vi-tế cho nên u-ẩn. Có cả thành, thần và cơ, là thánh-nhân.



Động mà chính là đạo. Dụng mà hòa là đức. Trái nhân, trái nghĩa, trái lễ, trái trí, trái tín, là tà cả. Đã tà mà động là nhục. Quá nữa là hại vậy. Cho nên quân-tử phải thận động.

**Sư đạo.** — Chu Liêm-khê cho cái đạo của thánh-nhân là rất quý, nhưng phải có thầy dạy mới biết được. Đạo ấy, ông nói rút lại là : « *Thánh nhân chi đạo nhân nghĩa trung chính nhi dĩ hĩ* 聖人之道仁義中正而已矣 : Đạo của thánh-nhân chỉ có nhân nghĩa trung chính mà thôi ». Giữ được là quý, làm được là lợi, mở rộng ra là sánh ngang với trời đất. Đạo ấy rất giản-dị, rất dễ biết, chỉ vì không giữ, không làm, không mở rộng ra vậy.

Hỏi rằng làm thế nào khiến cho thiên-hạ đều thiện cả ? — Rằng : Phải có thầy dạy. — Có sao vậy ? — Rằng : Tính có cương, nhu, thiện, ác, cốt giữ được lẽ *trung* 中 mà thôi vậy. — Không hiểu. — Rằng : Cương thiện là làm điều nghĩa, điều trực, điều quyết-đoán, điều nghiêm-nghị, điều cán-cổ ; cương ác là làm điều hung-mạnh, điều khe-khắt hẹp-hòi, điều cường-lương (1). Nhu thiện là làm điều

---

**Cường-lương** là không chịu theo mệnh lệnh của người trên.



nhân-từ, điều hòa-thuận, điều khiêm-tốn ;  
 nhu ác là làm điều nhu-nhược, điều không  
 quyết-đoán, điều tà-nịnh. « *Duy trung giả giả,  
 hòa giả, trúng tiết giả; thiên-hạ chi đạt đạo  
 giả, thánh-nhân chi sự giả* 惟中也者, 和也,  
 中節也, 天下之達道也, 聖人之事也 : Duy  
 có lẽ trung ấy là hòa vậy, là trúng-tiết vậy,  
 là đạt đạo của thiên-hạ vậy, là việc của thánh-  
 nhân vậy ». Cho nên thánh-nhân lập giáo để  
 khiến người ta tự mình đổi bỏ điều ác, tự  
 mình đến chỗ trung 中 mới thôi. Kẻ tiên-giác  
 dạy kẻ hậu-giác, kẻ mờ tối học kẻ sáng suốt.  
 Như thế là đạo thầy thánh lập vậy.

Đạo thầy đã thành-lập, thì người thiện có  
 nhiều, người thiện có nhiều thì triều-đình  
 chính mà thiên-hạ trị vậy.

Người ta chỉ sợ không có ai bảo cho mình  
 biết điều lỗi, và sợ không biết thẹn. « *Nhân  
 chi sinh, bất hạnh bất văn quá, đại bất hạnh  
 vô sỉ* 人之生, 不幸不聞過, 大不幸無恥 :  
 Người ta sinh ra, cái không may là không  
 được nghe điều lỗi của mình ; cái không may  
 lớn hơn cả là vô-sỉ ». Vậy nên phải có sỉ thì  
 mới dạy được, và có nghe điều lỗi của mình  
 thì mới hay được.

Người đi học cần phải có tư lự. Thiên  
 Hồng-phạm trong kinh Thư nói rằng : « *Viết  
 tư, viết tuệ. Tuệ tắc thánh* 日思日睿, 睿則



**聖** : Rằng tư-lự, rằng thông-tuệ. Thông-tuệ là thánh ». Nguyên sự vô-tư là gốc, mà sự tư-thông là dụng. Cái cơ động bên kia, cái thành động bên này. Vô tư mà không có cái gì là không suốt, thế là bậc thánh-nhân. Không tư-lự thì không thể suốt được đến cái tinh vi, không thông-tuệ thì không thể vô bất thông được. Vậy thì vô bất thông sinh ra bởi sự suốt đến cái tinh-vi, sự suốt đến cái tinh-vi sinh ra bởi sự tư-lự. Cho nên sự tư-lự là cái gốc của thánh công mà là cái cơ-thuật của sự cát hung vậy.

**Thánh học.** — Hỏi rằng học làm thánh-nhân có được không? — Rằng : được. — Có cái gì là cốt yếu không? — Rằng : có. — Xin cho nghe. — Rằng : « *Nhất vi yếu. Nhất giả vô dục giả. Vô dục tắc tĩnh hư, động trực. Tĩnh hư tắc minh, minh tắc thông. Động trực tắc công, công tắc phổ. Minh, thông, công, phổ, thứ hỹ hồ. 一爲要. 一者無欲也. 無欲則靜虛. 動直. 靜虛則明, 明則通. 動直則公, 公則溥. 明, 通, 公, 溥, 庶矣乎* : Cái một làm cốt yếu. Cái một là vô dục. Vô dục thì lúc tĩnh là hư không, lúc động là ngay thẳng. Lúc tĩnh mà hư không thì sáng, sáng thì suốt. Lúc động mà ngay thẳng thì công, công thì khắp cả. Sáng, suốt, công và khắp cả, ấy là gần bậc thánh vậy ».



Phải học như thầy Nhan-tử trước sau chỉ vui vẻ sự học. Một giỏ cơm, một bầu nước, ở chỗ ngõ hẻm, người ta không kham được sự lo, mà mình không đòi cái vui. Phàm phú quý là người ta ai cũng yêu, thế mà Nhan-tử không yêu, không cầu, cứ vui ở chỗ nghèo, ấy là cái tâm thế nào vậy thay! Trong khoảng trời đất có một cái rất sang, rất giàu, khả ái, khả cầu, mà khác với cái giàu sang thường. Chẳng qua Nhan-tử thấy cái lớn mà quên cái nhỏ đó mà thôi. Thấy cái lớn thì cái tâm thư-thái. Tâm thư-thái thì không có cái gì là không đủ. Không có cái gì là không đủ, thì phú quý bản tiện cho là một vậy. Cho làm một thì có thể hóa được mọi điều mà làm cho bằng nhau cả. Bởi vậy Nhan-tử là á-thánh.

**Đạo-đức và văn-từ.** — Sự thực thì phải vụ thực. « *Thực thắng, thiện giả; danh thắng, si giả. Cố quân-tử tạo đức tu nghiệp, tư tư bất tức, vụ thực thắng giả 實勝, 等也; 各勝, 恥也. 故君子造德修業孳孳不息, 務實勝也* : Cái thực thắng là thiện vậy; cái danh thắng là si vậy. Cho nên quân-tử lo gây cái đức, sửa cái nghiệp, chăm - chăm không nghỉ, vụ lấy thực thắng vậy ».

Cái học vụ thực ấy là cái học đạo-đức. Còn cái văn-từ là cái đồ-dùng để đạt đến cái đạo



mà thôi. Cho nên nói rằng : « Văn là đề chỗ đạo, ví như cái xe, trang-sức rất đẹp mà người ta không dùng, thì chỉ là cái xe trang-sức không mà thôi, huống là cái xe bỏ không hay sao? Văn-từ là cái nghề vậy, đạo đức là cái thực vậy. Đốc chí tu lấy cái thực mà đem cái nghề đề viết ra. Văn hay thì người ta yêu, người ta yêu thì truyền rộng ra. Cho nên nói rằng : « *Ngôn chi vô văn, hành chi bất viễn* 言之無文, 行之不遠 : Lời nói không có văn - chương, thì truyền ra chẳng xa ». Người đi học không biết vụ lấy đạo-đức, mà chỉ chuộng lấy văn-từ làm giỏi, thì người ấy chỉ là một tay giỏi nghề mà thôi. Bởi vậy quân-tử lấy đạo đức sung mãn làm quý, lấy thân yên làm giàu, cho nên thường được thur-thái, không có cái gì là không đủ, mà coi đồ hiên miễn như cái lông, coi đồ kim ngọc như cái bụi, vì cái quý trọng không gì hơn đạo-đức vậy.

Cái đạo của thánh-nhân, vào ở tai, giữ lấy ở tâm, chứa lấy làm đức-hạnh, đem thi-hành ra làm sự nghiệp. Kẻ kia chuộng lấy văn-từ mà thôi, là dở vậy.

, **Khen ngợi Khổng-tử và Nhan-tử.** — Trong sách *Thông-thư*. Chu Liêm-khê còn bàn về lễ nhạc hình chính. Song cũng chỉ theo cái ý nghĩa của Khổng-học mà phát minh ra, chứ không có điều gì khác. Sau cùng ông khen



ngợi cái công đức của Khổng-tử và cái học của Nhan-tử. Ông nói rằng: « Đạo-đức cao dày, giáo hóa vô cùng, thực sánh ngang với trời đất mà cùng đồng với bốn mùa, chỉ có Khổng-tử vậy ». Khổng-tử có nói: « Ta muốn không nói, kia như Trời có nói đâu, mà bốn mùa vẫn lưu-hành, trăm vật vẫn hóa sinh ». Vậy thì cái uân-sức của thánh-nhân, chẳng phải Nhan-tử chẳng trông thấy được. Phát cái uân-sức của thánh-nhân để dạy muôn đời mà không cùng, ấy là Nhan-tử vậy.

Đó là nói lược cái tư-tưởng của Chu Liêm-khê đã phu-diễn ra trong sách *Thông-thư*, để học-giả hiểu rõ cái học của ông từ phần hình-nhi-thượng đến phần hình-nhi-hạ, nhất nhất là ông theo đúng cái tôn-chỉ của Nho-giáo.

Bản về hai bộ sách của Chu Liêm-khê, về sau Chu Hối-am làm bài chú, nói rằng: « *Thái-cực-đồ thuyết* và *Thông-thư* đại đề là suy sự phân hợp của một lý (Thái-cực), hai khí (âm-dương) và năm hành (thủy, hỏa, mộc, kim, thổ) để làm cho cái tinh-vi của đạo-thể có manh mối, mở rộng sự thủ xả của đạo nghĩa, văn từ và lợi lộc, mà sửa đổi sự kém hèn của tục học ». Lời ấy thật là rất chính-đáng vậy.

Kể từ cuối đời Chiến-quốc về sau, Nho-giáo chỉ chuyên học về mặt công-truyền, chú trọng ở những điều luân-lý và chính-trị, bỏ mất phần hình-nhi-thượng-học, làm cho cái



trình-độ triết-học của Nho-giáo thấp kém đi. Sau hơn một nghìn năm, Chu Liêm-kê quật-khởi lên, suy nguyên về một lý Thái-cực làm sáng rõ cái đạo uyên bác của thánh-hiền, lấy nghĩa lý trong kinh *Dịch* và sách *Trung-dụng* mà nâng cao cái nền tư-tưởng của Nho-giáo và lập thành phái đạo-học rất thịnh từ đời Tống trở đi, Dầu về sau các danh-nho trong phái đạo-học, còn có nhiều, nhưng chưa ai đã vượt khỏi cái phạm vi vậy.

## 2. — QUAN PHÁI

### TRƯƠNG TÁI

Đồng thời với Chu Liêm-kê có Trương Tái cũng theo cái tôn-chỉ lý-học mà lập ra một học-thuyết rất có giá-trị.

Trương Tái 張戴, tự là Tử-hậu 子厚 (1020-1076), người đất Đại-lương, thuộc tỉnh Hà-nam, đỗ tiến-sĩ, ra làm quan được ít lâu rồi bỏ về ở Nam-son, phía tây huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-tây, nhân lấy tên chỗ ở là Hoành-cừ 橫渠, mà đặt tên hiệu. Nhân vì ông ở đất Quan-trung, cho nên hậu-nho gọi phái học của ông là Quan-phái.

Thủa ông còn trẻ, thích bàn việc binh, đến khi 20 tuổi đem thư đến yết-kiến Phạm



Trọng - Yêm. Phạm Trọng-Yêm bảo ông về học sách *Trung-dụng*, nhưng ông cho là chưa đủ, bỏ đi học đạo Phật và đạo Lão. Ông học những đạo ấy, thấy không sở đắc gì cả, lại trở về học sáu Kinh của Nho-giáo, rồi cùng với Trình Hạo và Trình Di bàn cái cốt-yếu đạo-học. Ông hớn-hở mà nói rằng: « Đạo ta tự đủ, sao lại đi tìm ở đâu ». Từ đó ông bỏ các học-thuyết khác mà theo Nho-học.

Sau khi ông thôi quan về ở nhà dạy học và làm ra những bài *Đông-minh* 東銘 *Tây-minh* 西銘 sách *Chính-mông* 正蒙 và sách *Dịch-thuyết* 易說. Trong những sách ấy, có bài *Tây-minh* và sách *Chính-mông* nói rõ cái tôn-chỉ sự học của ông hơn cả.

**Tây-minh.** — Trương Hoành-cử viết hai bài minh ở hai bên tả hữu nhà học, gọi là *Đông-minh* và *Tây-minh*, có nhiều ý-nghĩa sâu xa, cho nên Trình-tử mới chép mà truyền cho các học-giả.

Trong bài *Tây-minh*, Trương Hoành - cử nói rằng: « Kiền xung là cha, khôn xung là mẹ, ta nhỏ mọn hỗn-nhiên ở giữa. Cho nên cái lấp khắp trong khoảng trời đất là cái tính của ta. « Dân ngô đồng-bào, vật ngô giữ giữ 民吾同胞,物吾與也: Dân là anh em đồng-bào của ta, vật là cùng ta chịu cái lý và cái khí của trời đất vậy. » Nghĩa là người với ta



là đồng loại, mà vạn vật tuy không đồng loại với ta, nhưng cũng bảm thụ cái tính và cái hình thể của trời đất phú cho như ta cả, nên chỉ lòng nhân-ái của ta đối với người và vật đều có đẳng đệ khác nhau, nhưng bao giờ cũng phải khắp đến cả muôn vật.

Trương Hoành-cử cho là lòng bác-ái của người ta cần phải có trật-tự, lấy vua quan già trẻ làm thứ bậc. Ông nói rằng : « Vua là con trưởng của trời đất, quan đại-thần là gia-trưởng của người con trưởng ấy vậy. Tôn người già cả là sở dĩ tỏ lòng kính trọng kẻ tôn trưởng, yêu mến kẻ trẻ dại là sở dĩ tỏ lòng bênh-vực kẻ nhỏ yếu, tôn kẻ hợp đức với trời đất làm bậc thánh, và kẻ có tài có đức hơn người thường làm bậc hiền. Còn những người tàn tật quan quả cô độc đều là anh em ta cả. Như thế thì người ta tuy có tôn ti khác nhau, nhưng ai ai cũng phải đem lòng bác-ái mà ở với nhau như con một nhà vậy. » Đó là ông nói cái ý trời đất vạn vật cùng với ta là một thể vậy. Sau ông nói cái ý ta phải thờ trời, yêu vật và vui theo mệnh trời mà giữ hết đạo hiếu. Lòng người thờ trời đất cũng như lòng con thờ cha mẹ, cứ một niềm kính thuận, dầu chết cũng vui về đạo.

Xem bài minh ấy thì rõ là cái tư-tưởng của Trương Hoành-cử theo cái chủ nghĩa thiên-



địa-vạn - vật - nhất - thể mà phát minh ra cái quan-niệm bác-ái rất rộng vậy.

**Chính-mông.** — Lão-giáo thì cho cái « hữu » sinh ra bởi cái « vô », nghĩa là vô là cái nguồn gốc của cái hữu, cho nên người ta phải cần lấy sự thanh tịnh vô-vi để cho hợp đạo. Phật-giáo thì cho các pháp-tượng trong vũ-trụ đều là mộng-ảo cả. Những pháp-tượng gây ra mọi sự khổ não, cho nên phải cầu sự tịch diệt để giải thoát. Nho-giáo thì cho đạo trời chỉ có âm dương lưu hành biến hóa, cho nên làm người phải theo tính trời mà hoạt-động mà hành-vi. Trương Hoành-cử theo cái tôn-chỉ ấy của Nho-giáo, làm sách *Chính-mông* để bày tỏ cái học uyên-thâm của thánh hiền và bài xích những học-thuyết của Phật-giáo và Lão-giáo.

**Thái-hư và âm dương.** — Trương Hoành-cử theo nghĩa trong kinh Dịch mà bàn về vũ-trụ. Ông cho trong vũ-trụ chỉ có Thái-hư là chân thực, mà Thái-hư và Thái-cực là một. Vạn vật do đạo Thái-hòa mà sinh ra. Thái-hòa là đạo âm dương biến hóa. Bởi vậy khởi đầu sách *Chính-mông*, ông nói rằng : « Thái-hòa mà gọi là đạo là bởi trong Thái-hòa có cái tính phù trầm, thăng giáng động tĩnh, tương cảm với nhau, cho nên mới sinh ra cái mối đầu của sự nhân luân-bương đặng.



thẳng phụ khuất thân. Cái đến thì cơ vi, dị giản, mà cái cùng-cực thì quảng-đại kiên-cố. Khởi biết ở cái dễ là đạo kiên, noi theo ở cái giản là đạo khôn. Tan ra man-mác mà khả tượng được là khí, thanh thông mà không khả tượng được là thần. Không như bụi trần nghi-ngút, không đủ gọi là Thái-hòa. Người nói đạo có biết đạo ấy mới gọi là biết đạo, người học Dịch có thấy đạo ấy mới gọi là thấy Dịch.

« Thái-hư vô-hình là cái bản-thể của khí. Tụ và tán là cái khách hình của sự biến hóa. Chí-tĩnh vô-cảm là cái uyên-nguyên của tính. Hữu thức hữu tri, là cái khách cảm của sự vật-giao. Khách cảm, khách hình, cùng với vô cảm vô hình, duy người biết hết được tính mới cho là một được.

« Cái khí trời đất tuy tụ tán công thủ trăm đường, nhưng cái lý thì thuận mà không làm. Cái khí mà làm vật là tan vào chỗ vô hình, thích hợp được cái thể của ta, rồi tụ lại mà có tượng, không mất cái thường của ta. Thái-hư không thể không có khí, khí không thể không tụ lại mà làm vạn vật, vạn vật không thể không tan ra mà làm Thái-hư, cứ thế mà ra vào, không thể không được. Song bên Nho-giáo thì thánh-nhân biết hết cái đạo trong khoảng đó, kiêm được cả cái thể, mà không bị cái gì làm hệ lụy cả, là giữ được còn cái



thần đến rất mực vậy. Kẻ kia nói sự tịch diệt (Phật), là đi mà không trở lại; hoặc cố giữ cái sống, cố chấp cái có (Lão), là có vật mà không hóa. Hai bên tuy có khác nhau, nhưng đều là không phải đạo cả.

« Biết hư-không là khí, thì hữu vô, ẩn hiện, thần hóa, tính mạnh, suốt là một không có hai. Nhưng biết tán tụ xuất nhập, hình với không hình, mà suy được đến cái gốc ở chỗ nào ra, là biết rõ đạo Dịch vậy. Nếu nói rằng : hư năng sinh khí, thì cái hư vô cùng, cái khí có hạn. Cái thể và cái dụng khác hẳn, thành ra theo cái thuyết « hữu sinh ư vô » của Lão - giáo, mà không biết rằng hữu và vô là cái lẽ thường của hộn-nhất. Nếu nói rằng : vạn tượng là vật hiện ra trong Thái-hư, thì « vật » với « hư » không giúp nhau, hình tự hình, tính tự tính. Hình, tính, trời, người, không quan-hệ với nhau, thành ra lại mắc vào cái học thuyết của Phật-giáo, cho sơn hà và đại-địa là cái bệnh hoạn. Đạo trời mà không rõ, là bởi kẻ mờ tối biết lược qua cái thể hư-không là tính, không biết lấy thiên đạo làm cái dụng, rồi lấy cái ý - kiến nhỏ mọn của người ta, làm cái nhân duyên của trời đất. Khi cái sáng mà không rõ hết, thì nói bậy rằng : thế giới, kiên khôn là ảo hóa. Không tìm thấy cái cốt yếu của sự u minh, bèn vượt bậc nghĩ can mà thôi. Không hiểu



rõ cái lẽ nhất âm nhất dương làm phạm-vi cho trời đất, suốt đến cả ngày đêm và cái qui-cử của tam cực đại trung, bèn bảo là Nho, Phật, Lão hôn-nhiên một đường. Những kẻ nói thiên-đạo và tính mệnh là không mắc vào cái hoảng-hốt mộng-ảo, thì lấy cái hữu sinh ra ở cái vô làm cái luận-thuyết cùng cao cực vi, và làm con đường nhập đức, chứ không biết chọn cái phương-pháp mà tìm những lẽ khác. Đó thật là bị tế hãm vậy.

« Khí Thái-hư mông-mênh, lên xuống, bay và nở ra, chưa từng lúc nào nghỉ. Đó là cái mà Dịch bảo là : *nhân-huân* 網 緼 ; cái mà Trang-tử bảo là : lấy cái hơi thở mà sinh vật, thổi lẫn nhau như bụi trần vậy. Ấy là cái cơ-quan của sự thực hư động tĩnh, cái nguyên thủy của âm dương. Nổi mà bốc lên là cái khinh thanh của thể dương, chìm mà lắng xuống là cái trọng trọc của thể âm. Sự cảm ngộ tụ tán, làm gió mưa, làm tuyết sương, là cái lưu hình của vạn phẩm, cái dung-kết của núi sông, tức là cái cặn bã tro tàn vậy.

« Khí tụ lại thì mắt trông thấy được là có hình, khí không tụ lại thì mắt không trông thấy được là không hình. Lúc cái khí tụ lại, sao không bảo là khách được? Lúc cái khí tán ra, sao đã vội bảo là không có? Cho nên thánh-nhân ngẩng lên xem, cúi xuống



xét, chỉ nói biết cái có u minh, mà không nói biết cái có hữu vô. Cái mà đầy trong khoảng trời đất là pháp-tượng mà thôi. Xét cái vế, cái vết không có con mắt không rõ được. Lúc có hình, thì có thể lấy mà biết cái nguyên-nhân của sự u ; lúc không có hình thì có thể lấy mà biết cái có của sự minh.

« Cái khí tán tụ đối với Thái-hư cũng như băng tuyết đối với nước. Biết Thái-hư là khí, thì không có cái vô. Cho nên thánh-nhân nói cái cùng-cực của tinh và thiên-đạo, là cho hết cả ở cái thần của số ba và số năm (1), chỉ có biến đổi mà thôi. Chư tử (Lão, Trang và Phật) đều là thiên vọng, cho nên mới chia ra hữu vô, thế là không phải cái học cùng lý vậy.

« Thái-hư là cái khí rất thanh. Thanh thì thông, thanh cực thì thần. Do Thái-hư mà có tên gọi là Trời, do khí hóa mà có tên gọi là đạo. Hợp cái hư với cái khí mà có tên gọi là tinh, hợp tinh với tri-giác mà có tên gọi là tâm. »

Theo cái thuyết ấy, thì Trời và đạo, tinh và tâm là phần linh-diệu ở trong vũ-trụ, cùng đồng một thể cả. Dầu có chia ra trăm đường nghìn lối, chung qui vẫn là Thái-hư. Thái-hư có cái thần hóa, biến ra âm dương, rồi bởi hai khí ấy mà sinh ra trời đất và vạn vật.

(1). Ba là Thái-cực và lưỡng nghi ; năm là ngũ hành.



Cái ý của Trương Hoành-cử là cho ở trong vũ-tru chỉ có vật vô-hình như cái thần-hóa của Thái-hư và âm dương mới là thật, còn những vật có hình như trời đất và các pháp-tượng là căn bản của hai khí âm dương mà thôi. Ông nói rằng: « Quĩ thần là cái lương-năng của hai khí vật. Thánh là chí thành được cái gọi là Trời. Thần là con mắt điều-ững của Thái-hư. Còn trời đất và pháp-tượng là căn bản của sự thần-hóa vậy. » Cũng vì lẽ ấy mà sau ông lại nói: « Vận ư vô-hình chi vị đạo, hình-nhi-hạ giả, bất túc dĩ ngôn chi: Chuyên vận ở chỗ vô hình gọi là đạo, cái hình-nhi-hạ thì không đủ nói làm gì. »

Xem đồ thì biết cái học của ông rất chú-trọng ở phần hình-nhi-thượng. Ông cho Thái-hư là rất linh-diệu, song Thái-hư chỉ là một mà thôi. Cái một không thể sinh hóa được, tất phải có cái hai. Bởi vậy mới nói rằng: « Lương bất lập, tắc nhất bất kiến, nhất bất kiến tắc lương chi dụng tức. Lương thể giả, hư thực giả, động tĩnh giả, tụ tán giả, thanh trọc giả, kỳ cứu nhất nhi dĩ 兩不立, 則一不見, 一不見, 則兩之用息. 兩體者, 虛實也, 動靜也, 聚散也, 清濁也, 其究一而已: Cái hai mà không thành lập, thì cái một không thấy, cái một không thấy, thì cái dụng của cái hai cũng nghỉ. Hai thể là hư



thực, động tĩnh, tụ tán, thanh trọc, nhưng đến cùng cực thì chỉ một mà thôi. » Cái hai ấy nói gồm lại là âm dương do cái một là Thái-hư biến ra. Thánh-nhân lập ra Dịch cốt có bấy nhiêu, học giả phải hiểu rằng : « Có cảm rồi sau mới thông, không có cái hai thì không có cái một. Cho nên thánh-nhân lấy cương nhu để lập bản. Kiềm khôn nát thì không thấy đạo Dịch nữa. » Đạo trời đất sở dĩ thành là vì cái lẽ : « Du khí lẫn-lộn rời-rít hợp lại mà thành chất, sinh ra người và vật nghìn vạn giống khác nhau. Âm dương hai mối tuần hoàn không thôi, lập ra cái nghĩa lớn của trời đất. »

Trời đất và vạn vật có là gốc ở hai khí âm dương. Hai khí ấy tương đối và tương điều hòa với nhau, cho nên mới sinh ra các pháp-tượng. Bởi có cái tương-đối và tương-hòa ấy mà các pháp-tượng đều có cái tính ái ố, thành ra có vật dục. Trương Hoành-cử giải rõ nghĩa ấy rằng : « Cái hư của khí bản, thì im lặng không có hình, cảm rồi mới sinh, tụ lại rồi mới có tượng. Có tượng ấy là có đối, đối tất phải phản lại sự hành-vi của nhau. Có phản, ấy là có thù nghịch, thù nghịch tất phải hòa mới giải được. Cho nên cái tình ái ố đồng ở Thái-hư mà ra, rồi sau thuộc cả về vật-dục. Sự biến-hóa của Thái-hư thì vụt mà sinh, vụt mà thành, không để hở một đường tơ tóc



« Sao, thật là thần vậy ôi ! » Thái-hư thành tượng thì phải có cái khí tương-phản và tương-hòa, cũng như người với vật phải có cái tính tương-phản và tương-hòa. Tương-phản là ố, tương-hòa là ái. Ái ố đều do Thái-hư mà ra, nhưng rồi thuộc về vật-dục. Song chỉ có chúng nhân mới theo vật-dục, chứ trời đất thì tự-nhiên mà sinh, tự-nhiên mà thành, chỉ nhân vật phó vật, không có chút hệ lụy nào về sự đình-lưu ngưng-trệ cả.

Trương Hoành-cử lại nói rõ cái tính của âm dương : « Cái đức của khí dương chủ ở sự phát tán ra, cái đức của khí âm chủ ở sự bế tàng. » Phát tán là chia ra mà sinh, bế tàng là ngưng tụ lại mà thành. Bên tụ lại, bên tán ra, cái thể là tán, nhưng trong lúc tán, dương bị âm, thành ra cái nọ giữ cái kia mà xuống, âm được nhờ có dương mà bay lên. Hai khí chế lẫn nhau mà sinh hóa ra vạn vật. Đó thật là cái căn-nguyên của sự học thức bên Nho-giáo vậy.

**Trời đất.** — Trời đất là do khí Thái-hư mà thành ra. « Đất sở dĩ gọi là hai, là vì phân ra cương nhu, nam nữ, mà làm chứng hiệu. Trời sở dĩ gọi là ba, là lấy một Thái-cực và hai nghi mà làm tượng. Một vật hai thể là khí vậy. Một cho nên thần, hai cho nên hóa. Ấy Trời sở dĩ là ba vậy. »



Trời đất chuyển vần ở trong vũ-trụ : « Đất là thuần âm, ngưng tụ ở giữa ; Trời là phần dương quay quanh ở ngoài. Mặt trời mặt trăng và sao, tuy thuận theo trời đi về bên tả, nhưng vì ở vòng trong thì đi chậm hơn, cho nên mới trông ra đi về bên hữu. »

Nhưng đó là nói cái hình-thức và sự chuyển động ở bên ngoài, chứ Trời là cốt ở cái thần : « *Thiên chi bất trắc vị thần, thần nhi hữu thường vị thiên* 天之不測謂神, 神而有常謂天 : Biến hóa bất trắc gọi là thần, thần mà có thường gọi là Trời. » Trời thể được cả vạn vật và chủ tể cả mọi sự, cho nên nói rằng : « Đạo Trời là bốn mùa chuyển vần, trăm vật sinh ra. Trời thể các vật không sót, như là nhân 仁 thể đủ các sự, không có sự nào là không có nhân vậy. »

Thần hóa. — Trong trời đất chỉ có thần và hóa, biết được hai điều ấy thì hiểu được đạo Trời. Trương Hoành-cử nói rằng : « Thần là cái đức của Trời, hóa là cái đạo của Trời. Đức là thể, đạo là dụng. Hợp lại với khí chỉ là một mà thôi. Hư minh chiếu giám là cái sáng của thần ; không có viễn cận u thâm, lợi dụng xuất nhập. Thần sung tác khắp cả mọi nơi không có chỗ nào hở cả. »

« Khí có âm dương, đùn-dẩy mà đi, dần dần mà hóa. Hợp làm một mà bất trắc là



thần. Ở người, thì biết điều nghĩa, dùng điều lợi, ấy là việc thần hóa đủ vậy. Đức mà thịnh là *cùng thần*, thì cái biết không cần phải nói, và *tri-hóa*, thì cái nghĩa không cần phải tìm.»

Ông lấy cái nghĩa chữ «*cùng thần tri hóa* 窮神知化» ở trong kinh *Dịch* làm cốt cho sự học của người ta. Cùng được cái thần biết được cái hóa là cái cực-điểm của cái đức rất thịnh, cái nhân rất thuần-thực, chứ không phải là cái trí cái lực có thể cưỡng bách được. «*Đại khả vi giả, đại nhi hóa bất khả vi giả, tại thực nhi dĩ* 大可爲也,大而化不可爲也,在熟而已. Cái lớn khả làm được vậy, cái lớn mà hóa, thì không khả làm được vậy, ở cái thuần-thực mà thôi.»

Vậy sự tu dưỡng của người ta là cốt ở trong, chứ không cần ở ngoài. «*Hiểu rõ nghĩa vào đến thần, thì các sự dự sẵn ở trong ta, cầu lợi là sự ở ngoài ta. Cái lợi dùng để yên thân, nhưng vốn ở ngoài ta. Tu dưỡng là ở ta, tu dưỡng nhiều thì tự khắc đến được cùng thần tri hóa, chứ không phải là lo nghĩ miễn cưỡng mà ép được. Cho nên chuộng cái đức mà ở ngoài cả, là người quân-tử không biết vậy.»*

Cái thần mà còn thì cái hóa là tự-nhiên, cho nên nói rằng: «*Cái thần không thể nghĩ ngợi mà đến được, chỉ giữ cho còn*



là nên vậy; cái hóa không thể giúp cho chóng lớn được, chỉ thuận là nên vậy. Giữ cho còn cái hư minh, làm cho lâu cái chí đức, thuận sự biến hóa, đạt cái thời trung, thế là cái rất mực của sự nhân và cái hết của sự nghĩa ».

Trong vũ-trụ chỉ có cái thần là linh-diệu, người ta phải cố đến chỗ biết được cái thần. « Duy có thần mới có thể biến hóa, lấy sự động của thiên-hạ mà làm một vậy. Người ta mà biết cái đạo biến hóa thì ắt biết việc làm của thần vậy. » Biết được cái thần, thì không có việc gì là không làm được. Song muốn sửa mình cho ngay và biết được sự cảm ứng của vật, thì phải vô ngã và tồn thần: Vô ngã nhiên hậu đắc chính kỹ chí tận, tồn thần nhiên hậu diệu ứng vật chí cảm 無我然後得正己之盡, 存神然後妙應物之感: Vô ngã rồi sau mới được cái hết của sự chính mình, tồn thần rồi sau mới có cái cảm của sự diệu ứng với vật. »

Người ta cùng với trời đất và vạn vật tuy cái hình-thể khác nhau, nhưng nhờ có đạo Thái-hòa ở trong vũ-trụ, mà có thể giao-thông với nhau được. Bởi vậy mới nói: Khí dữ chí, thiên dữ nhân, hữu giao thắng chí lý 氣與志, 天與人, 有交勝之理: Khí với chí, trời với người, có cái lý giao thắng. » Hễ cái khí thuận là một thì có thể



động đến chí. Cái chí thuần là một thì có thể động đến khí. Thiên định có thể thắng nhân, nhân định có thể thắng thiên. Vậy nên mới nói : chí khí, trời người có cái lý giao thắng vậy.

**Tính** : — Tính là của trời phú cho vạn vật, thì tất là : « *Tính giả vạn vật chi nhất nguyên* 性者萬物之一源 : Tính là một cái nguồn gốc của vạn vật », chứ không phải là một mình ta riêng được. Tính là phần linh-diệu bản-nhiên của trời đất, cho nên « *Tính ư nhân vô bất thiện* 性於人無不善 : tính của người ta không có điều gì là không thiện ».

Nếu đã nói rằng tính thiện, thì sao lại có người hiền, người ngu, kẻ thiện, kẻ ác? Trương Hoàn-cử chia tính ra làm hai thứ. Một thứ là tính bản-nhiên của Trời phú cho, một thứ là tính của khí chất thành ra. Cái tính của Trời phú cho, thì muôn người cũng đồng một tính, cái tính của khí chất khởi phát ra sau khi thành hình, thì mỗi người một tính khác nhau. Bởi có khí thanh khí trọc, cho nên mới có hiền ngu, có thiện ác vậy.

Đây ta nên nhắc lại rằng : bản về chữ tính, khởi đầu Khổng-tử nói ở thiên *Hệ-tử* trong kinh *Dịch* : « nhất âm nhất dương chi vị đạo, kẻ chí giả thiện giả, thành chí giả tính giả ».



Ngài lại nói ở sách *Luận-ngữ* : « Tinh tương cận giả, tập tương viễn giả. » Đến Mạnh-tử mới xưng lên cái thuyết tính thiện, rồi sau Tuân-tử xưng lên cái thuyết tính ác. Về sau chư nho mỗi người bàn ra một khác, Đương Hùng đời Hán cho là tính của người ta có lẫn cả thiện và ác. Hàn Đu đời Đường chia tính ra làm ba bậc : bậc trên thì thật thiện, bậc giữa thì khả thiện khả ác, bậc dưới thì thật ác. Đến đời Tống các nho - giả cho tính hợp với lý tất là phải thiện, song không nói rõ bởi đâu mà có tính ác. Trương Hoành-cử mới phân ra làm « *thiên địa chi tính* 天地之性 » và « *khí chất chi tính* 氣質之性. » Tính thiện là tính của trời đất phú cho, tính ác là tính của khí chất sinh ra. Theo cái thuyết ấy thì người ta cần phải bỏ cái tính của khí chất mà phục lại cái tính của trời đất. Vì rằng tính của trời đất phú cho mới thật là tính, còn tính của khí chất, quân-tử có người không cho là tính (khí chất chi tính, quân-tử hữu phất tính giả yện 氣質之性, 君子有弗性者焉).

**Tâm.** — Trương Hoành-cử đã nói rằng : « Hợp tính và tri-giác mới có tên gọi là tâm ». Tính là cái bản-thể của Trời phú cho, sự tri giác là do khí chất đối với vật mà sinh ra. Ông lại nói « *Tâm thống linh-tính giả giả* »



心統性情者也：Tâm tóm cả tính tình vậy». Ông cho tính là cái bản-thể của tâm, mà tâm là cái thống-danh cả toàn-thể cái tính-thần của người ta. Cái thực của tâm là Thái-hư, mà Thái-hư là bản-nhiên thành minh 誠明 tự nó có cái lương-tri. Cái tri ấy mới thật là quý, chứ cái tri do văn kiến không có giá trị là mấy. Bởi vậy mới nói rằng : « Thành minh sở tri, nãi thiên đức lương-tri, phi văn kiến tiêu tri nhi dĩ 誠明所知, 乃天德良知, 非聞見小知而已 : Thành minh mà biết, là cái lương-tri của thiên đức, không phải cái biết do sự văn kiến là cái biết nhỏ mà thôi. (1) » Nếu người ta không hiểu lẽ ấy, mà bỏ cái tính bản-nhiên của trời đất đi, rồi chỉ cầu lấy sự văn kiến cho nhiều để làm tâm, ấy là làm nhỏ cái tâm đi vậy. Vì rằng ở trong vũ-trụ biết bao nhiêu là sự vật, làm thế nào mà biết cho hết được. Biết không hết được, thì cái tâm của mình chỉ là nhỏ hẹp mà thôi. Chỉ bằng đem cái tâm mà hợp với Thái-hư, tâm hư thì công-bình, công-bình thì hiểu rõ lẽ phải trái, biết được việc nên làm và việc không nên làm.

Người ta sở dĩ không đem tâm hợp với Thái-hư được là vì để cho cái tính khí-chất nó sai

(1) Xem đoạn này thì biết cái học của Hoàn-cư rất có ảnh-hưởng đến cái học của Vương Dương-minh đời Minh.



khiến. Vậy nên học-giả phải lấy sự biến hóa khí-chất làm mục-đích cho sự học của mình. Trương Hoành-cử thường nói rằng: « Học có ích lớn là ở tự mình biến hóa được cái khí-chất. Nếu không, thì không phát-minh được điều gì, và chẳng được thấy cái uân-áo của thánh-nhân. » Có biến hóa được cái khí-chất đi, thì cái tâm của mình mới thanh hư và mới hiểu được cái đạo uyên-áo của thánh hiền.

Muốn biến hóa được cái khí-chất, thì trước hết phải có chí. Cho nên nói rằng: « Người có chí ở sự học, thì bất luận cái khí tốt xấu, chỉ xem cái chí thế nào mà thôi. » Nếu cái chí mà kiên vững, thì lo gì cái khí-chất không biến hóa đi được.

Đó là lược lấy những điều cốt yếu trong sách *Chính-mông* để hiểu cái học của Trương Hoành-cử sở chủ ở điều gì. Ông thật đã có công đem cái học hình-nhi-thượng của Nho-giáo mà phu-diễn ra rất tường tận. Song đối với cái học ấy thường là phải trăm tư mặc tưởng, rồi lâu ngày tự giác ngộ lấy, chứ không thể lấy văn - từ mà tả cho biết ý nghĩa được. Đã gọi là hình-nhi-thượng thì chỉ có tự mình ý-hội lấy mà thôi, chứ không thể dùng cái hình-nhi-hạ mà hình-dung cho đủ cả được. Bởi thế cho nên sách *Chính-mông* tuy đã là tinh tường, nhưng hãy còn có điều khuyết-điểm. Trình Minh-đạo xem sách ấy rồi viết thư bảo



Trương Hoành-cử rằng : « Những lời bàn thì đại khái có cái tượng khổ tâm cực lực lắm, nhưng không có cái khí khoan dụ, ôn nhu. Không phải là bởi có cái minh tuệ soi đến, chỉ bởi có cái công khảo-sách tìm được đến thế, cho nên cái ý thường thiên mà lời nói có nhiều chỗ bế tắc. Mong rằng về sau cái nghĩa lý ngấm nghĩa ra, có ngày tự-nhiên sẽ được điều-xương, nghĩa là sẽ được thông đạt khoan hoẵng. »

Bởi cái học của Trương Hoành-cử lấy sự biến hóa khí-chất làm cốt-yếu và lại cho là : « Trời sinh vật có tự, vật thành hình có trật ; biết tự thì đạo thường chính, biết trật thì lễ hành », cho nên ông hết sức đem mình thực-tiến những điều lễ nghĩa. Phạm sự cử chỉ, hành động, không điều gì là ông không thủ lễ. Vì vậy cái học của ông thành ra khổ khắc, phiền phức, không ung-dung, thư thái như cái học của Chu Liêm-khe. Tuy nhiên, ông là một nhà có tư-tưởng trác lạc, cùng với Thiệu Khang-tiết và Chu Liêm-khe, mỗi người một phương - diện, xây đắp nên cái nền lý-học đời Tống vậy.

### 3. — LẠC - PHÁI

Chu Liêm - khe truyền cái học của mình cho môn-đệ là hai anh em họ Trình : Trình



Hạo và Trình Di. Hai ông này mở nhà học ở đất Lạc-dương, cho nên hậu nho gọi phái của hai ông là Lạc-phái.

Trước Triệu Khang-tiết, Chu Liêm-khê và Trương Hoành-cử đều bàn về sự biến hóa trong vũ-trụ và suy cái lý thuyết ấy mà nói đến luân-lý. Đến anh em họ Trình thì chỉ chuyên trị về mặt tâm tính và luân-lý mà thôi. Đó là cái đặc-sắc của Lạc-phái vậy.

### TRÌNH HẠO

Trình Hạo 程顥, tự là Bá - thuận 伯淳 (1032 - 1085) người tỉnh Hà - nam bây giờ. Thừa 15 tuổi cùng với em là Trình Di đến học Chu Liêm-khê. Ông nói rằng : « Xưa đến thụ học Chu Mậu-thúc, thường cứ bảo tìm cái chỗ vui của đức Trọng-Ni và Nhan-tử, và vui ở việc gì. Từ lúc tái kiến Chu Mậu - thúc rồi trở về, thích ngâm phong lộng nguyệt, có cái ý « ngô dữ Điền già ».

Sau ông thi đỗ tiến-sĩ ra làm quan lĩnh ở Tấn-thành. Tính ông rất thành thực, có đạo đức, nét mặt ôn-hòa, thuần túy. Học-trò và bầu-bạn theo ông hằng mấy mươi năm mà không ai trông thấy ông có dáng giận dữ bao giờ.



Thời bấy giờ Vương An - Thạch làm tể-tướng, đang thi-hành tân-pháp. Ông làm chức giám-sát ngự-sử, thường ngồi ung-dụng nghị-luận, bày tỏ những điều không tiện. Vương An-Thạch có khi nghiêm sắc mặt, tỏ ý không bằng lòng. Ông từ từ nói rằng: « Việc thiên-hạ không phải là việc bàn riêng của một nhà, xin bình khí mà nghe thì mới phải. » An-Thạch lấy làm then mà chịu khuất.

Đến lúc ông mất, Văn Ngạn-bác cũng là một nhà danh-sĩ thừa ảỵ theo dư-luận của người đương thời mà đặt tên hiệu cho ông là *Minh-đạo tiên-sinh* 明道先生.

Nay xem sách *Ngữ-lục* 語錄 của các đệ-tử chép những điều ông đã giảng dạy, thì biết rõ cái học của ông rất thuần túy đúng với cái tinh - thần Không - học.

**Tính.** — Trình Minh-đạo đã học qua Lão-giáo và Phật-giáo, như phần nhiều nho-giã đời Tống, nhưng sau cùng lại trở về Nho-giáo. Cái học của ông sở đặc ở cái thuyết bàn về tinh. Ông cũng đồng với Trương Hoành-cử nói cái tinh của thiên mệnh và cái tinh của khí bầm. Ông lấy cái nghĩa câu: « Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kể chi giả thiên giả, thành chi giả tinh giả » ở trong kinh Dịch và câu: « Thiên-mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo » ở trong sách



Trung-dung mà luận chữ tính, chữ đạo và chữ giáo.

Ông cho « kể chi giả thiện » là cái tính của thiên mệnh, « thành chi giả tính » là cái tính của khí bảm. Cái bản-nguyên của thiên tính là thiện, nhưng vì có cái tính khí bảm, cho nên mới có thiện ác. Ông nói rằng: « Sinh ra gọi là tính, thì tính tức là khí, khí tức là tính, bởi sự sinh vậy. Người ta sinh ra, có cái khí bảm, theo lý thì có thiện có ác. Nhưng không phải ở trong tính nguyên có hai vật tương đối mà sinh ra. Có người từ lúc trẻ đã thiện, có người từ lúc trẻ đã ác, đó là do cái khí bảm tự-nhiên vậy. Cái thiện vốn là tính rồi, song cái ác cũng không thể không gọi là tính được. Lấy cái nghĩa sinh ra gọi là tính, thì kể từ lúc người ta sinh ra mà hãy còn tính trở lên, thì không cần phải nói, đến lúc đã nói được là tính, thì không phải là tính nữa.

« Phàm người ta nói tính là chỉ nói « kể chi thiện giả ». Ấy là Mạnh-tử nói tính thiện vậy. Sở vị rằng: « Kể chi giả thiện » là như nước chảy xuống chỗ thấp vậy. Cùng là nước cả, mà có nước chảy ra đến biển vẫn không bảm, có nước chưa chảy xa bao nhiêu mà đã hơi đục, có nước chảy rất xa rồi mới đục, có nước đục nhiều, có nước đục ít. Trong đục tuy không đồng, nhưng không thể cho cái



nước đục không phải là nước đục. Nước đục, thì người ta phải dùng công mà làm cho trong. Dùng công nhiều thì mau trong, dùng công ít thì lâu trong. Đến khi đã trong, thì nước ấy với nước lúc đầu vẫn là một nước, chứ không phải là đem thứ nước trong khác thay thứ nước đục ấy, cũng không phải lấy thứ nước đục ấy đem bỏ ra một chỗ. Nước trong là như tính thiện vậy. Cho nên thiện và ác không phải là hai vật tương đối ở sẵn trong tính mà ra. Lẽ ấy là mệnh trời, thuận mà theo là đạo, theo mà sửa đạo ấy cho phần nào ra phần ấy là giáo vậy. Tự thiên mệnh cho đến giáo, ta không có thêm bớt gì nữa. »

Ý Trình Minh-đạo cho là tính của thiên mệnh bản-nhiên chí tính thì thiện, đến khi đã có cái khí bảm, thì tuy không bảo được là không phải tính, nhưng không phải là cái bản-nguyên như từ lúc người sinh ra mà hãy, còn tính nữa. Nếu luận cái bản-nguyên, thì như kinh Dịch bảo là « kế thiện» mà Mạnh-tử bảo là tính thiện. Ấy là bởi mệnh Trời khiến như thế, lẽ nào lại có cái ác mà tương đối hay sao? Có cái « kế thiện», thì tất có cái « thành tính», cũng như nước có nguồn, thì tất có dòng chảy. Dòng chảy mà có trong đục, cũng như khí bảm có thiện ác. Cái bản-nhiên của nước là trong, chứ không có trong



độc tương đối nhau, cái bản-nhiên của tính là thiện, chứ không có thiện ác tương đối nhau vậy.

**Thiện và ác.** — Bởi có cái tính khí bẩm cho nên mới có thiện và ác. Thế nào là thiện, là ác? Trình Minh-đạo nói rằng: « *Thiện ác giai thiên lý* 善惡皆天理: Thiện ác đều là thiên lý cả. » Nghĩa là cái gọi là ác, không phải là ác, chỉ bởi sự quá và bất cập mà thôi. Như nói rằng: Trắc-ần là thiện, song khi không nên trắc-ần mà trắc-ần là ác; cương-đoán là thiện, song khi không nên cương-đoán mà cương-đoán là ác. Tuy là ác nhưng nếu cái nguyên đầu mà không có ác, thì làm thế nào mà ác được? Cái gốc là ở thiên-lý, chỉ vì nhân-độc biến đổi đi, cho nên thành ra dùng không đúng thiên-lý mà làm ra ác vậy.

**Nhân.** — Tính bản-nhiên là thiện, mà thiện là hợp với cái đức sinh sinh của trời đất, tức là nhân. Nhân là hồn - nhiên đồng một thể với vạn vật. Trong khoảng trời đất tuy có chia ra vạn vật, nhưng vật nào cũng như tứ chi bách thể của mình cả. Đã là tứ chi bách thể của mình, thì lòng yêu của mình phải đều khắp cả mọi vật. Vậy nên nói rằng: « *Chỉ nhân tắc thiên địa vi nhất thân* 至仁則天地爲一身: Nhân đến rất mực, thì



trời đất là một thân-thể, » Đã lấy thiên địa vạn vật làm một thể, thì nhân là phải công. Công là vật với ngã đều rõ cả, cho nên có nhân rồi mới có thứ 恕 và có ái 愛. Thứ là sự thi-thố của nhân, ái là sự tác-dụng của nhân vậy.

**Thành và kính.** — Trình Minh-đạo thường nói rằng : « Kẻ học-giả phải biết nhân. Nhân giả là hồn-nhiên cùng với vật đồng thể. Biết được lẽ ấy thì lấy thành và kính để giữ lấy mà thôi. » Thành là vô vọng, tức là chân thực, không lừa, không dối, gồm cả những điều mình tự đắc ở trong bụng với muôn vật ở ngoài. Đã thành thì không điều gì là không kính.

Minh-đạo nói kính không phải là bảo kiểm thức cái thân, nhưng bảo phải hàm-dưỡng cái tâm. Bất cứ điều gì cũng lấy tâm làm chủ, tức là phải kính cái tâm. Kính cái tâm là chỉ nghe điều thiện, làm điều thiện, lấy điều thiện làm gốc cho muôn việc, ngoài điều thiện ra không nghe cái gì, không trông cái gì nữa, mà dẫu có nghe cũng không hiểu, có trông cũng không thấy. Ở trong đã có cái sở chủ, thì ở ngoài thất kính sao được.

Kính thì phải có lễ. Lễ là phải còng-nhiên theo thiên-lý, không có cái gì là cái tự-kỷ cả. Vậy nên nói rằng : « *Chủ nhất vô thích, kính*



dĩ trực nội, tiện hữu hạo - nhiên chi khí 主  
 一無適. 敬以直內, 便有浩然之氣.  
 Chủ ở cái một mà không sai, kính để làm  
 cho thẳng ở trong, rồi là có cái khí hạo-  
 nhiên vậy ».

Cách tu dưỡng. — Cái một ở đây là nói  
 cái tâm. Muốn lấy tâm làm chủ, thì phải giữ  
 tinh cho định, phải quên cả trong ngoài.  
 Nhân có Trương Hoành-cử hỏi rằng : « Định  
 tinh mà chưa thể không động, còn bị ngoại  
 vật làm lụy, thì làm thế nào ? » Minh-đạo viết  
 thư trả lời rằng : « Cái gọi là định, thì lúc  
 động cũng định, lúc tĩnh cũng định, không  
 có tương nghinh, (1) không chia ra trong ngoài.  
 Nếu cho ngoại vật là ở ngoài, buộc mình mà  
 theo, thế là cho tinh của mình có nơi có ngoài  
 rồi. Vả cho tinh theo vật ở ngoài, thì đương  
 lúc tinh ở ngoài, cái gì ở trong ? Như thế mới  
 có ý mong tuyệt khỏi ngoại-du, mà kỳ thực  
 không biết tinh không có nội ngoại bao giờ.  
 Nếu đã chia nội và ngoại ra làm hai mặt, thì  
 còn nói thế nào là định được nữa. Phạm cái  
 đạo thường của trời đất, là lấy tâm phổ-cập  
 muôn vật mà vẫn không có tư-tâm ; đạo  
 thường của thánh - nhân là lấy tinh thuận

(1) Tương 將 là trong lòng tinh trước sẽ làm như thế này  
 hay thế kia, Nghinh 迎 là tinh phỏng trước nếu có việc  
 xảy đến ta nên ứng tiếp thế nào.



muôn sự mà vẫn không có tư tình. Cho nên cái học của người quân-tử không gì bằng cứ khuếch-nhiên thái-công, ngoại vật đến thì thuận mà ứng. Kinh Dịch nói rằng: « Trinh cát, hối vong, đồng đồng vãng lai, bãng tòng nhĩ tư 貞吉, 悔亡, 憧憧往來, 朋從爾思: Trinh cát, hối vong, đi đi lại lại vô-vấn, đều bởi bụng nghĩ của người mà sinh ra. » Nếu cứ chăm chăm mong trừ khỏi ngoại-dụ, thì sẽ thấy ngoại-dụ diệt được ở bên đông lại sinh ra ở bên tây. Không những là không có ngày giờ để trừ cho hết được ngoại-dụ, mà lại thấy cái mạnh mới vô cùng không thể nào trừ được. Cái tình của người ta, mỗi người bị yếm tế một cách, cho nên mới không tới được đến cái đạo. Phần nhiều là lỗi tại cái bụng tự-tư 自私 và sự dụng-trí 用智. Có bụng tự-tư, thì không thể lấy sự hữu vi 有爲 để ứng tiếp với ngoại vật; có sự dụng-trí thì không thể lấy cái minh giác 明覺 làm tự-nhiên. Thí dụ như nay lấy cái tâm ghét ngoại vật mà soi vào cái chỗ không có ngoại vật, thì khác gì như quay lưng mặt gương lại mà muốn nó soi sáng vậy. Kinh Dịch nói rằng: « Vững ở đằng sau lưng mà không bó buộc thân mình, đi ở ngoài sân mà trước mặt hình như không thấy người »; Mạnh-tử nói rằng: « Sở ở những kẻ dùng trí, là vì những kẻ ấy xuyên-tạc vậy », cùng với cái lẽ cho ngoại là trái,



trong là phải, thì chỉ bằng quên cả trong ngoài là hơn. Quên cả hai bên, thì thật là trùng-nhiên vô sự vậy. Vô sự thì định, định thì sáng, sáng thì còn có sự ứng vật nào làm lụy được nữa. Sự mừng của thánh-nhân là bởi vật đáng mừng mà mừng, sự giận của thánh-nhân là bởi vật đáng giận mà giận, thế là sự mừng sự giận của thánh-nhân không hề ở tâm mà hề ở vật vậy. Xem như thế thì thánh - nhân há lại không lấy vật làm gốc hay sao? Vậy thì sao lại cứ cho theo cái ở ngoài là trái, mà tìm cái ở trong là phải? Nay lấy cái mừng cái giận của sự tự-tự và dụng-tri mà so với cái mừng giận chính - đáng của thánh-nhân, thì biết nó khác nhau thế nào. Trong thất tình của người ta, thì có cái giận là dễ phát ra mà khó chế hơn cả. Nếu đang cơn giận mà có thể quên ngay được cái giận để xem cho rõ lẽ phải trái, thì cũng đủ hiểu rằng cái ngoại-dụ không đáng ghét, mà về phần đạo-lý cũng có thể nghĩ thấu được quá nữa vậy. »

Trình Minh-đạo nói được cái học của Chu Liêm-kê, rất ung-dung và có cái thú vui về đạo. Ông thấy rõ cái tôn-chỉ thiên-địa-vật-nhất-thể của Nho-giáo, lấy nhân làm gốc, lấy thành và kính mà giữ cái tâm. Nhân thì tự-nhiên có cái minh-giác để đối phó với mọi sự vật không sai lầm được, thành thì biết



được tính và thiên-đạo, mà kính thì giữ được lúc nào cũng chuyên nhất. Ông lại sở đắc về cái học của Mạnh-tử chủ ở cái thuyết tính thiện và vụ lấy sự hành-vi cho hợp thiên-đạo. Ông cho là người ta cốt giữ cái tâm hư tĩnh để đối với vạn sự cứ trừng-nhiên có việc đến, thì làm mà không mong chóng có thành hiệu. Đó là theo cái ý câu : « Tất hữu sự yên, vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng » của Mạnh-tử, để giữ cái tâm cho định. Cái học ấy cốt ở sự tự đắc, nghĩa là tự mình ý hội lấy, chứ không cần phải có an-bài bố-trí gì cả. Phàm những sự an-bài bố-trí là không phải tự đắc nữa. Bởi cái học ấy mà sau thành ra cái tâm-học của Lục Cửu-Uyên vậy.

### TRÌNH DI

Trình Di 程頤, tự là Chính - thúc 正叔, hiệu là Y - xuyên 伊州 (1033-1107). Trước cùng với anh là Trình Hạo theo học Chu Liêm-khê, sau vào học ở nhà Thái-học, Hồ-Viên thấy văn của ông, lấy làm lạ, cất lên làm học-chức. Đến đời vua Triết-tôn (1086-1099) ông làm chức giáo-thụ ở Quốc-tử-giám đờ Tây-kinh, sau vào làm chức thuyết-thư ở Sùng-chính-diện. Ông dạy học rất nghiêm,



ai cũng kính sợ. Lúc ấy ông không tương đắc với bọn Tô Thức, thường bị dèm, phải ra coi Quốc-tử-giám ở Tây-kinh, rồi lại phải dời đi Bồi-châu ở Tứ-xuyên. Được ít lâu lại về dạy học ở Lạc-dương. Qua sang đời vua Huy-tôn, bọn gian-nịnh đắc thế, bắt ông đem về giam ở Hà-nam, biên tên vào sổ bằng-đảng và bắt phải giải tán hết cả học-trò.

Ông làm ra những sách *Dịch truyện* 易傳, *Xuân-thu truyện* 春秋傳 và *Manh-tử giải* 孟子解. Cái học của ông thấy ở những sách ấy và ở sách *Ngữ-lục* 語錄 của học-trò chép ra.

Trình Y-xuyên với Trình Minh-đạo cùng học một thầy, cùng theo một tôn-chỉ, nhưng Minh-đạo thì ôn-hậu mà Y-xuyên thì nghiêm-chính, tính chất mỗi người một khác. Bởi vậy cái học của hai ông tuy cùng đồng một thuyết, nhưng Minh-đạo thì cho tính và khí là một, mà Y-xuyên thì chia ra tính và tài; Minh-đạo chủ lấy sự quen cả nội ngoại, mà Y-xuyên thì chuyên lấy sự quả dục; Minh-đạo trọng tự đắc, Y-xuyên chuộng cùng lý, v. v... Bởi sự khác nhau ấy mà về sau cái học của Minh-đạo thì thành ra cái học của Lục Cửu- Uyên và Vương Thủ-Nhân, mà cái học của Y-xuyên thì thành ra cái học của Chu Ili vậy.

Đã nói rằng cái học của Minh-đạo và cái học của Y-xuyên cùng đồng một thuyết, tất



là đều chủ lấy sự xét tâm tính và luân-lý làm chủ đích, song mỗi người bàn ra một phương diện khác nhau.

**Tính.** — Bàn về tính, thì Trình Y-xuyên cho tính là lý, mà lý thì không bao giờ là không thiện. Ông nói rằng: « Trời phó cho gọi là mạnh, bầm lấy ở ta gọi là tính, thấy ở các sự vật gọi là lý. Lý, tính, mạnh, ba điều ấy không khác nhau. Cùng lý thì tận tính, tận tính thì tri thiên-mạnh. Thiên-mạnh cũng như thiên-đạo. Lấy cái dụng mà nói thì gọi là mạnh, mạnh là nói về tạo-hóa vậy. » Tuy ông không nói tính là khí, nhưng ông vẫn cho lý với khí là một. Ông nói rằng: « Luận tính mà không luận khí, thì không đủ, luận khí mà không luận tính, thì không sáng. Chia ra làm hai là không phải. » Về sau Chu Hi cho lý với khí là một cũng là theo cái ý-kiến ấy vậy.

Tính thì không có điều gì là không thiện, có điều không thiện là ở cái tài 才. Tài là bầm ở cái khí. Khí có thanh trọc, ai bầm cái khí thanh là người hiền, bầm cái khí trọc là người ngu. Hiền là tài thanh, ngu là tài trọc. Vậy tính thì chỉ có thiện, mà tài thì có thiện ác.

Cái thuyết ấy, đại-ý cũng giống như cái thuyết của Trương Hoành-cử, phân ra tính của trời đất và tính của khí-chất vậy.



**Tâm.** — Y-xuyên đã cho mạnh, tính và lý là một, thì tâm ông cũng cho là đồng với tính và lý là một. Ông nói rằng: « Ở trời làm mạnh, ở người làm tính, luận cái sở chủ thì làm tâm, kỳ thực chỉ là một đạo. » Tâm vốn là ôn-hòa tĩnh-mịch, vạn tượng sâm-nhiên có đủ cả, cứ tự-nhiên thuận ứng muôn vật, tự hồ cây cao trăm thước, từ cỗi rễ cho đến nhánh lá, quán-thông suốt hết cả như một.

Tâm làm chủ, nhưng không có cái định hình, ông thường ví cái tâm của người ta như cái bánh xe, lưu chuyển dao động không lúc nào nghỉ, cái sở cảm thật là nhiều mối; hoặc như cái gương treo giữa không-gian, chẳng có vật gì đi qua mà chẳng chiếu vào.

Ở trong người ta thường như là có hai người. Muốn làm điều thiện, thì hình như có điều ác chen vào để phân ra; muốn làm điều bất thiện thì hình như có lòng tu-ổ ngăn đi. Vốn không phải là có hai người, nhưng chính nghiệm ra là có phải trái thiện ác giao chiến với nhau. Vậy nên người ta phải giữ cái chí cho bền để khiến cái khí không loạn, thì tâm mới định.

Tâm của người ta sở dĩ không định là vì có lòng dục làm loạn mất cái khí. Bởi vậy học-giả cần phải dưỡng khí. Dưỡng khí cốt ở quả dục. Có quả dục thì mới hóa được cái khí trọc ra khí thanh và dần dần mới được



như cái tâm của thánh-nhân, yên lặng sáng suốt tự hồ mặt gương sáng, mặt nước lặng vậy.

**Tĩnh.**— Người ta đã sinh ra mà biết, là có tĩnh Có tĩnh là có tĩnh. Hỏi rằng sự hỉ nộ có phải ở ngoài mà phát ra không? — Rằng: cảm ở ngoài nhưng phát ở trong ra. — Sự hỉ nộ của tĩnh có giống như cái sóng của nước không? — Rằng: Phải. Cứ phẳng lặng như mặt gương là cái tĩnh của nước, đến khi gặp gió bụi nổi lên thì cuồn-cuộn có sóng. Nhưng không có nước sao có sóng, không có tĩnh sao có tĩnh. Vậy tĩnh là sự động của tĩnh.

**Trung hòa, động tĩnh.** — Sách Ngũ-lục chép Trình Y-xuyên cùng với Tô Bính 蘇炳, tự là Quý-minh 季明, vấn đáp về cái uẩn-áo của tĩnh tĩnh, cái cơ của sự động tĩnh và cái cốt yếu của sự hàm dưỡng tĩnh-sát, đại lược như sau này:

« Tô Quý-minh hỏi rằng: « Cái đạo trung cùng với cái trung lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, có phải là một không? » — Trình Y-xuyên đáp rằng: « Không phải. Khi hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, ấy là nói cái nghĩa ở trong đạo trung. Chỉ có một chữ trung mà dùng ra khác nhau.



*Quý-minh*: Có người hỏi rằng: Lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, cầu cái trung có được không?

*Y-xuyên*: Không được. Đã nghĩ đến cầu cái trung trước khi hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, là nó đã phát ra rồi. Khi nó đã phát ra rồi, thì gọi là hòa, chứ không gọi là trung được.

*Quý-minh*: Quan học-sĩ họ Lữ (1) nói rằng Nên tìm cái trung ở trước khi hỉ nộ ai lạc chưa phát ra. Tin lời ấy chỉ sợ không có cái gì chắc-chắn. Vậy thì thế nào là phải?

*Y-xuyên*: Hãy xem lời ấy nói vào chỗ nào. Nếu nói phải tồn-dưỡng ở lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra thì phải. Nếu nói cầu cái trung ở trước khi hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, thì không phải.

*Quý-minh*: Học-giả đối với lúc hỉ nộ ai lạc phát ra, nên cố sức lai-tức ở lúc trước chưa phát ra, phải dụng công thế nào?

*Y-xuyên*: Lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra thì còn có gì mà cầu. Chỉ bình nhật hàm-dưỡng là phải. Hàm-dưỡng lâu, thì hỉ nộ ai lạc phát ra, là trúng tiết.

*Quý-minh*: Thế là có cái trung lúc chưa phát ra và cái trung lúc đã phát ra à?

(1) Tức là Lữ Tô-Khiêm



*Y-xuyên* : Không phải. Đã phát ra là hòa. Phát ra mà trúng tiết vẫn có thể gọi là trúng, nhưng đem cái trúng với cái hòa phân ra mà nói, thì gọi là hòa.

*Quý-minh* : Tiên-sinh nói rằng : lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra mà gọi là trúng, là cái nghĩa ở trong đạo trúng, ý là thế nào?

*Y-xuyên* : Chỉ là hỉ nộ ai lạc không phát ra, là trúng vậy.

*Quý-minh* : Trúng không có hình-thể, chỉ là cái đề-mục để nói đó thôi, có phải không?

*Y-xuyên* : Không phải. Trúng thì không có hình-thể. Nhưng đã gọi là trúng, tất là có cái hình-tượng.

*Quý-minh* : Đang lúc ở trong thể trúng, tai không nghe, mắt không thấy, có phải không?

*Y-xuyên* : Tuy tai không nghe, mắt không thấy, nhưng cái lý của sự thấy, sự nghe, đã có trước rồi.

*Quý-minh* : Thế ra trúng cũng có lúc trúng, lúc không à?

*Y-xuyên* : Lúc nào là lúc không trúng. Lấy việc mà nói thì có lúc trúng có lúc không trúng; lấy đạo mà nói thì không có lúc nào là lúc không trúng.

*Quý-minh* : Vốn như thế là trúng. Nhưng xem khi hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, thì cũng giống như khi tượng lúc tĩnh. Đến khi tiếp sự thì lại khác, là sao?



*Y-xuyên* : Người biết xem thì không như thế. Phải xem ở chỗ hi nộ ai lạc đã phát ra rồi. Ông hãy nói lúc tĩnh là thế nào?

*Qui-minh* : Bảo là lúc tĩnh có vật, thì không được. Song tự nó có chỗ tri-giác.

*Y-xuyên* : Đã có tri-giác, ấy là động rồi, sao còn nói tĩnh? Người ta nói : xem quẻ Phục ䷗ là thấy được cái tâm của trời đất, thế là nói chí-tĩnh có thể thấy được cái tâm của trời đất, nhưng không phải. Ở mặt dưới quẻ Phục có một vạch liền, ấy là động vậy. Sao được bảo là tĩnh? Tự đời xưa nho-giả đều nói tĩnh, thì thấy cái tâm của trời đất. Duy có ta nói động thì mới thấy cái tâm của trời đất.

*Qui-minh* : Có phải là tìm cái tĩnh ở trong cái động không?

*Y-xuyên* : Vốn phải, nhưng rất khó. Nhà Phật hay nói định 定, thánh-nhân thì nói chỉ 止. Và như cái ưa của vật nên gọi là ưa, cái ghét của vật nên gọi là ghét, cái ưa cái ghét của vật có quan-hệ gì đến ta. Nếu nói rằng ta chỉ định mà thôi, không có làm gì cả, song cái ưa cái ghét của vật cũng có ở trong đó. Cho nên thánh-nhân chỉ nói chữ chỉ 止. Sở vị chỉ là như nói « nhân quân chỉ ư nhân, nhân thân chỉ ư kính vậy ». Quẻ Cấn trong kinh Dịch nói cái nghĩa chữ chỉ là giữ vững



cái ngăn lại, ngăn chỗ đáng ngăn lại vậy. Nghĩa là nói tùy cái chỗ ngăn lại mà ngăn lại. Nhiều người không ngăn lại được. Xét người và vạn vật đều hoàn bị cả, khi gặp việc thì đều nhân cái sở trọng của tâm rồi thay đổi mà xuất hiện ra, như thấy được việc ấy trọng, thì có việc ấy ra. Nếu có thể đề vật đối vật, thì tự nó không xuất hiện ra được.

*Quý-minh* : Có kẻ nói rằng : Trước lúc hỉ nộ ai lạc chưa phát ra, thì tiên-sinh hạ chữ động hay chữ tĩnh ?

*Y-xuyên* : Chữ tĩnh thì phải. Nhưng trong thế tĩnh nên có vật mới được. Chỗ ấy là chỗ khó, học-giả chỉ bằng trước hãy lý-hội lấy được chữ kính đã. Biết được chữ kính thì sẽ biết điều ấy.

*Quý-minh* : Kính thì dụng công thế nào ?

*Y-xuyên* : Không gì bằng chủ ở cái một.

*Quý-minh* : Bình tôi thường lo sự tư-lự không định, hoặc đang nghĩ một việc chưa xong, việc khác đã sinh ra nhiều, thì làm thế nào ?

*Y-xuyên* : Không nên như thế. Ấy là cái gốc tại không thành thực vậy. Phải tập. Tập mà chuyên nhất được thì hay. Bất câu tư-lự và ứng sự đều cần ở sự cầu lấy cái một.

*Quý-minh* : Đang lúc tĩnh tọa, mà có vật đi qua trước mặt, thì có thấy hay không ?



*Y-xuyên* : Xem việc thế nào đã : Nếu là đại sự như lúc đang tế-tự, thì vật gì đi qua không thấy, không nghe; nếu lúc vô sự thì mắt nên thấy, tai nên nghe.

*Qui-minh* : Đang lúc giữ lòng kính tuy có thấy có nghe, nhưng không có cái gì đi qua mà không lưu lại, có phải không ?

*Y-xuyên* : Không nói rằng : « Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính » hay sao ? Chữ *vật* 勿 là lời nói cấm chỉ, chứ nói chữ *phất* 弗 thì không được.

*Qui-minh* : Trong sách *Tap-thuyết* lấy cái tâm của đứa trẻ là đã phát ra rồi, có phải không ?

*Y-xuyên* : Đã phát ra, nhưng cách đạo chưa xa vậy.

*Qui-minh* : Bậc đại-nhân không mất cái tâm của đứa trẻ, là thế nào ?

*Y-xuyên* : Lấy cái thuần nhất là gần đạo vậy.

*Qui-minh* : Cái tâm của đứa trẻ và cái tâm của thánh-nhân, thế nào ?

*Y-xuyên* : Cái tâm của thánh-nhân như mặt gương, như nước đứng lặng. »

Trong bài văn-đáp ấy, Trình *Y-xuyên* giải rõ nghĩa cái thể trung, cốt ở cái công hàm-dưỡng lúc bình nhật, khiến cho khi thất tình chưa phát ra, thì bao giờ cũng có cái thể trung. Có cái thể trung, thì đến khi thất tình



phát ra, tất là trúng tiết. Ấy là lấy cái tĩnh làm cơ-sở cho cái động.

Trong khi thất tĩnh chưa phát ra, thì cái tâm tuy tịch-nhiên vô-vật, song cái căn-bản của nghĩa lý đã hàm ở trong tâm, không như cái học khác cho là hư-vô cả. Cho nên cái công càng rõ là phải tìm cái tĩnh ở trong cái động, mà xem ở lúc những thất tĩnh đã phát ra. Như thế thì đến khi ứng sự thù vật có thể thuận cả ở cái qui-tác tự-nhiên. Lúc việc xong, tâm nhân, qui-hợp với cái đạo thường của Thái-hư, mà các vật không có vật nào là lưu-trú lại. Ấy là động chỗ sở dĩ để làm tĩnh vậy. Một động một tĩnh làm căn-bản lẫn cho nhau, mà cái cốt yếu thì tóm cả về sự kính. Tồn-dương cũng bởi sự kính ấy, tĩnh-sát cũng bởi sự kính ấy. Vậy nên cái học của Y-xuyên rất chú trọng ở sự  *cư kính* 居敬.

**Cư kính và cùng lý.** — Trình Y-xuyên lấy câu : « Kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại » ở trong kinh Dịch để làm cốt-yếu cho tự học của mình. « Kính dĩ trực nội », là phải lấy sự kính mà giữ tâm tính cho lúc nào cũng được nghiêm chính, không trê biếng bạo mạn ; « nghĩa dĩ phương ngoại », là lấy lễ phải mà làm mọi việc ở ngoài cho hợp đạo lý. Vậy kính là phải trị mình, mà nghĩa là cách đối phó với sự vật cho hợp lễ phải trái. Ông cho



ràng cái tâm của người ta mà thường giữ được là ở sự kính; không kính thì không giữ được gì cả. Vậy kính là cốt để hàm-dưỡng. Nhưng một kính không, không đủ, phải có tập nghĩa 集義 nữa mới được. Tập nghĩa là phải để tâm mà làm mọi việc cho hợp với nghĩa. Thí-dụ như muốn làm việc hiếu, không phải là chỉ biết sự hiếu mà thôi, cần phải thực-hành hết mọi việc về đạo hiếu, thì mới thật là hiếu. Việc để tâm vào chỗ thực-hành ấy cho hợp nghĩa, tức là tập nghĩa vậy.

Bởi có cái tập nghĩa ấy mới có cùng lý 窮理. Ông cho là trong mỗi vật có một lý, vậy nên ta phải biết cho đến cùng cái lý. Cùng lý có nhiều mối: hoặc đọc sách, giảng rõ nghĩa lý; hoặc luận cở kim nhân vật, phân rõ điều phải trái; hoặc ứng sự tiếp vật mà xử lấy chính đáng, đều là cùng lý cả. Ông nói rằng: «Sở vụ cái cùng-lý không phải là nói cùng hết cái lý của vạn vật trong thiên-hạ, cũng không phải là cùng được một cái lý là đến nơi. Chỉ cốt nay đến một việc, mai đến một việc, tích tập nhiều, thì rồi tự-nhiên có chỗ quán thông.»

«Có cùng-lý mới cách-vật và trí-tri được. Ông cho cái trí của người ta có hai thứ. Một thứ là cái trí kiến-văn, một thứ là cái trí đức-tĩnh. Cái trí kiến-văn thì do sự giao tiếp với



ngoại vật mà biết. Cái trí đức-tính cốt làm sáng rõ cái đức-tính ở trong. Hai cái trí ấy, ông cho cái trí đức-tính là trọng hơn. Vì có trí đức-tính, mới làm cho cao cái phẩm-giá của người ta được. Theo cái ý của ông, thì cùng-lý là biết hết những lẽ đạo-đức vậy.

**Trí và hành.** — Trình Y-xuyên phân-biệt sự biết và sự làm ra hai phần khác nhau. Ông nói rằng : « Quân-tử lấy sự biết làm gốc, sự làm làm thứ. Nay có người sức có thể làm được, mà cái biết không đủ để biết cho rõ, thành ra có những dị-đoan, rồi cứ lưu-đăng không biết quay trở lại, trong không biết hiểu ở, ngoài không biết thị phi. Như thế dầu có cái tin của Vị-sinh, ta không lấy làm qui, Vậy nên sự biết phải ở trước sự làm, ví như đi đường nên có ánh sáng soi rõ đã. » Cái tính của người ta vốn lành, theo lý mà làm là thuận, nhưng phải soi cho sáng rõ cái lý, thì tự-nhiên vui ở sự theo lý mà hành động vậy.

**Sự học tập.** — Trình Y-xuyên nói rằng : « Phàm cái đạo của sự học là chính cái tâm, nuôi cái tính mà thôi. » Nghĩa là ông cho cái học phải chú trọng về đường đạo-đức. Kẻ học-giả phải có sự kính và sự lập chí. Không có sự kính thì không tri-tri được, không có chí thì rồi bị cái khí và cái tập-quán làm sai



làm. Cho nên nói rằng : « Học-giả đề cái khí thẳng hơn và cái tập-quán cướp mất, là chỉ trách ở cái chí. » Vậy không có hai điều ấy là không học được đạo của thánh hiền.

Sự học tập của họ Trình là lấy sách *Đại-học*, *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*, *Trung-dụng* làm tiêu-chỉ để đạt đến sáu Kinh. Trình Y-xuyên nói rằng : « Đọc sách phải cùng-lý để tri-dụng. Nếu đề cái tâm trệ ở chương cú là vô dụng, ấy là cái lo lớn của học-giả. » Cùng được cái lý ở trong sách, rồi đem ra mà thực-hành, ấy gọi là *tri dụng 致用*. Nếu học mà chỉ bo-bo ở từng câu từng chữ, không suốt đến cái nghĩa lý cao xa, thì chỉ là cái học hư-văn mà thôi. Bởi vậy ông nói rằng : « Học-giả phải vu thực, không cần cái cận danh. Có ý cầu cái cận danh, thì cái gốc lớn đã mất rồi, còn học cái gì nữa. Vì danh mà học là dở vậy. »

Xét ra, cái học của Trình Y-xuyên thì nghiêm chính, nhưng có nhiều điều câu-nệ, không được ung-dung khoan-hòa như cái học của Trình Minh-đạo. Muốn biết cái thái-độ của hai người là thế nào, thì xem những câu chuyện sau này là đủ rõ. Trình Minh-đạo thường nói rằng : « Ngày sau em ta có thể làm cho tôn cái đạo thầy, còn như tiếp dẫn kẻ hậu học, tùy tài mà thành-từ cho người ta, thì ta không dám nhường. » Hậu nho có người chép rằng : « Minh-đạo và Y-



xuyên cùng đi theo quan Đại-trung coi đất Hán-châu, đến tối vào ngủ ở cái chùa. Minh-đạo đi vào cửa bên hữu, thì mọi người theo cả vào cửa bên hữu; Y-xuyên đi vào cửa bên tả, thì chỉ có một mình, không ai đi theo. Vào đến trong chùa, Y-xuyên nghĩ thầm rằng: « Đó là chỗ ta không bằng anh ta. » Người ta đi theo Minh-đạo là vì ông khoan-hòa, dễ-dãi, cho nên ai cũng muốn thân cận, mà Y-xuyên thì nghiêm trọng thắc-mắc, cho nên không ai dám đến gần.

Tính Trình Y-xuyên hay câu-nệ những cái nghĩa lý vụn vặt. Xem như ông cố chấp một câu « khắp tắc bất ca » ở trong *Luận-ngữ* mà cãi nhau mãi với Tô Đông-pha, không chịu lấy cái nghĩa tùy thời chấp trung mà hiểu, thì đủ rõ cái học của ông có phần chi-ly lắm.

### MÔN-ĐỆ CỦA HỌ TRÌNH

Những người theo hai anh em họ Trình rất nhiều, song những người có thể-lực đến hậu học, thì chỉ có Tạ Lương-Tả và Dương Thời mà thôi.

Tạ Lương-Tả 謝良佐, tự là Hiền-đạo 顯道, hiệu là Thượng-thái 上蔡, theo học



Trình Minh - đạo, sau mở đường cho Lục Cửu-Uyên.

Dương Thời 楊時, tự là Trung-lập 中立, hiệu là Qui-sơn 龜山, trước theo học Trình Minh-đạo, sau theo học Trình Y-xuyên, rồi truyền cái học cho La Tông-Ngạn 羅從彦, tự là Trọng-tố 仲素, hiệu là Dự-chương 豫章. La Tông-Ngạn truyền cho Lý Đông 李侗, tự là Nguyễn - trung 愿中, hiệu là Diên - bình 延平. Lý Đông truyền cho Chu Hi.

#### 4. — MÀN PHẢI

#### CHU HI

Chu Hi 朱熹, tự là Nguyên-hối 元晦, sau đổi là Trọng-hối 仲晦, hiệu là Hối-am 晦庵, (1130 - 1200), người huyện Vụ - nguyên, tỉnh An-huy. Thừa 18 tuổi đỗ tiến-sĩ, bổ làm chủ - bạ huyện Đồng - an, tỉnh Phúc - kiến, được ít lâu bỏ về, nghe ở đất Diên - bình, huyện Nam - bình, tỉnh Phúc - kiến, có Lý Đông vui đạo ẩn cư ở đó, ông bèn đến theo học, mới được cái chính truyền của họ Trình. Ông làm nhà gọi là Trúc-xá ở trong núi Võ - di - sơn, thuộc huyện Sùng-an, phủ



Kiến-ninh, tỉnh Phúc-kiến, kẻ sĩ ở các nơi đến theo học rất đông. Hậu-nho nhân đó mà gọi phái của ông là Mân-phái.

Đến đời vua Hiến-tôn nhà Nam-tống (1165-1189) ông được cử đi làm chức tri Nam-khang quân, sau được thăng chức đề-cử ở đất Chiết-đông. Vua Ninh-tôn (1195-1225) lên ngôi, triệu ông vào triều làm chức Thị-giảng được 40 ngày, thi bị hặc phải bãi về. Lúc ấy ông thường bị chỉ trích là ngụy học, nhưng ông cứ giảng tập không thôi. Ông mất năm Khánh-nguyên thứ sáu (1200) đời vua Ninh-tôn, được tặng tên thụy là Văn 文.

Tính ông rất nghiêm cần, lúc nào cũng giữ lễ phép. Học-trò ông là Hoàng-Cán 黃幹, tự là Trực-khanh 直卿 làm bài trạng, tán đức hạnh của ông, nói rằng: « Nhan sắc ông trang nhã, lời nói nghiêm-lệ, đi thì thông-thả mà cung kính, ngồi thì đoan trang mà chính trực. Lúc nhàn cư thì chưa sáng đã dậy, mặc áo thâm, bịt khăn nếp, đi giầy vuông, vào lạy gia miếu và các đấng tiên thánh rồi lui ra ngồi ở thư viện. Ăn-thực đề ngay ngắn, sách vở đồ dùng đề chỉnh-tề. Lúc ăn uống thì đồ ăn thức đựng bày đặt có định vị, cái thìa đôi đũa cất nhắc có thứ tự. Khi mỗi nghỉ ngơi, thì nhắm mắt ngồi ngay-ngắn, nghỉ xong đứng dậy bước đi thông-thả. Nửa đêm mới đi ngủ, có khi



thức dậy ôm chần mà ngồi đến suốt sáng. Uy nghi dáng-dấp lúc nào cũng giữ phép tắc, từ thừa nhỏ đến già, lúc rét lạnh, lúc nóng nực, cho đến lúc vội vàng hoảng-hốt, không lúc nào là lia bỏ lễ phép.»

Ông thường nói rằng : « Cái đạo-thống của thánh hiền tản mát ra trong sách vở, chỉ vì cái tôn chỉ của thánh hiền không sáng rõ ra, cho nên cái truyền của đạo-thống tối đi.» Vậy nên ông mới đem hết tâm lực mà nghiên cứu cho đến cùng các Kinh huấn của thánh hiền, phàm cái gì quan-hệ đến đường lối để cho người ta đi vào cái đức và tới cái đạo, thì ông suy xét đến những lẽ cực sâu, cực tinh, mà phát minh ra.

Ông làm ra những sách : *Dịch bản-nghĩa* 易本義, *Dịch học khái mông* 易學啟蒙, *Thi-tập - truyện* 詩集傳, *Tứ-thư lập-chú* 四書集註, để giải rõ nghĩa những Kinh Truyện của thánh hiền. Những sách của Thiệu Khang - tiết, của Chu Liêm - Khê và của Trương Hoành - cử và của hai anh em họ Trình làm ra chưa được bao lâu, mà những lời tinh-vi, những nghĩa to-tát, đã mờ đi, ông bèn góp nhặt lại làm ra *Thái-cực-đồ-giải* 太極圖解, *Thông - thư - giải* 通書解, *Chính-mông - giải* 正蒙解 v. v. để phát minh cái nghĩa lý ra, cho nên những sách ấy mới thịnh-hành được. Còn về phần tư-tưởng của



ông, thì có những sách : Cận-tư-lục 近思錄, Văn-tập 文集, Ngữ-lục 語錄, Gia-lễ 家禮 v. v. đều là quan-hệ đến học-thuyết và luân-lý.

Xét về đường triết-học, thì cái học của Chu Hối-am có nhiều điều cao minh, mà về đường thực hành, thì có nhiều điều cổ-chấp rất hẹp-hòi. Đó là sự rất hệ-trọng, ta nên chú-ý mà xét cho kỹ, thì mới hiểu rõ được cái học của ông vậy.

**Lý và khí** — Chu Hối-am theo cái học-thuyết của Chu Liêm-khê, Trương Hoàn-cử, Trình Minh-đạo và Trình Y-xuyên mà bàn về vũ-trụ và tâm linh. Về cái thuyết lý và khí, ông nói rằng : « Thiên địa chi gian, hữu lý hữu khí. Lý giả giả, hình-nhi-thượng chi đạo giả, sinh vật chi bản giả. Khí giả giả, hình-nhi-hạ chi khí giả, sinh vật chi cụ giả. Thị dĩ nhân vật chi sinh, tất bản thử lý, nhiên hậu hữu hình; tất bản thử khí, nhiên hậu hữu hình. Thiên hạ vị hữu vô lý chi khí, diệc vị hữu vô khí chi lý 天地之間,有理有氣. 理也者,形而上之道也,生物之本也. 氣也者,形而下之器也,生物之具也. 是以人物之生,必稟此理然後有性;必稟此氣然後有形. 天下未有無理之氣,亦未有無氣之理 : Trong khoảng trời đất có lý, có khí. Lý là cái đạo thuộc về hình-nhi-thượng, cái gốc



sự sinh ra vật. Khí là cái khí-cụ thuộc về hình-nhi-hạ, cái đồ đẽ sinh ra vật. Bởi thế người với vật sinh ra, ắt là bằm cái lý ấy rồi mới có tính; ắt là bằm cái khí ấy rồi mới có hình. Trong thiên hạ chưa có khí nào không có lý, cũng chưa có lý nào không có khí. » Vậy lý là phần thuộc về hình-nhi-thượng mà khí là phần thuộc về hình-nhi-hạ, nghĩa là lý thì vô hình mà khí thì có hình, nhưng cái nọ lân cái kia, chứ không bao giờ có cái nọ mà không có cái kia được. Bởi vậy ông nói rằng : « *Lý khí bản vô tiên hậu chi khả ngôn. Nhiên lý hựu phi biệt vi nhất vật, tức tồn hồ thị khí chi trung* 理氣本無先後之可言. 然理又非別爲一物, 卽存乎是氣之中. Lý với khí vốn không nói được có cái trước cái sau. Song lý không phải là một vật đứng riêng một mình, tức là ở trong khí. » Lý với khí lúc nào cũng đi với nhau, nhưng xem câu vấn đáp sau này thì ông vẫn cho lý là gốc. Hỏi rằng : « Trước khi chưa có trời đất, hết thấy chỉ có lý, có phải không ? » — Rằng : « Trước khi chưa có trời đất hết thấy chỉ có lý. Có lý ấy, mới có trời đất ấy. Nếu không có lý ấy, thì cũng không có trời đất, không có nhân vật gì cả. Có lý là có khí, hai cái cùng lưu-hành và phát dục vạn vật. » — « Thái-cực không phải là cái đã có trước khi có trời đất, không phải là cái vật hỗn thành ra, chỉ



là cái tổng danh để gọi cái lý của trời đất và vạn vật, có phải không? — Rằng: « Thái-cực chỉ là cái lý của trời đất và vạn vật. Nói ở trời đất, thì trong trời đất có cái Thái-cực; nói ở vạn vật, thì trong vạn vật, mỗi vật có một cái Thái-cực. »

Thái-cực là lý. Trong vạn vật, mỗi vật có một Thái-cực, nhưng tóm cả lại là chỉ có một Thái-cực, cũng như là nói trong vạn vật, mỗi vật có một lý, nhưng tóm cả lại là chỉ một lý mà thôi. Cái thuyết cũng tương-tự cái thuyết của Trương Hoàn-cử nói về Thái-hư.

Lý thì không phân biệt ra khác nhau được, dầu có chia ra làm nghìn, làm vạn mỗi cũng chỉ là một gốc mà thôi. Khí thì chia ra làm nhiều loài, mà mỗi loài một khác. Sự khác nhau ấy bởi tại khí có thanh, trọc, hậu, bạc, cho nên mới thành ra có sai biệt.

**Tính.** — Vạn vật tuy có sai biệt, nhưng vật nào cũng có cái Thái-cực. Cái Thái-cực ấy ở vào bậc thánh hiền thì cái tia sáng phát hiện ra như hòn ngọc quý nằm trong nước trong, mà ở vào người ngu dại, thì nó tối mờ đi, như hòn ngọc nằm trong chậu nước đục vậy.

• Thái-cực ở trong người ta là cái tính bản-nhiên của mình. Cái tính ấy theo bản-nguyên của nó thì ai cũng như ai cả. Song người ta lại bầm thụ cái khí mà sinh ra, tất là có cái



tính khí-chất. Cái tính khí-chất thì tùy cái khí bầm thanh, trọc, hậu, bạc, mà thành ra khác nhau. Thí dụ như theo cái thuyết ngũ hành ngũ đức tương phối, thì người nào chịu nhiều kim khí là khác người chịu nhiều mộc khí v. v., chỉ có bạc thánh hiền thì mới có cái tính khí-chất hoàn-toàn và có năm đức kiêm bị.

Cái tính khí-chất không những là có thanh trọc khác nhau mà thôi, lại có thuần hay không thuần nữa. Thí-dụ: Có người thông minh việc gì cũng hiểu cả, ấy là bởi có cái khí thanh; nhưng đến việc làm thì vị tất việc gì cũng trúng lý, ấy là bởi có cái khí không được thuần. Có người cần hậu trung tín, ấy là bởi có khí thuần; nhưng đến sự biết thì vị tất việc gì cũng đạt được lý, ấy là bởi cái khí không thanh. Thanh với trọc, thuần với không thuần là bởi cái thiên-mạnh định ra như vậy. Nhưng ta có thể lấy nhân lực mà biến hóa cái tính khí-chất đi, làm cho sáng cái tính thuần-túy là thiên-lý ra, ấy là cái công phu của sự tu dưỡng vậy.

☞ Cái tính bản-nhiên và cái tính khí-chất tuy khác nhau, nhưng hai tính ấy mật-tiếp với nhau, không bao giờ có tính nọ mà không có tính kia được. Bởi vì một bên là hình-nhi-thượng thuộc về tinh thần, một bên là hình-nhi-hạ thuộc về vật chất. Cái hình-nhi-



thượng có cái hình-nhi-hạ mới phát hiện ra được, ví như một gáo nước, không có cái gáo đựng, thì nước không chứa vào đâu. Vậy nên đã có lý là có khí, mà có khí là có lý.

Tâm. — Trương Hoành-cử đã nói : « Tâm tóm cả tính tình vậy » và Trình Y-xuyên cũng nói : « Ở trời làm mạnh, ở người làm tính, luận cái sở chủ thì làm tâm ». Chu Hối-am nhân những thuyết ấy mà nói rằng : « Tính giả, tâm chi lý giả, tình giả tính chi động giả, tâm giả tính tình chi chủ giả. Vị động vi tính, dĩ động vi tính, tâm tắc quán hồ động tĩnh nhi vô bất tại yền 性者, 心之理也, 情者性之動也, 心者性情之主也, 未動爲性, 已動爲情, 心則貫乎動靜而無不在焉. Tính là cái lý của tâm vậy, tình là sự động của tính vậy, tâm là cái chủ của tính tình. Chưa động là tính, động rồi là tình, tâm thì suốt cả động tĩnh mà không đâu là không có. » Cái nghĩa chữ tâm cốt ở sự làm chủ-tể, cho nên nói rằng : « Lấy câu : Thiên mạnh chi vị tính mà xem, thì mạnh là tính, trời là tâm. Tâm có cái nghĩa làm chủ-tể. Song không nên không phân biệt, mà cũng không nên nói thành ra hai cái. Chỉ nên nghĩ cho chín mà tự hiểu lấy cái ý làm chủ-tể là được. » Có người hỏi rằng : « Có chủ thì thực, lại nói có chủ thì hư, là thế nào ? » — Rằng : « Có chủ ở trong, cái



ngoại tà không vào được. Lấy cái lẽ : tự có chủ ở trong mà nói thì gọi là *thực*, lấy cái lẽ : tự cái ngoại tà không vào được mà nói, thì gọi là  *hư* . »

Phải thế nào mới là tâm ? — Ông nói rằng : « Tâm phải linh-hoạt, chu lưu không cùng mà không ngưng-trễ ở một chỗ nào. Tâm nên kiêm cả cái ý quảng đại và lưu hành, lại nên kiêm cả cái ý sinh. Như Trình-tử nói rằng : « Nhân-giả thiên địa sinh vật chi tâm. » Chỉ có trời đất sinh ra vạn vật thì mới quảng-đại và mới lưu hành, sinh sinh không nghỉ. »

Đã gọi là tâm là cái thống danh của tính tình, thì tâm cũng như tính có phần lý và phần khí. Ông lấy cái ý ấy mà giải nghĩa chữ đạo tâm 道心 và nhân tâm 人心 ở câu « nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi » trong kinh Thư, và cho cái gì do lý mà phát ra là đạo-tâm, cái gì do khí mà phát ra là nhân-tâm, cho nên nói rằng : « Cái tri-giác do nghĩa lý phát ra, như biết nghĩa vua tôi, đạo cha con, là đạo-tâm ; cái tri-giác do thân-thể phát ra như biết đói thì ăn, khát thì uống là nhân-tâm. » Ông lại nói : Gọi là người thì có hình khí, cái nhân-tâm quan-thiết với người. Đạo-tâm tuy có trước, nhưng bị nhân-tâm làm cách ra một tầng, cho nên khó thấy. » Vậy nên sự dạy của thánh-nhân cốt lấy đạo-tâm



làm chủ-tể trong thân mình và để tiết chế cái nhân-tâm.

**Tình, ý và chí.** — Người ta có tâm, thì tất có tình, ý và chí. Chu Hối-am nói rằng : « Tình là cái tình phát ra, ý là chủ-trương cái tình đã phát ra. Như là yêu vật nào là tình, sở dĩ yêu vật ấy là ý ». Ông lại nói : *Tâm giả nhất thân chi chủ-tể, ý giả tâm chi sở phát, tình giả tâm chi sở động, chí giả tâm chi sở chí* 心者一身之主宰, 意者心之所發, 情者心之所動, 志者心之所之 : Tâm là cái chủ-tể cả một thân, ý là cái sở phát của tâm, tình là cái sở động của tâm, chí là cái chỗ đi đến của tâm. » Ý, tình với chí đều thuộc cả về tâm. Vậy nên tâm mà chính thì mọi việc đều chính cả.

**Nhân.** — Chu Hối-am theo cái học của Trình Minh-đạo và lấy cái nghĩa trong kinh Dịch và sách Luận-ngữ mà bản đạo nhân rằng : « Trời đất lấy sự sinh ra vạn vật làm tâm, mà người và vật sinh ra lại đều được cái tâm của trời đất để làm tâm vậy. Cho nên nói cái đức của tâm, tuy sự tổng-nhiếp quán-thông thì không có cái gì là không đủ, nhưng lấy một lời nói trùm cả, thì nói nhân mà thôi. Bởi cái tâm của trời đất có bốn đức là : nguyên, hanh, lợi, trinh, mà đức nguyên thông hết



cả. Sự vận-hành thì có thứ bậc, là: xuân, hạ, thu, đông, mà cái khí xuân sinh là thông suốt cả. Cái tâm của người ta cũng có bốn đức, là: nhân, nghĩa, lễ, trí, mà nhân thì bao bọc hết cả. Sự phát dụng thì có: ái, cung, nghi, biệt, mà lòng trắc-ân là suốt hết cả. Cho nên luận cái tâm của trời đất mà nói Kiến nguyên, Khôn nguyên, thì cái thể cái dụng của bốn đức không đợi kể hết mà đủ; luận cái vi-diệu của tâm người ta, mà nói nhân là cái tâm của người, thì cái thể cái dụng của bốn đức không đợi kể hết mà gồm được suốt cả. Cái đạo của nhân là cái tâm sinh vật của trời đất, cứ có vật là có tâm. Lúc cái tính chưa phát ra, thì cái thể đã đủ, mà lúc cái tính đã phát ra, thì cái dụng không cùng. Nếu hiểu được mà giữ lấy nhân, thì cái nguồn của mọi điều thiện, cái gốc của trăm nết, không có điều gì là không ở đó. Bởi thế sự dạy của người học theo đạo Không cần khiến các học-giả phải chăm chăm ở chỗ cầu đạo nhân vậy. Khổng-tử nói rằng : « Khắc kỷ phục lễ vi nhân » là nói : trừ bỏ cái tư-tâm của mình, phục lại cái thiên-lý, thì cái thể của tâm ấy ở đâu mà chẳng có, cái dụng của tâm ấy ở đâu mà chẳng phát hành ra. Lại nói : « Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung », thì cũng là để còn cái tâm ấy vậy. Lại nói : « Sự thân hiếu, sự huynh đễ, cập vật thứ », thì cũng là



đề phát-hành cái tâm ấy vậy. Lại nói : « Cầu phân đặc nhân », thì nhường nước mà trốn, can ngăn sự chinh phạt mà chịu chết đói, là làm cho không mất cái tâm ấy. Lại nói : « Sát thân thành nhân », thì muốn cái nhân hơn sự sống, ghét cái bất nhân hơn sự chết, là làm cho không hại cái tâm ấy. Cái tâm ấy là tâm gì ? Ở trời đất là cái tâm ương-nhiên sinh vật, ở người là cái tâm ôn-nhiên yêu người lợi vật, bao cả bốn đức, mà suốt cả bốn mối (1) vậy.

« Nhân là đầu bốn mối, mà trí thì có thể thành thủy thành chung, như nguyên là trên cả bốn đức. Song nguyên không sinh ra ở nguyên, mà sinh ra ở trình. Bởi vì cái hóa của thiên địa không tự hợp thì không phát-tán được. Nhân với trí giao-tế với nhau là cái cơ cái trục của vạn hóa. Cái lý ấy tuần-hoàn không cùng, căn-khít không hở. Cho nên không có trình thì không lấy gì làm nguyên vậy. »

Chu Hối-am lấy ý trong kinh Dịch mà giải nghĩa chữ nhân trong bốn đức : nhân, nghĩa, lễ, trí. Ông lại theo cái thuyết của Trình-tử mà nói rút cái đại yếu của đạo nhân là : « Nhân là cái tính của sự sinh, ái là cái tính của đạo nhân, hiếu để là cái dụng của đạo

(1) Bốn đức là : nhân, nghĩa, lễ, trí ; bốn mối là : trác-ân, u-ôn, tử-nhượng, thị-phi.



nhân, công là cái thể của đạo nhân, như nói « Khắc kỷ phục lễ vi nhân » vậy. Học-giả lấy ba điều trên, thì khả dĩ biết được cái danh nghĩa của đạo nhân, lấy một điều sau cùng, thì khả dĩ biết cái phương-pháp về sự dụng lực của đạo nhân. »

Cái nghĩa đạo nhân phức-tạp khó hiểu cho nên mới ví : « Nhân như nước, ái như cái nhuận của nước, thứ như sự lưu-hành của nước. » Đại ý, nhân vẫn là một, nhưng hàm cả ái và thứ vậy.

Từ Khổng-tử về sau, các học-giả trong Nho-giáo thường nói đến chữ nhân, nhưng chỉ hiểu mập-mờ là ái hay là thứ, chứ không ai giải rõ cái nghĩa chữ nhân như Trình Minh-đạo và Chu Hối-am, và hiểu được đến chỗ sâu xa của chữ nhân như thế. Mà chữ nhân là cái yếu-điểm của Khổng-học, hễ không đạt được hết các ý nghĩa, thì đạo của thánh-nhân vẫn không được sáng rõ. Hậu-nho cho là họ Trình và họ Chu làm sáng rõ Khổng-học cũng không là lắm vậy,

**Sự giáo-hồi và tu-dưỡng** — Suốt đời Chu Hối-am lấy sự học và sự dạy người làm việc thiết yếu của mình. Ông đi làm quan hết lòng lo việc dân việc nước, nhưng không lúc nào quên nhãng sự học. Khi ông làm chức tri Nam-khang quân, ông thấy ở đất Lư-giang



gần thành Hồ-khâu, thuộc tỉnh Giang-tây, có Bạch-lộc-động là nơi học-quán đời trước rất thịnh, nay bỏ hoang. Ông bèn dâng sớ xin sửa lại và tụ tập sách vở lập ra thư-viện. Ông tự nhận làm động chủ đến dạy học ở đó, và đặt ra học-qui để học-giả biết qui-thức mà theo.

Trong bài Bạch-lộc-động học-qui, ông nói rút cái yếu-chỉ sự học của Nho-giáo : Trên nói cái mục ngũ-luân, là : « *Phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín* 父子有親, 君臣有義, 夫婦有別, 長幼有序, 朋友有信 : Cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng có lễ phân biệt, trưởng ấu có trật tự, bằng hữu có tin. » Thứ nói cái trật tự về việc học, là : « *Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi* 博學之, 審問之, 慎思之, 明辨之, 篤行之 : Học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, suy nghĩ cho cẩn thận, biện luận cho sáng, thực-hành những điều mình đã học. » Thứ nói cái yếu-chỉ sự tu thân, là : « *Ngôn trung tín, hành đốc kính, trừng phần trật dục, thiên thiện cải quá* 言忠信, 行篤敬, 懲忿窒慾, 遷善改過 : Nói phải trung tín, làm việc phải kính cẩn, răn điều tức giận và át điều thị-dục, theo điều thiện và đổi điều lỗi. » Thứ nói cái yếu-chỉ về việc xử sự, là : *Chính kỳ nghị, bất mưu*



kỳ lợi, mình kỳ đạo bất kể kỳ công 正其體  
 不謀其利, 明其道不計其功: Chính điều  
 nghĩa không mưu điều lợi, sáng cái đạo  
 không kể cái công. » Thứ nói cái yếu-chỉ về  
 việc tiếp vật, là: Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân,  
 hành hữu bất đắc phản cầu chư kỷ 己所不  
 欲勿施於人, 行有不得反求諸己: Điều  
 gì mình không muốn, đừng đem thi ra với  
 người ta, làm có điều gì làm lỗi, thì phải tự  
 xét lại mình. »

Sau cùng ông nói rằng: « Ta trộm xem cái  
 ý của thánh hiền đời xưa sở dĩ dạy người về  
 việc học, không có điều gì là không khiến  
 người ta giảng rõ nghĩa lý để sửa thân mình,  
 rồi sau mới suy ra kịp đến người, chứ không  
 phải chỉ muốn vụ lấy xem nhiều nhớ nhiều  
 mà làm từ chương để cầu cái thanh danh, lấy  
 lợi lộc mà thôi vậy. Sự học của người đời nay  
 thì trái thế. Song cái phép của thánh hiền sở  
 dĩ dạy người còn đủ ở trong các Kinh, kẻ  
 sĩ có chí nên đọc cho kỹ, nghĩ cho sâu, mà  
 vấn biện lấy. Nếu biết cái đương-nhiên của  
 lý ấy, mà bắt mình phải theo như thế, thì  
 những điều qui củ, cấm phòng, hà phải đợi  
 người ta đặt ra cho, rồi mới noi mà theo hay  
 sao. Đời nay đối với việc học vẫn có qui tắc,  
 nhưng đối với học-giả đã là thiên kiến rồi,  
 mà cái phép lại vì tất đã hợp với cái ý của



cô nhân. Cho nên nay ta không đem cái qui-tắc ấy thì ra ở nhà này, chỉ lấy cái mối lớn của thánh hiền dạy người về việc học, mà điều liệt ra như trên kia và yết ra trước mặt. Các người nên cùng nhau phải giảng giải cho rõ và noi giữ mà trách ở mình mình, thì trong khoảng tự-lự rồi rít, những điều sở dĩ phải răn giữ cẩn-thận mà lo sợ là ắt có nghiêm trọng ở đó vậy. »

Bài học-qui ấy, về sau vua Lý-tôn nhà Tống đem truyền bá khắp cả nước để làm qui-thức cho sự học. Bởi vậy cái học của họ Chu chóng thành lập ở đời vậy.

**Cùng lý.** — Trong sự học của Chu Hối-am lấy sự cùng lý 窮理 làm trọng. Ông nói rằng : « cùng lý là muốn biết cái sở-dĩ-nhiên của sự vật với cái sở-đương-nhiên của sự vật mà thôi. Biết cái sở-dĩ-nhiên cho nên cái chí không hoặc, biết cái sở-đương-nhiên cho nên việc làm không lằm. » Sự cùng lý của ông là nói biết cho hết cái lý của từng vật, cho nên nói rằng : « Muốn biết mười việc mà mới biết được chín việc, dầu có một việc chưa biết cũng không sao. Nhưng nếu học một việc mà mới biết đến chín phần, còn một phần nữa không biết không được, phải biết cho đến hết cả mười phần mới được. » Ông lại nói : « Phàm việc trong thiên-hạ không việc



nào là không có lý. Nếu ta xét cho đến cùng được, thì tự việc lớn của vua tôi, cho đến việc nhỏ của sự vật, không có điều gì là không biết cái sở - dĩ - nhiên và cái sở - đưng - nhiên của nó, mà không nghi ngờ chút gì, rồi cứ theo điều thiện, bỏ điều ác, mà không có cái lòng cái tóc gì là hệ lụy. Ấy bởi thế mà sự học lấy cùng lý làm trước vậy. » Cái thuyết cùng lý của ông về sau thành ra một cái học rất thịnh và lại có cái ý cho mọi sự lý đã ở trong sách rồi, chỉ nên chú trọng về sự đọc sách. Ông nói rằng : « Luận cái lý của thiên-hạ, thì những điều yếu-diệu tinh-vi đều chính đáng cả, xưa nay không di dịch. Duy có thánh-nhân mới có thể biết hết được, mà những việc làm, lời nói, của thánh-nhân không có điều gì là không làm phép - tắc cho thiên - hạ và đời sau. Ai thuận theo là quân-tử mà cát, ai trái không theo là tiểu - nhân mà hung. Cái điển-tích rõ-ràng, cái hiệu-quả tất-nhiên, điều gì cũng đủ ở trong kinh huấn sử sách. Muốn cùng cái lý của thiên-hạ, mà không lấy đó mà tìm, thì chính là ngánh mặt vào tường mà đứng vậy. Vì thế mà sự cùng lý phải bởi sự đọc sách vậy. » Ông tin rằng các lý tự-nhiên là thánh hiền đã nói cả trong sách, cho nên mới nói rằng : « Đọc sách để xem cái ý của thánh hiền. nhân cái ý của thánh-hiền để xem cái lý tự-nhiên. » Thán!



thứ hai chữ cùng-lý của ông chỉ chủ ở sự đọc sách vậy. Cái ý-kiến ấy có phần hẹp-hòi, là vì lý thì có vô cùng chi lý, mà sách thì chỉ bàn được những việc hữu-hạn ; lấy cái hữu-hạn mà xét cái vô cùng, thì sao cho biết được. Bởi cái tư-tưởng ấy cho nên cái học của ông về sau thành ra câu-thức, không mở-mang ra được.

**Đọc-sách.** — Chu Hối-am lấy cái nghĩa cùng lý ấy mà bàn về việc đọc sách. Ông nói rằng : « Cái đạo của sự học, không gì trước sự cùng lý được. Cái cốt yếu của sự cùng-lý tất là ở sự đọc sách. Cái phép đọc sách không gì quý hơn là cứ tuần tự mà thấu tới chỗ tinh-vi, mà cái gốc sự thấu tới chỗ tinh-vi, thì lại ở sự kinh mà trì thủ cái chí, » Đọc sách tức là phải học cho thuộc những điều mình đọc, cho nên ông nói rằng : « Xem sách trước hết phải đọc cho thuộc, khiến những lời trong sách đều như là tự ở miệng mình nói ra, rồi nghĩ cho kỹ, khiến các cái ý đều như là ở tâm mình mà ra, nhiên hậu mới có cái sở-đắc. Còn cái văn nghĩa mà có điều ngờ, mọi thuyết bối rối, thì cứ hư tâm tĩnh lực, chớ vội lấy hay bỏ. Trước hãy để thuyết nào riêng ra thuyết ấy, mà theo xem cái ý đi đến chỗ nào, để nghiệm sự thông sự tắc, như thế thì những điều nào rất không có nghĩa lý, không đời xét ở thuyết



khác mà nó phải tự khuấy. Sau lấy các thuyết mà xét xem cái lý sở an ở đâu để tìm cái phải cái trái, như thế thì những điều giống như là phải mà thật không phải, sẽ bị sự suy luận công-nhiên làm cho không đứng được. Đại-đề, cứ đi thông-thả từng bước, ở chỗ tĩnh mà xem chỗ động, như đẽo cây gỗ cứng, phải trước đẽo chỗ dễ rồi sau đẽo chỗ khó, như gỡ enon dây rối, chỗ nào gỡ không được thì để thông-thả tìm cách mà gỡ. Ấy là phép đọc sách vậy.

« Đọc sách nên ưu du ngoạn vị, từ từ xem cái bản ý của thánh-hiền lập ngôn sở hướng là thế nào, nhiên hậu theo cái gần xa, sâu nông, nặng nhẹ, chày kíp mà làm thuyết, như Mạnh-tử nói « dĩ ý nghinh chí » ấy, thì ngộ hậu mới được. Nếu mà tự tiện lấy cái thuyết « tiên nhập » đâm ngang ra ở trong bụng, rồi đem lời nói của thánh hiền ép theo cái ý riêng của mình, giả sử cái nghĩa lý có thông, thì cũng là bị cái tư ý xuyên-tạc, hướng chi lại có nhiều nghĩa lý khó-khẩn lấp ngại, có điều mình không thể hiểu được hay sao ! »

« Đọc sách mà không có điều nghi, thì nên khiến cho có điều nghi. Có nghi rồi mới không có nghi, đến phương ấy mới thật là tiên ».

Đại-khải, ông bảo sách gì cũng nên đọc, nhưng cốt nhất là phải đọc sách Đại-học đề



định cái qui-mô, rồi đọc *Luận-ngữ* để định cái căn-bản, rồi đọc *Mạnh-tử* để xét những điều mở-mang rộng-rãi, rồi đọc *Trung-dụng* để tìm cái vi-diệu của cổ-nhân, sau cùng mới đọc đến các Kinh.

**Lập-chí.**— Chu Hối-am cho sự học cốt ở sự lập chí, cho nên nói rằng: *Học-giả đại yếu lập chí* 學者大要立志: Học-giả cốt nhất là lập chí. » Lập chí là đem tâm ý của mình nhất-định chú vào việc học để tìm cho ra đạo lý. Ông cho là: « Người đời nay tham lợi lộc mà không tham đạo lý, muốn làm người quý mà không muốn làm người tốt, đó đều là cái bệnh ở sự không lập chí. » Hỏi rằng: « Cái công-phu về việc học lấy gì làm trước? — Rằng: « Chuyên ở người ta lập chí. Đã biết cái đạo-lý ấy, có cái tâm kiên cố, cứ hướng tiền mà đi, thì lo gì không tiến. Chỉ lo lập chí không kiên, thì nghe ngôn ngữ của người ta, xem văn tự của người ta, rút lại không có ích gì cho mình. » Những lời ấy rất chính-đáng, học-giả nên chú-ý mà xét cho kỹ. Học mà không lập chí cho bền, thì dầu học bao nhiêu cũng không đủ làm cho mình đạt tới mục-đích được. Vậy nên sự học cần phải có sự lập-chí. Khi cái chí của mình đã định rồi, thì phải cố hết sức học cho đến được, dù có sự khó-khăn thế nào cũng không lấy làm nản, ấy thế mới gọi là học.



**Tồn dưỡng.** — Cách tồn-dưỡng của người ta cốt ở cái gì? Chu Hối-am bảo cốt lấy tâm làm chủ-trương. Xem như thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ, việc lớn việc nhỏ, không việc gì là không lấy sự kính làm gốc. Thu thập tinh-thần của mình ở sự kính, trước sau chuyên-nhất, thì rồi mới hiểu được đạo-lý. Kính là để giữ cái tâm tĩnh, tức là có cái chủ tề nghiêm-trang ở trong, thì cái công-phu hàm-dưỡng mới có hiệu-quả. Người ta sở dĩ phải kính là: « Lúc tĩnh mà có cái tư ý đâm ngang ra, ấy là cái thông-hoạn của học-giã. Vậy nên phải lấy sự kính làm chủ mà xét cho kỹ cái mầm của tư ý thường bởi đâu mà sinh ra, rồi cứ chỗ hệ-trọng mà cố rán giữ, lâu thành ra thuần thực, thì tự khắc có kiến-hiệu. »

Ông sợ người ta chưa hiểu rõ nghĩa chữ kính, cho nên có chỗ ông lại nói: « Kính không phải là bảo nghỉ hết cả mọi sự tư-lự. Chỉ nên tùy sự mà chuyên-nhất. Cần thận lo sợ, không phóng dật, chứ không phải nhắm mắt ngồi im, tai không nghe, mắt không trông, không ứng tiếp sự vật gì cả, mới là Kính. Kính là chỉnh-tề, thu-liễm thân tâm không dám phóng túng. » Ông theo cái ý nghĩa ấy, cho nên thường hay dùng chữ tĩnh và chữ tĩnh tọa để nói sự tồn-dưỡng. Ông nói rằng: « Lấy thiên-lý mà xem, thì động không thể



không có tĩnh, cũng như tĩnh không thể không có động. Tĩnh không thể không hàm-dưỡng, cũng như động không thể không tĩnh sát. Chỉ thấy có một động một tĩnh làm căn-bản cho nhau, kính và nghĩa dừ-giắt nhau, để không có cái ý gián-đoạn. Tuy dùng chữ tĩnh, nhưng không phải như là một vật chết rồi. Trong lúc chí tĩnh, vẫn có cái mối động, cho nên không phải là nói xa bỏ mọi việc, tuyệt giao với các vật, nhắm mắt ngồi yên mà chỉ thiên về một mặt tĩnh. Tĩnh là khi chưa tiếp vật đã có sự kính làm chủ ở trong, thì đến lúc sự vật gì đến, cái thiên đoan sáng rõ ra, mà những cái sở dĩ để xét càng tĩnh tường minh bạch vậy. »

Chu Hối-am nói rõ cái nghĩa chữ *tĩnh-tọa* 靜坐 để học - giả không hiểu lầm với chữ *thiền tọa* 禪坐 của Phật-giáo. Bên Phật, tọa-thiền nhập-định là cốt để thu thập cái tâm, không để tản nát ra ở mọi sự vật, cứ ngồi im lặng không nghĩ ngợi gì cả. Bên nho, tĩnh-tọa là ngồi yên, lấy sự kính mà giữ cái tâm cho sáng suốt để đối phó với các sự vật cho hợp đạo-lý. Hai bên cùng đồng một ý hoán-tĩnh cái tâm, nhưng cái đạo thì khác. Phật thì hoán-tĩnh cái tâm để cho thành không không, mà Nho thì hoán-tĩnh cái tâm để khiến nó soi sáng đến các sự lý.



Chỗ này Gau Hối-am muốn phân-biệt sự đồng dị của Nho và Phật, nhưng cái thuyết của ông chưa được rõ lắm. Phật nói hoán-tĩnh cái tâm mà không hành-vi, là chính để cho cái tâm sáng suốt mà biết rõ sự thực, Nho nói hoán-tĩnh cái tâm là cốt để biết rõ đạo-lý, hai bên cùng đồng theo một chủ-đích. Phật-học chủ ở chữ tuệ 慧, chữ giác 覺, Nho-học chủ ở chữ nhân 仁, chữ thành 誠, danh-từ tuy khác, nhưng nghĩa lý vẫn là một. Lấy cái thể của đạo mà nói, thì hai bên cùng cao như nhau, nhưng đến chỗ hai bên phân ra khác nhau là ở cái dụng. Cái dụng của Phật-học thì chủ ở sự xuất-thể, cầu lấy sự giải-thoát; cái dụng của Nho-học thì chủ ở sự xử-thể, cầu lấy sự hành-vi cho hợp đạo-lý. Cái học của Phật là cái học tiêu-cực, trái với cái đạo làm người ở đời; cái học của Nho là cái học tích-cực quan thiết đến sự nhân-sinh nhật-dụng. Ta thường nói đạo Phật cao, đạo Nho thấp là bởi có một lẽ đó mà thôi. Nhưng lên đến chỗ đạo lý thật cao, theo cái nghĩa « nhất dĩ quán chi » của Khổng-tử, thì hai đạo không kém gì nhau, mà cũng không xa nhau là mấy.

Vì cái lý tương đồng như thế, cho nên về đường tu-dưỡng, Tống-nho mới nói cái thể tĩnh và dùng cái phương-pháp tĩnh-tọa. Nhưng ở chỗ này chư nho đâu muốn biện-luận thể nào mặc lòng, đó chính là một cái



bằng chứng rõ-ràng là Tống-nho đã hấp-thụ cái ảnh-hưởng của Phật-giáo vậy.

**Lực hành.**— Chu Hồi-am nói rằng: « Học cho rộng chưa bằng biết cho rõ, biết cho rõ chưa bằng làm cho thực. Tri với hành hai cái cùng phải có, như có mắt mà không có chân thì không đi được, có chân mà không có mắt thì không thấy gì. Luận trước sau thì tri là trước, luận nặng nhẹ thì hành là nặng. Lúc mới biết mà chưa làm được, thì cái biết còn nông, đến khi đã làm được thì cái biết lại sáng thêm hơn và có cái ý vị khác ngày trước. Kẻ đi học lo không biết học, khi biết học rồi mà biết cái đáng chọn, lại lấy làm khó. Chọn được rồi mà có cái dũng-lực để thực-hành, trong không lo cái tư kỹ, ngoài không bị tập tục sách nhiễu, lại khó hơn nữa. » Vậy về đường đạo-lý phải lấy sự thực-hành làm trọng, chứ học để mà nói, thì bảy-mươi-hai đệ tử theo Khổng-tử, chỉ nói độ hai ngày là hết, việc gì phải đi theo hằng bao nhiêu năm. Cái khó là học được điều gì, phải ngày ngày thực-hành điều ấy, thì rồi lâu mới hóa ra hay được.

Ông cho là người ta có khí và chí. Khí mà không theo chí, ấy là chỗ thiên-lý và nhân-dục muốn giao chiến với nhau. Hễ ai tìm được chỗ đứng chân cho vững ở quăng thiên-lý và



nhân-dục giáp giới nhau, thì chắc là tinh tiến được. Người ta chỉ nên biết cho rõ đạo-lý rồi cần-thận mà giữ lấy, đề khởi xấu với cái của Trời đã phú dữ cho. Còn về phần thân ngoại như vinh nhục hưu thích, thì cứ nhất thiết theo mạnh mà thôi.

Cái tư-tưởng của Chu Hối - am, có nhiều điều rất cao. Ông nói rằng : « Khi ta đã tìm kỹ được cái đạo-lý rồi, thì trừ cái đạo-lý là cái phép chân-thực ra, thấy thế-gian vạn sự điên đảo, mê-hoặc, chìm đắm chỗ thị-dục, chẳng có cái gì là chẳng giống như trò hí kịch, thật không đáng để con mắt mà nhìn vậy. Ta đọc sách xét đến chỗ thực của lý, đem mình theo lý ấy mà thực-tiến, trong lòng niệm niệm hướng tiến, không nên khinh-suất tự buông mình, thì ở ta tuy thật là có cao, song đối với người khác không quan-hệ gì, hà tất phải lo riêng tinh quẩn, để hãm mình vào chỗ đồng lưu hợp ô làm gì. »

Ở đời đã có cái sở đắc, thì ta cứ theo đạo-lý mà xử-thế, mà hành-động. « Dầu có nhọc thân mà tâm yên, thì ta làm ; lợi ít mà nghĩa nhiều thì ta làm. » Cốt chỉ có hai chữ liêm-sĩ để hộ - vệ mình trong cuộc sinh - hoạt. Hễ có sĩ thì có việc không bao giờ làm. « Duy có quân-tử thì mới biết cái sở-đương-vì của nghĩa-lý và cái khả-thị của nghĩa-lý. Sự lợi hại đắc thất đã không có chỗ nào vào được



cái tâm của mình mà cái học lại đủ thù ứng với sự biến của sự vật, cho nên cái khí thì mạnh, cái mưu thì sáng, không có điều gì vướng vít sợ hãi cả. Bất hạnh có vấp ngã, thì lấy tử sinh mà đối phó. Cái tâm của kẻ tiểu-nhân thì nhất thiết trái lại thế. »

Chu Hồi-am có tư-tưởng rất cao, đạo-đức rất hậu, thật là một nhà đại-nho trong Nho-giáo, nhưng vì sự hành đạo của ông khổ-khắc quá, phạm những điều phong lưu nhã-trí hơi trái với luân-lý là ông không ưa. Như khi ông làm chức đề-cử ở Chiết-đông đi qua châu Thiên-thai, thấy quan sở-tại là Đường Trọng-Hữu là một kẻ phong-lưu, có thưởng cho một tên kỹ-nữ có tài thi họa, mà ông bắt dam tên kỹ-nữ ấy và luận tội Đường Trọng-Hữu, gây thành sự hiềm-thù về sau. Đó là một việc hẹp-hòi trong sự dốc tin về đường đạo-đức, kém mất phần khoan-hoảng của Nho-giáo vậy. Cái học của ông lại chi-ly từng chữ từng câu, quá thiên về đường văn tự, chứ không đạt rõ cái tâm-học uyên thâm của Khổng Mạnh. Tuy về sau lúc đã già, ông mới tỉnh ngộ biết hối, nhưng không kịp sửa đổi nữa. Dầu thế nào mặc lòng, cái sự-nghiệp của ông là đã cố hết sức sưu tầm nghĩa-lý trong các Kinh Truyện, định ra cái qui-mô của sự học. Sự-nghiệp ấy cứ xem những lời phê-bình sau này cũng đủ rõ.



Lý Quả-trai, tên là Phương-Tử 方子, tự là Chính-thức 正叔, đời Tống, nói rằng: « Chu Hối-am định chính các sách, làm thành mục thước, khiến kẻ học-giả có chỗ nương tựa để theo đạo vua Nghiêu, vua Thuấn. Từ Khổng-tử thiết giáo ở sông Thù, sông Tứ, lấy *bác văn ước lễ* mà dạy học-trò, rồi sau cái chính học thất truyền, kẻ sĩ tự theo ý riêng mình mà học. Ai thích về đường rộng-rãi, thì khoe cái kiến văn tích lũy của mình, làm thành ra mèn-mông rối loạn, không biết đâu là bờ. Ai theo về đường bó chặt một lối, thì lại bảo không lập văn tự cũng có thể biết được tâm, thấy được tính, rồi hăm vào cõi khoáng-đăng hư-không. Tiên-sinh đem mình căng đáng đạo thống, xem rộng hết các sách, biện chứng để phù-trì các kinh huấn. Tiên-sinh thường nói rằng: « Học-giả trông đạo mà chưa thấy, thì tất phải lấy sách mà học để xét cho cùng lý. Khi đã thấy rồi, ắt cũng phải khảo cứu trong các sách để có chứng-nghiệm mà thực-tiến, Từ đời nhà Chu suy, sự dạy mắt, chỉ còn có sách là sở dĩ duy-trì cái tâm. Thế mà rờ-rúng Kinh Truyện, cho là cảm bã, không xem, thì học sao được! Cốt ở sự lấy tâm mà hiểu, lấy thân mà thực-tiến, đừng chờ lời nói trong sách là lời nói không, thì mới được. » Từ Khổng-tử về sau mà có người học được *bác văn* và *ước lễ*, hai lẽ đều tới đến chỗ cùng



cực, thì chỉ có một mình tiên-sinh mà thôi. Sau khi nhà Tần đốt sách, sáu Kinh còn sót lại trong đồng tro tàn, chừ nho chưa từng có người biết rõ đạo. Họ Chu, họ Trình, họ Trương làm sáng rõ đạo ra, nhưng chưa kịp giải-thích những lời nói trong các kinh cho đúng, thành ra có người theo học những họ ấy hiểu lầm cái tôn-chỉ mà đi vào dị-đoan (1) Tiên-sinh mới tóm cả sáu Kinh mà lập thành cái học-thuyết của một nhà, *tập kỳ đại thành* để định cái phép của muôn đời.»

Thái Nguyên-Bồi là một nhà tân-học ngày nay, làm quyển *Trung-qaốc luân-lý học-sử* nói rằng: «Đời nhà Tống có Chu Hối-am cũng như đời nhà Chu có Khổng-tử, đều là nhà tập-thành cái đạo-đức của dân-tộc nước Tàu. Từ Khổng-tử về trước, thì cái tư-tưởng về đạo-đức chỉ hiển hiện ra ở lời nói và việc làm mà thôi, đến Khổng-tử mới giảng-diễn và trước-thuật làm thành học-thuật. Từ Khổng-tử về sau, cái học-thuyết đạo-đức tuy gọi là theo Khổng-tử mà chiết-trung, song còn có lúc ly, lúc hợp, không nhất định, đến Chu Hối-am mới đem những điều của mình sở kiến ở trong Khổng-giáo mà sửa-sang chỉnh-đốn lại, thành ra có cái phạm-vi nhất-

(1) Học-trò Trình Y-xuyên có nhiều người theo phái Thiên-học bên Phật-giáo.



định. Cái đạo của Khổng-tử ở vào thời-đại Đồng-Trong-Thư thì bất quá mới có đủ cái hình-thức tôn-giáo mà thôi, đến thời-đại Chu Hối-am mới xác-lập thành cái uy quyền của tôn-giáo.

« Học-thuật của Chu Hối-am, gần thì lấy Hoành-cử, Y-xuyên làm gốc và lấy Liêm-khê, Minh-đạo mà phụ thêm vào; xa thì lấy Tuân Khanh làm gốc, mà dùng lời nói thì hay lấy ở Mạnh-tử, để giải-thích lời nói của Khổng-tử, mà lập thành ra một Khổng-giáo từ nhà Tống về sau. Đối với những thuyết đã có từ Khổng-tử về trước, thì ông đem giải-thích ra cho thông và cho đúng với Khổng-giáo; đối với những học-thuyết từ Khổng-tử về sau mới có, thì ông lấy Khổng-giáo làm chuẩn-đích mà phân hơn kém. Ông nghiên-cứu rất cần, trước-thuật rất nhiều, đồ-đảng rất đông, so với các nho-giả đời trước đã là không ai kịp, mà cái học-thuyết của ông thì chủ ở sự sửa điều ác hơn vui điều thiện, giữ phép ở ngoài hơn là trực đạt ở trong, độc đoán hơn là hoài-nghi, câu-nệ danh nghĩa hơn là được thực lý, tôn trật-tự hơn là tìm cách-tân, cho hiện-tại hòa-bình hơn là hi-vọng vị-lai. Ông thật là người đích-tự của cái tư-tưởng phương bắc từ xưa, rất thích-hợp với cái tập-quán của phần nhiều người Tàu, lại tiện cho kẻ có quyền-thế dễ lợi-dụng. Bởi thế mới



nhờ được cái thế-lực của khoa-cử mà thịnh hành từ nhà Minh về sau vậy. »

Đó là những lời nghị-luận của người đời xưa và người đời nay đã phê-bình cái học-thuyết của Chu Hối-am. Cái học-thuyết ấy rất trình-vi, khuôn-phép rất nghiêm-trang, sự khảo-cứu rất kỹ-càng, những điều giải-thích rất tường-tận, làm cho Khổng-giáo từ đó thành ra một tôn-giáo rất tôn-nghiêm. Nhưng cái học ấy chỉ chuyên về một mặt công-truyền, chủ lấy sự tìm cái lý nhất-định của các sự vật ở ngoài, thành ra bỏ nhãng cái học tâm-truyền là cái học « vô ngôn » rất uyên-thâm của Khổng-giáo, cho nên cái học của ông có nhiều chỗ không đạt tới cái nghĩa « nhất quán » của Khổng-tử.

Khổng-tử lấy đạo nhân làm cốt, lấy đạo trung-dụng làm chừng mực, lấy cách êm-ái hồn-nhiên vô khả vô bất khả mà đối với mọi sự vật, không nhận điều gì là nhất-định, cứ tùy cảm mà ứng, cứ theo thiên-ly mà lưu-hành, đứng vào cái địa-vị nào, cảnh-ngộ nào, cũng-an vui, không làm mất cái tư-cách người quân-tử vô nhập nhi bất tự đúc. Cái học ấy của Khổng-tử chỉ có Chu Liêm-khê và Trình Minh-đạo đã tâm đắc mà thôi, còn Trương Hoành-cử, Trình Y-xuyên và Chu



Hối-am thì thường quá thiên về đường qui-thức, quá trọng về đường thượng-lễ và cử-kính, cho nên thành ra câu-chấp, bó-buộc về mặt thủ-cự, lâu ngày ứ-trệ, thật là hại cho sự tiến-hóa.

Cái học của Chu Hối-am sở dĩ thịnh hành, là bởi nó có cái bề ngoài rất tôn-nghiêm và thích hợp với cái tinh-cách của dân-tộc Tàu, lúc nào cũng muốn có cái qui-cử nhất-định mà hành động, chứ không muốn thay đổi. Cái tinh-cách ấy, có lẽ làm cho đời người được phong-lưu nhân-hạ, nhưng về đường tiến-hóa, thì thật là kém-cỏi. Bởi thế cho nên khi thiên-hạ đã xoay vần ra như ngày nay, dân-tộc Tàu và những dân-tộc theo văn-hóa Tàu, tuy có cái trình-độ văn-minh rất cao, nhưng về đường thế-lực thì phải chịu phần kém hèn. Đó là một cái vấn-đề các học-giả nên lưu-tâm nghiên-cứu, để tìm phương mà bồi bổ lại, khiến cho tương-lai, ta vẫn giữ được cái tinh-thần của ta, mà ta lại có đủ thế-lực để sinh-tồn với người. Ấy là một cái vấn-đề rất khẩn-yếu mà hiện nay ta chưa giải-quyết được vậy.



## III

## TÂM - HỌC

## LỤC CỬU - UYÊN

Cái học của Chu Hối-am thì thật là tinh-vi, nhưng phải điều câu-thức quá, làm mất cái tự-tướng tự-do của người ta. Ông tuy không hay nói đến Tuân-tử, nhưng vì ông theo cái thuyết biến hóa khí-chất của Trương Hoành-cử và Trình Y-xuyên, cần phải lấy lẽ nghĩa mà sửa tâm tính, thành ra cái học của ông với cái học của Tuân-tử có nhiều chỗ giống nhau. Học-giả ai đã hiểu rõ cái tinh-thần của Khổng-giáo thì biết là cái học ấy chưa thật phải là cái học của họ Khổng và họ Mạnh, cho nên ngay lúc ấy có người lại xưng lên cái thuyết tâm-học, lấy sự khái-phát cái bản tâm của người ta ra, để có thể ứng với sự biến của vạn vật. Người ấy là Lục Cửu-Uyên ở đất Giang-tây vậy.

•Lục Cửu-Uyên 陸九淵, tự là Tử-tĩnh 子靜, hiệu là Tồn-trai 存齋 (1139-1192), người huyện Kim-kê, thuộc tỉnh Giang-tây.



Năm Càn-đạo thứ 8 đời vua Hiếu-tôn nhà Nam - Tống (1163 - 1189) ông thi đỗ tiến - sĩ làm quan đến chức Quốc - tử - chính, rồi về dạy học ở núi Tượng-sơn 象山, tự hiệu là Tượng - sơn - ông. Đến đời vua Quang - tôn (1190 - 1195) ông được cử ra làm chức Tri Kinh-môn quân. Ông ở Kinh-môn trị dân rất nhân hậu, sửa đổi phong-tục, xây đắp thành trì, trừ liệu việc võ bị, nổi tiếng là có chính lạ, tể-tướng là Chu Tất-Đại khen là: « Hữu cung hành chi hiệu 有躬行之效: Có cái hiệu-quả về sự tự mình làm điều nhân chính, » Ông ở Kinh-môn được non ba năm thì mất, thọ 54 tuổi. Thụỵ là Văn-an 文安

Lục Tượng-sơn cùng với anh là Lục Cửu-Linh 陸九齡, tự là Phục-trai 復齋 đều nổi tiếng là nhà học-giả rất uyên thâm. Người đương thời thường gọi là hai họ Lục đất Giang-tây.

Lục Tượng-sơn thuở nhỏ dĩnh ngộ lạ thường, mới lên bốn tuổi đã biết hỏi ông thân-phụ rằng: « Trời đất đến chỗ nào là cùng-cực? » Ông thân-phụ cười mà không đáp lại. Ông nghĩ ngợi về việc ấy đến quên cả ăn cả ngủ. Năm lên năm tuổi bắt-đầu đi học; đến năm lên tám đọc thiên Học - nhi trong sách Luận-ngữ đã biết nghi là lời thầy Hữu-tử nói chi-ly không hợp với tôn-chỉ của Khổng-tử. Ông lại nghe người ta đọc những lời của



Trình Y-xuyên, ông nói rằng: « Sao những lời ấy không giống như lời của Khổng Mạnh? » Năm 11 tuổi cùng với anh đọc sách, ông chỉ đọc sách *Luận-ngữ* và chép riêng ra những lời của Khổng - tử nói với từng đệ-tử một.

Năm 13 tuổi, ông đọc sách đến chữ: « Vũ trụ 宇宙 » thấy giải-thích rằng: « *Tứ phương thượng hạ viết vũ, vãng cò lai kim viết trụ* 四方上下曰宇, 徃古來今日宙: Bốn phương trên dưới là vũ, từ xưa đến nay là trụ. » Ông hốt-nhiên tỉnh-ngộ, nói rằng: « Nguyên lai là vô cùng. Người với trời đất và vạn vật đều ở trong khoảng vô cùng vậy » Nói rồi cầm bút viết: « *Vũ trụ nội sự nãi kỷ phận nội sự, kỷ phận nội sự nãi vũ-trụ nội sự* 宇宙內事乃己分內事, 己分內事乃宇宙內事: Việc trong vũ-trụ là việc trong chức-phận mình, việc trong chức-phận mình là việc trong vũ-trụ. » Từ đó ông để chí học về đường nghĩa - lý chứ không học lối từ-cương.

Ông thông minh như thế và học điều gì thì nghĩ ngợi đến những lẽ sâu xa, thật là người có tài lạ. Trước ông không chịu ra ứng thí, đến năm hai mươi bốn tuổi, vì có nhiều người nói mãi, ông mới ra thi hương, liền đỗ thứ tư. Thi xong ông nói rằng: « Trong khi



ra ứng cử, ta chưa hề đề bụng đến sự đỗ hay hỏng, làm bài thi trong bụng có thể nào viết ra thế.» Năm ba mươi tư tuổi mới vào đình đời, đỗ tiến-sĩ. Danh tiếng từ đó lừng lẫy, các học-giả theo học rất nhiều.

Cái học của ông ở cả những lời ông giảng dụ, hoặc ở những bài luận và những thư ông viết cho người đương thời, chứ ông không trước-thuật gì cả. Có người hỏi ông sao không làm sách? Ông nói rằng: «Sáu Kinh chú-thích cho ta, ta chú-thích cho sáu Kinh.» Ý ông nói: Sáu Kinh dạy ta đủ mọi điều, ta theo đó mà làm là đủ, còn phải làm sách gì nữa. Bởi vậy ông thường nói: «Nếu học mà biết đạo thì sáu Kinh là chỗ chú-cước của ta đó rồi.»

Nay có bộ *Lục Tượng-sơn toàn tập* 陸象山全集 là của học-trò biên tập sau khi ông mất rồi. Xem sách ấy ta có thể biết được cái học-thuyết và sự nghiệp của ông vậy.

**Học-thuyết của Lục Tượng-sơn.** — Cái học của Lục Tượng-sơn xa thì theo Mạnh-tử, gần thì theo Chu Liêm-khê và Trình Minh-đạo. Ông thường nói rằng: «Sự học đến đời nhà Tống mới thịnh là từ Chu Mậu-thúc phát ra.» Và ông lại nói: «Hai họ Trình theo học Chu Mậu-thúc đến khi trở về, ngâm phong lộng nguyệt, có cái ý «ngô dữ Địch» Sau Minh-



đạo giữ được cái ý ấy mà Y-xuyên thì bỏ mất. Hối-am giống Y-xuyên, Kinh-phu <sup>(1)</sup> giống Minh-đạo. Y-xuyên thì tế-cổ sâu, Minh-đạo thì sơ-thông. » Ông vẫn cho cái học của Trình Y-xuyên và Chu Hối-am là tinh thâm, nhưng không thông đạt bằng cái học của Chu-Liêm-khê và Trình Minh-đạo.

Ông rất sùng tín cái học của Mạnh-tử. Có người hỏi rằng : « Cái học của ông có ai truyền cho không ? — Ông đáp rằng : « Nhân đọc sách Mạnh-tử mà tự đắc lấy vậy. » Thật là ông đã được cái chính truyền của Mạnh-tử, chủ lấy sự tôn tâm, dưỡng tâm, cầu phóng tâm làm tôn-chỉ, và lấy cái tâm làm nhất-quán, cho nên ta có thể gọi cái học ấy là duy tâm học 唯心學.

**Đạo, lý và tâm.** — Cái học-thuyết của Lục Tượng - sơn chủ ở một chữ tâm, nhưng cái nghĩa chữ tâm của ông dùng rất rộng. Ông cho đạo, lý và tâm là một. Ông nói rằng : « Nhân tinh-thần thiên chủng vạn ban, phù đạo nhất nhi dĩ hỹ 人精神千種萬般, 夫道一而已矣 : Cái tinh thần của người ta nghìn giống muôn vẻ, mà đạo thì có một mà

(1) Trương Thức 張拭, tự là Kinh-phu 敬夫, hiệu là Nam-hiên 南軒, là một danh nho đời Nam Tống, đồng thời với Chu Hối-am và Lục Tượng-sơn.



thời. » Ông lại nói : « Đạo tại thiên-hạ, gia chi bất khả, tồn chi bất khả, thủ chi bất khả, xả chi bất khả, yêu nhân tự lý hội 道在天下, 加之不可, 損之不可, 取之不可, 舍之不可, 要人自理會 : Đạo ở trong thiên-hạ, thêm nó không được, bớt nó không được, lấy nó không được, bỏ nó không được, cần phải người ta tự lý hội lấy. » Ông thường ví đạo như nước và nói rằng : « Đạo ví như nước, người đối với đạo thì ví như nước ở chỗ vũng chần, chỗ ao hồ, hoặc như ở khe ngòi, hoặc như ở sông ở bể vậy. Bể thì rất lớn, mà trong bốn bể có chỗ rộng, chỗ hẹp, chỗ sâu, chỗ nông, không đều, nhưng nước ở vũng chần cũng là nước vậy. » Bởi vì người ta không lý-hội được cái đạo, cho nên : « Đạo đại, nhân tự tiểu chi ; đạo công, nhân tự tư chi : đạo quảng nhân tự hiệp chi 道大, 人自小之 ; 道公, 人自私之 ; 道廣, 人自狹之 : Đạo lớn, tự người là nó ra nhỏ ; đạo công, tự người làm nó ra tư ; đạo rộng, tự người làm nó ra hẹp. » Trời đất và vạn vật sở dĩ có là bởi có đạo ấy, mà đạo sở dĩ có là bởi có trời đất và vạn vật, hai bên nương tựa nhau, cho nên nói rằng : Đạo ngoại vô sự, sự ngoại vô đạo 道外無事, 事外無道 : Ngoại đạo ra không có sự, ngoại sự ra không có đạo. » Đạo ấy chỗ nào cũng có mà chỉ công chỉ chính, chỉ vì người ta tự đem thân mình làm riêng



ra, cho nên không vào được đạo. « Đạo tắc thiên địa. Nhân dĩ tự tư chi thân, dĩ đạo bất tương nhập. Nhân năng thoái bộ tự tỉnh, tự-nhiên tương nhập 道塞天地,入以自私之身,與道不相入.人能退步自省,自然相入 : Đạo đầy lấp cả trời đất. Người lấy thân mình tự làm riêng ra, cho nên cùng với đạo không vào lẫn nhau được. Nếu người có thể lùi bước mà tự xét mình, thì tự-nhiên đạo với người vào lẫn nhau được. »

Cứ cái ý Lục Tượng-sơn nói đó, thì đạo là phần hình-nhi-thượng, tức là lý vậy. Cái lý ở trước mắt ta chứ không ở đâu xa : « Lý chỉ tại nhân tiền, chỉ thị bị nhân tự tế liễu 理只在眼前,只是被人自蔽了. Lý chỉ ở trước mắt, chỉ là bị người tự che đi vậy ». Bởi có cái che ấy cho nên ta mới không trông thấy nữa.

Ông thường lấy hai chữ vũ-trụ mà khái ngộ những học-giả, như là nói : « Đạo đầy lấp cả vũ-trụ, không có cái gì là dấu-kín. Cái mà ở Trời gọi là âm dương, ở đất gọi là cương nhu, ở người gọi là nhân nghĩa, là cái bản tâm của người vậy ». Hoặc là nói : « Lý ấy đầy lấp vũ-trụ, trời đất thuận theo lý ấy mà động, cho nên mặt-trời mặt-trăng không đi qua được cái độ thường, bốn mùa không sai được ; thánh-nhân theo lý ấy mà động, cho nên hình phạt ít mà dân phụ ». »



Hoặc là nói : « Lý ấy đầy khắp cả vũ-trụ, không ai trốn khỏi được. Thuận theo lý ấy thì lành, trái lý ấy thì dữ. » Hoặc là nói : « Vũ-trụ không hạn cách người, người hạn cách vũ-trụ. » Ông cho ở trong vũ-trụ có cái lý đầy lấp cả, thì ở trong tâm cũng có cái lý đầy lấp cả. Trong khoảng vũ-trụ có lý ấy, thì ở trong tâm cũng có lý ấy. Cho nên nói rằng : Vũ - trụ tiện thì ngô tâm, ngô tâm tức thì vũ-trụ 宇宙便是吾心, 吾心即是宇宙 : Vũ-trụ là tâm của ta, tâm của ta tức là vũ-trụ. » Cái lý ở trong vũ-trụ với cái tâm là một, thì cái tâm của bậc thánh-nhân ở trong thời-gian và trong không-gian, đâu đâu cũng là một cả. Bởi vậy ông lại nói : Đông-hải hữu thánh-nhân xuất-yên, thử tâm đồng giá, thử lý đồng giá. Tây-hải hữu thánh-nhân xuất-yên, thử tâm đồng giá, thử lý đồng giá. Nam-hải, bắc-hải hữu thánh-nhân xuất-yên, thử tâm đồng giá, thử lý đồng giá. Thiên bách thể chi thượng hữu thánh-nhân xuất-yên, thử tâm đồng giá, thử lý đồng giá. Thiên bách thể chi hạ hữu thánh-nhân xuất-yên, thử tâm đồng giá, thử lý đồng giá 東海有聖人出焉, 此心同也, 此理同也. 西海有聖人出焉, 此心同也, 此理同也. 南海, 北海有聖人出焉, 此心同也, 此理同也. 千百世之上有聖人出焉, 此心同也, 此理同也. 千百世之下有



聖人出焉, 此心同也, 此理同也: Đông-hải có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Tây-hải có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Nam-hải, bắc-hải có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Nghìn trăm đời về trước có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Nghìn trăm đời về sau có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy.» Ở đâu đã có lý ấy, thì tất là phải đồng; nếu có chỗ không đồng, là tại có lý ấy nhưng không thấy hết đó mà thôi. Học-giả phải hiểu rằng: đạo tâm là đại đồng, mà người ta tự chia riêng ra, nhưng nhân-tâm vẫn tự thiện, tự linh, tự minh. Nhân-tâm là thần, là đạo. Hãy xem như lòng trắc-ân, lòng cung-kính, lòng thị-phi, thì ai là người không có. Nếu đã có những lòng ấy, tất là cùng với thánh-nhân đồng là một. Càng đến bậc thánh, thì những điều nhân nghĩa lễ trí lại càng hoàn-toàn lắm, cho nên dẫu ở đông tây nam bắc, hoặc đời xưa đời nay đều là một tâm cả. Hễ ta hiểu cái tâm là thế, ta cứ tự tín, và không tự khí, thì cái tâm của ta tự nó sáng suốt, vạn lý đều sáng rõ vậy.

Lục Tượng-sơn cho là cái sở dĩ làm cho Trời là Trời, đất là đất, người là người, vũ-trụ là vũ-trụ, là cái tâm. Cái tâm ấy, Trời phú



dữ cho ta, nên chi tâm với lý là một, « Thiên  
 chi sở dĩ dữ ngã giả, tức thứ tâm giả. Nhân  
 giai hữu thị tâm, tâm giai cụ thị lý, tâm tức  
 lý giả 天之所以與我者, 卽此心也. 人  
 皆有是心, 心皆具是理, 心卽理也: Cái  
 mà Trời cho ta, là cái tâm ấy vậy. Người đều  
 có cái tâm ấy, tâm đều có cái lý ấy, tâm tức là  
 lý vậy. » Cái tâm ấy là Trời phú dữ cho, chứ  
 không phải là ta rèn đúc ra được. Bởi vậy nói  
 rằng: « Thứ lý bản thiên sở dĩ dữ ngã, phi do  
 ngoại thược. Minh đắc thứ lý, tức thị chủ-tề.  
 Chân năng vi chủ, tắc ngoại vật bất năng di,  
 tà-thuyết bất năng hoặc 此理本天所以與  
 我, 非由外鑠. 明得此理, 卽是主宰. 真  
 爲主, 則外物不能移, 邪說不能惑:  
 Cái lý ấy là cái Trời cho ta, không phải do  
 ở ngoài đúc ra. Làm sáng được cái lý ấy, tức  
 là có chủ-tề. Thật làm được chủ, thì ngoại vật  
 không thể di dịch được, tà thuyết không thể  
 làm mê-hoặc được. »

Cái lý ở trong vũ-trụ chỉ có một, thì cái tâm  
 cũng chỉ có một mà thôi. « Tâm, nhất tâm  
 giả; lý, nhất lý giả. Chí đáng qui nhất, linh  
 nghĩa vô nhị. Thứ tâm, thứ lý, thực bất dung  
 hữu nhị 心, 一心也; 理, 一理也. 至當歸  
 一, 精義無二. 此心, 此理, 實不容有二:  
 Tâm là một tâm vậy; lý là một lý vậy. Rất  
 chính đáng là hợp về cái một, xét rõ nghĩa



thì không có hai. Tâm ấy, lý ấy, thực không là hai được. »

Lục Tượng-sơn đem những lời của Khổng-tử và Mạnh-tử để làm chứng. Khổng-tử nói rằng : « Ngô đạo nhất dĩ quán chi » ; Mạnh-tử nói rằng : « Phù đạo nhất nhi dĩ hỹ. » Cái đạo ấy là đạo nhân, cho nên Mạnh-tử lại nói : « Đạo cử có nhân và bất nhân mà thôi. » Tượng-sơn theo cái nghĩa ấy mà nói rằng : « Nhân tức là tâm ấy, là lý ấy. Tìm nó thì được, là được cái lý ấy ; tiên tri là tri cái lý ấy, tiên giác là giác cái lý ấy ; yêu cha mẹ là lý ấy ; kính anh là lý ấy ; thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng mà có lòng bồn-chồn thương-xót là lý ấy ; việc nên lấy làm thẹn mà thẹn, việc nên lấy làm ghét mà ghét là lý ấy ; biết cái phải là phải, cái trái là trái, là lý ấy ; nên từ mà từ, nên lôn mà lôn, là lý ấy ; kính cũng là lý ấy, nghĩa cũng là lý ấy, trong là lý ấy, ngoài là lý ấy. Mạnh-tử bảo : « Không nghĩ mà biết là lương-tri, không học mà giỏi là lương-năng, ấy là cái Trời phú dữ cho ta, ta vốn có rồi, không phải do ở ngoài đúc ra cho ta vậy, Cho nên nói rằng : Vạn vật đều đủ ở ta, ta trở lại thân ta, mà thành thực, thì không có cái vui nào lớn hơn vậy. » Đó là cái bản tâm của ta vậy. Cái gọi là an-trạch, chính-lộ, là cái ấy ; cái gọi là quang-cư, chính vị, đại



đạo là cái ấy. Cồ - nhân tự đắc cái ấy, cho nên có cái chân thực, nói lý là thực lý, nói sự là thực sự, đức là thực đức, hạnh là thực hạnh. »

Cái tâm của người ta rất thiêng-liêng, cái lý rất sáng suốt : « Nhân tâm chí linh, thứ lý chí minh 人心至靈, 此理至明 ». Tâm vô thanh, vô khứu, mà chủ-tề cả mọi việc, bắt ta phải theo nghĩa lý, làm nhân nghĩa. Nhờ có tâm mà ta có tự-do, có quyền quyết-đoán, mà tự-tướng, mà hành động. Tâm thiêng-liêng và sáng-suốt như thế, cho nên Lục Tượng-sơn thường tán-thán rằng : « Kỳ tha thể tận hữu hình, duy tâm vô hình, nhiên hà cố năng nhiếp chế nhân như thử chi thậm ! 其他體盡有形, 惟心無形, 然何故能攝制人如此之甚 ! Cái thể khác hết thấy đều có hình, duy cái tâm không có hình, mà cơ sao nhiếp chế được người đến rất mực như vậy ! »

Cái tâm của người ta là duy nhất. Đạo tâm, nhân-tâm, cũng chỉ là một mà thôi, mà thiên-lý và nhân-dục cũng là ở trong một cái tâm cả. Lục Tượng-sơn cho câu : « Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tĩnh giả, cảm ư vật nhi động, tính chi dục giả » nói ở thiên Nhạc-ký trong sách Lễ-ký là căn-bản ở Lão-học, chứ không phải là lời chi-luận. Nếu chuyên nói tĩnh là thiên-tĩnh, thì động không phải là thiên-tĩnh hay sao ? Đã là phải, thì động cũng phải, tĩnh cũng phải, há lại phải phân ra thiên-lý



và nhân-dục làm **gi**. Động đã là không phải, thì tĩnh cũng không phải, há lại có động tĩnh gián-cách ra hay sao? Kinh *Thư* có nói: « Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi » rồi có nhiều người giải thích: Nhân tâm là nhân-dục, đạo-tâm là thiên - lý. Ông cho nói như thế là không phải. « Tâm có một, người ta sao lại có hai tâm? Tự người mà nói là duy nguy, tự đạo mà nói là duy vi. Vọng niệm là cuồng, khắc niệm là thánh, lại không phải là nguy hay sao? Vô thanh, vô khứu, vô hình, vô thể, lại không phải là vi hay sao? » Đó chẳng qua là cở-nhân theo từng phương - diện mà nói, chứ tâm thì chỉ có một mà thôi.

Tâm là cái thực, làm chủ-tể cả vũ-trụ và vạn vật. Ngoài cái tâm ra, đâu có vạn vật, vạn sự, cũng như không vậy.

**Khí chất.** — Về đường đạo - lý, thì Lục Tượng-sơn lấy tâm làm cái lẽ duy-nhất, chủ-tể cả mọi sự vật, nhưng về đường sinh hóa của trời đất, thì ông cho là có khí-chất. Có khí-chất thì mới có hình, mà những cái có hình là cái khí-cụ; còn sự sinh-hoạt, hành-động của những khí-cụ ấy là do ở cái lý. Bởi vậy ông nói rằng: « Tự hình-nhi-thượng giả ngôn chi, vi chi đạo; tự hình-nhi-hạ giả ngôn chi, vi chi khí. Thiên địa diệc thì khí, kỳ sinh phú hình tại tất hữu lý 自形而上者



言之謂之道；自形而下者言之，謂之器，天地亦是器，其生覆形載必有理；  
 Từ cái hình-nhi-thượng mà nói, gọi là đạo ;  
 từ cái hình-nhi-hạ mà nói, gọi là cái khí-cụ.  
 Trời đất cũng là cái khí-cụ, còn sự sinh,  
 sự che, sự làm thành hình, sự chở, ắt là có  
 lý, » Theo cái ý-nghĩa ấy, thì khí-chất là cái  
 để làm thành hình-thể của vạn vật. Trong  
 vạn vật có lý để làm tâm, có khí-chất để làm  
 hình-thể. Tâm và hình-thể quan-hệ với nhau  
 cũng như lý với khí-chất. Khí-chất có thanh,  
 có trọc; tâm có hiền, có ngu. Người hiền là  
 « tâm tất tri, khí tất thanh », người bất tiểu là  
 « tâm tất ngu, khí tất trọc ». Ngoài cái thanh  
 trọc ra, cái khí bầm còn có hậu bạc, hòn  
 minh, cương nhu, lợi độn, khác nhau nữa,  
 vậy nên người ta cần phải theo cái tâm mà  
 biến hóa cái khí-chất.

Lục Tượng-sơn cho là lý thì chí thiện,  
 nhưng vì khí có mờ tối, vật có ngăn che, thế-  
 lực có biến thiên, tập-quán có di dịch. Hễ  
 người ta đi mà không trở lại, mê mà không  
 hiểu, là người ngu, người dở, làm mất cái  
 đạo di-luân, trái với mệnh trời.

**Sự tôn-dưỡng.** — Sự tôn-dưỡng cái tâm ở  
 sự chuộng cái si 耶. Si là biết hồ-thẹn những  
 điều đáng hồ-thẹn. Muốn biết cái đáng hồ-  
 thẹn, thì biết cái gì là đáng quý của người ta.



Cái đáng quý của người ta là cái Trời đã cho ta. Nếu ta để nó chìm đắm ở vật - dục mà không biết tự phản lại, thì không có gì đáng lấy làm hồ-thẹn được vậy.

Người mà không có cái hồ-thẹn, thì cùng với loài có lòng có vảy, cùng với loài cây cỏ, có khác gì không? Cũng là người cả, mà có người là thánh là hiền, là tại sao? Chẳng qua là chỉ biết trọng cái đáng hồ-thẹn đó mà thôi. Người ta sợ dĩ không có cái hồ-thẹn là tại ít hay nghĩ đến cái sỉ vậy. Cho nên ta phải có sỉ. « *Sĩ tồn tắc tâm tồn, sỉ vong tắc tâm vong* 恥存則心存, 恥亡則心亡: Cái sỉ còn thì cái tâm còn, cái sỉ mất thì cái tâm mất. » Vậy sự tồn-đương cái tâm trước hết phải có cái sỉ, mà nhất là biết cái đáng lấy làm sỉ.

**Sự học-tập và sự giáo-hồi.** — Cái học của Lục Tượng-sơn cốt lấy trực-giác mà lý hội, chứ không ưa cái học chi-ly, tỉ-mỉ, của số nhiều những học-giả khác. Ông nói rằng: « Người ta đối với sự học rất khó, Trời che đất chở, xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tức, đều là lý ấy. Người ta ở giữa khoảng ấy, nếu không có cái *linh thức* 靈識, thì hiểu thế nào được lý ấy. » Cái linh-thức ấy là cái trực-giác. Cái trực-giác của ta mà mờ tối đi, là vì ta dùng cái tư thuật làm mất cái thực tự-nhiên của thiên-lý. Bởi vậy ông nói câu này, có nghĩa



lý rất sâu : « Thực vong mạc thậm ư danh chi tôn, đạo tề mạc thậm ư thuyết chi lương 實亡莫甚於名之尊, 道弊莫甚於說之詳 ; Cái thực mất không bao giờ bằng khi cái danh đã tôn, cái đạo hỏng không bao giờ bằng khi cái thuyết đã tường, » Ông lại giải rõ nghĩa câu ấy rằng : « Từ khi cái học không sáng ra, người ta mới tranh nhau dùng tư thuật, thành ra cái danh của tri mới tôn, cái thuyết mới tường. Người ta ai lại không có lòng thị phi. Cái trí của thánh-nhân không phải là có điều gì cao xa khác lạ mà không biết được, chỉ cốt được cái đồng nhiều của nhân-tâm mà thôi ; nhưng việc của thánh nhân thi-thiết ra, thì hợp với cái lý của mọi vật, xứng với cái tình của mọi sự, bằng phẳng đáng với nhân-tâm, kẻ ngu-phu ngu-phụ cũng có thể biết được, cần gì phải danh cho tôn, thuyết cho tường. Đến khi cái trí ấy mất đi, cái tư thuật mới dấy lên, thì lương-tâm càng ngày càng dong-ruồi ở khoảng quỉ quyết gian trá, nhưng thực thì vẫn không đủ lừa người ta được. Lúc ấy mới lấy trộm cái danh của tri để dùng cái giả dối của mình, cho nên cái danh không thể không tôn. Không những là chỉ làm cho tôn cái danh mà thôi, lại dùng văn lập ra cái thuyết gần giống, để làm cho danh thành ra thực, cho nên cái thuyết không thể không tường. Cái danh thì



tôn, cái thuyết thì tương, mà cái thực của trí càng mất đi, và cái tề của đạo cũng nhiều ra vậy.» Ông xướng lên cái thuyết duy-tâm để sửa lại cái lầm của các học-giả, và nói rằng : « Nghĩa-lý ở tâm người ta, thực là của Trời cho, không thể tiêu diệt đi được. Kia như những kẻ bị ngoại vật che lấp, đến nỗi làm những điều trái lý sai nghĩa, ấy là bởi không biết suy nghĩ đó mà thôi. Nếu những người ấy biết tự phản lại mà suy nghĩ, thì sự phải, sự trái, cái lấy, cái bỏ, ắt có cái ần-nhiên mà động, phán-nhiên mà sáng, quyết-nhiên mà không có nghi ngờ vậy. » Suy nghĩ, phải lấy cái tâm công-nhiên mà suy nghĩ, thì mới đạt tới nghĩa lý được, chứ không nên dùng tư tâm. « Thất trùng thiết thành, tư tâm giả. Tư tâm sở cách, tuy tư phi chính, tiều-nhi diệc hữu tư tư 七重羈城, 私心也, 私心所隔, 雖思非正, 小克亦有私思 : Bảy tầng thành sắt là tư tâm vậy. Cái tư tâm đã ngăn cách ra, thì dầu có suy nghĩ cũng không phải là chính, đũa tiều-nhi cũng có sự suy nghĩ riêng. »

Suy nghĩ ở chỗ nào? — Rằng : « Người ta nên trước hết phải lý-hội cái sở dĩ làm người, mà nghĩ cho sâu, xét mình cho nghiêm. Nếu không biết cái người sở dĩ làm người mà lại cứ giảng, cứ học, thì là bỏ cái lớn mà nói cái nhỏ. Nếu đã biết được cái lớn, thì tuy khinh rồi tự-nhiên ở chỗ khinh quay về chỗ hậu. »



Cái học của Lục Tượng-sơn cốt ở mấy chữ: « Tiên lập kỳ đại 先立其大: Trước hết phải lập cái lớn. » Ông nói rằng: « Cái học-vấn của ta không bịa đặt ra điều gì cả. Tuy thiên ngôn vạn ngữ, nhưng chỉ biết nó là thế, chứ ta không tăng thêm cái gì. Gần đây có người nghị luận đến ta, nói rằng: Trừ một câu: Tiên lập hồ kỳ đại giả, toàn thì không có ngôn gì nữa. » Ta nghe lời ấy, nói rằng: Thật như vậy. » Cái đại ấy là cái tâm, tức là cái gốc của mọi sự vật. Cho nên ông thường nói: « Phàm vật tất có gốc ngọn. Ta dạy người, đại khái khiến phải trọng cái gốc, đừng để cái ngọn làm lụy. Nhưng đời nay những người bàn việc học không thích thế. »

Ông cho học - giả đời xưa không phải vì người mà học. Làm điều lành, đời điều lỗi, là do ở mình. Hễ có điều thiện mà nên làm, thì ta tự làm lấy, không phải vì người mà làm; hễ có điều lỗi nên đời thì ta tự đời đi, không phải vì người mà đời. Cho nên nghe người nói điều lỗi của mình thì mừng, biết được điều lỗi của mình thì không kiêng, đời điều lỗi của mình thì không sợ. Ông thường bảo các đệ - tử rằng: « Kẻ học-giả nên suy-nghĩ và tỉnh - sát cái đại - cương. Bình thời tuy gọi là làm người đi học, tuy đọc sách của thánh hiền, nhưng kỳ thực đã tăng có mấy người chịu giốc chí về sự-nghiệp của thánh



hiền, mà chỉ chăm-chăm theo tục chìm nổi, đời ngừng lên trông cái gì, mình cũng ngừng lên trông, đời cúi xuống xét cái gì, mình cũng cúi xuống xét, theo tình buông dục, chìm đắm, u mê, tự mình không phấn-chấn lên được. Ngày tháng qua lại, cứ đánh chịu cái si nhục cùng với cỏ cây đều hăm nát. Đến nay ai biết sợ, biết xấu, thì nên quả-quyết cái chí, cầu lấy cái phương-pháp hàm-dưỡng mai-dũa. Nếu có công việc, mà chưa được đọc sách, chưa gặp được thầy bảo cho, cũng có thể tùy chỗ tự mình dùng sức mà kiên-diêm, thấy điều thiện thì bắt-chước, có điều lỗi thì bỏ đi. Thế là đúng vào câu: « Lòng thành cầu cái đó, thì dầu không tin hẳn, cũng không xa. » Khi nào rảnh việc, thì nên chăm đọc sách vở, chắc là không có điều gì là không có ích vậy. »

Người đi học là phải lấy cái thực làm quý, không cầu cái văn: « Thành hữu kỳ thực, tất hữu kỳ văn. Thực giả bản giả, văn giả mạt giả 誠有其實, 必有其文, 實者本也, 文者末也: Nếu có cái thực, ắt có cái văn. Thực là gốc vậy, văn là ngọn vậy. » Ai không biết lẽ ấy mà lại trọng ở cái ngọn, thì không những là mất cái gốc, rồi đến cả cái ngọn cũng mất. Bởi vậy cổ-nhân trọng ở sự hiểu rõ thực lý và ở sự làm những sự thực. Việc học-vấn là tự mình phải có cái yêu-lĩnh, đừng để những



lời phiếm-nhiên vô đoan làm mê hoặc mình, Ai đã biết cái yếu-lĩnh ấy rồi, thì ra sức làm cho được, ai chưa biết thì phải học, phải hỏi, phải suy nghĩ, phải biện luận đề cầu cho được.

Thủy chung ông rất chú trọng ở sự thành. Thành là theo cái nghĩa như trong sách *Trung-dung* đã nói: « Thành là không phải tự thành lấy cho mình mà thôi, còn thành-lập cho vạn vật. » Thành-lập cho mình là nhân, thành-lập cho vạn vật là trí. Thành là cái đức của tính, cái đạo hợp cả trong ngoài vậy.

Cách ông dạy người thì cốt khiến học-giả lý-hội lấy những điều trọng - yếu trong các Kinh Truyện mà cầu lấy cái thực, chứ không theo như lối học của Chu Hối-am, câu-nệ về sự cư-kính và cùng-lý. Ông cho là cái lý thiên biến vạn hóa, biết thế nào là cùng được, nên chỉ người đi học chỉ chủ lấy sự giữ cái tâm cho sáng để tùy sự biến của sự vật mà ứng lại. Vậy nên ở nhà học của ông không đặt học - qui, ai đến học thì ông tùy sức mà chỉ dẫn cho, để tự mình phải suy nghĩ ra mà hiểu lấy. Ông rất sáng suốt, thường trông qua người lạ mới đến đã biết ngay là người thế nào. Khi ông giảng diễn điều gì thì lời nói của ông sốt-sắng làm cho ai cũng cảm động. Ông thường chê cái học của Chu Hối-am là chi-li, không phải là đạo của thánh hiền. Bởi vậy



mới có nhiều cuộc hai bên tranh luận với nhau.

**Sự tranh luận với Chu Hối-am.** — Thuở ấy có Lữ Đông-lai, tức là Lữ Tô-khiêm, cũng là một nhà danh nho, hội cả hai anh em họ Lục với Chu Hối-am ở Nga - hồ - tự, thuộc huyện Duyên-sơn, Giang-tây, đề biện-luận sự đồng dị của hai học-phái. Lục Tượng-sơn với Chu Hối-am tranh luận với nhau hằng mấy ngày. Đại-đề họ Chu thì muốn dạy người ta trước hết phải cùng lý; lý có sáng thì rồi sau mới chính tâm, thành ý được. Họ Lục thì muốn trước hết phải khải - phát cái bản tâm của người ta đã, rồi sau mới khiến xem cho rộng, để ứng với sự biến của vạn vật. Chu Hối-am thì cho họ Lục dạy người giản-dị thái quá, Lục Tượng-sơn thì cho họ Chu dạy người rất chi-li, không đúng với đạo của thánh hiền. Hai bên biện nạn mãi không chịu nhau, sau Chu Hối-am nói rằng : « Mỗi người có một cái sở kiến, chi bằng để cho hậu thế quyết đoán. » Lục Tượng-sơn còn muốn diễn một bài nói rằng : « Trước vua Nghiêu vua Thuấn, thì có sách nào mà học. » Nhưng Lục Cửu-linh can ngăn rồi thôi.

Chu Hối-am tuy không chịu theo ý - kiến của Lục Tượng-sơn, nhưng vẫn kính phục. Đến khi Hối-am làm chức Tri Nam-khang



quân, Trọng-sơn đi qua, Hối-am mời đến động Bạch-lộc giảng một bài sách. Trọng-sơn lấy câu : « Tử viết : Quân-tử dụ ư nghĩa, tiểu-nhân dụ ư lợi 子曰：君子喻於義，小人喻於利 » trong sách Luận-ngữ mà giảng. Trọng-sơn nói một cách rất thống thiết đến nỗi có người cảm động chảy nước mắt mà khóc. Bấy giờ là mùa lạnh mà Chu Hối-am toát mồ-hôi ra, rồi đứng dậy nói rằng : « Hi ở đây chưa từng nói được đến chỗ ấy, thật lấy làm xấu-hổ lắm. » Hối-am xin Trọng-sơn viết bài giảng ấy ra, rồi đem khắc vào đá, để ở thư-viện. Trọng-sơn bèn viết bài ấy rằng :

« Chương quân-tử dụ ư nghĩa, tiểu-nhân dụ ư lợi cốt lấy nghĩa và lợi để phân biệt quân-tử và tiểu-nhân, lời ý rõ-ràng. Song ai đọc chương ấy mà không xem xét thiết-thực vào bản thân mình, thì e rằng cũng chẳng có ích lợi gì. Ta ngày thường đọc chương ấy, không lúc nào là không cảm xúc. Trộm nghĩ rằng : Kẻ học-giả khi đọc đến chương ấy, nên phân biện ngay cái chí của mình. Phàm cái gì mà người ta hiểu được là do sự tập-quen, mà sự tập-quen là do cái chí của mình. Chí ở điều nghĩa, thì tập-quen tất là ở điều nghĩa ; tập-quen điều nghĩa, ấy là hiểu về điều nghĩa, Chí ở điều lợi, thì tập-quen tất là ở điều lợi ; tập-quen điều lợi, ấy là hiểu về điều lợi. Cho



nên cái chí của kẻ đi học, không thể không phân biệt vậy.

« Cách dùng khoa-cử kén lấy kẻ sĩ có đã lâu vậy, các bậc danh-nho, cự-công, đều bởi đó mà ra. Nay những người đi học cũng không sao tránh khỏi vòng thi-cử, song sự được thua ở nơi trường ốc là bởi cái nghề văn của mình nhắm vào lòng yêu ghét của quan chấm trường mà thôi, chứ không phải là dùng sự được thua ấy để phân biệt người quân-tử kẻ tiểu-nhân vậy. Đời nay ganh đua về đư ng thi-cử, đến nỗi chìm đắm ở trong đường ấy mà không sao gỡ ra được. Như cặm-cụi suốt ngày, tuy là nói rằng học sách của thánh-hiền, song rút lại, cái chí-hướng của mình có khi lại trái với thánh hiền mà đi ra đường khác. Suy lên một tầng nữa (1) thì lại chỉ biết lo tính về quan hàm cao thấp, bổng lộc nhiều ít, chứ đã mấy ai chịu hết lòng hết sức đối với việc nước, tình dân, để khỏi phụ cái chức-trách của mình đâu. Ai đã ra từng sự ở khoảng ấy (2) canh lịch đã nhiều, giảng tập lại kỹ, sao lại có điều không hiểu, song chỉ e rằng không hiểu về điều nghĩa vậy.

« Nếu biết nghĩ kỹ rằng : Thân mình không nên đi cùng đường với kẻ tiểu-nhân, thì đối

(1) Ý nói đã qua vòng thi-cử, được ra làm quan.

(2) Ở trong khoảng học đỗ ra làm quan.



với sự tập-quen về đường lợi dục, phải xót-xa lấy làm đau lòng nhứt-óc, mà chuyên chí vào điều nghĩa và ngày ngày cố gắng để noi theo. Học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn thận, biện luận cho minh bạch, rồi cố hết sức để thực-hành cái học của mình. Như thế mà đi thi, tất là những bài văn có thể bày tỏ được cái học bình nhật, và cái uân-súc ở trong bụng, mà không có tội lừa dối thánh-nhân. Như thế mà đi làm quan tất là xứng-đáng cái chức của mình, siêng năng làm những việc của mình, để bụng lo cho nước cho dân, mà không tính toán đến cái lợi riêng cho một mình. Được như thế há chẳng gọi là người quân-tử đó ru ! »

Sau cuộc giảng-diễn ấy rồi, Chu-Hối-am viết thư cho người ta. nói rằng : « Từ Tử-Tu đến nay, phép dạy người có hai việc, là : tôn cái đức-tính và nói sự vấn-học. Nay cái thuyết của Tử-tính là nói tôn đức-tính mà cái học của ta là phần nhiều ở chỗ nói vấn-học. Bởi vậy cái học kia thì có phần tri-thủ nhiều hơn, mà phần xét đạo-lý không được tinh tường. Về đường nghĩa-lý ta không nói bày, nhưng về những việc khẩn-yếu thường không được đặc lực. Ta nên phản thân dụng lực. bỏ cái đoán, lấy cái trường, ngõ hầu mới không lệch về một bên. » Lục Tượng-son nghe điều ấy, nói rằng : « Chu Nguyên-



hỏi muốn bỏ hai cái đoán hợp hai cái trường, nhưng ta bảo không nên. Đã không biết tồn đức-tính, thì sao lại nói vấn-học được? »

Lại có người nói với Trượng-sơn rằng : « Cái học của tiên-sinh là đạo đức tính mệnh, thuộc về hình-nhi-thượng, cái học của Chu Hối-am là danh vật độ số, thuộc về hình-nhi-hạ. Học-giả nên kiêm cả hai cái học ấy. » Trượng-sơn đáp lại rằng : « Nếu bảo như thế, Hối-ông không chịu. Hối-ông vẫn cho cái học của mình là nhất-quán, nhưng sự thấy đạo không rõ, thành ra không đủ nhất-quán được. Ta thường viết thư cho Hối-ông rằng : Cái khéo ở sự đo, lường, phóng ra, tả ra ; cái giống ở sự bắt-chước, sự mượn ; điều-hoạch ra cái gì, đủ làm cho mình tự tin, tập quen thuần-thực cái gì, đủ làm cho mình tự yên. Lời nói ấy thật đúng cái bệnh cao-hoang của Hối-ông. »

Hai người tuy không đồng ý về việc học, nhưng vẫn kính phục nhau, một hôm trời sáng trắng, Trượng-sơn đi bộ chơi, tự-nhiên thở dài. Lúc ấy có môn-dệ là Bào Mẫn-đạo đi theo, hỏi : « Tiên-sinh thở dài về việc gì? » — Trượng-sơn nói rằng : « Chu Nguyên-hối là một ngọn núi cao trong núi Thái-sơn, khả tiếc là học không thấy đạo, thành ra uổng phí mất cả tinh-thần! » Bào Mẫn-đạo nói rằng : « Đã như thế, chi bằng



mỗi bên cứ làm sách đề đợi thiên-hạ hậu-thế tự chọn lấy, » — Tượng - sơn chính sắc mặt, nói to lên rằng : « Mẫn-đạo ! Mẫn-đạo ! Người học sao không tiến ích chút nào, mà lại có cái kiến-giải như thế ? Cái đạo ở trong trời đất, có Chu Hối-am và Lục Tử-tĩnh thì có thêm được cái gì, mà không có, thì có bớt mất cái gì. » Tượng-sơn cho cái đạo ở trong trời đất cứ tự-nhiên lưu - hành, học-giả chỉ cần biết đạo mà theo, chứ có cần gì biện luận cho lắm. Ông chỉ tiếc một người như Chu Hối-am mà không thấy rõ đạo, để bỏ phí mất công-phu mà thôi.

Chu Hối - am cũng thường viết thư cho Lục Tượng-sơn nói rằng : Đạo lý cực tinh - vi, nhưng không ở ngoài sự tai mắt trông nghe. Những điều phải trái đen trắng ở ngay trước mắt, chỉ vì không xét mà muốn tìm cái huyền-diệu ở ngoài cái ý-tứ tư lự, ấy là làm rồi. Hi bây giờ ngày một già yếu, may rằng ít lâu nay công - phu nhật dụng không khó nhọc mấy, không có cái bệnh chi - li như trước nữa. Chỉ giận không được gặp mặt để thung - dung nói chuyện, không biết rồi về sau còn có dị đồng nữa không ? » Xem ý trong lời ấy, thì Chu Hối-am cũng đã biết cái lỗi của mình.

Về mấy năm sau, khi Lục Tượng-sơn về ở núi dạy học, nhân có anh Lục Tượng-sơn là



Lục Thoa-sơn bẻ mấy chữ « Vô-cực nhi Thái-cực » của Chu Liêm-khê, viết ở *Thái-cực đồ thuyết*, là không đúng cái tôn-chỉ của Nho-giáo. Chu Hối-am viết thư biện bác điều ấy. Lục Tượng-sơn cho Thoa-sơn nói phải, và đáp lại rằng : « Theo nghĩa chữ cực trong chữ *hoàng-cực* ở thiên *Hồng-phạm*, thì chữ cực 極 là trung 中 ; như vậy, mấy chữ « Vô-cực nhi Thái-cực » nghĩa là : « Không có trung rồi mới có trung », thành ra có « vô » rồi mới có « hữu ». Đó là cái tôn-chỉ của Lão-học, chứ không phải là tôn-chỉ của Nho-học ». Ông nghĩ là câu « Vô-cực nhi Thái-cực » không phải của Chu Liêm-khê viết ra, hoặc viết lúc cái học chưa thành-lập, và chê Hối-am không thấy rõ chỗ ấy. Xét ra, câu « Vô-cực nhi Thái-cực » là chỗ uyên-thâm trong cái học của Chu Liêm-khê, thế mà Lục Tượng-sơn lại nghi là làm và cứ cố-chấp cái ý-kiến của mình, cho nên thành ra hai bên tranh luận mãi.

Chu Hối-am thì cho chữ « vô-cực » là không có phương-sở, không có hình-trạng. Theo cái nghĩa ấy, thì câu : « Vô-cực nhi Thái-cực » nói cái ý rằng : Thái-cực không có hình mà làm khu-nữ căn-đề của vạn vật. Nói như thế là tỏ ra rằng Thái-cực là cái đại khu-nữ, đại căn-đề, cũng như nói : Cái thể của lý ấy vô thanh khứ, vô phương-sở, mà vẫn là Thái-cực. Vậy thì « Vô-cực » và « Thái-cực » vẫn là



một, chứ không phải là hai. Hiểu như thế, thì câu của Chu Liêm-khê chỉ nói cái chân-thể của lý Thái-cực mà thôi, chứ không có nghĩa phân ra « vô » với « hữu » hai thể khác nhau.

Thiết tưởng ai xem kỹ câu : « Vô-cực nhi Thái-cực » cũng phải hiểu như Chu Hối-am thì mới đúng nghĩa. Nhưng chỗ này Lục Trượng-sơn hiểu chữ « cực » ra nghĩa khác, cho nên mới nhất định không chịu. Sau cùng Chu Hối-am viết thư nói rằng : « Lão thì nói « hữu » và « vô » là cho « hữu » và « vô » làm hai thể ; Chu Liêm - khê nói « hữu » và « vô » là cho « hữu » và « vô » là một. Xin tử-tế xem kỹ, chớ nên voi-vàng chê bai. Nói « Vô-cực nhi Thái-cực » cũng như nói : « Vô-vi chi vi » không phải là bảo có một vật khác nữa ; không phải như là nói « hoằng cực, dân cực, có phương-sở, có hình - tượng », nhưng chỉ nói cái chí-cực của lý ấy vậy. » Sau Hối-am lại viết thêm rằng : « Như nói là chưa phải, thì để ngày tháng qua lại, ta cứ mỗi người theo cái sở văn của mình, và cứ làm cái sở tri của mình, chứ không mong cho phải đồng với nhau. »

Chu Hối-am thường viết thư cho người ta rằng : « Học-giả nên kiêm cả cái sở trường của hai nhà, chớ nên khinh - suất mà chê bai. Nếu có điều hai nhà không hợp với nhau, thì hãy



đề đừng bàn đến, cốt phải gắng sức ở chỗ cần cấp của ta, là chỗ thiên-lý và nhân-dục cách nhau. Lục Tử-tĩnh bình nhật lấy việc đem mình khiến các học-giả theo thiên-lý, không để một chút nhân-dục lẫn vào, làm cái chức-trách của mình, quyết chẳng có những điều như người ta nghi ngờ vậy. » Sau nhân có người viết thư chê Trương-sơn về việc tranh-luận hai chữ « vô-cực ». Chu Hối-am đáp lại rằng : « Từ khi nhà Tống dời về phía nam đến nay, những người thật có công - phu lý-hội được cái đạo của thánh hiền, chỉ có Lục Trương-sơn với ta mà thôi. Ta thật lấy làm kính trọng, các người chớ nên khinh nghì. » Về lúc vẫn niên, Chu Hối-am cũng nhận biết là cái học của mình có nhiều điều sai lầm, muốn sửa đổi lại, nhưng vì đã già yếu không thực-hành được. Đó là một điều ta nên biết mà xét cho kỹ để phân-biệt sự đồng dị của họ Chu và họ Lục.

Nói rút lại, Lục Trương-sơn đem cái học đã mất hơn một nghìn rưỡi năm của Mạnh-tử mà phát-minh ra ở đời, để sửa lại sự lầm lỗi của tục-học, mở-mit ở chỗ từ-chương huấn-hỗ, chìm đắm ở trong vòng khoa-cử. Ông ra sức đem học-giả vào con đường đạo-đức thiết-thực, dùng cái trong-tâm sáng suốt mà thủ ứng với mọi sự vật, lấy cái linh-thực, tức là cái trực-giác mãn-nhuệ, mà hiểu biết cái chân-



lý ở trong vũ-trụ ; ông lại tự mình thí-nghiệm cái học ấy ở trong việc chính - trị, thành được cái hiệu-quả rất hay. Chỉ tiếc vì đời bấy giờ sùng - thượng cái học của Trình Y - xuyên và Chu Hối - am, cho nên cái học của ông chỉ được một thời rồi về sau không thịnh - hành được.

Lục Trượng-sơn thường nói rằng : « Nay những học-giả trong thiên-hạ chỉ có hai con đường, một đường là vụ lấy sự phác-thực, một đường là vụ lấy sự nghị-luận. » Đường phác-thực thì chỉ cốt thu-thập tinh-thần, hàm-dưỡng đức-tính, để giữ vững cái căn-bản là cái tâm. Cái học ấy quan - thiết đến sự thực-tiến, chứ không hề lụy về đường ngôn ngữ văn tự. Đường nghị - luận thì trái lại, chỉ vụ lấy văn tự mà bàn những điều không - ngôn không quan - thiết đến thực lý.

Cái học phác - thực là cái học của Lục Trượng-sơn ; cái học nghị-luận là cái học của Chu Hối - am. Một bên học để cầu lấy biết mà làm, một bên học để cầu lấy biết mà nói. Biết mà làm là rất khó, phải có cái chí rất bền mới thực hành được những điều mình đã học ; biết mà nói thì chỉ cần có trí thuật là đủ, nhưng thường là chỉ có hư mà không có thực. Bởi thế cho nên cái kết-quả sự học nghị-luận của Chu Hối-am về sau thành ra cái học hu-văn, rất hại cho sự tiến-hóa.



Dẫu thế nào mặc lòng, nếu học-giả biết theo như lời Chu Hối-am, kiêm được cả cái sở-trường của hai bên, thì có lẽ sự học của Nho-giáo không đến nỗi dở. Song người đời phần nhiều đi học là chỉ vụ lấy sự danh lợi, mà cái học nghị-luận lại là cái học thế-thượng, trên có nhà vua bảo-hộ, dưới thích-hợp với lối học trường ốc, cho nên các học-giả đều khuynh-hướng về cái học ấy. Chỉ trừ những bậc có thiên-tư đĩnh-ngộ, thấy rõ đạo-lý, mới quyết chí về đường tu-đưỡng, còn ngoài giả là chỉ đua theo thói đời, mượn tiếng thánh hiền, để đi cho tới đường lợi lộc. Bởi vậy cái danh thì có, mà cái thực thì không.

Lối tâm-học của Lục Tượng-sơn thì có thể gây được cái thực học, không cần phải chi-li như cái học khác và không có câu-thức tụng tí một, nhưng đại-đề là phải người rất thông-minh, hoặc là người đã học nhiều rồi, mới hiểu tới chỗ uyên thâm. Xem như học-trò của Tượng-sơn, phần nhiều là những người đã đỗ tiến-sĩ cả rồi, đến nghe Tượng-sơn nói, mới biết cái học ấy là phải. Cũng vì thế mà lối tâm-học của Tượng-sơn khó thịnh-hành được. Tuy nhiên, cái học ấy vốn có căn-bản rất tốt, cho nên những người chân thực học đạo đều phải kính phục. Bởi có cái học ấy mới gây thành cái học của Vương Dương-minh đời nhà Minh vậy.



### MÔN-ĐỆ CỦA LỤC TƯỢNG-SƠN

Môn-đệ của Lục Tượng-sơn thì rất nhiều, khi ông mở nhà tinh-xá ở núi Tượng-sơn để dạy học, thường là hai ba trăm người đến nghe giảng, nhà chật không có chỗ, phải làm lều tranh cho học trò ngồi. Số người theo học ông, kể cả trước sau có đến mấy nghìn người. Có nhiều người hơn tuổi ông, đã đi làm quan rồi, mà cũng đến xin làm đệ-tử.

Trong những môn-nhân, có Dương Giản 楊簡, Viên Nhiếp 袁燮, Từ Nghị 徐誼, Phó Tử-uyên 傅子淵, Bao Hiến-đạo 包顯道, Phó Quý-lỗ 傅季魯, Thẩm Hoán 沈煥, là rất đặc lực về sự học, mà Dương Giản lại là người trứ danh hơn cả.

**Dương Giản.** — Dương Giản 楊簡, tự là Kinh-trọng 敬仲, hiệu là Từ-hồ 慈湖 (1140-1226), đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Đại-trung đại-phu rồi về hưu, mất ở nhà.

Dương Từ-hồ hơn Lục Tượng-sơn 23 tuổi. Khi Tượng-sơn mới đỗ tiến-sĩ, thì Từ-hồ đã làm chức chủ-ba ở huyện Phú-dương có việc về Kinh gặp Tượng-sơn, đã được nghe nói chuyện về việc học. Sau Tượng-sơn đi qua Phú-dương, ông đón vào, rồi hỏi rằng: « Thế nào là bản tâm? » — Tượng-sơn nói rằng:



Trắc-ản là cái mối của nhân, tu-ổ là cái mối của nghĩa, từ-nhượng là cái mối của lễ, thị-phi là cái mối của trí, ấy là bản tâm. » — Từ-hồ nói : « Giản lúc trẻ đã hiểu được điều đó rồi, nhưng vẫn không hiểu thế nào là bản tâm. » Sau hỏi mấy lần nữa, Tạng-sơn cứ nói như trước. Từ - hồ vẫn không hiểu. Bỗng có người bán quạt vào kiện ở huyện. Từ - hồ lấy lễ phải trái phân giải xong rồi, lại hỏi Tạng-sơn thế nào là bản tâm. Tạng-sơn nói : « Vừa rồi nghe xử việc người bán quạt, cái phải thì biết là phải, cái trái thì biết là trái, ấy tức là cái bản tâm của Kinh-trọng đó. » Từ - hồ hốt-nhiên tỉnh ngộ, làm lễ xin làm đệ-tử. Sau Từ - hồ thường nói với người ta rằng : « Giản hỏi cái bản tâm, Lục tiên-sinh lấy việc phải trái của người bán quạt mà đáp lại. Giản hốt-nhiên hiểu cái tâm không có đầu có cuối, không có chỗ nào là tâm ấy không suốt. »

Dương Từ-hồ có làm ra hai quyển sách gọi là *Kỷ-dịch* 己易 và *Khải-tế* 啓蔽. Trong quyển *Kỷ-dịch* ông giải rõ nghĩa câu : « Vũ-trụ tiện thị ngô tâm » của Lục Tạng-sơn. Ông nói rằng : « Vũ-trụ không ngoài được cái tâm của ta, cho nên sự biến-hóa của những hiện-tượng ở trong vũ-trụ cũng là sự biến-hóa của tâm ta vậy. Vậy thì Dịch là minh-ta, chứ không phải là cái gì khác. Lấy Dịch làm quyển sách, không lấy Dịch làm



thân mình là không phải ; lấy Dịch làm sự biến - hóa, không lấy Dịch làm sự biến-hóa của mình là không phải, Trời đất là trời đất của ta, biến-hóa là biến-hóa của ta, chứ không phải là vật nào khác.

« Cái tính của ta là trừng-nhiên thanh-minh mà không phải là vật, động-nhiên không có bờ mà không phải là lượng. Trời là cái tượng của tính ta, đất là cái hình ở trong tính ta, cho nên nói rằng : Ở trời thành tượng, ở đất thành hình, đều ở sự ta làm ra cả. Hỗn hợp không có trong ngoài, quán thông không có khác loài giống.

« Cái tâm của trời đất quả có thể thấy được không? quả không thể thấy được không? quả động không? quả chưa động không? Chỉ tại chưa xét đó mà thôi. Nó giống như động mà chưa tăng dời đi, giống như biến mà chưa tăng thay đổi. Không dời, không dời, gọi là tịch - nhiên bất động là phải, gọi là vô tư vô lự là phải, gọi là không nhanh mà mau, không đi mà đến là phải. Ấy là cái chí động của thiên-hạ, cái chí u-thâm của thiên-hạ vậy.

« Ta chưa thấy trời, đất, người là ba vậy. Ba là hình, một là tính vậy. Nói rằng đạo, lại nói rằng Dịch, danh hiệu khác nhau mà cái thực thì là một thể vậy, »

Lục Tượng-sơn chỉ lấy chữ vũ-trụ mà khái ngộ các học-giả, chứ không nói rõ vũ-trụ với



tâm của ta quan-hệ với nhau là thế nào, ông chỉ xưng lên điều đó rồi để cho học-giã tự lý-lợi lấy mà hiểu. Dương Tử-hồ mới hiển rõ cái nghĩa vũ-trụ với lý và tâm tại làm sao mà nói là một. Tử-hồ đem hẳn cái tư-tưởng vào cõi siêu-vật, mà cho các hiện-tượng ở trong vũ-trụ không ra ngoài được cái tâm của ta. Ngoài cái tâm ra, thì không biết được có gì hay không. Ta cảm-xúc với ngoại vật là do ở các giác-quan, nếu các giác-quan chỉ cho ta biết những cái ảo-tượng mà thôi, thì ta lấy gì mà quyết chắc những ngoại vật xác-thực là có? Có một điều không thể chối là không được, là ta có cái tâm, làm cho ta có sự tư-tưởng, có sự hiểu biết. Dẫu trời đất và vạn vật mà không phải như là ta đã biết, mặc lòng, ta có cái tâm để tư-tưởng đến những điều ấy là cái thật có rồi. Cái tâm của ta đã có, thì trời đất và vạn vật phải có, mà trời đất và vạn vật cùng với cái tâm của ta là một ý vậy. Đó là cái tư-tưởng cao-siêu của phái tâm-học đời Tống, dẫu triết-học nào theo con đường ấy, đi đến đó cũng phải dừng lại vậy.

\* \* \*

Phái lý-học của Tống-nho rút lại như ta đã xét ở trên, gồm có hai phần: Một phần là



hình-nhi-thượng học và một phần là hình-nhi-hạ học. Phần hình-nhi-thượng học bàn về mặt thuần túy triết-học, xét rõ cái thể và cái dụng của thiên-lý ở trong vũ-trụ. Về phần này, Tống-nho tuy cũng có hấp-thụ cái ảnh-hưởng của Lão-học và Phật-học, nhưng đại-đề là thấy rõ cái đạo của thánh hiền hơn Hán-nho và Đường-nho. Phần hình-nhi-hạ học bàn về mặt đạo-đức thiết-thực, thì cái học của Chu Liêm-kê, Trình Minh-đạo và Lục Trượng-sơn có cái thái-độ ung-dung ôn-hòa gần với cái học của Khổng Mạnh. Song các học-giả về sau lại theo cái học của Trương Hoành-cử, Trình Y-xuyên và Chu Hồi-am, cho cái học của những nhà này là phần trung-kiên của Nho-giáo. Cái học này thiên về mặt cư-kinh, thượng-lễ và cùg-lý, thành ra một cái học rất chi-ly, hay câu-nệ những tiểu tiết vụn vặt, trái với cái tôn-chỉ khoan-dung hoằng-đại của Khổng-giáo. Cái học ấy đến đời Minh, đời Thanh hãy còn thịnh, gây ra cái lưu-tệ đến bây giờ ta còn trông thấy. Đó là điều sai lầm rất lớn về cái học thực-hành của phái Lạc, phái Mân vậy.

Song xét kỹ ra, dẫu phái lý-học nhà Tống có điều lầm lỗi mặc lòng, phái ấy có công phát-minh được cái phần cao-siêu của Nho-giáo, mãi dữa cái danh tiết, cho nên trong đời



nhà Tống có nhiều trung thần nghĩa sĩ tuân-tử về quốc nạn. Xem thế thì biết cái học-phong có quan-hệ với thế-đạo và nhân-tâm lắm vậy. Đến cuối đời nhà Nam-Tống, quốc-thế đời bại, giáo-dục đồ nát, các nho-sư không có cái thực của sự giáo-hối, các sinh-đồ chỉ chìm đắm ở đường lợi lộc, cho nên nước mất, dân hèn. Thế mà hầy còn có người như Văn Thiên-tường 文天祥 đến chết không đổi chí, làm bài Chính-khí-ca, bàn cái chính khí của thiên-địa, ấy thật là bởi cái ảnh-hưởng của lý-học vậy



THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM







# MUC-LUC

	Trang.
THIÊN I. — Nho-giáo đời Luỡng-Hán . . . . .	15
THIÊN II. — Danh-nho đời Luỡng-Hán :	
Đổng Trọng-Thư . . . . .	30
Dương Hùng . . . . .	60
Vương Sung . . . . .	78
THIÊN III. — Nho-giáo đời Tam-Quốc và Lục-Triều. . . . .	97
THIÊN IV. — Nho-giáo đời Tùy và đời Đường.	106
Vương Thông . . . . .	115
Hàn Dụ . . . . .	122
THIÊN V. — Nho-giáo đời Tống . . . . .	132
THIÊN VI. — Lý-học . . . . .	141
Trọng-sò-học : Thiệu Ung. . . . .	149
Đạo-học : Chu Đôn-Di . . . . .	160
Trương Tái . . . . .	175
Trình Hạo . . . . .	194
Trình Di. . . . .	203
Chu Hi. . . . .	218
Tâm-học : Lục Cửu-Uyên . . . . .	249



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Sách này in xong ngày  
1er Février 1943, tại nhà  
in Bắc-Thành (Imprimerie  
du Nord) Hanoi

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



Những sách Lê-Thăng xuất bản :

Phật Lục — Trần-trọng-Kim.

Việt-Nam văn phạm — Trần-trọng-Kim

Grammaire annamite } Trần-trọng-Kim,  
Bùi-Kỷ và  
Phạm-duy-Khiêm.

\* \* \*

Tiểu-học Việt Nam / Trần-trọng-Kim,

văn phạm } Nguyễn-quang-Oánh  
giáo khoa thư } và Bùi-Kỷ.

\* \* \*

Nho-giáo I

II

III

Trần-trọng-Kim

Đang in

Nho - giáo IV

Nho-giáo — Phụ-lục

Việt-Nam sử lược I

II

Trần-trọng-Kim